

Thượng Sư Tsong Khapa tạo luận  
Pháp sư Pháp Tôn dịch sang Hán văn  
Jeffrey Hopkins dịch sang Anh văn  
Thích Pháp Chánh, Thích Pháp Quang &  
Huyền Thanh dịch sang Việt văn

# Sngags Rim Chen Mo

Great Treatise on the  
Stages of Mantra  
Chapters 1 – 4

Mật Tông Tu Đạo Thứ Đệ  
Đại Luận  
Phần 1 – 4



Tường Quang Tùng Thư 18  
Phật Lịch 2558. TL 2015

## Tường Quang Tùng Thư

- 1 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Bốn**, Thích Pháp Chánh dịch và chú giải, 2003.
- 2 - **Nhập Bồ Tát Hạnh**, văn xuôi và văn vần, Thích Nữ Trí Hải dịch, 2003.
- 3 - **Địa Trì Bồ Tát Giới Bốn và Địa Trì Bồ Tát Giới Bốn Tiên Yếu**, Thích Pháp Chánh dịch, 2004.
- 4 - **Từ Điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam, Tập 1 & 2**, Tiến sĩ Lê Mạnh Thát chủ biên, 2005.
- 5 - **Bồ Đề Chánh Đạo Bồ Tát Giới Luận**, Tsong Kha Pa Thượng Sư soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2006.
- 6 - **Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập**, Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2006. Tái bản lần thứ nhất 2008.
- 7 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Kinh**, Thích Pháp Chánh dịch, 2006.
- 8 - **Phật Nói Kinh Phạm Võng Lạc Sớ**, Hoàng Tấn Đại Sư soạn, Thích Nữ Trí Hải dịch, 2007.
- 9 - **Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ**, Thiện Đạo Hòa Thượng tập ký, Thích Pháp Chánh dịch, 2009.
- 10 - **Đường Vào Bồ Tát Hạnh Tập Chú**, Bồ Tát Tịch Thiên tạo luận, Thích Pháp Chánh dịch, 2010.
- 11 - **Niệm Phật Tông Yếu**, Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn, Nguyễn Văn Nhân dịch, 2011.
- 12 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Kinh Giảng Lục**, Thái Hư Đại Sư giảng, Thích Pháp Chánh dịch, 2011.
- 13 - **Truyện Lục Tổ Huệ Năng**, Ngô Trọng Đức soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2012.
- 14 - **Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận**, Hoài Cảm Đại Sư soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2012.
- 15 - **Bậc Thang Giác Ngộ (Lam Rim Chung Ba)**, Tsong Kha Pa Thượng Sư soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2013.
- 16 - **Tình Yêu Phổ Quát**, Geshe Kelsang Gyatso soạn, Thích Nữ Trí Hải dịch, 2014.
- 17 - **Bồ Tát Học Xứ**, Geshe Kelsang Gyatso soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2014.
- 18 - **Mật Tông Tu Đạo Thứ Đệ Đại Luận (Sngags Rim Chen Mo) Phần 1-4**, Tsong Kha Pa Thượng Sư soạn, Thích Pháp Chánh, Thích Pháp Quang & Huyền Thanh hợp dịch, 2015.

## Mục lục

<b>LỜI NGỎ.....</b>	<b>9</b>
<b>GIỚI THIỆU.....</b>	<b>13</b>
<b>PHẨM 1. TỔNG QUÁT.....</b>	<b>23</b>
<b>CHƯƠNG 1. LÝ DO PHÁT KHỞI LÒNG TIN .....</b>	<b>23</b>
<i>A1. Chỉ có Phật pháp là con đường tìm cầu giải thoát. ....</i>	<i>25</i>
<b>CHƯƠNG 2. CON ĐƯỜNG ĐẾN PHẬT QUẢ .....</b>	<b>32</b>
<i>A2. Những thứ đệ nhập đạo khác biệt.....</i>	<i>32</i>
B1. Phân biệt tổng quát các thừa.....	32
C1. Phân biệt thế nào. ....	32
C2. Lý do để phân biệt. ....	33
C3. Thể tánh của các thừa. ....	33
D1. Kiến lập Tiểu thừa. ....	33
D2. Kiến lập Đại thừa.....	40
C4. Tất cả các thừa đều là phương tiện thành Phật. ....	42
<b>CHƯƠNG 3. KIM CANG THỪA .....</b>	<b>47</b>
<i>B2. Phân biệt Đại thừa.....</i>	<i>47</i>
C1. Phân biệt tổng quát hai loại Đại thừa. ....	47
D1. Phân biệt các loại giáo pháp.....	47
D2. Giải thích danh nghĩa.....	47
D3. Tại sao phân làm hai thừa. ....	52
E1. Nêu lên nghi vấn.....	52
E2. Giải đáp nghi vấn. ....	53
F1. Đả phá sự kể chấp. ....	53
F2. Giải đáp chính xác. ....	56
G1. Lý luận phân định hai loại Đại thừa.....	56
H1. Nêu rõ chánh nghĩa. ....	56
<b>CHƯƠNG 4. BỐN TÔN DU GIÀ .....</b>	<b>59</b>
<i>H2. Dẫn lời kinh làm chứng cứ.....</i>	<i>59</i>
11. Lời dạy trong Vô thượng du già mật. ....	59

# Mật Tông Tu Đạo Thứ Đệ Đại Luận

J1. Lời dạy trong Mật bộ.....	59
J2. Lời dạy trong các chú giải.....	64
K1. Chú giải của ngài Trí Túc.....	64
CHƯƠNG 5. PHƯƠNG PHÁP TRONG BỐN MẬT BỘ.....	71
K2. Lời dạy của các luận sư khác.....	71
I2. Lời dạy trong ba Mật bộ cấp thấp.....	74
H3. Đoạn trừ tranh luận.....	77
CHƯƠNG 6. MỘT MỤC TIÊU LÀ PHẬT QUẢ.....	82
G2. Đạo tuy khác biệt, quả không khác biệt.....	82
H1. Giải thích chánh nghĩa.....	82
H2. Giải thích sự khác biệt giữa hai thừa.....	85
I1. Sự giải thích của tự tông.....	85
I2. Sự giải thích [sai lầm] của các Lạt ma khác.....	86
J1. Sự giải thích của Luật Sanh Thích.....	86
J2. Sự giải thích của Tam Lý Cự Luận.....	87
I3. Đả phá những lập luận sai lầm vừa nêu trên.....	93
CHƯƠNG 7. NHẬN ĐỊNH VỀ BỐN MẬT BỘ.....	95
C2. Giải thích chi tiết về sự tiến nhập Mật thừa.....	95
D1. Các pháp môn khác biệt tiến nhập Mật thừa.....	95
D2. An lập sự khác biệt giữa các pháp môn.....	95
E1. Hỏi.....	95
E2. Đáp.....	96
F1. Những sự giải thích sai lầm.....	96
F2. Giải đáp của tự tông.....	100
CHƯƠNG 8. TIẾN NHẬP MẬT THỪA.....	110
D3. Nêu rõ các đạo lộ khác biệt.....	110
E1. Thứ đệ tu tập chung của hai loại Đại thừa.....	110
CHƯƠNG 9. SỰ TRANH LUẬN VỀ BỐN TÔN DU GIÀ TRONG SỰ MẬT VÀ HÀNH MẬT.....	115
E2. Thứ đệ tu tập đặc thù của Kim cang thừa.....	115
F1. Thứ đệ tu tập của Sự mật và Hành mật.....	115
G1. Quán sát hai bộ có hay không có pháp tự khởi và nhập trí tôn.....	115
H1. Lập luận của các luận sư khác.....	115

## Mục lục

H2. Giải thích tông chỉ đúng lý.....	121
CHƯƠNG 10. CẤU TRÚC TỔNG QUÁT.....	132
<i>G2. Cấu trúc tổng quát thứ đệ tu tập trong Sự mật và Hành mật.</i> .....	132
H1. Giải thích bài kệ tổng quát.....	132
<b>PHẨM 2: SỰ MẬT (KRIYA TANTRA) .....</b>	<b>136</b>
CHƯƠNG 11. LUẬT NGHI.....	136
<i>H2. Giải thích thứ đệ tu tập của Sự mật và Hành mật. ....</i>	<i>136</i>
11. Thứ đệ tu tập của Sự mật.....	136
J1. Vì muốn trở thành căn khí tu đạo nên thọ quán đảnh.....	136
J2. Sau khi trở thành căn khí, thọ trì thanh tịnh luật nghi và tam muội da giới.....	137
CHƯƠNG 12. CHUẨN BỊ .....	144
<i>J3. Trước khi an trụ trong tam muội da, nên thừa sự như thế         nào. ....</i>	<i>144</i>
K1. Lý do cần phải thừa sự.....	144
K2. Thứ đệ tu tập thừa sự.....	146
L1. Thiền quán có niệm tụng (hữu tướng).....	146
M1. Phần tiền hành của bốn chi thiền quán hữu tướng.....	146
N1. Trước tiên phải làm gì.....	146
N2. Phương pháp tắm gội trước khi vào Đàn tràng.....	150
N3. Đắp y, đăng tòa, gia trì vật cúng dường.....	160
N4. Thủ hộ tự thân và đạo trường.....	164
O1. Thủ hộ tự thân.....	164
O2. Thủ hộ đạo trường.....	165
CHƯƠNG 13. PHÁP TỰ KHỞI.....	170
<i>M2. Chánh thức tu tập bốn chi thiền quán.....</i>	<i>170</i>
N1. Bốn chi thiền quán hữu tướng.....	170
O1. Tự khởi thành thánh tôn.....	171
CHƯƠNG 14. THỈNH TRÍ TÔN HIỆN TIỀN .....	183
<i>O2. Thỉnh trí tôn hiện tiền tu cúng dường, v.v... ..</i>	<i>183</i>
P1. Quán tưởng trụ xứ.....	183
P2. Cung thỉnh thánh tôn và mời ngài đăng tọa.....	185

# Mật Tông Tu Đạo Thứ Đệ Đại Luận

P3. Hiển bày mật ấn.....	190
P4. Cúng dường và xưng tán.....	193
P5. Tu tập sám hối, quy y, tùy hỷ, phát nguyện, chuyển pháp luân, v.v.....	203
P6. Tu tập bốn vô lượng tâm. ....	205
<b>CHƯƠNG 15. TRÌ TỤNG MẬT CHÚ .....</b>	<b>208</b>
N2. Niệm tụng như thế nào. ....	208
O1. Phương pháp lần chuỗi.....	208
O2. Niệm tụng duyên vào một cảnh.....	210
P1. Niệm tụng duyên vào tự mẫu. ....	210
Q1. Duyên vào tự mẫu nơi tâm bốn tôn.....	210
Q2. Duyên vào tự mẫu nơi tự tâm.....	212
P2. Niệm tụng duyên vào âm thanh của tự mẫu. ....	213
O3. Phương pháp niệm tụng khi gặp chướng duyên. ....	217
<i>M3. Phương cách kết thúc bốn chi niệm tụng. ....</i>	<i>219</i>
<b>CHƯƠNG 16. THIỀN QUÁN KHÔNG CÓ SỰ TRÌ TỤNG MẬT CHÚ .....</b>	<b>224</b>
M1. Thiền quán trụ trong lửa và trụ âm thanh.....	224
N1. Thiền quán trụ trong lửa. ....	224
N2. Thiền quán trụ trong âm thanh.....	227
M2. Tu tập thiền quán sau âm thanh.....	228
N1. Thứ đệ phóng xả sự an trụ vào âm thanh. ....	228
N2. Chánh quán sau thiền quán âm thanh. ....	233
<b>CHƯƠNG 17. THÀNH TỰU TẤT ĐỊA .....</b>	<b>239</b>
J4. Sau khi đạt được kham năng, làm thế nào tu tập thành tựu. .....	239
<b>PHẨM 3. HÀNH MẬT (CARYA TANTRA) .....</b>	<b>246</b>
<b>CHƯƠNG 18. DẪN NHẬP .....</b>	<b>246</b>
I2. Các giai đoạn tu tập của Hành mật. ....	246
J1. Làm thế nào để trở thành căn khí cho sự tu tập. ....	246
J2. Làm cách nào để hộ trì thanh tịnh luật nghi giới và tam muội da (giới).....	246
J3. Trong khi an trụ tam muội da, trước tiên phải thừa sự thể nào. .....	247

## Mục lục

K1. Phân loại du già của Hành mật. ....	247
CHƯƠNG 19. HỮU TƯỚNG DU GIÀ .....	251
<i>K2. Giải thích ý nghĩa riêng biệt.</i> .....	251
L1. Giải thích hữu tướng du già. ....	251
M1. Bốn chi niệm tụng bên ngoài. ....	251
M2. Bốn chi niệm tụng bên trong. ....	256
CHƯƠNG 20. VÔ TƯỚNG DU GIÀ .....	259
L2. Giải thích vô tướng du già. ....	259
<i>J4. Sau khi khéo thừa sự, làm thế nào để thành tựu.</i> .....	263
<b>PHẨM 4. DU GIÀ MẬT (YOGA TANTRA) .....</b>	<b>265</b>
CHƯƠNG 21. KINH ĐIỂN CĂN BỔN .....	265
<i>F2. Thứ đệ tu tập của Du già mật.</i> .....	265
G1. Lời dạy trong Nhiếp Chân Thật Kinh. ....	265
CHƯƠNG 22. THỆ NGUYỄN .....	274
<i>G2. Thứ đệ tu tập.</i> .....	274
H1. Vì muốn trở thành căn khí tu tập cho nên thọ quán đảnh. ....	274
H2. Sau khi trở thành căn khí, giữ gìn thanh tịnh luật nghi giới và tam muội da giới. ....	274
CHƯƠNG 23. QUÁN SÁT THÁNH TÔN .....	277
<i>H3. Khi trụ tam muội da, phải thừa sự trước thế nào.</i> .....	277
I1. Hữu tướng du già. ....	277
J1. Bốn tòa du già duyên thân thô của thánh tôn. ....	277
K1. Pháp tu tập bốn tòa du già. ....	277
L1. Pháp tu tập bốn tòa du già dành cho người chỉ thọ đệ tử quán đảnh .....	277
L2. Pháp tu tập bốn tòa du già cho hành giả thọ A xà lê quán đảnh. ....	284
K2. Pháp tu cho người không thể tu tập tứ tòa bốn tôn du già. ....	286
CHƯƠNG 24. QUÁN SÁT BIỂU TƯỢNG VI TẾ .....	288
<i>J2. Duyên biểu tượng vi tế của bốn tòa du già.</i> .....	288
K1. Việc cần phải làm khi tu tập tướng vi tế. ....	288
K2. Do duyên tướng vi tế khiến tâm kiên cố. ....	289

# Mật Tông Tu Đạo Thứ Đệ Đại Luận

K3. Sau khi được kiên cố, tu tập thu phóng, v.v.....	292
CHƯƠNG 25. VÔ TƯỚNG DU GIÀ .....	294
<i>12. Vô tướng du già. ....</i>	<i>294</i>
J1. Lời dạy vô tướng du già trong <i>Nhiếp Chân Thật Luận</i> . ....	294
J2. Lời dạy vô tướng du già trong các luận sơ mật tông. ....	296
K1. Pháp tu vô tướng du già trong Phật bộ. ....	296
K2. Pháp tu vô tướng du già trong Kim cang bộ. ....	297
K3. Pháp tu vô tướng du già trong Bảo bộ. ....	298
K4. Pháp tu vô tướng du già trong Liên hoa bộ. ....	299
J3. Tóm lược về pháp tu Vô tướng du già. ....	300
CHƯƠNG 26. THÀNH TỰU TẮT ĐỊA .....	306
<i>H4. Sau khi khéo thừa sự, tu tập tắt địa như thế nào. ....</i>	<i>306</i>
I1. Tu tập đạt tắt địa do thiên quán. ....	306
I2. Tu tập đạt tắt địa do niệm tụng thần chú. ....	310
I3. Tu tập đắc tắt địa do hộ ma. ....	314
<b>PHỤ LỤC I: TÁM THỦ ẤN CỦA DU GIÀ MẬT .....</b>	<b>316</b>
<b>PHỤ LỤC II: CÁC BỘ MẬT TẠNG THẤP .....</b>	<b>320</b>
<b>PHỤ LỤC III: MƯỜI TÁM KHẾ ẤN.....</b>	<b>336</b>
<b>PHỤ LỤC IV: CÁCH ĐỌC PHẠN VĂN ĐÃ LATIN HÓA VÀ CÁC LINH NGỮ CỦA MẬT TÔNG PHẬT GIÁO.....</b>	<b>349</b>
<b>THƯ MỤC THAM KHẢO .....</b>	<b>356</b>



## Lời ngỏ

Thượng sư Tsong Khapa, trong cuộc đời hoằng pháp, đã sáng tác nhiều tác phẩm rất giá trị, thế nhưng trong tất cả những sáng tác đó, chỉ có hai tác phẩm tiêu biểu được xem là vĩ đại nhất:

(1) *Lam Rim Chen Mo (Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Đại Luận)* là một tác phẩm chung cho các hành giả Đại thừa hiển giáo và Đại thừa mật giáo, đã được phiên dịch toàn bộ sang tiếng Anh, với tựa đề *The Great Treatise on the Stages of the Path to Enlightenment*, và cũng đã được nhóm Lamrim Lotsawas phiên dịch toàn bộ sang tiếng Việt, với tựa đề *Đại luận về Giai Trình của Đạo Giác Ngộ*. Ngoài ra còn một bản tóm lược của *Lam Rim Chen Mo* là *Lam Rim Chung Ba*, cũng do ngài Tsong Khapa soạn, đã được chúng tôi dịch sang tiếng Việt, với tựa đề *Bậc Thang Giác Ngộ*.

(2) *Sngags Rim Chen Mo* là một tác phẩm dành riêng cho hành giả Mật giáo, trong đó ngài Tsong Khapa đã trình bày cực kỳ thâm thúy và tỉ mỉ những pháp tu từ thấp lên cao, nghĩa là qua bốn giai bậc của Mật thừa, bắt đầu từ Sự mật, qua Hành mật, Du già mật, lên đến pháp tu tối cao là Vô thượng du già mật. Bộ luận này được chia là mười bốn phẩm, nhưng vì nội dung quảng bác thâm sâu, cho nên đến nay chỉ có sáu phẩm được phiên dịch sang tiếng Anh (Bốn phẩm 1-4 được phiên dịch bởi giáo sư Jeffrey Hopkins, với tựa đề *The Great Exposition of Secret Mantra*, và hai phẩm 11-12 được phiên dịch bởi giáo sư Thomas Yarnall, với tựa đề *Great Treatise on the Stages of Mantra*). Ngoài ra, tuy cũng có một bản dịch toàn bộ sang tiếng Hoa, tựa đề *Mật Tông Đạo Thứ Đệ Quảng Luận*, do pháp sư Pháp Tôn dịch vào năm 1935, nhưng văn chương rất cô đọng, tối tăm, khó

hiếu. Còn về phần tiếng Việt, cho đến hiện nay, vẫn chưa thấy có một bản phiên dịch nào xuất hiện.

Giáo sư Thomas Yarnall nói: “Mục đích chính của ngài Tsong Khapa soạn bộ đại luận *Sngags Rim Chen Mo* là dành cho những học giả và hành giả cao cấp trong Mật giáo Tây tạng. Vì thế, đây là một bộ luận rất cao thâm (Anh: very advanced treatise), đòi hỏi người đọc phải hao tốn rất nhiều công sức để có thể đào sâu, hiểu rõ chi tiết những vấn đề được thảo luận cùng những pháp tu tập được trình bày trong đây. Người đọc tối thiểu phải có một căn bản vững chắc về giáo lý và tu tập trong Đại thừa hiển giáo. Ngài Tsong Khapa đã nhiều lần nhấn mạnh trong quyển luận này là ngài mong muốn và đòi hỏi người đọc phải thấu rõ (hoặc ít nhất cũng phải rất quen thuộc) với những vấn đề Đại thừa hiển giáo mà ngài đã trình bày trong *Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Đại Luận (Lam Rim Chen Mo)*. Nếu không có những căn bản tối thiểu đó, người đọc chắc chắn sẽ rất dễ hiểu lầm (hoặc giả, hoàn toàn không nắm bắt được) những luận biện sâu sắc trong bộ *Sngags Rim Chen Mo* này.”

*Sngags Rim Chen Mo* được chia làm mười bốn phẩm. Bốn phẩm đầu, theo thứ tự: giải thích tổng quát, kể đến giảng về các pháp tu của Sự mật, Hành mật và Du già mật. Từ phẩm Năm đến phẩm Mười bốn đều là sự giảng giải chi tiết về pháp tu Vô thượng du già mật. Đề mục của những phẩm trong bộ đại luận như sau:

Phẩm 1: *Nói tổng quát những thứ đệ tu tập khác biệt.*

Phẩm 2: *Thứ đệ tu tập của Sự mật.*

Phẩm 3: *Thứ đệ tu tập của Hành mật.*

Phẩm 4: *Thứ đệ tu tập của Du già mật.*

Phẩm 5: *Sau hiểu rõ đạo yếu và tu tập thừa sự, tu pháp chọn đất.*

Phẩm 6: *Thứ đệ nghi quỹ dự bị.*

Phẩm 7: *Thứ đệ tu tập cúng dường mạn đà la.*

Phẩm 8: *Thứ đệ tự nhập đàn thọ quán đảnh và khiến đệ tử nhập đàn.*

Phẩm 9: *Thứ đệ nghi quỹ “bình quán đảnh.”*

Phẩm 10: *Thứ đệ thọ ba loại quán đảnh và nghi quỹ kết hành.*

Phẩm 11: *Sự cần thiết thành tựu Bồ đề bằng hai loại thứ đệ song vận.*

Phẩm 12: *Thứ đệ sanh khởi.*

Phẩm 13: *Kiến lập tổng quát thứ đệ viên mãn.*

Phẩm 14: *Thứ đệ tu tập viên mãn lúc đầu, tu hành và đạo quả.*

Bản dịch hiện nay được ra đời là do Thượng tọa Thích Pháp Quang, một hành giả Mật tông, vì lòng tha thiết mong muốn Mật pháp được quảng bá, cho hàng Phật tử Mật tông Việt Nam có được một tài liệu tu tập chi tiết chính xác, cho nên sau khi đọc được bản dịch của quyển *Lam Rim Chung Ba (Bậc Thang Giác Ngộ)*, đã yêu cầu chúng tôi dịch bộ *Sngags Rim Chen Mo* sang tiếng Việt. Thoạt tiên, chúng tôi chỉ căn cứ vào bản chữ Hán của ngài Pháp Tôn, nhưng đã gặp rất nhiều khó khăn trở ngại. Sau đó nhờ tìm được ba quyển dịch tiếng Anh của giáo sư Jeffrey Hopkins là *Tantra in Tibet* (Phẩm Một), *The Yoga of Tibet* (Phẩm Hai và Phẩm Ba), và *Yoga Tantra* (Phẩm Bốn), thì công việc phiên dịch mới trở nên dễ dàng và thuận lợi. Hơn nữa, chúng tôi cũng đã dựa theo cách chia mục lục của giáo sư Jeffrey Hopkins, phân mỗi phẩm thành nhiều chương, để cho người đọc có thể dễ dàng theo dõi nội dung của bộ luận.

Vì sự thâm sâu, chi li và phức tạp của Mật tông, về phương diện giáo lý cũng như phương diện tu tập, đòi hỏi cần phải có sự tham khảo và nghiên cứu vững chắc, cho nên sự phiên dịch toàn thể bộ luận sẽ đòi hỏi nhiều sự nỗ lực trong một thời gian lâu dài.

Hôm nay, tuy biết rằng công trình phiên dịch này vẫn còn rất nhiều thiếu sót, nhưng chúng tôi vẫn xin được mạo muội ra mắt bản dịch của bốn phẩm đầu. Hy vọng trong tương lai sẽ tuần tự ra mắt những phần sau của bộ luận thâm sâu vĩ đại này. Kính xin các bậc cao minh đại thiện tri thức từ bi chỉ chánh, mong cho những bản dịch trong tương lai sẽ trở nên hoàn thiện hơn.

Xin đem công đức này hồi hướng đến toàn thể pháp giới chúng sanh. Nguyện cho tất cả những ai thấy nghe đều khởi tâm hoan hỷ, đều phát tâm Vô thượng bồ đề, đều tu tập Phật pháp Tối thượng thừa, và đều chóng viên thành Phật quả.

Tiết Thanh Minh, năm Ất mùi, 2015  
Tường Quang Tự

Thích Pháp Chánh

## Giới thiệu

Mật thừa, theo ngài Tsong Khapa, là đạo lộ dành cho những hành giả có căn tánh Đại thừa thù thắng, do lòng đại bi muốn mau lẹ thành Phật độ thoát chúng sanh nên phát tâm dẫn thân vào đạo lộ tu tập phương tiện viên mãn thâm sâu này. Dòng truyền thừa Mật pháp được truyền từ Ấn độ đến Nepal, Tây tạng, Trung quốc, rồi từ những quốc gia này kiện toàn thành những tông phái và truyền sang các quốc gia khác như Đại hàn, Mông cổ, Nhật bản, Việt nam, v.v...

Lúc đầu, sự hoằng pháp của các Đại sư Mật thừa chỉ xoay quanh các bộ pháp y cứ nơi Mật kinh, hay khẩu truyền từ các tổ sư, đặt nặng sự hộ trì Bồ tát giới và Tam muội da giới, quán tưởng Đản tràng thánh tôn, trì chú, kết ấn, hầu thành tựu thân khẩu ý đức nghiệp thanh tịnh của Bốn tôn mà hành giả nương tựa, tự lợi, lợi tha, cứu độ hữu tình. Giáo lý thì cực kỳ cô đọng, khó hiểu, mà lại không công truyền cho đại chúng, cho nên số người tin hiểu rất ít, và thường bị nhận lầm là mê tín, ngoại đạo pháp, tà pháp, v.v...

Ngay những hành giả đang hành trì Mật pháp, nếu không có đại trí tuệ, hoặc được thắng duyên gần gũi một bậc Kim cang sư thắng giải viên mãn thì cũng mù tịt nơi giáo lý, pháp tu và thường lạc vào pháp ngoại đạo. Không được giải thoát tự tại mà lẫn quẩn trong sanh tử luân hồi, uống mất thân người quý báu.

Để hiển dương sự thắng diệu, toàn thiện của Mật pháp đối với các pháp môn khác của Phật giáo, và hơn nữa, để giải thích, phân loại và hướng dẫn hệ thống Mật pháp, ngài Tsong Khapa (1357-1419) thuộc Tân mật phái (Kadam), sau

khi đã biên soạn *Lam Rim Chen Mo (Đại thừa Tu Đạo Thứ Đệ Đại Luận)*, đã căn cứ vào các kinh điển, luận giải, khẩu truyền của các Kim cang sư Tây tạng và Ấn độ để biên soạn thêm *Sngags Rim Chen Mo (Mật Tông Đạo Thứ Đệ Đại Luận)*, với mục đích phá mê, khai ngộ, trừ tà, hiển chánh, thành lập hệ thống mạch lạc cho Mật pháp. Ngài tập hợp các kinh điển và pháp tu của các dòng Cổ mật (Nyingma), Hồng mao (Sakya), Hắc mao (Karma) và Tân mật (Kadam), lấy các tinh túy thù diệu chung, sắp xếp thành đạo lộ viên mãn, tường tận, thích hợp cho hành giả Mật pháp, hệ thống hóa Mật thừa, chỉ bày chân pháp, vạch các lỗi lầm sai sót, làm sáng tỏ giáo lý và phương tiện hành trì của Mật tông. Đây là một đại luận có một không hai dành riêng cho Kim cang thừa, nhất là cho các hành giả xứ Tây tạng, và cũng là phương tiện hỗ trợ cho người tu Mật ở các quốc gia khác như Mông cổ, Nepal, Nhật bản, Việt nam, v.v...

Ngài Tsong Khapa bắt đầu Đại luận bằng sự phán giáo, phân định sự ưu liệt và nguyên nhân tuyên thuyết giáo pháp của Đức Phật. Sau khi đả phá giáo lý mâu thuẫn, hạ liệt (chưa thoát khỏi sanh tử) của ngoại đạo, ngài căn cứ vào mục tiêu phát tâm và pháp tu mà phân loại Phật pháp.

Về phương diện mục tiêu lớn nhỏ, ngài chia Phật pháp thành hai thừa: (1) Tiểu thừa dành cho những hành giả căn tánh hạ liệt, tìm cầu mục tiêu nhỏ, chỉ mong giải thoát phiền não khổ đau sanh tử cho tự thân, và (2) Đại thừa dành cho những hành giả căn tánh thù thắng, mong cầu thành Phật vô thượng, độ tận chúng sanh.

Về phương pháp tu tập để giải thoát chuyển phàm thành thánh, ngài căn cứ vào giáo pháp của chư Phật mà chia làm bốn thừa: (1) Thanh văn thừa dùng phương tiện Tứ đế để đạt quả giải thoát A la hán; (2) Duyên giác thừa dùng phương tiện Thập nhị nhân duyên để đạt quả giải thoát Bích

chi phật; (3) Bồ tát thừa dùng phương tiện Thập ba la mật để đạt Phật quả, giải thoát chúng sanh; và (4) Mật thừa dùng phương tiện mật chú để mau lẹ viên mãn Phật quả vô thượng, giải thoát, lợi lạc hữu tình.

Tuy phương tiện tu tập thành thánh của các thừa có sai khác, nhưng mục đích vẫn là đạt được trí vô ngã (nói hẹp), hoặc thông đạt không tánh của vạn pháp (nói rộng), vì đây là quả chung để giải thoát phiền não khổ đau sinh tử luân hồi. Ngài Tsong Khapa dùng lý luận biện biệt rất rõ vô ngã đúng nghĩa và vô ngã tương tự của Kinh bộ (Sauntrika) và Tỳ bà sa bộ (Hữu bộ, Vaibhasika) thuộc Tiểu thừa, và của một số bộ phái Đại thừa.

Do tâm chúng sanh sai biệt mà Phật thuyết các pháp tương ứng thích hợp cho từng căn tánh, rồi theo thời tiết nhân duyên đúng lúc đưa họ đến quả vị Vô thượng Bồ đề, như *Pháp Hoa Kinh* đã dạy “Phật chỉ nói Nhất thừa.” Trên cứu cánh, Phật quả là cái mà Đức Từ Phụ Mâu Ni đã chứng đắc và muốn trao truyền phương tiện đó lại cho tất cả chúng sanh, bằng cách:

(1) Hoặc ngài giáo hóa chúng sanh phát Bồ đề tâm, tu nhân Bồ tát hạnh thập ba la mật, trải qua ba a tăng kỳ và một trăm đại kiếp, tuần tự viên mãn công đức và trí tuệ, vượt qua năm mươi quả vị hiền thánh, thành tựu ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, sau đó lên ngôi nhất sanh bất xứ thành Phật, đầy đủ năng lực độ tận quần sanh. Pháp này nếu nhìn theo phương diện “nhân” thì gọi là Ba la mật thừa, nếu nhìn theo phương diện người phát tâm thì gọi là Bồ tát thừa, và nếu nhìn trên phương diện gánh vác sự nghiệp độ tận chúng sanh thì gọi là Đại thừa.

(2) Hoặc ngài giáo hóa chúng sanh phát Bồ đề tâm và tam muội da, tu tập quả sắc thân Phật, ngữ ngôn Phật, kim

cang tâm Phật, sự nghiệp Phật, quốc độ và quyền thuộc Phật, có thể ngay trong một đời hiện chứng đầy đủ Phật quả, mọi trang nghiêm và trí tuệ độ sanh. Pháp này vì phương diện gánh vác rộng lớn nên vẫn được gọi là Đại thừa; phương tiện tu tập là các quả của Như lai nên gọi là Quả thừa; vượt ngoài kiến văn giác tri bình phàm của chúng sanh, rất sâu xa khó thể tư lường nên gọi là Mật thừa; như kim cương có thể phá hoại mọi chướng ngại trên đạo lộ tu tập, và quý giá lợi lạc không gì sánh bằng nên gọi là Kim cang thừa; hiển lộ quả thần lực không thể nghĩ bàn của chư Phật nên gọi là Chú thừa; và tổng nhiếp được tất cả các pháp nên gọi là Đà la ni thừa.

Kim cang thừa, tuy được phân định là ưu việt đối với các pháp Đại thừa khác, nhưng các hành giả trong thừa này, tùy theo căn tánh mà được chia thành bốn trình độ, tức là bốn bộ Mật pháp với phương tiện tu tập thích hợp với căn cơ của họ. Đối với các hành giả ưa thích tu tập ngoại hạnh (tôn kính, cúng dường, lễ bái, quán tưởng đối với chư Phật trước mặt), như các pháp A Di Đà, Dược Sư, Quán Âm, Văn Thù, v.v..., thì dạy họ Sự mật (Kriya tantra); đối với các hành giả ưa thích tu tập cả ngoại hạnh và nội hạnh (thiền quán tự thân sanh khởi thành chư Phật) thì dạy họ Hành mật (Carya tantra), như các pháp trong *Đại Nhật Như Lai Thần Biến Gia Trì Kinh*; đối với các hành giả chỉ thích tu tập nội hạnh thì dạy họ Du già mật (Yoga tantra), như các pháp trong *Kim Cang Đảnh Kinh (Vajrasekhara Tantra)*; đối với các hành giả muốn trong một đời thành tựu Phật quả đầy đủ công đức, trí tuệ, giải thoát và phương tiện độ sanh, thì dạy họ Vô thượng du già mật (Anuttara tantra), như các pháp trong các kinh *Bí Mật Tập Hội (Guhyasamaja)*, *Thắng Lạc Kim Cang (Cakrasambhava)*, *Thời Luân Kim Cang (Kalacakra)*, v.v...

Mật thừa lấy quả để tu tập, như dùng sắc thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh, ý thanh tịnh, công đức thanh tịnh, sự



nghiệp thanh tịnh, quyến thuộc thanh tịnh, cõi nước thanh tịnh và cung điện thanh tịnh của chư Phật kết thành những mạn đà la thân khẩu ý đức nghiệp của chư tôn, rồi gia công tu trì thể nhập thân khẩu ý đức nghiệp của tự thân vào đó - chứng được mình và Phật bất nhị, tức là tu tập chuyển hóa phàm thân của mình thành Phật thân qua các pháp quán tưởng thánh tôn, kết ấn, v.v...; chuyển phàm khẩu của mình thành Phật khẩu qua sự trì chú; chuyển phàm ý của mình thành Phật ý qua sự quán tưởng các mạn đà la, trì giữ tam muội da của chư Phật; phàm đức và phàm nghiệp chuyển thành thánh đức và tác nghiệp của chư Phật qua các pháp thích hợp. Pháp tu như vậy được sắp xếp thành những nghi quỹ của bộ pháp - vì đây là pháp tu nhảy vọt, viên mãn thâm sâu cho nên rất dễ bị lạc, hay sai lầm.

Hơn nữa, hành giả phải vượt qua mọi chướng ngại trong ngoài của tự nghiệp, nên cần phải có nhiều thắng duyên trợ pháp gia trì từ trong ra ngoài, do đó, nên cần phải quán đánh (được sự hộ trì cho phép của bốn tôn), truyền pháp (tu tập cho đúng theo phương tiện quả), thọ Bồ tát giới và Tam muội da (tu tập tâm một vị Phật), phải biết chọn đất, lập đạo tràng, kiết giới (để trừ các chướng), triệu thỉnh chư tôn (Phật, Bồ tát, hộ pháp), lại làm đạo tràng để gia trì, thủ hộ, tu tập các sự nghiệp tự lợi lợi tha, như quy y, lễ bái, cúng dường, sám hối, khuyến thỉnh, v.v..., hạnh nguyện Phổ Hiền, lại tự thân khởi làm Phật (thân, khẩu, ý, v.v...), từ thô đến tế, tùy theo Mật bộ nào mà có nghi quỹ tu tập thích hợp cho hành giả bộ đó, tu tập thiền quán cho đến lúc thể nhập làm một với bốn tôn.

Hành giả Mật tông phải hiểu rõ bản thể giải thoát là vô tướng pháp thân, phương tiện thọ dụng và độ sanh theo bi nguyện là hữu tướng báo thân và ứng hóa thân, nên bản thể và phương tiện phải luôn hợp nhất trong pháp tu quả. Trong bốn Mật bộ đều hợp nhất tánh không trí (bản thể giải thoát)

với lạc, hoặc với phương tiện, hoặc với sắc tướng, hoặc với vạn pháp thanh tịnh trong mạn đà la. Với pháp tu bất nhị như thế, trong thể tướng dụng nào cũng là Phật quả tự tại, đầy đủ chúng trí, hoặc tạm thời cứu khổ ban vui, thăng tiến cho thế gian, hoặc rốt ráo giải thoát tam giới trong xuất thế gian.

Mật pháp, hay Đà ra ni môn (tổng trì môn), đúng như tên gọi, bao gồm tất cả phương tiện pháp, đầy đủ giáo lý hành quả của các tông phái. Thoạt nhìn nghi quỹ tu tập chỉ thấy là phương tiện vi diệu đạt quả bốn tôn. Hành giả tu Mật tông chỉ thấy hành trì mật chú, ấn pháp, các mạn đà la, tập các công đức, hạnh nghiệp bản nguyện (tam muội da) và trí tuệ trong đạo tràng bốn tôn, thế mà lại viên mãn, liễu ngộ được các pháp của thừa Đại, Tiểu. Đây là sự liễu đạt siêu việt của trí tuệ, công đức Phật quả, không giới hạn, kỳ diệu, không chướng ngại, dung nhiếp mọi thanh tịnh pháp của các tông phái, hơn nữa, lại được sự thần dụng không thể nghĩ bàn trong sự nghiệp nhiều ích hữu tình, cứu khổ ban vui.

Nhìn tổng quát bề ngoài, thấy pháp tu mật đại cương tuần tự như sau: Trước hết phải thọ quán dẫn, truyền pháp, nhận tam muội da giới, sau đó kiến lập đạo tràng, thanh tịnh tự thân và pháp giới, dùng các minh vương ấn chú kiết giới mười phương cho cung điện chư tôn (đạo tràng), gia trì tự thân thành bốn tôn, triệu thỉnh bốn tôn trước mặt và thể nhập tự thân, tu quy y, lễ bái, v.v... (thập hạnh Phổ Hiền), tu quả bốn tôn như trì chú, kiết ấn, quán tưởng và kết thúc bằng sự phụng tống chư tôn thánh chúng, hồi hướng phát nguyện, giải giới đạo tràng. Sau thời tu tập phải luôn giữ tam muội da, xem tất cả lời nói ngữ ngôn là thần chú, xem tất cả hoàn cảnh và chúng sanh là đạo tràng và chư tôn quyền thuộc, xem tất cả ý nghĩ của chúng sanh đều là ý mật của chư tôn. Đây là ba tri kiến mà hành giả huân tu trong nghi quỹ.

Nhìn khái quát, lối tu Mật tông hình như dính mắc vào tướng, thế nhưng càng thế nhập thì lại liễu đạt tướng chư tôn chỉ là bản thể thiện pháp của tâm thức (vô tướng), thị hiện thành sắc tướng cho chúng sanh dễ bám víu, nương tựa, tu tập. Nên hành trì một bốn tôn ở giữa đạo tràng mà thành hành trì chư tôn quyền thuộc ở mười phương. Bốn tôn là pháp giới thể thánh trí thị hiện thành tướng, và để viên mãn bi nguyện độ tận thập phương chúng sanh nên ứng hóa hiển hiện thành sắc thân chư tôn quyền thuộc, dùng đa hạnh, đa phương tiện độ tất cả mọi loài. Đây là thị hiện diệu dụng của Phật quả thành đạo tràng mạn đà la quán pháp.

Mật tông nhiếp tất cả các thừa, các pháp như sau: (1) Tiểu thừa thấy khổ, phát tâm giải thoát khổ, huân tu giới định huệ làm nhân để đạt vô ngã. Mật tông thị hiện các pháp tu Tiểu thừa trong hình tướng, như sự phát tâm thanh tịnh giải thoát thành tướng mạn đà la thanh tịnh không có ác đạo, khổ đau; trong đó cung điện bốn tôn với các cấu trúc (kèo cột, tòa ngồi) đều tượng trưng cho pháp của đạo đế (ẩn ý nương vào pháp đạo đế này sẽ thành tựu thánh quả). Giới là cấm ngăn ác thô từ thân khẩu do giác trí của Phật tuyên thuyết, trong Mật tông là các pháp của các vị Minh vương (Bồ tát đầy đủ giác trí và năng lực) để ngăn che các chướng trong mười phương, giữ cho đạo tràng thanh tịnh, trợ duyên tu đạo – các chư tôn xuất hiện trong đạo tràng tượng trưng cho các hạnh phải tu tập như định huệ trong sự lập đạo hạnh chuyển hóa tâm thức, và cuối cùng thành tựu huệ vô ngã giải thoát, tượng trưng bằng vị bốn tôn ở giữa cung điện (đây là tâm huệ viên mãn đạo đế đạt đến diệt đế, thành quả Niết bàn). (2) Đại thừa, được chia thành nhiều tông phái, đều khởi từ sự phát tâm Vô thượng bồ đề, rồi theo tông chỉ pháp môn của mỗi tông, thọ Bồ tát giới, tu thập độ ba la mật, thập thiện, hạnh Phổ Hiền, v.v..., đạt tánh không huệ, viên mãn công đức tự lợi lợi tha. Do ý nguyện độ sanh, dù đặt nền tảng

trên tánh không của vạn pháp (lý), mà không xả các tướng (sự), nên thành tựu mọi nhân duyên thiện, viên mãn công đức, trí tuệ, có nhất thiết chủng trí để độ được muôn loài.

Khi hành trì nghi quỹ Mật pháp, tất cả đều bắt đầu từ Tịnh tam nghiệp chơn ngôn (cầu trí tuệ tánh không), hiển thị từ chơn không (lý) mà bi sanh đạo tràng bốn tôn (sự). Đây là tức không tức sắc, hoặc lý sự vô ngại của Đại thừa. Kế đến, kiết tịnh đạo tràng bằng Tịnh pháp giới chơn ngôn (Om ram), tượng trưng lửa trí tuệ là nền tảng thanh tịnh của thập độ, sau đó dùng các pháp của Minh vương để kiết giới đạo tràng (tượng trưng Bồ tát giới, Tam muội da giới là pháp tướng của trí tuệ minh liễu các pháp thiện có công năng ngăn chặn các ác, tăng trưởng thiện pháp là thắng duyên cho Phật quả). Trong đạo tràng thanh tịnh do kiết giới (cũng như trong thân giữ giới), xuất hiện các chư tôn quyền thuộc vòng trong và vòng ngoài đạo tràng, mỗi tôn hành một sự nghiệp để nghiêm tịnh cho tự thân và chúng sanh, tượng trưng cho các Bồ tát hạnh phải tu của Đại thừa. Khi tâm trì giới đã thanh tịnh rồi, nhờ đó các hạnh sẽ sớm viên mãn, đạo quả vô thượng bồ đề thành tựu được tượng trưng bởi bốn tôn ở giữa. Nếu đi từ ngoài vào trung tâm là pháp huân tu vạn hạnh tổng nhiếp thành Phật quả; nếu đi từ trong ra ngoài là oai lực của Phật quả biến thành các hạnh viên mãn lợi lạc quần sanh. Mật kinh dạy: “Từ bốn tôn ở giữa mà hóa hiện thành chư tôn ở vòng trong, rồi từ chư tôn này lại hóa hiện thành các chư tôn cúng dường, tác pháp, tứ nhiếp và thủ hộ ở vòng ngoài, nên một bốn tôn là tất cả chư tôn, bốn tôn và chư tôn quyền thuộc không khác và không chướng ngại nhau.” Đây là sự sự vô ngại của *Hoa Nghiêm*, hiển lý trùng trùng duyên khởi.

Ngay trong sắc tướng bốn tôn, các nghiêm sức cũng tượng trưng viên mãn của lục độ, như vòng hoa ở cổ tượng trưng cho thiền định, trang sức ở tay tượng trưng cho bố thí,

ở tai tượng trưng cho nhĩ nhục, ở chân tượng trưng cho tinh tấn, ở đầu tượng trưng cho bát nhã, đồ hương xoa thân tượng trưng cho trì giới, v.v... Tụ thân của chư tôn là quả của lục độ, còn biểu tượng sắc tướng như ba mắt tượng trưng cho sự soi suốt tam giới, bốn tay tượng trưng cho tứ vô lượng tâm, v.v... Cung điện của chư tôn cũng vậy, bốn cửa tượng trưng cho tứ nhiếp pháp, bốn cột tượng trưng cho bốn đế, hoa sen tượng trưng cho thanh tịnh tự tại vô nhiễm, tòa ngai tượng trưng cho đức tướng, v.v...

Trong Mật pháp, đâu cũng là hiển quả và hạnh của chư Phật, dù là tướng chung của đạo tràng nghi quỹ, hoặc tướng riêng của từng quyển thuộc chư tôn, hoặc các trang trí nghiêm tịnh – nhờ vậy mà khi hành trì nghi quỹ, hành giả luôn được nhắc nhở gìn giữ tiến tu thể nhập quả vị, vì biết rằng vạn pháp đều là thể hiện của Phật quả vô thượng, đạt được diệu dụng không thể nghĩ bàn của Phật quả trong mọi pháp là điều rất cần trong sự nghiệp độ sanh.

Sự thù thắng và trí liễu đạt vô hạn của Mật tông là do không dùng ngôn từ có giới hạn để diễn tả pháp mà dùng tự tâm thanh tịnh hiển lộ thành tướng mạn đà la để hiển pháp, nên thành vô lượng vô biên pháp trong một pháp. Tự biểu tượng là thị hiện của Phật quả, và tất cả biểu tượng đồng quy về bốn tôn Phật quả ở giữa đạo tràng.

Đây là quyển đầu trong dự định toàn bộ ba quyển sẽ được phiên dịch. Bộ *Mật Tông Đạo Thứ Đệ* này luận giải, phân loại, và biện biệt rõ ràng về sự ưu việt của Mật tông so với các pháp môn khác. Các đạo lộ tu tập của Sự mật, Hành mật, Du già mật đều được tổng tập và phân tích sự chân ngụy của từng pháp tu. Quyển hai sẽ dạy về cách chọn, xin đất, kết đàn, chọn đệ tử, làm pháp quán đảnh, v.v... Quyển ba chuyên bàn về Vô thượng du già mật, với các pháp tu nặng

Mật Tông Tu Đạo Thứ Đệ Đại Luận

về bên trong như mạch, khí, tinh, tâm thanh quang, huyền thân thanh tịnh là quả viên mãn của Phật.

Nguyện chư Bốn tôn, Đạo sư và hộ pháp gia hộ cho chúng con, những hành giả tu trì Mật pháp, và mong rằng những dịch phẩm này sẽ đem đến lợi lạc cho các học giả và hành giả Mật thừa.

Năm Ất mùi, 2015,  
Phật lịch 2558.

Thích Pháp Quang căn bút

# Mật Tông Tu Đạo Thứ Đệ Đại Luận

## Phẩm 1. Tổng quát

### Chương 1. Lý do phát khởi lòng tin

*Chúng con nguyện đời đời thành kính đánh lễ và quy y các bậc Tôn trưởng cao quý, cùng đức Đại Thánh Văn Thù.*

*Đánh lễ chư Đạo sư*

Cúi lạy dưới chân các Đạo sư,  
Thương xót chánh truyền đạo vô cầu,  
Chân thành đánh lễ thiện tri thức,  
Đã trừ sanh tử, vượt Nhị thừa.

*Đánh lễ Kim Cang Trì*

Nguyện Đàn luân chủ<sup>1</sup> thường bảo hộ,  
Ngài như trời trong hiện cầu vồng,  
Diệt hết hý luận, thân bất động,  
Hiện rõ vô số thánh tôn thân.

*Đánh lễ Kim Cang Thủ*

Con nay kính lễ Uy lực tôn,  
Vị trì minh chủ<sup>2</sup> đã kết tập,

---

<sup>1</sup> Đàn luân chủ (Anh: Lord of mandalas): Đối với dòng Hoàng mạo (Gelup) và Hắc mạo (Karma) là Phật Kim Cang Trì (Vajradhara Buddha), đối với dòng Cổ mật (Nyingma) là Phật Phổ Hiền (Samantabhadra Buddha).

<sup>2</sup> Vị trì minh chủ (Anh: the master bearing of knowledge mantras), ở đây là ngài Kim Cang Thủ (Vajrapani), còn gọi là Kim Cang Bí Mật Tích Chủ. Minh chú (Anh: knowledge mantras) là những mật

Toàn bộ Mật pháp Phật<sup>3</sup> đã nói,  
Quyển thuộc của Ma hãy lắng nghe.

*Đánh lễ Văn Thù*

Ngài là cha lành của chư Phật,  
Là kho tàng trí tuệ vang danh,  
Có thể ban bố tuệ tối thắng,  
Thông đạt sâu xa Phật mật ý.  
Con đã từ lâu quy y ngài,  
Vĩnh viễn không quy y kẻ khác,  
Xin nguyện từ bi, Diệu Trí Tạng,  
Khiến cho con thành tựu diệu quả.

*Lý do soạn bốn luận*

Nhiều người muốn tu các Mật bộ,  
Theo như lời giải thích chính xác,  
Của bậc trí giả và dịch sư.  
Nên đã yêu cầu tôi soạn thuật.  
Các bậc đủ phước trí, uy nghiêm,  
Gánh vác Văn Thù Kim cương thừa,  
Vì muốn giáo pháp truyền mười phương,  
Cũng nhiều phen khuyên tôi soạn thuật.  
Những kẻ tự đại, mê ý kinh,  
Biết ít, không thể quán giáo nghĩa,  
Hoặc đa văn, nhưng chẳng siêng tu,  
Họ không làm chư Phật hoan hỷ.

---

chú có công năng phá tan vô minh, phát sinh trí tuệ, chứng đắc thần thông.

<sup>3</sup> Phật: ở đây chỉ cho Phật Thích Ca, hoặc Phật Kim Cang Trì (Vajradhara Buddha), hoặc Phật Phổ Hiền (Samantabhadra Buddha).



*Nguyện sẽ soạn thuật*

Con kính diệu hạnh của cổ đức,  
Nương theo chánh lý, khéo học pháp,  
Vì muốn nêu rõ ý tiên hiền,  
Quyết gắng sức trong soạn thuật này.  
Xin nguyện các vị Không hành mẫu,  
Từ chú, chơn tánh, thi đà sanh<sup>4</sup>,  
Thương xót nhìn con như mẹ hiền,  
Ban bố thành tựu, diệt chướng ngại.

Nếu như hành giả có căn tánh Đại thừa thù thắng, đã được các bậc thiện tri thức nhiếp thọ, đã khéo tu tập các pháp tu chung [của hai thừa Hiển Mật], do lòng đại từ bi mạnh mẽ phát động, muốn cấp tốc cứu độ những bà mẹ đang lưu lạc trong sanh tử, phải nên tiến nhập con đường tu tập vững chắc, thâm sâu là Kim cang Đại thừa, để có thể mau chóng ban bố cho hữu tình một nơi lạc rốt ráo duy nhất là quả Phật Thế Tôn. Bởi thế, hiện nay chúng ta sẽ giảng giải về giai bậc tu trì của một vị đại Kim cang trì (Vajradhara).

**A1. Chỉ có Phật pháp là con đường tìm cầu giải thoát.**

Một khi hành giả quán sát lợi ích rộng lớn của mình và chúng sanh, ắt không thể thỏa mãn với quy tắc thế gian là chỉ biết truy cầu khoái lạc và xa lánh sự khổ trong hiện đời. Ngưỡng cửa cho những hành giả đang tìm cầu sự hướng

---

<sup>4</sup> Không hành mẫu (Dakini): là một trong Tam căn (Đạo sư, Bổn tôn, và Không hành mẫu) của Mật tông. Trong đó Không hành mẫu giữ vai trò Kim cang sứ giả (giống như Tăng là sứ giả của Như lai trong Hiển giáo), giảng dạy, bố túc những Mật pháp cho hành giả tu tập. Các vị Không hành mẫu này xuất sanh từ chú (Anh: mantra-born), xuất sanh từ chơn tánh (Anh: innate-born) và xuất sanh từ thi đà lâm (rừng thây chết, Anh: field-born).

thượng cho đời sau, sự giải thoát khỏi sanh tử, và sự thành tựu Nhất thiết chủng trí chính là những lời dạy vang lừng khắp ba cõi của Đức Phật. Ngài là nền tảng cho sự an lạc của chúng sanh, nhấn đến mỗi hơi thở ra vào của ngài đều là phương tiện lợi ích rộng lớn. Đức Phật đã chứng đắc quả vị vô thượng bằng cách tu tập những hạnh nguyện lợi ích tất cả hữu tình, và các vị Bồ tát cũng đã từ tâm giác ngộ rộng lớn đó mà tu tập vô lượng công hạnh lợi tha. Tâm giác ngộ hướng đến sự an lạc của chúng sanh hơn sự an lạc của chính mình là một sự kiện không tương ứng với người phàm thế gian, bởi vì phần lớn những người phàm, trong thâm tâm họ không cảm thấy ưa thích điều này.

Ngài Mã Minh (Aśvaghōṣa) và *Tập Tán (Interwoven Praise, Skt: Miśrakastotra)* của ngài Trần Na (Dignāga) nói:

Trôi lăn từ vô thủy,  
Trong biển lớn sanh tử,  
Bọn quý dữ phiền não,  
Tham sân căn xác thân,  
Nay phải quy y ai?  
Ai là người không còn,  
Tất cả những lỗi lầm,  
Và là nơi nương tựa,  
Của tất cả công đức,  
Thì tất cả chúng sanh,  
Phải quy y người đó,  
Cung kính và tán thán,  
Theo lời dạy tu hành.

Những vị trời, như Tỳ Kiếp La (Kapila), v.v..., mặc dù không biết rõ con đường giải thoát chân thật, thế nhưng, vì bị thuốc độc ngã mạn khiến tâm thức hôn mê, nên đã mạo nhận là đạo sư. Bọn họ vì muốn giảng dạy sự chân thật của các pháp khác với đường lối của Đấng Thiện Thệ (Sugata), nên đã tạo

các dị luận, thiết lập con đường giải thoát tương tự, để mê hoặc những người đang tìm cầu giải thoát. Nên biết, chỉ có đấng Toàn thiện Chánh đẳng giác, thánh giáo của ngài, và những người đang đúng lý tu tập thánh giáo, mới chính là Đạo sư, Chánh đạo, và bạn đạo của những hành giả đang tìm cầu giải thoát. Còn những đạo sư khác, giáo lý và đồ chúng của họ, không phải là nơi nương tựa, không thể dẫn đạo hành giả đến nơi giải thoát chân thật.

Hành giả đối với đối tượng quy y phải nên khởi quyết định thẳng giải, không nên bị ngoại đạo lung lạc, và như thế, ắt sẽ biết rằng thánh giáo của Đức Phật mới chính là ngưỡng cửa tu hành cho những người đang tìm cầu giải thoát. Đối với những định giải này, những hành giả trí lực thấp kém chỉ có thể xác nhận xuyên qua sự giả định (Anh: assumption), còn những hành giả trí lực cao siêu, nên tìm cầu suy luận chính xác (Anh: valid cognition of inference), để dẫn khởi sự hiểu biết kiên cố.

Hơn nữa, *Siêu Thặng Thiên Tán (Praise of the Supra-Divine, Skt: Devātīśayastotra)* của ngài Śaṃkarapati nói:

Tôi không thiên vị Phật,  
Không ghét Tỳ Kiếp La, ...  
Bậc nào dạy đúng lý,  
Sẽ thờ như đạo sư.

Hành giả cần phải xa lìa tâm thiên vị và lòng khinh ghét đối với giáo pháp của các bậc đạo sư, trong đạo cũng như ngoài đạo, và phải nên phân tích bên nào giảng giải hợp lý hoặc không hợp lý. Kế đến, chỉ chấp nhận giáo pháp nào nêu rõ ý

nghĩa thành tựu hai mục đích của hành giả<sup>5</sup>, và trung dẫn sự chứng minh thỏa đáng. Giáo điển của hai hệ thống [Phật giáo và ngoại đạo] là đối tượng cho sự phân tích để tìm hiểu sự đúng hay sai, cho nên không thể dùng giáo điển làm chứng cứ, mà chỉ có thể dùng sự lý luận để phân biện được sự đúng hay sai mà thôi.

Phương pháp lý luận như sau: Nếu y vào sự sanh khởi của một bổ đặc già la (hữu tình), trước tiên là đạt được tăng thượng sanh (sanh vào cõi tốt đẹp hơn), sau đó là đạt được sự thành tựu thù thắng. Thế nhưng, khi phân tích hai mục tiêu của giáo điển là đúng hay sai, trước tiên cần phải dùng sự suy luận chính xác để chứng minh sự không hư dối (hoặc sự mâu thuẫn) của hệ thống giáo lý về mục tiêu thành tựu quả báo thù thắng, sau đó, mới suy diễn đến sự không hư dối của hệ thống giáo lý về tăng thượng sanh. Đây là nguyên tắc mà các bậc trí giả đồng ý. Ngài Pháp Xứng (Dharmakīrti) chú giải *Thích Lượng Luận (Commentary on Compendium of Valid Cognition, Skt: Pramāṇavarttika)* của ngài Trần Na (Dignāga) nói:

Chánh nghĩa không hư dối,  
Suy diễn biết cái khác.

*Tứ Bách Luận (Four Hundred, Skt: Chatuḥśataka)* của ngài Thánh Thiên (Aryadeva) nói:

Những người nghi lời Phật,  
Giảng về lý vô sanh,  
Nếu hiểu tánh không sẽ,  
Tin Phật là Toàn Giác.

---

<sup>5</sup> Hai mục đích của hành giả tu tập là: (1) đạt được tăng thượng sanh (được tái sanh vào cõi tốt đẹp hơn), (2) xác quyết được sự giải thoát sanh tử và chứng đắc nhất thiết trí.

Phải nên dùng chánh lý khéo thiết lập hai sự kiện: (1) do vì chấp ngã cho nên kết sanh khổ uẩn tương tục, và (2) do vì thông đạt vô ngã cho nên chứng quả giải thoát. Hai sự kiện này phải được chứng minh bằng lý luận chánh đáng.

Nếu có người nói rằng: “Hai sự kiện nêu trên rất khó hiểu đối với những người thông thường, chỉ có giáo lý (Anh: scriptures) mới là sự chứng minh xác đáng, và cũng vì thế, tôi đã bỏ đạo sư khác, quy y Phật Thế Tôn”, thì người đó đã tự phô bày lỗi lầm của mình trong sự quy y đó. Điều này giống như cho rằng “quy y chỉ là một sự ưa thích cá nhân, chứ không chứng minh rằng Đức Phật siêu việt hơn các đạo sư khác.” Cho nên trung dẫn giáo lý không phải là một chứng minh chính xác (vì thiếu lý luận), và như thế, cũng giống như tự thú nhận rằng mình không có một sự chứng minh hợp lý.

Hơn nữa, khi tông phái chúng ta biện bác với các tông phái khác về sự đúng sai của những sự kiện như: có hay không có sự tái sanh, các uẩn là thường hay vô thường, ngã hiện hữu hay không hiện hữu, v.v..., chúng ta không thể chứng minh rằng giáo lý của tông phái mình là đúng [nếu không dựa trên lý luận].

Có những giáo điển giảng dạy những đề mục rất bí ẩn (Anh: very hidden topics), không thể dùng chánh lượng<sup>6</sup> (Anh: valid cognition of inference), mà chỉ có thể dùng ba

---

<sup>6</sup> Lượng: có hai nghĩa hẹp và nghĩa rộng; theo nghĩa hẹp, lượng là tiêu chuẩn nhận thức sự vật; còn theo nghĩa rộng, lượng là hình thức, quá trình, kết quả và tiêu chuẩn tri thức phán đoán chân giả, v.v..., của sự nhận thức. (Phật Quang Từ Điển, t. 5293, thượng): theo Duy thức có 3 lượng là chánh lượng, tỷ lượng và phi lượng.

loại phân tích<sup>7</sup> để chứng minh sự chánh xác của chúng. Thành lập sự chánh xác này hoàn toàn dựa trên lý luận, không thể trưng dẫn giáo lý để chứng minh. Ở đây, tôi chỉ nêu lên sơ lược những vấn đề mà tôi đã giảng rộng ở những quyển sách khác.

Những kinh điển của các giáo phái khác có sự mâu thuẫn khi giảng dạy về những nghĩa lợi chân thật của hữu tình. Ví dụ, ngoại đạo cho rằng có một cá thể thường hằng, như tự tánh (pradhāna), hoặc Đại tự tại (Īśvara), v.v..., là đấng sáng tạo ra sự luân chuyển sanh tử, và lại cho rằng những người muốn ra khỏi sanh tử, phải tu tập để được giải thoát. Nhưng đây là hai sự kiện mâu thuẫn với nhau, bởi vì nếu không vượt thoát nguyên nhân chánh của sự sanh tử [là tự tánh, Đại tự tại, v.v...], thì không thể vượt thoát vòng sanh tử, mà hơn nữa, cũng không thể vượt thoát nguyên nhân chánh của sanh tử, nếu nó là thường hằng. Tương tự, sẽ có mâu thuẫn nếu một mặt phủ nhận vô ngã kiến, nhưng một mặt khác lại xem vô ngã kiến là một đối tượng cho sự giải thoát, siêu vượt vòng sanh tử luân hồi.

Như trên đã nói, Tam bảo (Phật, pháp, tăng) là đối tượng cho những hành giả mong cầu giải thoát. Những đạo sư khác, giáo pháp và đồ chúng của họ, nếu không tương ưng với [tiêu chuẩn của] Tam bảo, thì không thể làm đối tượng cho sự quy y chân thật. Nếu hành giả đối với điều này

---

<sup>7</sup> Ba loại phân tích: (1) đoạn văn (Anh: passage) không bị tổn hoại (Anh: damaged) bởi chánh lượng (Anh: direct valid cognition) trong sự giảng giải về sự vật hiển hiện (Anh: manifest phenomena), (2) đoạn văn không bị tổn hoại bởi suy luận hiển nhiên (Anh: evidential inference) trong sự giảng giải về sự vật hơi bí ẩn (Anh: slight hidden topics), (3) đoạn văn không bị tổn hoại bởi suy luận giáo lý (Anh: scriptural inference) trong sự giảng giải về những sự vật rất bí ẩn, nghĩa là không hàm chứa sự mâu thuẫn nội tại, v.v...

chưa khởi lên lòng tin vững chắc, thì tâm sẽ không kiên cố, không chuyên nhất đối với đối tượng quy y của mình. Sự phát khởi lòng tin kiên cố tùy thuộc vào sự quán sát, lý luận về sự hơn kém của hai hệ thống giáo lý [mà mình muốn chọn lựa để tu học].

Bởi thế, ngoại đạo có hiện diện trong những buổi tranh biện [để kích bác Phật giáo] hay không, đều không quan trọng. Nếu người trí muốn sanh khởi giác tuệ quy y thù thắng, phải nên áp dụng những điều vừa được nêu trên [để khởi thắng giải bằng sự lý luận rằng Tam bảo là đối tượng duy nhất cho sự quy y]. Nên biết, *Bảy Bộ Luận (Seven Treatises)*<sup>8</sup> của ngài Pháp Xứng (Dharmakīrti) là phương tiện thù thắng, bằng sự lý luận chứ không phải chỉ bằng những lời nói xuông, cho sự sanh khởi lòng kính trọng đối với Đạo sư Phật Đà, giáo pháp của ngài (cả hai phần lý thuyết và thực hành), và sự tu hành giải thoát chân chánh.

---

<sup>8</sup> Bảy Bộ Luận (Seven Treatises): (1) Commentary on (Dignaga's) Compendium of Valid Cognition (Pramāṇavarttika), (2) Ascertainment of Valid Cognition (Pramāṇaviniścaya), (3) Drop of Reasoning (Nyāyabindu), (4) Drop of Reasons (Hetubindu), (5) Analysis of Relations (Saṃbanahaparīkṣā), (6) Reasoning for Debate (Vādanyāya), and (7) Proof of Other Continuums (Saṃtānāntarasiddhi).

## Chương 2. Con đường đến Phật quả

### A2. Những thứ đệ nhập đạo khác biệt.

#### B1. Phân biệt tổng quát các thừa.

##### C1. Phân biệt thế nào.

*Nhiếp Hành Cụ Luận (Lamp Compendium of Practice, Skt: Caryāmelāpakapradīpa)* của ngài Thánh Thiên (Aryadeva) căn cứ vào ba loại thăng giải, nhiếp ba hạnh, mà phân ra ba thừa. Đối với những hành giả thăng giải hạ liệt thì dạy tu tập hạnh ly dục, đối với những hành giả thăng giải rộng lớn thì dạy tu tập các địa và hạnh ba la mật, còn đối với những hành giả thăng giải thâm sâu thì dạy tu tập hạnh tham dục<sup>9</sup>.” *Tam Lý Cụ Luận (Lamp for the Three Modes, Skt: Nayatraya-pradīpa)* của ngài Tripiṭakamāla nói:

Nay xin nói tóm lược,  
Về nghĩa của để tánh,  
Nghĩa ba la mật đa,  
Nghĩa mật chú rộng lớn.

Ở đây, ngài Tripiṭakamāla thâm nhiếp tất cả giáo điển vào ba loại, nghĩa là pháp tu tứ đế, v.v... *Lược Thích Nhất Thiết Kinh Phẩm (Abridged Explanation of All the Word, Skt: Tattvāvatārākhyasakalasugatavachastātparyavyākhyāprakaraṇa)* của ngài Trí Xứng (Jñānakīrti) cũng nói tương tự.

*Trang Nghiêm Đại thừa Kinh Luận (Ornament for the Mahayana Sutras, Skt: Mahāyānasūtrālamkāra)* của ngài Di Lặc (Maitreya) nói: “Giáo điển được phân ra hai loại, hoặc ba loại.” Điều này có nghĩa phân ra làm hai (Đại thừa và Tiểu thừa), hoặc ba (giới, định, tuệ). Sự giải thích này có thể áp

---

<sup>9</sup> Hạnh tham dục là đạo lộ tu tập Mật thừa sử dụng tâm tham làm năng lực và phương tiện tu tập.



dụng vào cả hai trường hợp: phân loại giáo điển, và phân loại các thừa (hoặc đạo lộ tu tập).

## **C2. Lý do để phân biệt.**

Ở đây chúng ta sẽ giải thích lý do phân ra hai loại giáo điển và hai thừa. Có những hành giả căn tánh thấp kém, chỉ biết tìm cầu mục tiêu hạ liệt, nghĩa là sự giải thoát riêng tư - tận diệt sự khổ đau của sanh tử cho chính mình. Có những hành giả căn tánh thù thắng, tìm cầu mục tiêu rộng lớn là Vô thượng Bồ đề - chứng đắc quả Phật để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Vì có hai loại căn tánh hạ liệt và thù thắng, cho nên con đường tu tập của họ cũng được phân làm hai thừa, gọi là Tiểu thừa và Đại thừa. Giáo pháp để giảng dạy, nhân đây cũng được phân làm hai là giáo pháp Tiểu thừa và giáo pháp Đại thừa.

Trong Tiểu thừa lại có hai loại, Thanh văn và Độc giác, và con đường tu tập của họ cũng được phân làm hai là Thanh văn thừa và Độc giác thừa. Và như vậy, tổng cộng có ba thừa [Thanh văn, Độc giác và Đại thừa].

## **C3. Thế tánh của các thừa.**

### **D1. Kiến lập Tiểu thừa.**

*Bốn Địa Phần (Actuality of the Levels, Skt: Bhūmivastu)* trong *Du Già Sư Địa Luận (Skt: Yogacaryābhūmi)* của ngài Vô Trước (Asanga) cho rằng căn tánh, quả vị của Thanh văn và Độc giác tuy có sự cao thấp khác biệt, nhưng con đường tu tập của họ phần lớn tương đồng. Nếu nói chi tiết sẽ rất phiền toái, cho nên hiện nay chỉ trình bày sơ lược.

Hai loại Thanh văn và Độc giác không thích gánh vác sự nghiệp lợi tha, mà chỉ muốn tu hành giải thoát cho chính mình. Ngã chấp là nguyên nhân chính cho sự trói buộc sanh

tử, còn trí tuệ thông đạt vô ngã (vô ngã tuệ) là nhân tố chính cho sự giải thoát, bởi thế, không riêng Bồ tát, mà cả hai hàng Thanh Văn, Độc giác cũng đều tầm cầu trí tuệ thông đạt vô ngã này. Hai loại hành giả này dùng giới và định là hai công cụ trợ giúp cho việc tu tập trí tuệ, và qua sự tu tập vô ngã tuệ này, tất cả phiền não đều được tận trừ.

Kinh Bộ (Sautrantikas), Tỳ Bà Sa Bộ (Kāśmiri Vaibhāsikas), Duy Thức (Cittamātrins), và một phần phái Trung Quán (Trung Quán Tự Tục Phái – Svatantrika Madhyamikas) đều sai lầm khi cho rằng Thanh văn và Độc giác chưa thông đạt bồ đặc già la tự tánh bốn không (tự tánh ngã là không), hiện hữu như huyễn, mà chỉ thông đạt sự không hiện hữu của cái bồ đặc già la (nhân vô ngã) mà ngoại đạo chấp là thật có. Ngài Nguyệt Xứng (Candrakīrti), đối với vấn đề này, cho rằng nếu kiến giải của các bộ phái trên là đúng, thì hai hàng Thanh văn và Độc giác cũng chưa đoạn trừ được ngã chấp, và đó không phải là ý nghĩa của sự thông đạt “nhân (bồ đặc già la) vô ngã.” Bởi vì, nếu còn công nhận bồ đặc già la thật sự hiện hữu thì không thể nào đoạn trừ được ngã chấp.

Nếu cho rằng thông đạt vô tự tánh của các pháp, như uẩn, xứ, v.v..., tức là thông đạt thật nghĩa của pháp vô ngã, thì sự thông đạt vô tự tánh của bồ đặc già la cũng phải gọi là sự thông đạt thật nghĩa của bồ đặc già la vô ngã. Cho nên, nếu chấp các pháp, như uẩn, v.v..., là thật có, thì đối với bồ đặc già la cũng sẽ chấp là thật có, và như vậy, cũng không thể tận diệt phiền não. Nếu vậy, các hành giả Tiểu thừa, bất luận tu tập siêng năng thế nào chẳng nữa, chung cuộc cũng không thể giải thoát sanh tử. Thế nhưng, đây là điều cực kỳ phi lý. *Nhập Trung Luận (Supplement to the Middle Way, Skt: Madhyamakāvātāra, Chương VI, kệ 131)* của ngài Nguyệt Xứng (Candrakīrti) nói:

Nếu như chứng đắc nhân vô ngã,

## Chương 2. Con đường đến Phật quả

Nhưng không thông đạt sắc tự tánh,  
Vì chưa thông đạt vô tự tánh,  
Do bị sắc chuyển, khởi tâm tham.

Hơn nữa, *Nhập Trung Luận Sớ* của ngài [Nguyệt Xứng (Candrakīrti)] cũng nói: “Bởi vì hành giả khởi tâm điên đảo khi duyên tự tánh của sắc, v.v..., cho nên cũng không thể thông đạt bổ đặc già la vô ngã. Đây là vì hành giả còn duyên vào cái ngã do các uẩn giả lập.”

Đây cũng là ý nghĩa của Bồ tát Long Thọ trong *Bảo Man Luận* (*Precious Garland, Skt: Ratnāvalī, 35*):

Nếu còn chấp vào pháp,  
Sẽ vẫn còn chấp ngã,  
Do ngã chấp, tạo nghiệp,  
Do nghiệp, lại thọ sanh.

*Trung Luận* (*Treatises on the Middle Way, Skt: Madhyamaka Śāstra, Phẩm 18, kệ 4-5*) nói:

Diệt tận hoặc nghiệp, được giải thoát,  
Hoặc nghiệp do phân biệt phát sanh,  
Phân biệt lại từ hý luận khởi,  
Chúng đạt tánh không, diệt hý luận.

Chúng sanh bị trói buộc trong sanh tử là do chấp trước các uẩn là thật có, nếu muốn được giải thoát thì cần phải đoạn trừ gốc rễ của sanh tử là sự hý luận chấp thật. Diệt trừ được hý luận này là do sự thông đạt tánh không. *Vô Phân Biệt Tán* (*Praise of the Non-Conceptual, Skt: Nirvikalpastava [?]*) của ngài Long Thọ cũng nói:

Chư Phật và Độc giác,  
Thanh văn đều nương vào,

Đường giải thoát duy nhất,  
Là thông đạt tánh không.

Ngài Long Thọ nói rằng chỉ có bà Mẹ (Trí tuệ thông đạt tánh không) là con đường giải thoát chung cho cả ba thừa. *Bát Nhã Bát Thiên Tụng (The Eight Thousand Stanza Perfection Wisdom Sutra, Skt: Aṣṭasāhasrikāprajñāpāramitā)* nói: “Muốn học pháp Thanh văn nên học Bát nhã ba la mật đa.” Đối với pháp Độc giác và pháp Bồ tát cũng nói tương tự như vậy. *Nhiếp Tụng (The Condense Perfection of Wisdom Sutra, Skt: Sañcayagāthāprajñāpāramitā)* nói:

Muốn chứng quả Thanh văn,  
Độc giác và quả Phật,  
Nếu không y nhẫn này,  
Ắt không thể thành tựu.

Trong kinh điển Thanh văn<sup>10</sup> nói:

Sắc uẩn như tụ bọt<sup>11</sup>,  
Thọ uẩn như bọt nước,  
Tưởng uẩn như quáng nắng,  
Hành uẩn như cây chuối,  
Thức uẩn như huyền hóa,  
Đây là lời Phật dạy.

*Trung Luận (Phẩm XV, kệ 7)* lập lại ý nghĩa trên như sau:

Phật biết rõ tánh và vô tánh,  
Cho nên trong *Kinh Ca Chiên Diên*,

---

<sup>10</sup> Bài kệ này được trích dẫn trong *Minh Cú Luận (Prasannapadā)* của ngài Nguyệt Xứng, khi giải thích bài kệ I.3 trong *Trung Quán Luận*.

<sup>11</sup> Tụ bọt: (Anh) balls of foam.

Ngài đã khéo léo chỉ dạy rằng,  
Lìa cả hai bên hữu và vô<sup>12</sup>.

Điều này chứng tỏ trong kinh điển Tiểu thừa cũng không phải không nói về ý nghĩa của pháp vô ngã.

Thế nhưng, trong kinh điển Thanh văn, phần lớn đều đề cập đến việc quán sát mười sáu hành tướng, như vô thường, v.v..., để chứng đắc quả A la hán. Trong pháp tạng Đại thừa cũng đề cập đến hai con đường: (1) thông đạt pháp vô tự tánh, và (2) quán vô thường, v.v... Hơn nữa, kinh điển Đại thừa tuy cho rằng kiến giải của hai phái Duy thức và Trung quán đều dẫn đến sự chứng đắc Nhất thiết chủng trí, thế nhưng, ngài Long Thọ, trong *Collections of Reasoning*<sup>13</sup>, cho rằng “những kinh điển giảng dạy Trung quán không thể được hiểu cách khác, và như vậy, kinh điển giảng dạy Duy thức cũng phải được giải thích cách khác.”<sup>14</sup>

---

<sup>12</sup> “Hữu” chỉ cho sự hiện hữu của các pháp có tự tánh; “vô” chỉ cho sự không hiện hữu của các pháp, ngay cả những pháp giả lập (Anh: exist conventionally).

<sup>13</sup> *Collections of Reasoning* là tập hợp các bộ luận được trước tác của ngài Long Thọ bao gồm (theo Jeffery Hopkins): (1) Treatise of the Middle Way (Trung Luận), (2) Sixty Stanzas of Reasoning (Thập Lục Như Lý Luận), (3) Treatise called ‘The Finely Woven’, (4) Seventy stanzas on Emptiness, (5) Refutations of Objections, (6) Praise of the Non-conceptual (Vô Phân Biệt Tán), và (7) Precious Garland of Advice for the King.

<sup>14</sup> Đoạn văn này hơi tối nghĩa. Bản văn chữ Hán dịch là “tuyên thuyết Trung quán lý chư kinh, bất khả dẫn tác dư thích, .., Duy thức lý chư kinh, như kỳ sở thuyết tu hướng dư dẫn”, còn bản tiếng Anh dịch là “sutras teaching the middle way were not suited to be understood differently, and that, therefore, sutras illuminating the Chintamatra must be interpreted otherwise.”

Trong nhiều giáo điển Mật giáo cũng thường cho rằng Thanh văn và Độc giác không thấu đạt sự chân thật của các pháp, lại cũng nói rằng nếu không thấu đạt sự chân thật của các pháp sẽ không thể thoát ly sanh tử, và hơn nữa, do sự phân biệt chấp trước các pháp là chân thật, cho nên bị trói buộc trong sanh tử. Bởi thế hành giả cần phải biết cách giải thích hợp lý để không bị mâu thuẫn [vì tin vào giáo nghĩa cho rằng Thanh văn và Duyên giác không thấu rõ sự chân thật của các pháp].

*Hỏi:* Nếu tu tập quán vô thường, v.v..., mà không thoát ly sanh tử, thì lý do nào Phật lại tuyên thuyết?

*Đáp:* *Lục Thập Chánh Lý Luận (Sixty Stanzas of Reasoning, Skt: Yuktiśaṣṭikā)* của ngài Long Thọ nói:

Vì cần nên tuyên thuyết,  
Sanh khởi và diệt đạo,  
Biết sanh nên biết diệt,  
Biết diệt, biết vô thường,  
Vì biết tánh vô thường,  
Nên thông đạt chánh pháp,  
Người thấu rõ duyên khởi,  
Xa lìa sự sanh diệt,  
Sẽ thành tựu chánh kiến,  
Vượt thoát khổ ba cõi.

Do đây, hành giả cần phải biết nguyên do của sự giảng dạy về vô thường, bởi nếu tham luyến các pháp hữu vi sẽ không phát khởi tâm mong cầu xuất ly. Đức Thế Tôn vì muốn đối trị điều này nên tuyên thuyết lý vô thường, và hành giả cũng nhân đây mà khởi tâm xuất ly. Nếu nhân sự quán sát sanh tử, thông đạt chánh pháp duyên khởi, thấu rõ sự sanh diệt hoàn toàn vô tự tánh, thì sẽ được giải thoát sanh tử. Con đường giải thoát chân thật chính là sự thông đạt sự vô tự

tánh của nhân và pháp, còn những pháp tu vô thường, v.v..., chỉ là những pháp dẫn khởi sự thông đạt này, và cũng là những pháp điều luyện tâm thức (Anh: paths that train mental continuum).

Các luận sư khác (Trung Quán Tự Tục Phái, Duy Thức, Kinh Bộ và Tỳ Bà Sa Bộ) đều xác nhận rằng *pháp tu “không”, “vô ngã” là con đường giải thoát*, còn những pháp tu tứ đế, như vô thường, v.v..., chỉ là sự huấn luyện tâm thức, chuẩn bị cho sự thông đạt vô ngã. Hơn nữa, các luận sư này đều cho rằng sự thông đạt vô ngã trong pháp tu mười sáu hành tướng của tứ đế chỉ là sự thông đạt không có cái ngã mà ngoại đạo chấp trước, chứ không phải là pháp đối trị sự chấp trước vào “câu sanh ngã có tự tướng (Anh: innate conception that persons naturally exist).” Cho nên, theo ý họ, tất cả sự tu tập mười sáu hành tướng đều không phải là con đường giải thoát, mà chỉ là những phương pháp điều luyện tâm thức.

Một hành giả Tiểu thừa độn căn, trong giai đoạn hiện tại (Anh: for the time being), chỉ thích hợp cho việc huấn luyện tâm thức, chứ không thích hợp cho sự tu tập giải thoát. Ngược lại, một hành giả Tiểu thừa lợi căn mới chính là căn cơ thích hợp cho sự tu tập giải thoát.

Những hành giả lợi căn là đối tượng tu tập chính yếu của pháp tạng Tiểu thừa, còn những hành giả độn căn chỉ là đối tượng tu tập thứ yếu.

Tuy có những hành giả Tiểu thừa cũng thông đạt pháp vô tự tánh, nhưng không phải là không có sự khác biệt giữa Tiểu thừa và Đại thừa. Bởi vì pháp Đại thừa, không những chỉ làm sáng tỏ pháp vô tự tánh, mà còn tuyên thuyết các địa, ba la mật đa, tâm nguyện, đại bi, hồi hướng, hai loại tu

lượng, Phật thân thanh tịnh bất khả tư nghì. *Bảo Man Luận* (*Precious Garland*, kệ 390, 393) của ngài Long Thọ nói:

Trong pháp Thanh văn thừa,  
Chưa nói Bồ đề nguyện,  
Đại hạnh và hồi hướng,  
Làm sao thành Bồ tát?  
Kinh Tiểu thừa chưa nói,  
An trụ Bồ tát hạnh,  
Nhưng Đại thừa đã nói,  
Người trí nên thọ trì<sup>15</sup>.

Không thể phân biệt Tiểu thừa và Đại thừa bằng cách dựa trên kiến giải về tánh không. Ngài Long Thọ và các hàng đệ tử đều cho rằng *sự khác biệt giữa Tiểu thừa và Đại thừa là sự tu tập phương tiện thiện xảo*. Ví dụ người mẹ là nhân chung, còn người cha là nhân riêng để biện biệt tộc tánh (hoặc Tây Tạng, hoặc Mông Cổ, hoặc Ấn Độ, v.v...) của những đứa con. Tương tự, bà mẹ Bát nhã là nhân chung cho bốn người con (Thanh văn, Độc giác, Bồ tát và Phật), còn những phương tiện, như phát tâm, chứng đắc Vô thượng bồ đề để lợi ích chúng sanh, là nhân riêng để phân định Đại thừa và Tiểu thừa.

## D2. Kiến lập Đại thừa.

Vì muốn chứng đắc Vô thượng Bồ đề để lợi ích tất cả hữu tình cho nên tu tập Bồ tát hạnh – sáu Ba la mật đa, và đây là ý nghĩa tổng quát của Đại thừa. Các kinh điển Mật giáo (Tantras) cũng thường nói các hành giả Mật thừa cũng tu tập con đường này. Thế nhưng, trong đây cũng có nhiều yếu tố khác nhau cho những đạo lộ tu tập khác biệt.

---

<sup>15</sup> Thọ trì: nghĩa là nên chấp nhận Đại thừa là pháp của Phật nói.



Mục tiêu của các hành giả Đại thừa là chứng đạt Nhất thiết chủng trí, và tổng thể của con đường Đại thừa là dành cho các hành giả tu tập Ba la mật đa. Tuy các hành giả Đại thừa, trên phương diện kiến giải khác biệt, có thể phân làm hai phái là Trung Quán và Duy Thức, nhưng chúng ta không thể nói chúng là hai thừa khác biệt, mà cả hai phái đều thuộc về một thừa. Ở đây, có sự khác biệt về trình độ thâm hiểu pháp tánh. Nếu căn cứ vào điểm này mà phán định, thì hành giả Trung Quán là hàng lợi căn, còn hành giả Duy Thức là hàng độn căn. Hơn nữa, hành giả Trung Quán là căn cơ chính cho sự tu tập Đại thừa, còn hành giả Duy Thức chỉ là căn cơ thứ yếu.

*Nhập Định Bất Định Ấn Kinh (Introduction to the Forms of Definite and Indefinite Progress Sutra, Skt: Niyatāniyata-gatimudrāvatarā)* nói có năm loại hành giả Đại thừa, tùy theo sự tu tập tiến triển nhanh hay chậm: hai loại Bồ tát tiến triển giống như ngòi xe trâu và xe voi, một loại Bồ tát tiến triển nhanh giống như được vận chuyển bởi mặt trời mặt trăng, hai loại còn lại tiến triển nhanh chóng, giống như thần tốc thông của Nhị thừa và thần tốc thông của Phật<sup>16</sup>. Sự tu

---

<sup>16</sup> (1) Xe trâu: chỉ cho người muốn đi đến các cõi Phật trên một chiếc xe trâu, sau một thời gian dài, đi được một trăm do tuần, nhưng bị gió đẩy ngược lại. Đây là chỉ cho hàng Bồ tát ưa thích Tiểu thừa, hoặc chỉ dạy người khác ưa thích Tiểu thừa, cho nên trí tuệ trở nên ám độn. (2) Xe voi: chỉ cho người trong một trăm năm đi được hai ngàn do tuần, và cũng là người ưa thích Tiểu thừa. Hai hạng người (1 và 2) này khó chứng quả Phật, họ sẽ bị đẩy lùi trên con đường giải thoát vô thượng. (3) Mặt trời mặt trăng: chỉ cho người đi đến cõi Phật trong một thời gian lâu dài, giống như mặt trời mặt trăng. Hàng Bồ tát này hoàn toàn tu tập Đại thừa, không để trí tuệ của họ bị trì trệ bởi những hạnh nguyện hạn hẹp (của Tiểu thừa). (4) Thần tốc thông của Nhị thừa: chỉ cho những người đi đến cõi Phật bằng thần tốc thông của Nhị thừa, tức là những hành giả nhất tâm ngưỡng mộ “pháp môn Đại thừa, những người

tập của những hành giả này tuy có sự nhanh chậm khác nhau lớn lao như vậy, nhưng họ vẫn không có các thừa riêng biệt. Cho nên, nếu chỉ căn cứ vào căn cơ lợi độn, hành trình lớn nhỏ, thì vẫn không thể phân định thành các thừa khác biệt.

Các thừa được gọi là khác biệt nếu: (1) [quả thừa] có sự khác biệt lớn lao về thành quả của sự tu tập (chẳng hạn thành quả của Đại thừa là quả Phật, thành quả của Tiểu thừa là quả A la hán), (2) [nhân thừa] có sự khác biệt lớn lao về phương pháp tu tập (chẳng hạn Tiểu thừa không có sự phát nguyện thành Phật độ chúng sanh, Ba la mật đa thừa không có sự tu tập hai giai đoạn tự khởi và giai đoạn viên mãn của Mật thừa). Nếu như đạo thể của những sự tu tập (Anh: bodies of the path) không có sự khác biệt lớn lao, thì không thể phân chia sự khác biệt của các thừa bằng cách chỉ căn cứ vào sự tu tập nhanh chậm, hoặc cao thấp của các hành giả.

#### **C4. Tất cả các thừa đều là phương tiện thành Phật.**

Các hành giả Tiểu thừa, tuy đi con đường riêng, mục tiêu không phải là thành Phật, nhưng con đường tu tập của họ cũng là phương tiện dẫn đạo hành giả vào con đường Đại thừa, cho nên không thể nhất luật cho rằng Tiểu thừa là chướng ngại cho sự thành Phật. *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (The White Lotus of the Excellence Doctrine, Skt: Saddharmapuṇḍarīka)* nói:

---

tu học Đại thừa, cùng những sự tu tập Đại thừa.” (5) Thần thức thông của Phật: chỉ cho những người đi đến cõi Phật bằng thần túc thông của Như Lai. Đây là những Bồ tát, trên con đường tu tập của chính mình, đặc biệt quan tâm cứu độ những hữu tình khác. Ba loại hành giả (3, 4 và 5) này sẽ nhất định chứng đắc quả Phật mà không bị đẩy lùi trên con đường tìm cầu giác ngộ tối thượng.

## Chương 2. Con đường đến Phật quả

Muốn họ hiểu Phật trí,  
Nên Phật lập phương tiện,  
Không nói rằng Tiểu thừa,  
Có thể thành Phật đạo.

Lại nói:

Muốn họ hiểu Phật trí,  
Phật xuất hiện thế gian,  
Một thừa, không hai thừa,  
Phật không dùng Tiểu thừa,  
Để tự chứng quả Phật,  
Dùng phương tiện, thiên định,  
Giải thoát và tự tại,  
Để tiếp độ hữu tình,  
Chứng Bồ đề thanh tịnh.  
Nếu Phật dùng Tiểu thừa,  
An lập một chúng sanh,  
Tức là lười, bất thiện,  
Thật chỉ có một thừa,  
Không hai, cũng không ba,  
Trừ phi Phật trên đời,  
Phương tiện giảng nhiều thừa.

Đức Phật xuất hiện thế gian là vì muốn hữu tình chứng đạt quả vị giống như chính mình. Đức Phật giảng nói các thừa khác biệt đều là phương tiện tu hành thành Phật, chứ ngài không dùng pháp Tiểu thừa - là pháp không có khả năng dẫn đạo thành Phật - để độ chúng sanh, bởi thế, ngài đã an lập hữu tình trên những quả vị thập lực, v.v...

Nếu sau khi chứng đắc Bồ đề, Đức Phật vì độ một hữu tình mà dùng pháp Tiểu thừa, không thể đưa họ hướng về Phật quả, thì ngài có lỗi lớn là đã bỏn sẻn Phật pháp. Bởi vì Phật pháp chung quy chỉ có một thừa, những hành giả căn

tánh Tiểu thừa cũng có thể được dẫn nhập quả Phật. Đức Phật tuy biết có những phương tiện thành Phật này, nhưng đối với những hành giả căn cơ Tiểu thừa, ngài đã không nói đến phương pháp dẫn nhập Phật địa.

*Đế Giả Phẩm (Chapter of the True One Sutra, Skt: Satyakaparivarta)* cũng nói rõ:

Này Mạn Thù Thất Lợi! Nếu Đức Như Lai vì một loại hữu tình nói pháp Đại thừa, vì một loại hữu tình nói pháp Độc giác thừa, lại vì một loại hữu tình nói pháp Thanh văn thừa, thì đây là Đức Như Lai không có tâm thanh tịnh, không có tâm bình đẳng, tham luyến vào pháp, tâm đại bi thiên lệch, điên đảo phân biệt, trở thành keo kiệt Phật pháp.

Này Mạn Thù Thất Lợi! Đức Như Lai giảng nói những pháp đó đều là vì muốn cho chúng sanh chứng được Nhất thiết chủng trí, quy hướng Bồ đề, tiến nhập Đại thừa, thành tựu quả Phật, đến nơi rốt ráo, cho nên Đức Như Lai không an lập một thừa nào khác, ngoài Phật thừa.

*Hỏi: Nếu vậy, làm sao hội thông những điều mà Trang Nghiêm Đại thừa Kinh Luận (Ornament for the Mahayana Sutras, Skt: Mahāyānasūtralamkāra)* đã nói:

Người trí dù đọa vào địa ngục,  
Không bị chướng ngại Đại bồ đề,  
Còn những hành giả tu tự lợi,  
Tuy ở cảnh vui, cũng thành chướng.

Tại sao nói rằng một người phát tâm Tiểu thừa và một tội nhân địa ngục, đối với sự chướng ngại thành Phật, thì người trước bị chướng, còn người sau không bị chướng?

*Đáp:* Ở đây muốn nói, nếu một Bồ tát phát tâm Tiểu thừa, thì sự tu hành thành Phật sẽ bị trì trệ lâu dài, còn một Bồ tát bị đọa địa ngục thì không bị như vậy. Điều này cũng có nghĩa là *đối với những người căn cơ Đại thừa thì pháp Tiểu thừa là một chướng ngại cho sự thành Phật*, nhưng đối với những người căn cơ Tiểu thừa thì nó lại là một phương tiện để tu hành thành Phật. Và điều này hoàn toàn không có sự trái ngược. Lại nữa, phía trước của bài tụng vừa nêu trên cũng nói rõ rằng ý nghĩa này nói về Bồ tát, cho nên cũng không có điều gì đáng tranh luận.

*Nghiên Ma Kinh (Compendium of All the Weaving Sutra, Skt: Sarvavaidalyasamgraha)* nói: “Nếu đối với lời dạy của Phật mà phân biệt tốt xấu, sâu cạn, lời dạy này dành cho Thanh văn, lời dạy này dành cho Độc giác, lời dạy này dành cho Bồ tát, thì đây là một sự báng pháp.” Điều này cũng có nghĩa là một số người cho rằng lời dạy này của Phật là phương tiện thành Phật, lời dạy kia của Phật là chướng ngại thành Phật.

Kinh trên lại nói: “Do ảnh hưởng của bạn ác, nghe theo lời họ, phạm tội báng pháp. Trong bảy năm sám hối mỗi ngày ba thời, tuy tội có thể thanh tịnh, thế nhưng, muốn tu tập đến nhẫn vị, phải trải qua mười đại kiếp.” Cho nên, những kẻ tà kiến, khi mạng chung sẽ phải nhận chịu những quả báo dữ nhất. Nếu có thể đạt được chánh giải, ắt sẽ không phạm vào những lỗi lầm như vậy.

Nên biết rằng tất cả lời dạy của chư Phật đều là phương tiện đúng thời cơ dẫn dắt mọi người đến quả vị Phật. *Đế Giả Phẩm (Chapter of the True One Sutra, Skt: Satyakaparivarta)* nói: “Ví như nước từ các dòng sông chảy vào biển lớn, tương tự, tất cả các dòng nước pháp của ba thừa đều chảy vào biển lớn của Đức Như Lai.” Thế nhưng, vì căn cơ

hành giả có cao có thấp, cho nên phương tiện tiếp độ có viên mãn hay không viên mãn, con đường tu đạo có chậm có nhanh, v.v..., khác nhau.

Nên biết, có sự khác biệt giữa (1) con đường chi nhánh dẫn đến quả vị Phật, và (2) con đường Đại thừa. Do thấy được ý nghĩa này, *Chân Thật Danh Kinh (Expression of the Ultimate Names of the Wisdom-Being Manjuśri, Skt: Mañjuśrī-jñanasattvasyaparamārthamasamgīti)* nói:

Ba thừa khởi xuất ly,  
An trụ quả Nhất thừa.

## Chương 3. Kim cang thừa

### B2. Phân biệt Đại thừa.

#### C1. Phân biệt tổng quát hai loại Đại thừa.

#### D1. Phân biệt các loại giáo pháp.

*Nhập Vô Thượng Du Già Giáo Nghĩa (Introduction to the Meaning of Highest Yoga Tantra, Skt: Yogānuttaratantrā-rthāvatāra)* của ngài Śraddhākaravarma nói: “Bồ tát thừa có hai loại, một là Địa và Ba la mật thừa (nhân thừa), hai là Mật thừa (quả thừa). Mật [chú] thừa, Quả thừa, Kim cang thừa đều là tên gọi khác của Chú thừa (Mantra Vehicle), hoặc còn gọi là Phương tiện thừa. Nhân thừa và Quả thừa là hai tên gọi khác của Ba la mật đa thừa và Mật thừa. *Trừ Nhị Biên Luận (Eradication of the Two Extremes in the Vajra Vehicle, Skt: Vajrayānakotidvayāpoha)* của ngài Trí Cát Tường (Jñānaśri) trung dẫn *Thánh Mật Thọ Ký Kinh (Sutra Revealing the Secret)* nói:

Khi bánh xe Nhân thừa<sup>17</sup>,  
Tu nhân, đã được chuyển,  
Có Quả thừa<sup>18</sup>, đường ngắn, ...

Lại nữa, Kim cang thừa cũng còn được gọi là Trì minh tạng và Mật kinh bộ.

#### D2. Giải thích danh nghĩa.

Về ý nghĩa của ‘Mật chú thừa’, mật là vì pháp tu được thành tựu ẩn mật, và không được truyền dạy cho người không đúng căn cơ. Chú, âm Phạn là mantra. Man có nghĩa là ý (Anh: mind); tra có nghĩa là hộ trì (Anh: protection). *Tập*

---

<sup>17</sup> Nhân thừa: tức là Ba la mật đa thừa.

<sup>18</sup> Quả thừa: tức là Kim cang thừa.

*Mật Hậu Kinh (Continuation of the Guhyasammaja Tantra, Skt: Guhyasamājatantra, phẩm XVIII) nói:*

Ý khởi lên là do,  
Duyên vào căn và cảnh,  
Đây được gọi là man,  
Tra, nghĩa là hộ trì.  
Hộ trì bởi kim cang,<sup>19</sup>  
Của tam muội da luật,  
Vượt thoát khỏi thế gian,  
Là thực hành mật chú.

Còn một lối giải thích khác, *man* là liễu đạt thật tánh, còn *tra* là tâm đại bi hộ trì chúng sanh [trong sáu nẻo luân hồi].

Thừa, có nghĩa là vận tải. Vận tải đến quả vị thì gọi là quả thừa, làm phương tiện vận tải thì gọi là nhân thừa. Quả, nghĩa là bốn loại thanh tịnh, tức là xứ sở thanh tịnh, nội thân thanh tịnh, thọ dụng thanh tịnh, và sự nghiệp thanh tịnh, nói cách khác là Phật cung điện, Phật thân, Phật tài, và Phật sự đều trang nghiêm thanh tịnh. Bởi vì hành giả tùy thuận bốn quả tướng của Phật nói trên, hiện tiền tu tập những công hạnh: cung điện bất khả tư nghì, đàn tràng thánh tôn, cúng dường tư cụ, thanh tịnh thế gian và hữu tình, cho nên đây gọi là quả thừa. *Nhập Vô Thượng Du Già Giáo Nghĩa (Introduction to the Meaning of the Highest Yoga Tantra)* của ngài Śraddhākaravarma nói: “Gọi là quả bởi vì hành giả tu tập tùy thuận nội thân thanh tịnh, thọ dụng, xứ sở và sự nghiệp của một vị Phật.”

*Kim Cang Vô Cấu Quang Luận (Stainless Light, Skt: Vimālaprabhā)* - một chú giải của *Kalachakra Tantra* của ngài Rik-den-pad-ma-kar-po (một hóa thân của ngài Quán

---

<sup>19</sup> Ở đây, kim cang chỉ cho thân, khẩu và ý của hành giả.



Thế Âm), nói: “Kim cang có nghĩa là cực kỳ không thể phân chia, không thể phá hoại. Đây tức là Đại thừa mà gọi là Kim cang thừa. Chú (quả tánh) và Ba la mật đa (nhân tánh) dung hợp thành một.” Điều này có nghĩa là chú (quả) và Ba la mật đa (nhân) không thể phân ly, đó là ý nghĩa của Kim cang thừa. Nhân quả [của Kim cang thừa] bao hàm toàn thể tối thắng không tánh (Anh: supreme emptiness) và tối thắng lạc bất biến (Anh: supreme immutable bliss). Như *Quán Đảnh Lược Tiêu (Brief Explication of Initiations, Skt: Śekkhoddeśa)* [bao hàm trong đàn tràng Kalachakra], nói:

Không tánh sắc là nhân,  
Bi bất biến là quả,  
Không, bi vô phân biệt,  
Gọi là Bồ đề tâm.

Không thể phân ly, nghĩa là nhân thừa là phương tiện cho hành giả thăng tiến, còn quả thừa là mục tiêu mà hành giả đang tiến đến. Thế nhưng, ý nghĩa Kim cang thừa này là của Vô thượng du già, còn trong các Mật bộ bậc thấp không có nghĩa này. Bởi vì lạc bất biến, cần phải đạt đến tam ma địa trong hệ thống Thời Luân (Kalachakra)<sup>20</sup>, và cần phải dùng

---

<sup>20</sup> Sáu chỉ trong hệ thống Thời Luân là (1) thu thúc các căn (withdrawal): rút tâm ra khỏi các trần cảnh bên ngoài để chuẩn bị cho pháp tu thứ (2); (2) tập trung (concentration): còn dịch là thiền định, tu tập tùy theo bộ pháp, hoặc quán thân bốn tôn, quán các vật hoặc chủng tử ánh sáng, thấy tất cả đều là hiển thị của Phật tánh trong thực tại tối hậu; (3) điều khí (vitality and exertion): kiểm soát sinh khí lực, với mục đích rút năm loại khí vào kinh mạch giữa, để tẩy tịnh các tâm thức ô nhiễm; (4) trụ (holding); (5) niệm (mindfulness): còn dịch là chánh niệm, mục đích dùng sự thanh tịnh của thanh quang để biến huyễn thân bất tịnh ở giai đoạn (2) thành huyễn thân thanh tịnh của chư Phật; và (6) tam ma địa (meditative stabilisation): nhập tam muội, hợp nhất trí tuệ là pháp thân và hóa thân với ứng thân (đăng trì cho

các chi từ “niệm” (Anh: mindfulness) trở xuống để tu tập thành tựu. Ba Mật bộ cấp thấp không có đủ các nhân này.

Lời giải thích vừa nêu trên về Kim cang thừa ít liên can đến ý nghĩa tổng quát của nó, và có thể áp dụng chung cho ý nghĩa của nhân-quả thừa. Phải nên y theo ý nghĩa của *Chướng Hoa Luận* (*Handful of Flowers – Explanations of the Guhyasamaja Tantra, Skt: Kusumāñjaliguhyasamājani bandha*) của ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti) nói: “Kim cang thừa bao trùm tất cả Đại thừa, tức là sáu ba la mật đa. Sáu ba la mật đa là trí tuệ và phương tiện, lại nhiếp thành một vị là Bồ đề tâm. Đây là Kim cang tát đỏa tam ma địa; đây tức là một kim cang. Vì nó vừa là kim cang vừa là thừa, nên gọi là Kim cang thừa, hoặc Chú thừa.” Bởi thế, Kim cang tát đỏa du già hợp nhất trí tuệ và phương tiện, không thể phân ly, tức là Kim cang thừa. Nó hiện hữu trong tất cả mọi thời, tu đạo và chứng quả.

Bởi vì phương tiện thiện xảo của Kim cang thừa vượt quá Ba la mật đa thừa, cho nên Kim cang thừa cũng được gọi là Phương tiện thừa. *Trừ Nhị Biên Luận* (*Eradication of the Two Extremes*) của ngài Trí Cát Tường (Jñānaśrī) cũng nói: “Bởi vì không thể phá hoại cho nên gọi là Kim cang thừa. Bởi vì chỉ dùng quả làm con đường tu tập cho nên gọi là Quả thừa. Bởi vì phương tiện cực kỳ thiện xảo cho nên gọi là Phương tiện thừa. Bởi vì tánh chất cực kỳ bí mật cho nên gọi là Mật thừa.”

*Diệu Tý Vấn Kinh Thích* (*Condensation of the Questions of Subahu Tantra, Skt: Subāhupariprcchānāmatantra piṇḍātha*) của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) giải thích về Trì

---

phương tiện và trí tuệ), hợp nhất giữa tục đế và đệ nhất nghĩa đế, là giai đoạn cuối cùng và rốt ráo của Phật quả (sắc và không tự tại hợp nhất).

minh tạng (Scriptural division of the Knowledge Bearers) như sau: “Trì minh tạng là tất cả học xứ và giáo nghĩa được giảng dạy bởi những hành giả thọ trì minh chú.” *Nhập Vô Thượng Du Già Giáo Nghĩa (Introduction to the Meaning of the Highest Yoga Tantra)* của ngài Śraddhākaravarma giải thích hai cách, (1) Trì minh tạng là tạng thứ tư, không bao hàm trong Tam tạng, (2) Trì minh tạng được bao hàm trong Tam tạng. Thế nhưng, *Diệu Tý Vấn Kinh (Questions of Subahu Tantra, Skt: Subāhupariṣcchā)* nói: “Lắng nghe, ta sẽ giải thích theo nghĩa của Mật kinh.” Hơn nữa, trong nhiều Mật bộ (tantras) cũng dùng chữ kinh (sutras) và kinh bộ (sets of discourses, Skt: sutrānta) thay cho ý nghĩa của Mật kinh (tantra). Ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti) rất hợp lý khi cho rằng Trì minh tạng tổng nhiếp ý nghĩa sâu xa nên gọi là kinh bộ. Hơn nữa, nếu căn cứ vào sự phân biệt nội dung, Trì minh tạng cũng nói về hai tạng luật và luận, cho nên ngài Vô Úy Luận Sư (Abhayākara) cũng có lý khi cho rằng Trì minh tạng được nhiếp trong cả ba tạng.

Trong *Tập Mật Hậu Kinh (Continuation of the Guhyasamaja Tantra)*, mật kinh (tantra), có nghĩa là tương tục (Anh: continuum), và được chia làm ba loại: (1) căn bản mật kinh (Anh: base continuum), là nơi y chỉ của tác dụng của sự tu đạo; (2) đạo mật kinh (Anh: path continuum), có công năng thanh tịnh hóa sự tu đạo; và (3) quả mật kinh (Anh: fruit continuum), là quả vị thanh tịnh của sự tu đạo. Ba loại này đều được gọi là nghĩa của Mật kinh, còn những lời chỉ dạy của các bậc thánh thì được gọi là giáo của Mật kinh (Anh: book continuum).

Chữ “bộ” (Anh: set), trong Mật kinh bộ (set of tantras, Skt: tantrānta), tức là tụ (tập hợp), hoặc chủng loại của các mật kinh.

Ba la mật đa thừa dựa trên căn bản tu tập Bồ đề tâm, nghĩa là phát đại thệ nguyện thành Phật để lợi ích tất cả chúng sanh. Con đường tu tập chính là thực hành sáu Ba la mật đa, mà không thêm những phương tiện nào khác, chẳng hạn như hai giai đoạn tự khởi và viên mãn của Vô thượng du già. Nếu như sự tu tập của Kim cang thừa cũng chỉ dựa trên sự phát Bồ đề tâm và thực hành sáu Ba la mật đa, mà không có những phương tiện khác (chẳng hạn như hai giai đoạn của Vô thượng du già), thì Kim cang thừa cũng sẽ trở thành Ba la mật đa thừa.

Ba la mật đa thừa được gọi là nhân thừa bởi vì nó không bao hàm sự tu tập tùy thuận bốn quả tướng [Phật cung điện, Phật thân, Phật tài, và Phật sự], mà chỉ y vào nhân của bốn quả tướng này để tu tập.

### **D3. Tại sao phân làm hai thừa.**

#### **E1. Nêu lên nghi vấn.**

Tại sao Đại thừa được phân làm hai thừa? Đây không phải là từ phương diện phát khởi tâm Vô thượng Bồ đề để làm lợi ích tất cả chúng sanh. Bởi vì Bồ tát tu tập Chú thừa (Mantra) và Ba la mật đa thừa đều muốn thành tựu Phật quả để lợi ích tất cả hữu tình, cho nên sở cầu Phật quả cũng không có sự hơn kém. Vì thế, từ phương diện tìm cầu quả vị, không thể phân Đại thừa thành hai thừa riêng biệt.

Sự phân chia này cũng không phải do kiến giải chân chánh thông đạt thật tánh của các pháp (Anh: suchness of phenomena), bởi vì không có kiến giải nào vượt quá *Trung Luận* của ngài Long Thọ trong việc quyết trạch ý nghĩa của những kinh điển quyền uy *Bát Nhã Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom Sutras)*. Giả sử có đi chăng nữa, cũng không thể thiết lập sự hiện hữu của các thừa khác biệt. Chẳng hạn, Ba

la mật đa thừa tuy có hai tông Trung Quán và Duy Thức, nhưng đây không phải là hai thừa khác biệt.

Lại nữa, Ba la mật đa thừa và Kim cang thừa đều tu tập sáu ba la mật đa, cho nên không có sự khác biệt trên phương diện Bát nhã và phương tiện trong việc tu tập thành tựu sắc thân Phật (báo thân Phật) và pháp thân Phật. Tuy Kim cang thừa có vài đặc tánh tu tập mà Ba la mật đa thừa không có, nhưng đây không phải là đặc điểm của con đường tu tập chính yếu, cho nên những sự kiện này cũng không thể thiết lập sự hiện hữu của các thừa khác biệt.

Lại nữa, cũng không thể dùng những yếu tố như căn cơ lợi钝, hoặc sự tu tập nhanh chậm để phân thành các thừa khác biệt, chẳng hạn như Ba la mật đa thừa không thể phân thành các thừa khác biệt mặc dầu có những yếu tố đó. Nếu không, thì Mật thừa cũng sẽ bị phân thành nhiều thừa khác biệt.

## **E2. Giải đáp nghi vấn.**

### **F1. Đáp phá sự kế chấp.**

Có người cho rằng: “Chú thừa (Mantra) là để điều phục những hành giả đang còn tâm tham, còn Ba la mật đa thừa là để huấn luyện (Anh: training) những hành giả đã lìa tâm tham. Cho nên con đường tu tập không cần phải xả bỏ tâm tham, hoặc con đường tu tập cần phải xả bỏ tâm tham là lý do phân định Đại thừa thành hai thừa riêng biệt.”

Ở đây sẽ giải thích như sau. [Thật là sai lầm khi cho rằng] Đại thừa được phân làm hai thừa khác biệt bởi vì có hai con đường tu tập khác biệt, một bên không xả bỏ tâm tham dục, và một bên xả bỏ tâm tham dục. Bởi vì, Mật thừa và Ba la mật đa thừa đều có cả hai con đường tu tập này, cho nên đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ tâm tham dục, không

phải là lý do để phân thành hai thừa. Trong Ba la mật đa thừa, có nhiều Bồ tát tại gia tu tập sáu pháp ba la mật nhưng chưa lìa bỏ những hành vi bất tịnh. Hơn nữa, có nhiều hành giả dùng phương tiện thiện xảo, vì lòng từ bi cứu vớt mà đã làm việc phi phạm hạnh, như trường hợp của bà la môn Tinh Tú (Kiyu-kar-ma). Lại nữa, trong Mật thừa cũng có nhiều hành giả đã đoạn tâm tham dục. Nếu không, trước khi chứng được quả Phật, vẫn chưa đoạn được tâm tham dục, hoặc giả, sau khi thành Phật rồi cũng vẫn không đoạn được tâm tham dục.

*Phản đối:* Điều vừa nêu trên không phải áp dụng cho bất cứ ai, hoặc cho tất cả hành giả của Mật thừa và Ba la mật đa thừa, mà chỉ áp dụng cho những hành giả đặc biệt, hoặc những hành giả đương cơ, vừa bước vào đạo. Hơn nữa, không phải bất cứ người nào không có ý định xa lìa tâm tham dục đều có thể tu tập Mật thừa. Một hành giả có thích hợp cho sự tu tập Mật thừa hay không, được phân định bởi sự đã tích tập, hoặc chưa tích tập đầy đủ tư lương, khiến cho sự tham dục trở thành một công cụ trợ giúp cho việc tu tập đạt đến sự giải thoát.

*Trả lời:* Như sẽ được giải thích phía dưới. *Samputa Tantra (Skt: Saṃputatantra)* nói:

Bốn đặc tính: cười, nhìn,  
Nắm tay, và ôm nhau<sup>21</sup>,  
Được nói trong bốn bộ,  
Như hành động côn trùng<sup>22</sup>.

Nên biết rằng hành giả của bốn Mật bộ, tùy vào mỗi bộ, dùng sự khoái lạc tương ứng với bốn sự ham muốn của cõi dục

---

<sup>21</sup> Ôm nhau (Anh: Two embracing).

<sup>22</sup> Như hành động côn trùng (Anh: In the manner of insects).

[nhìn, cười, nắm tay và hòa hợp<sup>23</sup>. Sự có hoặc không có khả năng sử dụng sự khoái lạc trong việc tu đạo], tuy có thể phân định sự khác biệt giữa các hành giả mới vừa tiến nhập Mật thừa và Ba la mật đa thừa, nhưng cũng không thể dùng đây để phân định sự khác biệt giữa hai thừa.

Tương tự, Đại thừa không thể phân thành Mật thừa và Ba la mật đa thừa bằng cách phân định rằng con đường tu đạo có sự trang nghiêm bằng sự hỷ lạc (Anh: adorned with bliss), hoặc có sự tập trung vào những điểm trọng yếu của thân và tâm (Anh: concentration on essential points in the body and mind). Trang nghiêm lạc, có thể có ý nghĩa là trong sự tu tập, dẫn đến sự phát khởi sự hỷ lạc đặc thù trong thân và tâm, khiến cho tâm phần chấn tập trung vào đề mục. Thế nhưng, ngài Vô Trước (Asanga) trong *Du Già Sư Địa Luận (Treatises of the Levels)* cho rằng những hành giả khi mới đạt được xa ma tha, trước tiên, làn gió trong thân trở nên nhu nhuyển, kế đến, thân cảm thấy vô cùng hỷ lạc (Anh: great bliss), và tâm trở nên đặc biệt hân hoan (Anh: special joy). Tâm trở nên phần chấn tập trung vào đề mục. Cho nên, bất luận hành giả Phật giáo hoặc ngoại đạo, khi tu tập thành tựu pháp xa ma tha, đều có sự đặc biệt hỷ lạc của thân và hân hoan của tâm. Như vậy, làm sao có thể dùng đây làm lý do để phân Đại thừa thành Mật thừa và Ba la mật đa thừa? Điều này đã được giải thích tỉ mỉ trong *Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Đại Luận (Stages of the Path Common to the Vehicles, Tib: Lamrim Chenmo)*, cho nên ở đây sẽ không bàn luận chi tiết.

*Phản đối:* Trang nghiêm bằng sự hỷ lạc, nghĩa là thông đạt ý nghĩa chân thật tùy thuộc vào sự hỷ lạc hòa tan (Anh: melting bliss, Hán: dung hoá lạc), sự kiện này lại tùy thuộc vào sự thu phóng (Anh: meeting and staying together) của

---

<sup>23</sup> Hòa hợp (Anh: Union).

hai loại Bồ đề tâm trắng và đỏ (Anh: white and red minds of enlightenment)<sup>24</sup>.

*Trả lời:* Sự kiện vừa trình bày không đủ yếu tố để thiết lập sự khác biệt tổng quát giữa Mật thừa và Ba la mật đa thừa, bởi vì đó là pháp tu đặc thù của Vô thượng du già. Tương tự, nên biết rằng sự tập trung vào những điểm trọng yếu của thân và tâm cũng không phải là yếu tố để phân định sự khác biệt của Mật thừa và Ba la mật đa thừa.

## **F2. Giải đáp chính xác.**

### **G1. Lý luận phân định hai loại Đại thừa.**

#### **H1. Nêu rõ chánh nghĩa.**

Nếu chỉ căn cứ vào sự vận tải đến mục tiêu (quả), thì không thể phân định sự hơn kém giữa Mật thừa và Ba la mật đa thừa, vì mục tiêu của hai con đường tu tập này đều là đưa đến quả Phật, đoạn trừ tất cả phiền não, viên mãn tất cả công đức.

Hơn nữa, nếu căn cứ trên sự vận tải khác biệt (nhân), thì trên phương diện kiến giải (thông đạt tánh không sâu xa), phát tâm (Vô thượng Bồ đề), tu tập lục độ vạn hạnh, cũng không có sự khác biệt.

*Hỏi:* Nếu vậy, phải dùng sự kiện nào để phân định?

*Đáp:* Yếu nghĩa mà hai loại Đại thừa tìm cầu là mong muốn lợi lạc chúng sanh, chứ không phải chỉ là thành tựu quả vị giải thoát cho chính mình. Vì thấy được quả Phật là phương tiện thù thắng nhất để lợi ích chúng sanh, cho nên mong cầu.  
*Hiện Quán Trang Nghiêm Luận (Ornament for the*

---

<sup>24</sup> Bồ đề tâm trắng và đỏ là tinh chất (Anh: vital essence) của người nam và người nữ.



*Realisation, Skt: Abhisamayālamkāra*) của ngài Di Lặc (Maitreya) nói:

Phát tâm vì mong cầu,  
Thành Phật độ hữu tình.

Sự phát tâm Bồ đề của hai thừa giống nhau.

Một vị Phật hiện thân để thành tựu cho một hành giả đều là sắc thân (báo thân hoặc hóa thân), chứ không phải pháp thân. Pháp thân được thành tựu do trí tuệ thông đạt tánh không, còn sắc thân được thành tựu do tu tập phương tiện rộng lớn. Hơn nữa, pháp thân và sắc thân không thể được thành tựu do sự tu tập trí tuệ mà không có phương tiện, hoặc do sự tu tập phương tiện mà không có trí tuệ. Cho nên hành giả cần phải hội đủ hai yếu tố không thể phân ly là trí tuệ và phương tiện, và đây là ý nghĩa chánh yếu (Anh: tenet) của Đại thừa.

Nếu chưa thông đạt thật nghĩa (Anh: cognising the mode of subsistence of phenomena), ắt không thể đoạn trừ tất cả phiền não, vượt thoát biển khổ sanh tử, cho nên trí tuệ thông đạt tánh không sâu xa là pháp tu chung, luôn cho cả hai loại hành giả Tiểu thừa.

Đặc điểm chính của những đạo lộ (Anh: paths) Đại thừa là tu tập phương tiện để trở thành kẻ bảo hộ và là nơi nương tựa của những hữu tình đang lưu lạc trong sanh tử bằng cách thị hiện sắc thân đối với những chúng sanh đã đầy đủ thiện căn. *Các hành giả Ba la mật đa thừa tu tập những hành tướng tùy thuận pháp thân, bằng cách quán sát thật tánh của các pháp, xa lìa tất cả mọi hý luận, thế nhưng, họ lại không tu tập hành tướng tùy thuận sắc thân [trang nghiêm với ba mươi hai tướng và tám mươi hảo] mà các hành giả Mật thừa tu tập.* Cho nên, từ phương diện tu tập phương tiện thành

tự sắc thân để lợi lạc hữu tình, đạo thể (Anh: corpus) của hai thừa có sự khác biệt lớn lao. Do sự kiện này mà Đại thừa được phân thành hai thừa.

Nói tổng quát, không thể dùng không tuệ (Anh: wisdom of emptiness), mà phải dùng phương tiện để phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa, và đặc biệt, trong sự phân chia Đại thừa thành hai, không thể dùng trí tuệ thông đạt tánh không để phân định, mà phải dùng phương tiện. Phương tiện chủ yếu ở đây là thành tựu sắc thân, tức là pháp tu Bốn tôn du già (Anh: deity yoga), quán tưởng thân mình có những đặc tánh tương tự với sắc thân của bốn tôn, và đây là một phương tiện của Mật thừa thù thắng hơn phương tiện của Ba la mật đa thừa.

## Chương 4. Bốn tôn du già

### H2. Dẫn lời kinh làm chứng cứ.

#### I1. Lời dạy trong Vô thượng du già mật.

#### J1. Lời dạy trong Mật bộ.

Phẩm đầu trong *Kim Cang Mạc Kinh (Vajrapanjara Tantra, Skt: Vajrapañjara)* nói rõ về pháp tu.

- (1) Nếu “không” là phương tiện,  
Ắt không thể thành Phật,  
Lìa nhân không thành quả,  
Phương tiện chẳng phải “không.”  
(2) Chúng sanh khởi điên đảo,  
Và truy cầu ngã kiến,  
Vì muốn phá ngã chấp,  
Nên Phật nói về “không.”  
(3) Quán vòng mạn đà la,  
Phương tiện sanh các lạc,  
Do tự hào là Phật,  
Thành Phật ắt không xa.  
(4) Phật đủ bả hai tướng,  
Tám mươi tùy hình hảo,  
Phương tiện để thành tựu:  
Tự khởi thành Phật thân.

Bốn bài kệ trên: (1) đả phá quan niệm cho rằng quán không cũng là phương tiện, (2) nêu rõ mục đích của Phật giảng về “không”, (3) nói về những phương tiện bất cộng rộng lớn, và (4) nêu rõ lý do tại sao Phật quả được thành tựu qua phương tiện này.

Ý nghĩa của bài kệ thứ nhất: Như trong *Kim Cang Mạc Kinh (Vajrapanjara Tantra – Skt: Vajrapañjara)* đã dạy rằng

tâm của chúng ta bị những vọng tưởng tạp loạn làm cấu ô, cho nên chúng ta phải dùng mọi nỗ lực để tịnh hóa nội tâm.

Có người cho rằng: “Muốn thanh tẩy cấu nhiễm, chỉ cần tu tập quán không, bởi vì trí tuệ thông đạt chân thật (tánh không) chính là sự đối nghịch với hành tướng của ngã chấp, trong khi những pháp tu khác thì không đối nghịch. Cho nên con đường thành Phật chỉ là sự tu tập tánh không, đâu cần những hý luận (phương tiện) nào khác?”

Nếu chỉ tu tập không tánh thì dù có dụng công cách nào cũng không thể thành Phật. Bởi vì ngoài sự quán không, không còn phương tiện nào khác để chiêu cảm quả Phật, xa lìa phương tiện, không đủ nhân tố để thành Phật. Cho nên tu tập tánh không, không viên mãn tất cả phương tiện. Ngài Thiên Chúng Tuệ (Devakulamahāmati) giải thích hợp lý khi cho rằng đường lối tu tập này (trí tuệ và phương tiện), không chỉ riêng cho Mật thừa, mà cũng là cho Ba la mật đa thừa.

*Hỏi:* Nếu vậy, Đức Phật giảng tánh không để làm gì?

*Đáp:* Có hai loại người: (1) không có chánh kiến về pháp vô ngã, và (2) truy cầu ngã kiến, chấp trước vào ngã. Vì muốn trừ khử hai loại ngã chấp (nhân ngã chấp và pháp ngã chấp), cho nên Đức Phật giảng tánh không (hoặc giảng vô ngã). Điều này nói rõ rằng muốn tẩy trừ cấu ô phân biệt vọng chấp về hai ngã, nhất định phải tìm cầu tu tập chánh kiến về thật tánh – vô ngã.

Tương tự, trong Ba la mật đa thừa cho rằng nếu chỉ tu tập quán không thì chưa đủ, và mục đích của pháp tu này chỉ là khiến cho tâm thanh tịnh. Điều này giải thích hai câu “Chúng sanh khởi điên đảo, và truy cầu ngã kiến”, tương ứng với lời giải thích của ngài Thiên Chúng Tuệ (Devakula-

mahāmati) trong *Kim Cang Mạc Kinh Thích (Commentary on the Vajrapanajara Tantra)*.

*Hỏi:* Nếu chỉ tu tập không tánh, phương tiện không viên mãn, như vậy, thế nào là phương tiện thù thắng?

*Đáp:* Chỉ tu tập không tánh không phải là một phương tiện thiết thực (Anh: feasible), mà phương tiện thù thắng chính là đạo tràng mạn đà la.

Trong *Kim Cang Mạc Kinh Thích (Commentary on the Vajrapanajara)* của ngài Thiên Chúng Tuệ (Devakulamahāmati), bài kệ được phiên dịch là “phương tiện chính là lạc.” Sự phiên dịch này chính xác hơn sự phiên dịch “phương tiện sanh các lạc” ở trên. Trong đây hiển thị một phương tiện thù thắng hơn Ba la mật đa thừa, và nêu rõ “sự tu tập không tánh không phải là một phương tiện viên mãn.” Bên cạnh sự tu tập quán không, phải tăng gia phương tiện, tức là pháp tu Bốn tôn du già (deity yoga). Cho nên biết rằng pháp tu quán tưởng mạn đà la (thân sắc và cung điện của chư thánh tôn) là phương tiện chủ yếu cho sự thành tựu sắc thân<sup>25</sup>.

Trong pháp phương tiện này có hai: một là lạc, hai là luật nghi. Lạc, nghĩa là không cần phải tu các khổ hạnh. Luật nghi, trong *Hoan Hỷ Kim Cang Kinh (Hevajra Tantra)* nói có nhiều loại, nhưng ở đây phải được hiểu là *phương tiện hiện rõ hành tướng đàn tràng thánh tôn và trí tuệ thông đạt tánh không* không thể tách rời nhau.

---

<sup>25</sup> Mạn đà la thân, tức là thân của chư thánh tôn, và mạn đà la cung điện, tức là cung điện của chư thánh tôn là hai yếu tố thành tựu sơ sắc thân, làm nền tảng căn bản cho các mạn đà la khác, như tam muội da, pháp, và sự nghiệp, để thành tựu viên mãn sắc thân lợi lạc chúng sanh.

Trong pháp du già phương tiện và trí tuệ, hành giả tu tập sự “tự hào” tức thân là Phật, như Tỳ Lô Xá Na (Vairocana), v.v..., cho nên có thể thành tựu Phật quả nhanh chóng, không cần phải trải qua số kiếp dài lâu như trong Ba la mật đa thừa. Điều này nêu rõ sự thù thắng của Mật thừa. Sự giải thích rằng pháp tu Bốn tôn du già (deity yoga) là con đường tu tập nhanh chóng phá trừ quan niệm sai lầm cho rằng pháp tu Bốn tôn du già hoàn toàn vô ích trong sự thành tựu Phật quả.

*Hỏi:* Tại sao trong việc tu tập thành tựu sắc thân, hành giả cần phải tu pháp “tự hào là Phật” và “đền tràng mạn đà la”?

*Đáp:* *Kim Cang Mạc Kinh (Vajrapanĵara, Skt: Vajrapañĵara)* nói:

Phật đủ bẩy hai tướng,  
Tám mươi tùy hình hảo,  
Phương tiện để thành tựu:  
Quán tự thân là Phật.

Vì sắc thân - đối tượng của sự thành tựu - được trang nghiêm bởi ba mươi hai tướng và tám mươi hảo, cho nên mới nói rằng muốn được thành tựu, phải dùng hành tướng của quả Phật làm đối tượng để tu tập.

Hai chú giải khác của *Kim Cang Mạc Kinh (Vajrapanĵara Tantra)* [một do ngài Kṛṣṇapada và một do ngài Indrabodhi], chưa giải thích rõ ràng để đoạn trừ sự nghi hoặc, nhưng điều này đã được giải thích trong chú giải của ngài Thiên Chúng Tuệ [dù không hoàn toàn chính xác]. Trong chú giải này, khi giải thích bài kệ đầu (Nếu “không” là phương tiện, v.v...), lúc đả phá “chỉ dùng sự tu không tánh làm phương tiện”, ngài đã cho rằng nếu chỉ tu không, mà không tu phương tiện, hành giả sẽ thác sanh về các nạn xứ, như Không vô biên xứ, v.v...

Điều này không đúng [bởi vì hành giả tu tập “không” sẽ chứng quả A la hán của Tiểu thừa].

Kể đến, để trả lời lập luận “lúc tu đạo, pháp tu không tánh là phương tiện, lúc chứng đạo, pháp tu không tánh là quả”, ngài Thiên Chúng Tuệ (Devakulamahāmati) giải thích rằng lúc tu nhân và chứng quả, trong hai giai đoạn đó, “tánh không” không có sự khác biệt. Nếu cho rằng không tánh là nhân, ắt nó không thể đồng thời là phương tiện. Ngài nói thêm rằng nhân là hý luận duyên với sự chấp thật, còn quả thì ngược lại. Nhân và quả khác biệt, cho nên phương tiện không phải là tánh không.

Sự giải thích của ngài về mục đích của Đức Phật giảng về tánh không cũng giống như vừa đề cập ở trên. Nghi vấn: “Nếu trong Ba la mật đa thừa dạy rằng sự giác ngộ được thành tựu sau ba a tăng kỳ kiếp tu tập bát nhã ba la mật và năm ba la mật khác, như vậy, những phương tiện như tu tập mạn đà la để làm gì?” Để giải trừ sự nghi ngờ này, ngài Thiên Chúng Tuệ (Devakulamahamati) giải thích chữ “lạc” trong bài kệ thứ ba, như vừa đề cập ở trên. Ngài nói rằng “phương tiện” tức là thể nghiệm sự khoái lạc của hai căn giao hợp – nhưng chỉ giới hạn trong pháp tu Vô thượng du già. “Tự hào là Phật”, được giải thích [đúng] là sự vượt thoát khỏi cái ngã phàm tục; còn “không xa”, được giải thích là thành Phật trong hiện đời – nhưng cũng chỉ giới hạn trong pháp tu Vô thượng du già.

Có người nghĩ rằng Phật thân là do tu tập pháp thân (chỉ tu tập không tánh). Bài kệ thứ tư giải trừ sự nghi hoặc này. Ngài Thiên Chúng Tuệ giải thích rằng phương tiện là ba loại tam ma địa (Anh: meditative stabilisation) tùy thuận hành tướng của ba thân.

Nhiều lạt ma Tây Tạng sai lầm khi chỉ áp dụng pháp tu Bốn tôn du già (deity yoga) – vòng mạn đà la (Anh: mandala circle) – vào giai đoạn thứ nhất của Vô thượng du già (giai đoạn tự khởi). Đây là lỗi không phân biệt được sự rộng hẹp của pháp Bốn tôn du già (tồn tại trong ba Mật bộ cấp thấp và trong cả hai giai đoạn của Vô thượng du già), và giai đoạn tự khởi (chỉ tồn tại trong giai đoạn đầu tiên của Vô thượng du già). Pháp tu Bốn tôn du già (deity yoga) cần phải được áp dụng chung cho cả hai giai đoạn (giai đoạn tự khởi và giai đoạn viên mãn).

Quan niệm này [cho rằng pháp tu quán không là phương tiện duy nhất để thành tựu cả hai thân – pháp thân và sắc thân] là nguyên nhân chánh cho những quan niệm sai lầm bác bỏ pháp tu Bốn tôn du già (deity yoga), không cho đó là một phương tiện để thành tựu Phật quả vô thượng. Ở đây dẫn chứng *Kim Cang Mạc Kinh (Vajrapanajara Tantra)* để giải trừ nghi hoặc này, và đồng thời nêu rõ sự cần thiết tu tập pháp Bốn tôn du già như là một nhân tố cho sự thành tựu sắc thân. Các lời dạy trong những Mật bộ khác cũng phải được hiểu như vậy. Vì e phiến toái, cho nên không trích dẫn nhiều.

## **J2. Lời dạy trong các chú giải.**

### **K1. Chú giải của ngài Trí Túc.**

Trong *Tu Ngã Phương Tiện Luận (Engaging in the Mean of Self-Achievement, Skt: Ātmasāadhanāvātāra)*, ngài Trí Túc (Jñānapāda) đã giải thích rất rõ ràng những điều được dạy trong Mật bộ vừa nêu trên. Trước tiên, ngài nói về pháp tu của Ba la mật đa thừa:

Nếu pháp tu quán vô ngã thiếu những tánh chất của phương tiện, nó không thể phát sanh nhất thiết chủng trí – xa lìa tất cả phiền não phân biệt, lợi lạc tất cả hữu



tình. Cho nên, hành giả phải nỗ lực tu tập một phương tiện rõ ràng. Chỉ có nhất thiết chủng trí của Phật mới có thể lợi lạc tất cả chúng sanh, và sự lợi lạc này phát sanh từ sự rộng lớn rốt ráo (Anh: ultimate vastness). Nhân của sự lợi lạc này cũng chỉ là sự tu tập phương tiện, bởi vì sự tu tập vô ngã chỉ đoạn trừ phiền não phân biệt. Hơn nữa, *Trang Nghiêm Đại thừa Kinh Luận (Ornament for the Mahayana Sutras)* nói:

Thâm sâu và rộng lớn,<sup>26</sup>  
Là phương tiện vô thượng,  
Để dạy hai loại người:  
Vô phân biệt, thành thực.

Nên biết những sự tu tập bố thí chân chánh (Hán: vô đảo), v.v..., đều là phương tiện, vì khi đem những công đức này hồi hướng nhất thiết chủng trí, chúng sẽ thành nhân tố cho sự thành tựu Chánh đẳng Bồ đề. *Bát Nhã Nhiếp Tụng (Condensed Perfection of Wisdom Sutra)* nói:

Đem thí, giới, nhẫn và tinh tiến,  
Định, tuệ hồi hướng Đại bồ đề,  
Nay xin khuyến cáo hàng sơ học,  
Chớ chấp Bồ đề là thật có.

Ở đây, điều ngài Trí Túc (Jñānapāda) muốn nói là nếu xa lìa phương tiện rộng lớn, bất luận tu tập quán vô ngã thế nào chăng nữa, cũng không thể chứng đắc quả Phật, lợi ích tất cả chúng sanh, cho nên cần phải tu tập phương tiện. Chứng đắc quả Phật lợi lạc tất cả hữu tình là do tu tập phương tiện rộng

---

<sup>26</sup> Sâu là pháp quán không, đạt vô phân biệt tâm, chứng quả Pháp thân Phật. Rộng lớn là pháp phương tiện Bốn tôn du già, chứng quả Sắc thân Phật để thành thực và lợi lạc hữu tình.

lớn, bởi vì nếu chỉ tu tập vô ngã, thì chỉ có thể chứng được đoạn đức - tận trừ tất cả phiền não.

Điều này không có nghĩa là nếu xả ly phương tiện rộng lớn, chỉ tu tập không tánh, tuy có thể đoạn trừ tất cả phiền não, nhưng không thể lợi lạc tất cả hữu tình, mà cũng không có nghĩa là nếu xả ly tu tập tánh không, chỉ tu tập phương tiện rộng lớn, tuy có thể thành tựu sắc thân lợi lạc tất cả hữu tình, nhưng không thể chứng đắc pháp thân, đoạn trừ tất cả phiền não. Bởi vì, nếu thành tựu một thân thì cũng phải thành tựu thân kia. Pháp thân và sắc thân nương tựa cùng một nhân, quyết định có liên hệ, không thể tách rời nhau.

Hơn nữa, trí tuệ thông đạt tánh không, do Bồ đề tâm dẫn phát, có thể tịnh trừ tất cả phiền não ngã chấp. Trí tuệ này tuy là nhân riêng của một pháp thân đầy đủ hai sự thanh tịnh (bổn lai thanh tịnh và thanh tịnh do đoạn trừ phiền não), nhưng cũng là trợ duyên của sắc thân.

Tương tự, phương tiện rộng lớn, tuy là nhân riêng của sắc thân, nhưng cũng là trợ duyên của pháp thân. Nếu như không nỗ lực tu tập phương tiện rộng lớn, thì dù tu tập tánh không cách nào chăng nữa, cũng chỉ có thể vượt thoát sanh tử, nhưng chung cuộc không thể chứng đắc pháp thân, đoạn trừ tất cả phiền não cấu nhiễm. Ngược lại, nếu không nỗ lực tu tập trí tuệ thông đạt tánh không, mà chỉ tu tập phương tiện rộng lớn, ắt cũng không thể thành tựu sắc thân.

Nên biết, sự đoạn trừ tất cả cấu nhiễm để đạt đến quả vị Phật là do thành quả của sự tu tập tánh không, còn sự lợi ích tất cả chúng sanh là do thành quả của sự tu tập phương tiện rộng lớn. Chẳng hạn, vì cần phải có đủ ba duyên để phát sanh nhân thức thấy được màu xanh, cho nên nhân thức là thành quả của ba duyên. Thế nhưng, nếu chỉ duyên vào sắc mà không bị tiền cảnh lay chuyển là do công năng của nhãn

căn, phát sanh tánh lãnh nạp (Anh: experiential entity) là do công năng của đẳng vô gián duyên (Anh: immediately preceding condition), phát sanh hành tướng của màu xanh là do công năng của sở duyên duyên (Anh: the object).

*Trang Nghiêm Đại thừa Kinh Luận* nói: “Thâm sâu và rộng lớn, v.v...” (trang 65), là muốn nói rõ rằng cần phải có đủ hai phần trí tuệ và phương tiện mới là phương tiện thù thắng để chứng đắc quả Phật. *Bát Nhã Nhiếp Tụng* nói: “Đem thí, giới, nhẫn và tinh tiến, v.v...” (trang 65), là muốn dạy rằng các hạnh bố thí, v.v..., cần phải hồi hướng Vô thượng Bồ đề, và phải được trí tuệ thông đạt tánh không nhiếp trì thì mới có thể trở thành phương tiện thành Phật.

Ngài Trí Túc (Jñānapāda) nói về phương tiện đặc thù của Mật thừa: “Đây không phải là như vậy, trong thực tế bởi vì ngoài việc tu tập các nhân không tương ưng (tức là năm ba la mật đầu, v.v...), không tu tập thiền quán tùy thuận hiện chứng Đại bồ đề.” Điều này muốn nói là trong Ba la mật đa thừa, các pháp bố thí, v.v..., tuy được xem là phương tiện, nhưng không phải là những phương tiện vô thượng, bởi vì chúng thiếu các thiền quán tùy thuận hiện chứng Sắc thân Phật (tức là pháp tu Bốn tôn du già). Đây là vì các hành giả Ba la mật đa thừa chỉ tu tập những đạo lộ hoàn toàn khác biệt với sự thành tựu sắc thân.

Kế đến, ngài Trí Túc (Jñānapāda) xác định rằng nếu một hệ thống không tu tập con đường tùy thuận hành tướng sắc thân (Bốn tôn du già), thì nó không phải là phương tiện vô thượng để thành tựu Phật quả. Ngài nói: “Thành quả, mà tự thân của nó có thể tánh sâu xa và thể tánh rộng lớn, được thành tựu từ hai thể tánh đó (thể tánh sâu xa thành tựu

pháp thân Phật, và thể tánh rộng lớn thành tựu sắc thân Phật).”<sup>27</sup>

Một cách tổng quát, thành quả đạt được là một pháp thân với thể tánh thâm thâm (sâu xa) và một sắc thân tướng hảo trang nghiêm với thể tánh rộng lớn. Hơn nữa, bát nhã trí an trụ nhất vị với pháp tánh chân thật bất động; đồng thời, sắc thân trang nghiêm tướng hảo an trụ bất biến. Hai thân này thể tánh không khác biệt, và đây là ý nghĩa của “tự tánh thân.” Cho nên phương tiện và trí tuệ thành tựu quả báo Phật cũng phải tùy thuận với chúng. Chẳng hạn, trong lúc tu tập thành tựu Phật tâm (pháp thân), hành giả cần phải an trụ tâm trong pháp giới chân như, và đồng thời tu tập hành tướng tùy thuận Phật tâm. Tương tự, khi tu tập thành tựu sắc thân, hành giả cần phải tu tập hành tướng tùy thuận sắc thân bằng cách tự thân cũng phải hiện rõ sắc thân tướng hảo (ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp). Bởi vì hai thân này, tu tập một thân thì cũng phải tu tập thân kia, còn nếu không tu tập một thân, thì cũng phải không tu tập thân kia.

Dựa vào ý nghĩa này, ngài Trí Túc (Jñānapāda) trong *Tu Ngã Luận (Self-Achievement)* nói: “Cho nên, giống như tu tập vô ngã, hành giả cũng phải tu tập tự tánh rộng lớn, không có sự khác biệt.” Ở đây, rộng lớn, tức là pháp Bốn tôn du già (deity yoga). Ý nghĩa của sự rộng lớn này sẽ được giải thích bên dưới (trong phần Vô thượng du già). Y vào phương tiện này mà tu thì được gọi là thành tựu từ hai thể tánh.

Lúc đạt đến quả vị (Hán: chứng đạo vị), thể tánh của sắc thân trang nghiêm tướng hảo và tâm vô sở đắc (thông đạt vô tự tánh) không có sự khác biệt và đồng thời an trụ. Tương

---

<sup>27</sup> Nói cách khác, một pháp môn tu tập muốn đạt đến thành quả sâu xa và rộng lớn thì bản thân của pháp môn đó phải có đủ hai tính chất sâu xa và rộng lớn.

tự, trong lúc tu đạo (Hán: tu đạo vị), hành giả cần có phương tiện hiện rõ tự thân là Như lai thân. Lúc ấy, trí tuệ thông đạt vô tự tánh duyên với pháp giới chân như, cả hai (trí tuệ và phương tiện) cùng một thức thể, đồng thời hòa hợp, không thể phân ly. Do sự tu tập pháp du già, trí tuệ phương tiện đồng thời hòa hợp, hành giả sẽ rốt ráo thành tựu Phật quả, do trí tuệ bất nhị (Anh: non-dualist wisdom) hiện khởi sắc thân [trước những chúng sanh đang được hóa độ].

Nếu “phương tiện thù thắng hiện rõ thân của bốn tôn” tách là “trí tuệ thông đạt bốn tánh của tự tâm (tánh không)”, thì không thể thành tựu Phật quả, bởi vì khiếm khuyết một nhân. Cho nên, cần phải hai nhân hòa hợp. *Tu Ngã Luận (Self-Achievement)* của ngài Trí Túc (Jñānapāda) nói: “Đức Năng Nhân (Phật) đầy đủ vô lượng quang minh là nơi nương tựa cho sự viên mãn của chính mình và tất cả chúng sanh, dùng phương tiện tối thắng này làm tướng. Nhưng nếu xa lìa trí tuệ, thì nó sẽ không còn là phương tiện để thành tựu mọi sự viên mãn, cho nên đối với tự tánh của bốn tôn (Anh: deity), hành giả cần phải hiểu rõ chính xác.”

Trí tuệ thông đạt “sự vô tự tánh của sự hiện hữu và hiện tướng của bốn tôn du già” có cùng một thể tánh với tâm rộng lớn của bốn tôn. Thế nhưng, trí tuệ và phương tiện có thể an lập khác nhau. Do vì đối tượng trừ khử của chúng khác nhau, cho nên chúng được an lập bởi danh ngôn tăng thượng khác biệt. Trí tuệ được thiết lập từ quan điểm cho rằng nó là sự trái ngược của một cái tâm nhận thức lệch lạc về thực tánh. Bởi vì trí tuệ thông đạt tánh không là trí tuệ tối thắng. Phương tiện được thiết lập từ quan niệm cho rằng nó là sự trái ngược của một sự không thể có công năng thành tựu Phật quả. Bởi vì phương tiện của Phật (Anh: methods of Buddhahood) thì có công năng thành tựu quả vị đó. Như *Tu Ngã Luận* của ngài Trí Túc (Jñānapāda) nói: “Phương tiện và trí tuệ tuy cùng một thể với tâm rộng lớn không điên đảo

(Anh: unmistakable vast mind), nhưng do vì tên gọi khác nhau nên được công nhận là khác biệt. Điều này có nghĩa là trí tuệ thì tương phản với cái tâm nhận thức lệch lạc về thực tánh, còn phương tiện là cái tương phản của sự không có công năng thành tựu tự quả. Ở đây, tuy ngài Trí Túc (Jñānapāda) giải thích cách thành lập trí tuệ và phương tiện theo quan niệm thông thường, thế nhưng, nền tảng mà ngài thiết lập là phương tiện và trí tuệ thù thắng của Mật tông.

Như vậy, sắc thân được thành tựu qua sự hiện rõ của trí tuệ thông đạt tánh không như một đàn tràng thánh tôn, và pháp thân được thành tựu qua sự thông đạt không tánh. Nên biết, phương tiện trí tuệ hòa hợp không hai, tức là ý nghĩa chủ yếu của Mật tông nói về phương tiện, trí tuệ và các pháp du già.

## Chương 5. Phương pháp trong bốn Mật bộ

### K2. Lời dạy của các luận sư khác.

Ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti) trong *Tứ Bách Ngũ Thập Luận Thích (Commentary on Four Hundred and Fifty, Skt: Guhyasamājamaṇḍalavidhiṭkā)* nói: “Nếu chỉ tu tập về bốn tánh của bốn tôn (Anh: nature of a deity), hành giả không thể thành Phật, vì sự tu tập phương tiện không viên mãn. Nếu chỉ tu tập về pháp tánh của bốn tôn (Anh: suchness of a deity), mà không tu tập pháp Bốn tôn du già, hành giả cần phải trải qua nhiều a tăng kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Nếu tu tập cả hai thì hành giả sẽ mau thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, bởi vì đây là sự tu tập rất thỏa đáng và nhận được những sự gia trì thù thắng.”

Ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti) cho rằng nếu hành giả chỉ tu tập pháp Bốn tôn du già, ắt cũng không thể thành Phật. Hơn nữa, dù không tu tập pháp Bốn tôn du già, nhưng tu tập không tánh và các phương tiện khác, hành giả sẽ thành tựu Phật quả sau khi trải qua nhiều a tăng kỳ kiếp. Nếu như tu tập cả hai, Bốn tôn du già và không tánh, thì đây là con đường thành Phật nhanh chóng.

Ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti) cũng cho rằng chánh kiến về tánh không là pháp tu chung cho hai loại Đại thừa. Nếu không tu tập pháp Bốn tôn du già (deity yoga) thì con đường thành Phật sẽ chậm chạp như Ba la mật đa thừa, nhưng nếu phối hợp pháp Bốn tôn du già và kiến giải về không tánh thì con đường thành Phật sẽ trở nên nhanh chóng. Điều này cũng giống như sự giải thích trong *Kim Cang Mạc Kinh (Vajrapanjarā)* và *Tu Ngã Luận (Self-Achievement)* ở trên.

Ngài Vô Úy (Abhayākara), trong Phần mười tám của *Giáo Thọ Huệ Luận (Clusters of Quinessential Instructions, Āmnāyamañjari)*, cũng giảng tương tự như ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti), và đồng thời dẫn chứng Phẩm mười bốn của *Kim Cang Mạc Kinh (Vajrapanjarah)* nói:

Vì phá mạn thể gian,  
Giảng pháp tu chân chánh.

Lại nói:

Vì muốn tịnh trị thân bất tịnh,  
Cho nên phải tu tập Phật thân.

Ngài Vô Thắng Nguyệt (Durjayacandra) chú thích Phẩm một trong *Hevajra Tantra* đã trích dẫn Phẩm một và Phẩm mười bốn của *Kim Cang Mạc Kinh (Vajrapanjarah)* để chứng minh rằng “nhân không thể thành tựu quả không tương ứng với nó (nhân).” Ngài Trì Tường (Śrīdhara) trong *Trát Nỗ Thích Câu Sanh Quang Minh Luận (Innate Illumination: Commentary on the Difficult Points of the Yamani Tantra, Skt: Yamāritantraṇjikāsahajāloka)* nói:

Không nên cho rằng sắc thân sẽ sanh khởi từ những phương tiện như bố thí, v.v..., và nguyện lực. Nếu như đối với thọ dụng thân (báo thân) và biến hóa thân chưa thể tu tập, tâm còn do dự, thì làm sao có thể phát sanh định giải (Anh: firm in mind)?

Có người cho rằng hai thân này (thọ dụng và biến hóa) [thành tựu là] do nguyện lực (Anh: power of prayer-petitions), nếu vậy, thì không cần tu pháp vô ngã cũng vẫn có thể hiện chứng pháp thân, và như vậy, cần gì phải tu tập lao nhọc?



## Chương 5. Phương pháp trong bốn Mật bộ

Còn nếu cho rằng pháp thân là do sự tu tập phát sanh, thì nhân của sắc thân (thọ dụng thân và biến hóa thân) là pháp tu Bốn tôn du già có lỗi lầm gì mà không chịu tu tập? Ngay cả những hành giả Ba la mật đa thừa cũng đều công nhận rằng Phật thân (đầy đủ pháp thân, báo thân và hóa thân) cần phải tu tập mới được hiển hiện.

Nếu hành giả cần phải tu tập vô ngã là hành tướng của pháp thân, thì hành giả cũng cần phải tu tập pháp Bốn tôn du già là hành tướng của sắc thân. Nếu như cho rằng không cần tu pháp Bốn tôn du già mà vẫn có thể chứng sắc thân thì cũng phải công nhận rằng, như trên đã đề cập, không cần tu vô ngã cũng vẫn có thể chứng pháp thân.

Ngài Trì Tường (Śrīdhara) dẫn kinh văn làm chứng cứ:

Tu tập nhân thành Phật,  
Là tu Phật du già<sup>28</sup>,  
Sao không quán sát: quả,  
Từ nhân tương tự sanh.

Ngài cũng dẫn *Nhất Thiết Bí Mật Kinh (All Secret Tantra, Skt: Sarvarahasya)* - thuộc Du già mật, nói:

Nói tóm, quả vị Phật,  
Từ định tuệ xuất sanh,  
Ngoài pháp Phật du già,  
Hành giả không thành Phật.

Ngài Tam Muội Da Kim Cang (Samajavajra) trong *Trác Nỗ Thích (Commentary on the Kṛṣṇayamari Tantra, Skt: Kṛṣṇayamāritantrāṭīkā)* và ngài Thắng Thọ (Jinadatta) trong *Tập Mật Thích (Commentary on the Difficult Points of*

---

<sup>28</sup> Phật du già: Bốn tôn du già.

*the Guhyasamaja Tantra, Skt: Guhyasamājatantrapañjikā*) cũng giải thích tương tự.

Ngài Điều Phục Thọ (Vinayadatta) giải thích chi tiết trong *Đại Huyền Môn Đà La Nghi Quỹ (Rite of the Great Illusion Mandala, Skt: Mahāmāyāmaṇḍalopājika)*: “Nghĩa này do chính thầy tuyên thuyết:

Song tu sắc thân và pháp thân,  
Lành thay, nhất định chứng Bồ đề,  
Chứng pháp thân do tu quán Phật,  
Tại sao không tu tập sắc thân?  
Tuy tích tập phước được sắc thân,  
Nhưng phải tu lâu, nên hạ liệt,  
Từ nhân khác sanh ra quả khác,  
Nhưng ba thân hiện khởi đồng thời.”

Tuy vẫn còn nhiều kinh văn khác để dẫn chứng, nhưng chỉ trưng dẫn những đoạn văn vừa nêu trên vì chúng rất rõ ràng.

## **12. Lời dạy trong ba Mật bộ cấp thấp.**

Ngài Trí Túc (Jñānapāda), trong *Tu Ngã Phương Tiện Luận (Self-Achievement)* - thuộc Vô thượng du già mật, cho rằng pháp tu phương tiện Bốn tôn du già nêu rõ sự khác biệt giữa Ba la mật đa thừa và Mật chú thừa. Ngài chứng minh điều này bằng cách trích dẫn một đoạn văn liên quan đến pháp tu sanh khởi thánh tôn trong *Nhiếp Chân Thật Kinh (Compendium of Principles, Skt: Tāttvasaṃghraha)* - thuộc Du già mật. Ngài cũng giải thích rõ ràng phương cách quán chư thánh tôn trong Kim cang giới (một đề mục đặc biệt của Du già mật) liên hệ đến pháp du già này. Do đây, ngài xác định rằng pháp tu Bốn tôn du già là một đặc trưng, không

phải chỉ dành riêng cho Vô thượng du già mật, mà cho cả Du già mật.

Mặc dù các lạt ma khác, khi giảng giải Vô thượng du già mật, thường đề cập đến pháp tu Bốn tôn du già, nhưng trên thực tế, các Mật bộ khác cũng có pháp tu này, bởi vì lý do tu tập đều giống nhau.

Hơn nữa, pháp tu Bốn tôn du già thường được đề cập trong Du già mật, như Sơ phẩm của *Nhiếp Chân Thật Kinh (Compendium of Principles)* nói:

Nếu hành giả quán chiếu thân Phật,  
Vớ các vi trần trong tự thân,  
Của thân, ngữ, ý như kim cang,  
Hành giả ắt sẽ thành Chánh giác.

Đối với điều này, ngài Thích Ca Hữu (Śākyamitra) trong *Kiều Tát La Trang Nghiêm (Ornament of Kosala, Skt: Kosalā-lamkāratattvasaṃghraṭikā)* giải thích: “Các hành giả điều phục tác ý, tu tập pháp quán các vi trần trong thân là các thân Kim cang, v.v..., cần phải mỗi ngày bốn lần tu pháp quán tưởng thân mình là thân Phật. Do pháp tu này đạt được những thành tựu nào? Trong kinh nói ‘sẽ thành Chánh giác’, có nghĩa là hành giả sẽ thành tựu Phật thân tướng hảo trang nghiêm.”

Lại nữa, ngài Ānandagarbha, trong *Quang Minh Thích (Illumination of Principles, Skt: Tattvāloka)*, một chú giải phần đầu của *Nhiếp Chân Thật Kinh (Compendium of Principles)*, nói: “Các hành giả tu tập mật chú cần phải quán tưởng một vị Phật, cần phải tùy thuận niệm tưởng sắc thân và pháp tánh của Như lai.” Lại nói: “Hành giả cần phải an trụ trong phương vị trung ương (chính giữa) của tất cả Như lai, quán tưởng chính mình không khác biệt với pháp thân và

sắc thân của một vị Phật. Tu tập cho đến khi hành giả tự thấy mình là một vị Phật.”

Một điều rõ ràng mà ai cũng biết là pháp thân Phật là do tu tập trí tuệ thông đạt không tánh mà thành tựu, cho nên ở đây không phiên trích lục.

Giáo nghĩa của Sự mật và Hành mật nói về pháp Bốn tôn du già như sau. Ngài Phật Mật (Buddhaghya) trong *Đại Nhật Kinh Sớ (Condensation of the Vairocanabhisambodhi, Skt: Vairocanābhisambodhitantrapiṇḍārtha)* nói: “Trong đây, hai giai đoạn hữu tướng và vô tướng, thành hai loại thân, thanh tịnh hoặc không thanh tịnh, hiển thị hai loại tự tánh của thân thánh tôn. Phần thanh tịnh, tức là tam ma địa tự tánh của pháp thân vô tướng; phần không thanh tịnh, tức là tự tánh của biến kế sắc thân, có thể tánh của báo thân và hóa thân của chư Phật Chánh Đẳng Giác, hiện rõ hình tướng sắc thân hóa độ chúng sanh.” Điều này nêu rõ việc tùy thuận hành tướng của hai thân nên tu tập hai loại du già (hữu tướng và vô tướng). Sự tu tập này tương đồng cho cả hai bộ, Sự mật và Hành mật.

Trên phương diện kiến giải, hai loại Đại thừa không có sự hơn kém, mà sự hơn kém là do pháp tu Bốn tôn du già phân định. *Tam Thừa Kiến Lập (Presentation of the Three Vehicles, Skt: Triyānavyavasthāna)* của ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti) nói:

Không có thắng nghĩa đế (Anh: ultimate truth) thứ hai nào cao hơn thắng nghĩa đế đã được thiết lập bởi Đức Thế Tôn, và ngài Long Thọ, v.v...

*Hỏi:* Nếu chỉ được thiết lập bởi những quy ước thế gian thì làm sao trở nên rộng lớn?

*Đáp:*

Do sở duyên thanh tịnh,  
Trợ bạn, và công hạnh,  
Nên thừa của bậc trí,  
Gọi là tối thượng thừa.

Ở đây muốn nói hành giả nhận rõ tự mình có bốn tánh thanh tịnh của bốn tôn, thọ trì tam muội da, và được chư Phật gia trì (Anh: empowerment). Hơn nữa, hành giả tu tập công hạnh của chư Phật Bồ tát, làm lợi ích hữu tình, làm thanh tịnh cõi Phật. Ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti) giải thích rằng do ba đặc tánh là sở duyên, trợ bạn (Anh: aids), và công hạnh (Anh: deeds), cho nên Mật thừa thù thắng hơn Trung Quán của Đại thừa (Anh: Madhyamika of the Perfection Vehicle). Có người cho rằng vì Mật thừa có ba đặc tánh vừa nêu trên cho nên được phân làm các Mật bộ là Sự mật, Hành mật, Du già mật và Vô thượng du già mật, và ba đặc tánh này được công nhận là điều kiện tổng quát của Mật thừa.

Nói tóm, do thông đạt các pháp vô tự tánh và thông đạt pháp Bốn tôn du già sanh khởi tự thân thành bốn tôn, nên đồng thời thành tựu hai thân, pháp thân và sắc thân. Đây là phương tiện cho những hành giả đương cơ của Kim cang thừa. Trong các Mật bộ, ngoài sự thông đạt tánh không và pháp tu tự khởi thành thân thánh tôn, các đạo lộ khác được đề cập đến trong các Mật bộ đều chỉ là phương pháp giúp thăng tiến trong sự thông đạt tánh không, hoặc là giải thích các chi phần của pháp tu Bốn tôn du già. Đây là hai đặc điểm mà hành giả phải nên đặc biệt chú ý.

### **H3. Đoạn trừ tranh luận.**

*Phản đối:* Thật phi lý nếu cho rằng trong Ba la mật đa thừa không có pháp tu nhân tương tự với sắc thân, trong khi Mật thừa có pháp tu này, rồi phán định sự cao thấp giữa hai

thừa. Bởi vì không nhất định là nhân tương tự sẽ đưa đến quả [tương tự]. Nếu muốn thành tựu thân tướng hảo trang nghiêm, cần phải tu tập hành tướng của tướng hảo; giả như muốn thành tựu thân tướng hảo của chuyển luân vương, cần phải tu tập hành tướng của tướng hảo [của chuyển luân vương]. Như vậy, đối với tất cả các thân ở cõi thiện cõi ác, khi gây tạo nhân, thì cũng cần phải tu tập hành tướng của các nẻo thiện ác đó, và đây là điều cực kỳ phi lý! Nếu như cho rằng nhân của những quả báo đó không cần phải tùy thuận với hành tướng của quả báo của chúng, thì phải tìm một lý do để giải thích tại sao sự tu tập quả Phật lại có sự tương phản (nghĩa là tại sao lại phải tu tập hành tướng sắc thân Phật). Nhưng điều này (lý do để giải thích sự kiện vừa nêu trên) không thể có. Cho nên nói “tu tập hành tướng để thành tựu sắc thân” cũng chỉ là một sự tín ngưỡng mà thôi.

*Trả lời:* Hiện nay sẽ giải thích. Các hành giả Ba la mật đa thừa cho rằng nhân của thể tánh của sắc thân là những tư lương phước đức thù thắng. Nhân riêng của tướng hảo là những công hạnh như nghinh đón, tiễn đưa đạo sư, v.v... Do phước lực tu tập trong vô lượng đời, đến lúc đăng địa, đạt được sắc thân tướng hảo trang nghiêm, càng lúc càng trở nên thù thắng vi diệu, đến thân sau cùng, chứng được tướng hảo rất ráo của bậc hữu học, rồi từ thân tướng hảo này chứng đắc pháp thân, và do tác dụng của đẳng lưu quả, thành thọ dụng thân (báo thân). Ngay trong Ba la mật đa thừa cũng không chấp nhận rằng một hành giả hoàn toàn chưa có tướng hảo trang nghiêm, đến lúc chứng quả, tất cả tướng hảo đột nhiên nhất thời hiện rõ.

Tương tự, Mật thừa cũng không cho rằng khi quả Phật được thành tựu trong một đời, Phật thân tướng hảo trang nghiêm thành linh hiển hiện, mà không đòi hỏi hành giả hữu học, trên con đường tu tập, cần phải có tướng hảo trang nghiêm. Như vậy, cả hai thừa đều công nhận rằng nếu thân

hữu học không có tướng hảo trang nghiêm, thì nhất định không thể thành tựu sắc thân.

Trong Mật thừa cũng không nói rằng những hành giả sơ cơ tu pháp một đời thành Phật, cần phải được sanh ra với một thân tướng hảo trang nghiêm, mà thật sự hành giả đó cũng không có điều kiện này. Bởi vì thân tướng hảo [hiện đời] của phàm phu không thể làm nhân cho tướng hảo của sắc thân. Xuyên qua sự tu tập, hành giả cần phải thành tựu, trong hiện đời, một nhân tùy thuận với những tướng hảo đó, và điều này chỉ có thể thành tựu bởi pháp tu Bốn tôn du già.

Đối với sự chiêu cảm phát sanh thân của cõi thiện cõi ác, lúc ở nhân vị, không cần phải tu tập nhân của hành tướng của thân đó, thế nhưng, trước khi thành tựu sắc thân Phật, ắt cần phải tu tập nhân tùy thuận hành tướng của Phật thân. Hai điều này làm sao có thể giống nhau được? Chúng ta không công nhận sự cần thiết phải tu tập hành tướng tùy thuận dị thực nhân để thọ sanh vào thân tướng phàm phu, nhưng chúng ta phải công nhận rằng trước khi thành Phật thân tướng hảo thì cần phải tu tập nhân tùy thuận đẳng lưu (sắc thân Phật). Cho nên đây không phải là chỗ để tranh luận.

*Hỏi:* “Nếu vậy, hành giả của ba Mật bộ cấp thấp, tu tập pháp Bốn tôn du già, và ngay cả hành giả của Vô thượng du già mật, nếu trong hiện đời chưa thể thành Phật, mà phải trải qua nhiều đời, thì làm sao tu nhân đẳng lưu của sắc thân?”

*Đáp:* “Sự tu tập Bốn tôn du già trong hiện đời sẽ trở thành nhân đẳng lưu khi hành giả thành tựu sắc thân đời vị lai, chứ không phải là nhân dị thực cho sự thọ sanh của sắc thân.”

Sau khi đã đoạn trừ sự nghi ngờ, hành giả sẽ hiểu rõ rằng pháp Bốn tôn du già là một phương tiện không thể

thiếu [trong sự tu tập]. Như Phẩm thứ nhất của *Kim Cang Không Hành (Vajradaka Tantra, Skt: Vajradāka)* - thuộc Vô thượng du già mật, nói:

Ta là tất cả Phật,  
Và tất cả Bồ tát<sup>29</sup>,  
Hòa hợp với Bốn tôn,  
Khéo tu thành tự ngã<sup>30</sup>.  
Do đây trong hiện đời,  
Sẽ thành tất cả Phật,  
Và tất cả Bồ tát,  
Tất cả Kim cang trì.  
Kim cang không hành và tát đỏa,  
Chư Như lai, Thiện thế cát tường,  
Trong sự hòa hợp tối thắng lạc,  
Với các Không hành, đã tuyên thuyết.

Lại nói:

Do ấn này hòa hợp.  
Sẽ ăn hết ba địa,  
Công hạnh khác không đủ,  
Như ngọn đèn tắt ngúm.

*Thích Luận (Commentary on the Vajradaka, Skt: Vajradākavivṛti)* của ngài Bhavabhadra nói:

Nói 'do ấn này', có nghĩa là phần trên nói về *ấn không tánh* (thân bốn tôn kế hợp không tánh). Thuật ngữ này chỉ cho bất kỳ hành giả nào có thể áp dụng một cách bình đẳng [trí tuệ thông đạt không tánh và phương tiện

---

<sup>29</sup> Bồ tát: (Hán: dũng thức, Anh: Heroes) là bậc phát đại dũng tâm, có đại oai đức lợi lạc hữu tình.

<sup>30</sup> Tự ngã là bốn tôn.



## Chương 5. Phương pháp trong bốn Mật bộ

Bốn tôn du già] bằng một ấn thế tục, dùng tay (thủ ấn), mặt (thân ấn), v.v... Hành giả du già đó làm gì? Vị ấy ‘ăn hết ba địa’, nghĩa là vị ấy đã siêu vượt hình sắc tầm thường của thân, v.v... Kế đến, nêu rõ nếu chỉ tu tập tánh không, chung cuộc không thể chứng đắc Đại bồ đề. ‘Khác’, là chỉ cho sự chuyên tu tập không tánh. Công hạnh khác, nghĩa là không hiện rõ (hoặc là không, hoặc là vô tướng). Tắt ngúm, nghĩa là chỉ vì tự lợi nên nhập Niết bàn. Tắt ngúm như thế nào? Giống như đèn tắt. Như đèn nhờ có dầu nên có thể chiếu sáng, nếu như dầu hết, thì đèn cũng sẽ tắt. Tự mình còn không sáng, làm sao có thể soi sáng người khác! Phải nên quán sát pháp tu xa ma tha về không tánh cũng giống như vậy.

Điều này muốn nói, trong Mật thừa, nếu không tu pháp Bốn tôn du già, thì bất luận tu tập không tánh thế nào chẳng nữa, rốt cuộc cũng chỉ rơi vào Niết bàn tịch diệt. Đây là ý thú tối thù thắng của các Mật bộ. Nếu như chưa có lòng tin vững chãi đối với vấn đề này, xem thường pháp tu Bốn tôn du già, mà chỉ tu mật chú là một phần nhỏ của Mật tông, thì nhất định sẽ không đạt được đạo thể.

## Chương 6. Một mục tiêu là Phật quả

### G2. Đạo tuy khác biệt, quả không khác biệt.

#### H1. Giải thích chánh nghĩa.

*Phản đối:* Nếu có sự hơn kém giữa hai loại Đại thừa, thì quả vị chúng chắc cũng có sự khác biệt, bởi vì nếu nhân khác biệt mà quả không khác biệt sẽ là một sự mâu thuẫn. Còn nếu quả không khác biệt, mà nói nhân khác biệt thì đây là một sự phi lý. Nên biết, địa thứ mười một, Phổ quang minh địa, kém hơn quả vị Kim cang trì. Phẩm thứ tư trong Phần một của *Kết Hợp Kinh (Samputa Tantra)* nói:

Nói tóm, phải trải qua,  
Vô số câu chi kiếp,  
Mới đạt được quả Phật,  
Do tu lạc tối thắng<sup>31</sup>,  
Hiện đời chứng quả Phật,  
Hoặc chứng Kim cang trì.

Ở đây muốn nói quả vị Phật, phải trải qua vô số kiếp mới được thành tựu, khác với quả vị Kim cang trì. Lại cũng nói rằng: “Trong hiện đời, hoặc chứng quả Phật, hoặc chứng Kim cang trì. Nếu chưa chứng đắc bất tư nghị xứ (Anh: inconceivable state), thì được gọi là Phật. Còn nếu chứng được bất tư nghị xứ, thì được gọi là Kim cang tát đỏa.”

*Trả lời:* Sự giải thích trên không đúng. Đoạn văn vừa nêu trên không nói rằng do pháp tu Vô thượng du già mật, hành giả trong một đời sẽ chứng đắc Phổ quang minh địa (trong Ba la mật đa thừa), hoặc chứng đắc Kim cang trì (trong Mật thừa). Lại nữa, ngay trong Ba la mật đa thừa cũng không thừa nhận rằng không có sự khác biệt giữa quả vị Phật (Bồ

---

<sup>31</sup> Lối tu bốn lạc của Vô thượng du già mật.

tát thập địa) - phải tu tập trải qua vô lượng kiếp – và quả vị Kim cang trì của Mật thừa. Quả vị chúng đắc do sự tu tập trải qua vô lượng kiếp được phân thành hai loại: Một gọi là “Phật”, là một vị Bồ tát ở địa thứ mười được gọi là Phật [trong khi Bồ tát địa thứ mười một mới thật sự là Phật], như *Hiện Quán Trang Nghiêm Luận (Ornament for the Realisations)* nói:

Siêu vượt địa thứ chín,  
Gọi là trụ quả Phật,  
Nên biết đây tức là,  
Bồ tát địa thứ mười<sup>32</sup>.

Hai là Kim cang trì (thật sự là quả Phật) là địa thứ mười một. Trong Mật chú cũng đề cập đến địa thứ mười hai, mười ba, mười bốn, v.v..., nhưng theo sự giải thích của các luận sư Ấn độ, đó chỉ là sự khai hợp không đồng so với Ba la mật đa thừa. Điều này sẽ được giải thích bên dưới (trong phần cuối của Vô thượng du già mật).

Nên biết, địa thứ mười một, Phổ quang minh địa, tương đồng với quả vị Kim cang trì, mà trong kinh điển Ba la mật đa thừa cho rằng cần phải tu tập trải qua ba vô số kiếp, và trong Mật thừa cho rằng chỉ cần tu tập trong một đời. Nhưng chúng ta cũng không thể cho rằng Kim cang trì không phải là một quả vị của Ba la mật đa thừa. Ngài Tịch Khái (Śāntirakṣita) trong *Thành Tựu Chân Thật Luận (Text on the Establishment of the Principles, Skt: Tattvasiddhināmaprakaraṇa)* nói: “Quả vị Kim cang trì, nếu tu tập bằng những phương tiện khác (không phải Mật thừa), cần phải trải qua vô số kiếp mới thành tựu, nhưng nếu đầy đủ phương tiện của Kim cang thừa, thì có thể thành tựu dễ dàng ngay trong một đời.” Điều này có nghĩa là ngài Tịch Khái (Śāntirakṣita)

---

<sup>32</sup> Ở đây, Bồ tát địa thứ mười là Phật.

cho rằng Kim cang trì là mục tiêu chứng đắc chung của cả hai thừa.

Lại nữa, ngài Vô Úy (Abhayākara) trong *Giáo Thọ Huệ Luận (Clusters of Quintessential Instruction)* chú thích bài kệ trong *Kết Hợp Kinh (Samputa Tantra)* (trang 82) như sau: “Phật quả, tức là địa thứ mười. Chúng tướng giác giả (Anh: High Buddha) là sự thành tựu của con đường tu tập đặc thù. Kim cang trì, tức là địa thứ mười một.” *Tam Lý Cự Luận (Lamp for the Three Modes)* của ngài Tripitakamāla nói:

Tuy quả vị hai thừa tương đồng,  
Mật thừa thù thắng, bởi không ngu<sup>33</sup>,  
Phương tiện thiện xảo, tu dễ dàng,  
Đặc biệt dành cho hạng lợi căn.

Như vậy, ngài Tripitakamāla cũng đã xác nhận rằng mục tiêu chứng đắc của Ba la mật đa thừa và Mật thừa giống nhau.

Hơn nữa, Ba la mật đa thừa cho rằng hành giả chứng đắc Phổ quang minh địa, đoạn tận hai chướng (phiền não và sở tri) và tất cả tập khí, chứng đắc tất cả công đức của Phật, như mười lực, bốn vô sở úy, v.v... Nếu như còn có một quả vị nào cao hơn quả vị Phật (như đã được mô tả trong Ba la mật đa thừa), thì chúng ta phải công nhận rằng vị Phật của Ba la mật đa thừa, tuy đã đoạn tận tập khí của phiền não và sở tri, nhưng vẫn còn lỗi lầm [cần phải diệt trừ], tuy đã có đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, v.v..., một trăm bốn mươi bốn loại công đức, nhưng công đức vẫn chưa viên mãn. Chúng ta cần phải quán sát, như nhiều vị luận sư Ấn độ đã làm, nếu như chỉ tu tập Ba la mật đa thừa, có đạt được quả vị Phật hay không? Nhưng nếu cho rằng các hành giả tu tập Ba la mật đa

---

<sup>33</sup> Không ngu (Anh: non-obscured).

thừa, tuy có thể chứng đắc Phổ quang minh địa, nhưng vẫn còn quả vị cao hơn, thì đây là một lập luận vô cùng phi lý.

Sự hơn kém giữa hai thừa được phân định ở chỗ Ba la mật đa thừa không thể, nhưng Mật thừa có thể chứng đắc quả vị Phật mà không cần trải qua vô số đại kiếp. Nhưng điều này không có nghĩa là quả vị chứng đắc của hai thừa có sự khác biệt. Hơn nữa, cũng không thể cho rằng không có sự khác biệt giữa nhân vị tu tập của hai thừa. Tuy rằng quả vị [của hai thừa] không có sự hơn kém, nhưng vì sự thành tựu quả vị [của hai thừa] có sự nhanh chậm khác biệt lớn lao, cho nên nhân vị [tu hành của hai thừa] cũng có sự khác biệt rất lớn.

## **H2. Giải thích sự khác biệt giữa hai thừa.**

### **I1. Sự giải thích của tự tông.**

Sự nhanh chậm khác nhau giữa ba Mật bộ cấp dưới so với Ba la mật đa thừa là [trên đạo lộ tu tập của ba Mật bộ cấp dưới] sự tu tập giác ngộ (Anh: practices of enlightenment) được viên mãn bằng nhiều sự thành tựu thông thường (Anh: common achievement), tùy thuộc vào năng lực của Bốn tôn du già và sự trì tụng, và bằng những phương tiện thiện xảo, như được sự trực tiếp gia trì của chư Phật và Đại bồ tát. Sự nhanh chậm khác biệt của Vô thượng du già, ngay trong giai đoạn tự khởi cũng đã có nhiều yếu quyết thâm sâu mà ba Mật bộ cấp dưới không có, và hơn nữa, trong giai đoạn viên mãn lại càng có nhiều chỗ thâm sâu tối thắng. Phần sau sẽ đề cập đến.

Không cần phải trải qua vô số đại kiếp, mau chóng thành Phật, đây là pháp môn đặc thù của Vô thượng du già mật. Các hành giả của ba Mật bộ cấp thấp, nếu muốn chứng đắc [quả vị nhanh chóng], cũng cần phải tu tập hai giai đoạn của Vô thượng du già mật, chứ không thể chỉ thỏa mãn với pháp

môn tu tập của mình. Bởi vậy, không thể cho rằng sự khác biệt về tu hành nhanh chậm của mật chú chỉ là: (1) sự thành tựu quả vị toàn giác trong một đời trong thời đại đấu tranh này, hoặc (2) có thể thành tựu quả vị toàn giác mà không cần phải tu tập trải qua vô số đại kiếp.

## **12. Sự giải thích [sai lầm] của các lạt ma khác.**

### **J1. Sự giải thích của Luật Sanh Thích.**

Ngài Bảo Khải (Ratnarakṣita), trong *Luật Sanh Thích (Commentary on the Difficult Points of the Samvarodaya Tantra, Skt: Saṃvarodayapañjikā)*, cho rằng trong giai đoạn viên mãn, tu tập xa lìa hý luận [như tự tánh kiến, nhị nguyên, v.v...], hai thừa đều giống nhau. Ngài cũng chỉ rõ trong *Phụ Tử Tương Kiến Hội Kinh (Meeting of Father and Son Sutra, Skt: Pitāputrasamāgama)* nói rằng một vị Bồ tát chứng được Nhất thiết biến lạc tam ma địa (Anh: meditative stabilisation of bliss pervading all phenomena), đối với tất cả cảnh sở duyên, chỉ phát sanh lạc thọ, mà không phát sanh khổ thọ, nhấn đến thân thể bị cắt xẻo thành từng mảnh vụn (Anh: size of a small coin, Skt: kārṣāpaṇa), hoặc ngay cả khi bị voi dầy xéo, các ngài cũng chỉ duy trì tâm lạc. Ngài cũng cho rằng sự lạc này (một đặc tánh của Ba la mật đa thừa) không mâu thuẫn với Mật thừa, [nhưng ngài lại giả định một cách sai lầm rằng sự lạc này đồng với sự lạc của Mật thừa,] và cho rằng trong kinh này cũng chỉ dẫn cách tu tập phát sanh sự lạc vừa nêu trên. Ngài nói [đúng] rằng nhân tố chánh cho tất cả sự thành tựu thế gian và xuất thế gian của Ba la mật đa thừa là Bồ đề tâm, và điều này cũng được giảng dạy trong Mật thừa. Ngài cũng trích dẫn *Hiện Cảnh Thành Kim Cang (Appearances Shining as Vajra)*, v.v..., để chứng minh rằng ngay cả đại lạc (Anh: great bliss) cũng là pháp chung của hai thừa.

Ngài Bảo Khải (Ratnaraksita) cũng nêu lên [chánh xác] rằng *Hiện Quán Trang Nghiêm Luận* của ngài Di Lặc nói rằng “Bồ tát trong Ba la mật đa thừa cũng thiện xảo trong việc sử dụng dục lạc [làm pháp tu]”, và *Ca Diếp Phẩm (Kasyapa Chapter Sutra, Skt: Kāśyapaparivarta)* dùng thí dụ “nông phu”, nói rằng phần ứề phiền não (Anh: manure of afflictions) là vật liệu cần thiết cho sự sanh trưởng Phật pháp. Cho nên ngài nhận xét đúng rằng sự thọ dụng dục trần (Anh: engaging in objects of desire realm) là phương tiện tu tập chung cho cả hai thừa. Mặc dù ngài giải thích [đúng] rằng quả địa (Anh: ground of the fruit), v.v..., giống nhau cho cả hai thừa, nhưng ngài [lại sai lầm khi] cho rằng giai đoạn tự khởi là một đặc tánh riêng biệt của Mật thừa.

Ngài Bảo Khải (Ratnaraksita), trong khi chú thích phẩm thứ mười ba của *Luật Sanh (Samvarodaya Tantra)*, nói: “Nếu hành giả không tu tập giai đoạn tự khởi, thì sự tu tập đó không có đặc tánh của Mật thừa.” Ngài nói như thế là đã nhận thức [sai lầm] rằng: (1) tất cả sự tu tập Bốn tôn du già đều được bao hàm trong giai đoạn tự khởi (trong khi pháp Bốn tôn du già không chỉ hiện hữu trong hai giai đoạn [sanh khởi và viên mãn] của Vô thượng du già mật, mà cũng hiện hữu trong ba Mật bộ cấp thấp), (2) các pháp du già về mạch (Anh: channel), khí (Anh: wind), hạt (Bồ đề tâm, Anh: drop) là để phát sanh hỷ lạc (trong khi những phương tiện này là để phát sanh lạc liễu ngộ tánh không), và (3) lạc này giống nhau giữa hai thừa (trong khi “lạc” của hai thừa có sự sai khác rất lớn).

## **J2. Sự giải thích của Tam Lý Cự Luận.**

*Tam Lý Cự Luận (Lamp for the Three Modes)* của ngài Triṭakamāla nói:

Nghĩa đồng, nhưng không ngu,

Nhiều phương tiện, không khó,  
Y lợi căn tăng thượng,  
Giảng chú luận siêu thắng.

Ngài cho rằng không có sự khác biệt giữa quả vị [Phật] của hai thừa, nhưng bốn Mật bộ (tantra) của Mật thừa siêu vượt Ba la mật đa thừa, do bốn đặc tánh:

*Sự giải thích [sai lạc] của ngài Tripitakamāla.*

(1) *Mật thừa là dành cho những hành giả không ngu (Anh: non-obscured):* Khi các hành giả Ba la mật đa thừa tu tập bố thí, v.v..., tam luân không tịch<sup>34</sup>, tuy không phải là hạng ngu độn, nhưng sự tu tập ngoại thí, như xả bỏ đầu, mắt, v.v..., [không thể nhất thời thỏa mãn nguyện cầu của tất cả hữu tình], cho nên những hành giả đó không thuộc vào hạng lợi căn, bởi thế họ phải tu tập trải qua một thời gian lâu xa mới thành tựu quả Phật.

Những hành giả Mật chú ắt không thuộc về hạng độn căn này. Bởi vì một pháp ba la mật đa phải có năng lực tức thời có thể thỏa mãn nguyện cầu của tất cả chúng sanh, mà sự thí xả đầu, mắt, v.v..., không thể nhất thời lợi ích vô lượng hữu tình. Còn các hành giả Mật thừa thì xem mỗi pháp ba la mật đa là một thành quả của pháp tu thiền định. Nhìn thấy những sự [bố thí, v.v..., là] tầm thường, nên họ tìm cầu một phương tiện tối thắng. Do sự tu tập miên mật không gián đoạn hai loại diệu tam ma địa về trí tuệ và phương tiện một cách phổ quát không thiên lệch, những hành giả đó có thể thỏa mãn sự mong cầu của vô lượng hữu tình. Do đây, họ có thể viên mãn bố thí ba la mật cùng lúc với sự viên mãn của

---

<sup>34</sup> Tam luân không tịch: không chấp có người bố thí, vật bố thí và sự bố thí.



những ba la mật khác. Còn sự bố thí thân thể (đầu, mắt, v.v...) không có ý nghĩa này, cho nên chúng không thể được gọi là ba la mật đa.

(2) *Mật thừa có nhiều phương tiện*: Sự khổ hạnh, giới, luật, v.v..., được thiết lập trong Ba la mật đa thừa là phương tiện để thác sanh về cõi trời và đạt được sự giải thoát, vì y cứ vào các công hạnh tịch tĩnh (Anh: very peaceful activities) cho nên không thể nhiếp thọ tất cả hữu tình. Còn Mật thừa, vì muốn lợi ích tất cả hữu tình, cho nên thiết lập bốn Mật bộ. Trước tiên, hành giả phải nên biết rõ phiền não nào mạnh nhất, chẳng hạn như phiền não tham; kể đến, tu tập pháp tự khởi thành bốn tôn A Di Đà để tiến nhập một tâm mạn đà la trì tụng chú trong tâm, một ngữ mạn đà la sanh khởi mẫu tự và âm thanh thành bốn tôn, và một thân mạn đà la quán tưởng một cung điện bao la. Cho nên, ba phương tiện (tâm, ngữ và thân mạn đà la) được thiết lập để đối trị một phiền não (ở đây là tâm tham).

(3) *Mật thừa tu tập không khó*: Khó hay không khó đều tùy thuộc vào tâm, chứ không nhất định thuộc về hoàn cảnh bên ngoài, bởi vì một sự việc, đối với người này thì khó, nhưng đối với người khác thì dễ. Vì để dẫn dắt hành giả tùy theo sự mong muốn của họ, từ sự an lạc chứng đắc sự an lạc, cho nên trong Mật chú không nói đến pháp môn khó tu tập.

Trong Mật thừa, sự tu tập tùy thuận căn cơ của hành giả như sau: Đối với hàng thượng thượng căn là những hành giả không còn tâm tham, v.v..., ít có tâm phân biệt, đầy đủ tâm đại bi, siêng năng tu tập pháp chân như bất nhị, thì được giảng dạy pháp “vô ngã trí và tâm đại bi cùng một vị”, còn gọi là pháp môn *Đại ấn* (Anh: Great Seal).

Đối với hàng thượng trung căn, tuy không còn dính mắc cảnh giới tầm thường, nhưng vẫn chưa đoạn trừ được tâm tham, v.v..., chưa thể tiến nhập biển lớn thắng nghĩa, cho nên giảng dạy pháp môn *Trí ấn* (Anh: Wisdom Seal, Minh phi do sự quán tưởng). Ngài Trí Xứng (Jñānakīrti) trong *Lược Thích Nhất Thiết Kinh Phẩm* (*Abridged Explanation of All the Word*) giải thích rằng các hành giả đó tu tập Ngũ Bộ Như Lai và các minh phi, chẳng hạn như Phật Nhãn (Lochana), v.v... Do tu tập pháp trên mà được thể nhập chân như, nghĩa là tâm kiên trụ vào thân bốn tôn, hiện rõ thành thân bốn tôn, mà không có ngoại cảnh nào khác. Hành giả nhận thức rằng pháp tu không dính mắc vào tam luân (người tu, pháp tu và đối tượng tu tập). Do đây, hành giả an trụ trong một thân, không chấp trước vào ngoại cảnh và mọi sự thủ xả phân biệt. Hơn nữa, y vào lời dạy của đạo sư, và do quán sát thân xa lìa sự đồng nhất và khác biệt, hành giả thông đạt thân tâm và ngoại cảnh đều không có tự tánh. Đức Phật hiểu rõ điều này nên đã giảng thuyết vô lượng pháp tu Bốn tôn du già.

Đối với hàng thượng hạ căn, tuy cũng ưa thích diệu trí bất nhị (Anh: non-dual wisdom), nhưng vẫn chưa đoạn trừ tâm tham. Nếu gần cảnh tham, tâm ắt tán loạn, không thể nhập định. Những hành giả đó được cho phép tu tập *Tam muội da ấn* (minh phi thật sự, Anh: Pledge Seal – actual consort), có đầy đủ đức tướng của một vị minh phi (Anh: Knowledge Women), đã được giải thích trong các Mật bộ (chẳng hạn như hình dáng, sắc đẹp, tuổi tác, dòng họ, sự tu tập thù thắng về mật chú và các Mật bộ, và thọ trì tam muội da giới).

Đối với hạng hành giả tâm tham nghiêm trọng, nhưng lại không có trí tuệ hiểu biết sâu xa về thật tánh,

tâm trí không thể an định bởi các phương pháp tu tập khác, phải được giảng dạy pháp *Nghiệp ấn* (Anh: Action Seal). Các hành giả này cũng tu tập tùy thuận [bằng các quán tưởng một vị minh phi có một chú thân (Anh: mantra body) của một thánh tôn, và một bản chất của trí tuệ (Anh: nature of wisdom), đồng thời quán tưởng tự thân trong hình tướng của một vị Phật chánh đẳng giác, phát khởi từ tâm đại bi].

Đối với loại hành giả sau cùng này, ngài Tripiṭakamāla trong *Tam Lý Cự Luận* (*Lamp for the Three Modes*) không giải thích rõ thuộc loại căn cơ nào, hoặc dùng loại Nghiệp ấn nào, nhưng ngài Trí Xứng (Jñānakīrti) giải thích rằng những hành giả thuộc thượng hạ căn tu tập, hoặc Tam muội da ấn, hoặc Nghiệp ấn. [Đối với sự khác biệt giữa hai loại ấn này] ngài Trí Xứng (Jñānakīrti) có lẽ muốn đề cập đến việc hành giả có thật sự tu tập hay không, và vị minh phi có đầy đủ, hoặc không đầy đủ đức tướng.

Trong những hành giả Mật thừa, hàng thượng thượng căn là những người không có tâm tham luyến dục lạc liên quan đến vị minh phi (hoặc quán tưởng, hoặc thật sự), thì dạy cho họ tu tập Đại ấn [phương tiện trí tuệ bất khả phân ly, mà không liên quan đến vị minh phi bất cứ loại nào]. Những hành giả còn tâm tham dục liên quan đến vị minh phi, nhưng không tham muốn một vị minh phi thật sự, thì dạy cho họ pháp tu Trí ấn [minh phi do quán tưởng]. Còn những hành giả tham muốn một vị minh phi thật sự (Anh: actual consort), thì dạy cho họ pháp Tam muội da ấn và Nghiệp ấn [minh phi đầy đủ, hoặc không đầy đủ đức tướng]. Cho nên sẽ có một sự mâu thuẫn nếu chấp nhận hệ thống của ngài Tripiṭakamāla [là của mình], và cho rằng [tưởng như đúng] các hành giả của Vô thượng du già mật cần phải

có tâm tham luyện mạnh mẽ đối với sự dục lạc liên quan với một vị minh phi thật sự.

(4) *Mật thừa dành cho hàng lợi căn*: Ngài Tripiṭakamāla cho rằng những hành giả tu tập tứ đế không biết chân như, cho nên thuộc vào hạng hạ căn; những hành giả Ba la mật đa thừa không biết rõ phương tiện tu tập, cho nên thuộc vào hạng trung căn; còn những hành giả Mật thừa, phương pháp tu tập rõ ràng, cho nên thuộc vào hạng thượng căn, bởi vì những phương tiện tu tập thiện xảo của họ tuy có thể khiến những hành giả căn cơ thấp đọa vào ác đạo, nhưng những hành giả thượng căn lại nhờ những phương tiện thiện xảo đó mà chứng đắc thanh tịnh.

Ngài Trí Xứng (Jñānakīrti) trong *Lược Thích Nhất Thiết Kinh Phẩm (Abridged Explanation of All the Word)* nói:

Nếu đối với Trí ấn,  
Không ưa thích tu tập,  
Vì tuệ lực yếu ớt,  
Không thể tu Đại ấn,  
Phật vì muốn lợi ích,  
Giả lập mọi sắc tướng,  
Của Kim cang tát đỏa,  
Gọi tên là Đại ấn.

Ngài giải thích rằng các hành giả do vì tuệ lực yếu ớt không thể tu tập Đại ấn, và những hành giả không ưa thích tu tập các ấn khác (như Trí ấn, Tam muội da ấn, và Nghiệp ấn), bèn dùng thân của một thánh tôn đặt tên Đại ấn. Đây là pháp thiên quán của Du già mật. Từ những dữ kiện này, [ngài nói] chúng ta có thể hiểu rõ [pháp thiên quán của] Hành mật và Sự mật.

### 13. Đả phá những lập luận sai lầm vừa nêu trên.

Ba la mật đa thừa cho rằng phương tiện đại bi và trí tuệ chân thật thông đạt pháp vô ngã là mạng căn của đạo (sự tu tập Đại thừa). Lại nữa, Ba la mật đa thừa cho rằng “nếu sự bố thí thân thể, như đầu, mắt, v.v..., phải thỏa mãn nguyện cầu của tất cả hữu tình mới được gọi là ba la mật đa (viên mãn), thì pháp tu bố thí ba la mật đa đó sẽ không bao giờ được viên mãn.” Thế nhưng, quan điểm này [bố thí ba la mật là thỏa mãn tất cả nguyện cầu của chúng sanh] bị các hành giả Ba la mật đa thừa đả kích, cho rằng bố thí ba la mật đa là sự tẩy trừ tâm san tham, đồng thời diệt trừ tất cả cấu uế của tâm tự lợi (chỉ biết nghĩ đến mình), tăng trưởng tâm thí xả đến mức rất ráo. Ngài Tịch Thiên (Śāntideva) trong *Nhập Bồ Tát Hành Luận* (*Engaging in the Bodhisattva Deeds, Phẩm 5, kệ 9-10*) nói:

Nếu diệt hết bần cùng,  
Mới thành bố thí độ,  
Nay vẫn còn kẻ nghèo,  
Phật làm sao thành đạo?  
Nếu tâm ưa bố thí,  
Thân, tài sản, phước đức,  
Do đây tròn thí độ,  
Bố thí chỉ do tâm.

Như vậy, sự giải thích của ngài Tripitakamāla về sự “không ngu”, có vẻ không ổn. Sự giải thích về “lợi căn”, cũng không được thỏa đáng, bởi vì nếu sự lý luận dựa trên [hành giả không] ngu muội đối với pháp môn, thì đây là sự trùng lập với đặc tánh “không ngu” nêu trên. Nếu cho rằng hành giả [phải] dùng “tham dục” để tu hành, thì do vì hàng thượng căn không có sự tham dục [theo sự giải thích sai lạc này], đặc

điểm [tham dục] sẽ không hiện hữu trong những hành giả đương cơ của Mật thừa.

Hơn nữa, phần trên giải thích [đúng] là trong nhiều trường hợp, hành giả thượng căn trong Mật thừa được dẫn đạo qua giai đoạn giai đoạn tự khởi, kể đến được dẫn đạo qua giai đoạn viên mãn, và khi sự tu tập giai đoạn viên mãn được vững chắc, hành giả tiến nhập sự liên hệ với một minh phi, và do đây, trong một đời có thể thành tựu quả Phật. Như vậy, cho rằng đối với hành giả trung căn giảng dạy Trí ấn, đối với hành giả hạ căn giảng dạy Tam muội da ấn, v.v..., những lập luận như vậy, hình như không thỏa. Bởi vậy, các bậc trí giả phải nên cẩn thận quán xét những lập luận vừa nêu trên [của hai ngài Trí Xứng và Tripitakamāla].

Nhiều lạt ma Tây tạng giải thích “nhiều phương tiện” có nghĩa là nhiều pháp môn tức tai, v.v..., còn “không khó” có nghĩa là dùng những sự dục lạc để tu đạo. Thế nhưng, những lập luận này không được đề cập đến trong chú giải của hai ngài Trí Xứng và Tripitakamāla.

## Chương 7. Nhận định về bốn Mật bộ

### C2. Giải thích chi tiết về sự tiến nhập Mật thừa.

#### D1. Các pháp môn khác biệt tiến nhập Mật thừa.

Phẩm Mười ba của *Kim Cang Mạc Kinh (Vajrapanjarā)* nói:

Sự mật cho hạ căn,  
Hành mật cho trung căn,  
Du già cho thượng căn,  
Vô thượng cho thượng thượng.

Đối với các hành giả Mật thừa, bốn Mật bộ được giảng dạy cho bậc hạ căn, trên nữa là bậc trung căn, trên nữa là bậc thượng căn, và trên hết là bậc thượng thượng căn.

Ngài Śaddhakaravarma trong *Nhập Vô Thượng Nghĩa Kinh (Introduction to the Meaning of the Highest Yoga Tantra)* nói: “Có bốn môn để tiến nhập Mật chú thừa, Quả thừa, Kim cang thừa, đó là Sự mật, Hành mật, Du già mật và Vô thượng du già mật.”

#### D2. An lập sự khác biệt giữa các pháp môn.

##### E1. Hỏi.

Nếu dùng căn cơ cao thấp để phân chia thứ đệ của các Mật bộ (pháp môn) khác nhau, thì những pháp môn này không thể gọi là phân chia theo sự cao thấp, bởi vì những hành giả tiến nhập Kim cang thừa đều là vì muốn lợi ích tất cả hữu tình nên cầu chứng đắc Vô thượng bồ đề, phát tâm Đại thừa, hoàn toàn không có sự khác biệt. Hơn nữa, sự khác biệt giữa các pháp môn của Mật thừa cũng không thể thiết lập dựa trên những đạo lộ tu tập chánh nhân (Anh: general paths that serve as the main cause) cho sự chứng đắc hai thân, bởi vì trí tuệ thông đạt vô tự tánh dẫn phát pháp thân giống

nhau, tu tập pháp Bốn tôn du già dẫn phát sắc thân, đại khái cũng tương đồng. Cho nên tất cả đều là một thừa, gọi là Kim Cang thừa.

Nếu như dùng sự khác biệt trong các pháp Bốn tôn du già để thiết lập các thừa khác biệt, hoặc thiết lập thứ đệ của các Mật bộ không đồng, thì mỗi Mật kinh trong Vô thượng du già cũng phải được thiết lập nhiều thừa khác biệt. Chẳng hạn như *Tập Kinh (Guhyasamāja)* cũng phải được phân chia thành nhiều pháp môn để tiến nhập, bởi vì *Tập Trí Kim Cang Kinh (Compendium of Wisdom Vajra)* - một chú giải của *Tập Kinh (Guhyasamāja)* - nói có năm loại bồ đề đặc già la căn cơ cao thấp, như liên hoa, chiêm đàn, bạch liên hoa, ưu bát la, và trân bảo.

Như vậy, cần phải giải thích rõ ràng tại sao bốn môn tiến nhập Mật chú được thiết lập thành bốn Mật bộ khác nhau, dựa trên căn cơ cao thấp của các hành giả?

## **E2. Đáp.**

### **F1. Những sự giải thích sai lầm.**

Có vài lạt ma Tây tạng cho rằng bốn Mật bộ là để nhiếp phục bốn loại ngoại đạo (Anh: Forders, Skt: Tīrthikā): (1) những người có tâm tham tu tập theo pháp Tự tại thiên (Īśvara), (2) những người có tâm sân tu tập theo pháp Biến nhập thiên (Viṣṇu), (3) những người có tâm si tu tập theo pháp Phạm thiên (Bhramā), (4) còn những người bất định, tùy gặp pháp nào sẽ tu tập pháp đó. Vì có bốn loại người như vậy, tùy theo thứ tự mà nói pháp Vô thượng du già mật, Hành mật, Sự mật và Du già mật. Nhiều lạt ma Tây tạng còn cho rằng các ngài Khánh Hỷ Tạng (Ānandagarbha), Thiệu Hiện Hộ (Subhūtipātlita [?]), v.v..., cũng tùy thuận *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)* mà nói như vậy.



Hiện nay xin hỏi, nếu cho rằng những bồ đặc già la nói trên là do bốn Mật bộ nhiếp phục thì không thể căn cứ vào những bồ đặc già la đó mà xác nhận sự khác biệt giữa bốn Mật bộ, bởi vì mỗi Mật bộ đều có thể điều phục vài bồ đặc già la trong bốn loại vừa nêu trên.

Nếu như cho rằng bốn loại bồ đặc già la nêu trên là đương cơ (Anh: chief trainees) của bốn Mật bộ thì đây là điều cực kỳ phi lý, bởi vì đương cơ của Mật thừa chính là những hành giả đã tiến nhập Phật giáo, và những hành giả này, trước khi học Phật, không cần thiết phải là những ngoại đạo tà kiến. Hơn nữa, lập luận nêu trên sẽ phạm lỗi lầm nghiêm trọng, bởi vì theo lập luận đó, những người chánh kiến, trực tiếp đi vào Phật giáo, và trước đó không bị tà kiến ô nhiễm, ắt không phải là đương cơ của bốn Mật bộ.

Hơn nữa, lập luận nêu trên cũng không phải của ngài Khánh Hỷ Tạng (Ānandagarbha). Phẩm thứ nhất trong *Tập Mật Thích (Guhyasamaja Tantra, Skt: Guhyasamājaṭikā)* - một chú giải của ngài Khánh Hỷ Tạng, nói:

Bởi vì đức Bạc già phạm (Thế tôn) an trụ nơi đó, nên gọi là bạc già (Anh: vagina), là chỉ nơi chốn. Bốn minh phi của ngài là Phật Nhân (Lochana), Ma Ma Cách (Mamaki), Bạch Y (Pandaravasini) và Độ Mẫu (Tara). Điều này được nêu lên ở Phẩm thứ bảy của kinh này. Tại sao ngài lại an trụ trong chỗ bí mật đó? Đây là vì muốn cho những người tu tập pháp Biến nhập (Viṣṇu), ưa thích pháp dùng tham xả bỏ tham, và những người chưa hoàn toàn xả bỏ được tâm tham. Sự kiện như thế này: Những người đó muốn thành tựu pháp Biến nhập (Viṣṇu), v.v..., bằng cách sử dụng phụ nữ, phân, nước tiểu, v.v... Những người tìm cầu sự thành tựu được giảng dạy bởi Biến nhập (Viṣṇu) sẽ tiến nhập chỗ kín của minh phi (Anh: consort's secret).

Bạc già (vagina) là Biến nhập (Viṣṇu),  
Trụ chỗ kín minh phi,  
Khiến đàn ông thọ lạc<sup>35</sup>,  
Gọi là Na la diên.

Ngài Khánh Hỷ Tạng (Ānandagarbha) xác nhận rõ ràng là những người ưa thích Biến Nhập Kinh (Viṣṇu Tantra) được dạy những đoạn văn như vậy về hạnh tham dục (Anh: deeds of desire) của Vô thượng du già mật, [và như thế, lập luận trong câu hỏi nêu trên chắc không phải là của ngài].

Không thể cho rằng Vô thượng du già mật được giảng dạy cho những người tu tập pháp Tự tại thiên (Īśvara) là xuất phát từ *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)*. Hình như các vị lạt ma đó chỉ sưu tập những tư liệu vừa nêu trên, rồi kết luận [một cách võ đoán] rằng bốn phần của *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)* được giảng dạy cho những người còn phiền não tham, sân, si, v.v... Thảo nào chúng ta không thể tìm ra một chứng cứ xác đáng về việc bốn Mật bộ là để giảng dạy cho bốn loại ngoại đạo.

Nhiều vị lạt ma Tây tạng lại cho rằng vì muốn tùy thuận bốn tông của Phật giáo, do bốn pháp tự khởi thành thánh tôn khác biệt mà thành lập bốn Mật bộ. Họ giải thích rằng các ngài Long Thọ, Trí Túc (Jñānapāda) và các đệ tử, y vào *Tập Trí Kim Cang (Compendium of Wisdom Vajras)*, cũng phát biểu tương tự. Lý do là vì các vị tông sư này là môn đồ của *Tập Mật Hậu Kinh (Guhyasamāja Tantra)*, cho nên các vị lạt ma bèn đưa ra giả định sai lầm từ những lời dạy của *Tập Trí Kim Cang* - một bộ chú giải của *Tập Mật Hậu Kinh*, cho rằng trong Sự mật không có tự khởi thành thánh tôn. Thế

---

<sup>35</sup> Khiến đàn ông thọ lạc (Anh: Because it gives men pleasure).

nhưng, họ lại không có chứng cứ nào về sự tùy thuận của bốn tông. Mà dù chúng ta có suy tưởng (một cách sai lầm) về một mối quan hệ giữa các bậc Độc giác và pháp tự khởi thành thánh tôn trong Du già mật, thì Độc giác thừa cũng không phải là một phần của bốn tông (tức là Tỳ bà sa, Kinh bộ, Duy thức và Trung quán). Lại nữa, như sẽ được giải thích ở phần dưới (trong phần Sự mật) là đoạn văn trong *Tập Trí Kim Cang* không có nghĩa là không có pháp tự khởi thành thánh tôn trong Sự mật [nhưng có một vài loại hành giả trong Sự mật sợ hãi pháp tu chuyên tâm quán tưởng Bốn tôn du già]. Cho nên sự trình bày vừa nêu trên là sai lạc.

Kể đến, ngài Alamkakaśa, trong *Commentary on the Vajra Garland Tantra (Skt: Vajramālātikā)*, nói rằng những người thuộc giai cấp Bà la môn (Anh: Brahmins) được dạy Sự mật; những người thuộc giai cấp Sát đế lợi (Skt: Kṣatriya) được dạy Du già mật; trong giai cấp Phệ xá (Anh: merchant caste, Skt: Vaiśya), những người tâm tham sân tương đối nhẹ, nhưng tâm si mạnh mẽ, tin tưởng Biến nhập thiên (Viṣṇu), thì được dạy Hành mật, còn những người tâm tham và sân mạnh mẽ, nhưng tâm si tương đối nhẹ, thì được dạy Du già mật, chẳng hạn như *Guhyasamāja* (thật sự là một bộ trong Vô thượng du già mật); những người thuộc giai cấp thủ đà la (Anh: servant caste, Skt: Śūdra), tâm tham và sân cực kỳ mạnh mẽ, nhưng tâm si lại rất nhẹ, thì được dạy Mật kinh mẹ<sup>36</sup> (Mother tantra), chẳng hạn như *Thắng Lạc Lược Kinh (Little Samvara Tantra, Skt: Laghusamvara)*.

---

<sup>36</sup> Vô thượng du già mật được chia làm ba: (1) mật kinh mẹ, chủ sanh là lạc, chú trọng tu trí tuệ hơn là phương tiện thiện xảo, ví dụ *Cakrasamvara*; (2) mật kinh cha, chủ sanh là sắc thân, chú trọng tu phương tiện hơn trí tuệ, ví dụ *Guhyasamaja*; (3) mật kinh bất nhị, chủ sanh cả hai, nghĩa là quân bình sự tu tập phương tiện và trí tuệ, ví dụ như *Kalacakra*.

Nếu ngài Alamkakaśa cho rằng có sự tương tự giữa các hành giả của bốn Mật bộ và bốn giai cấp, thì điều này cũng không biệ biệt được sự sai khác giữa các hành giả tiến nhập bốn Mật bộ. Nếu như cho rằng bốn giai cấp là cần thiết cho những hành giả tu tập bốn Mật bộ, thì điều này cũng không đúng, bởi vì những sự kiện vừa nêu trên không bao giờ được xác định, và hơn nữa, cũng không phải là những sự kiện chủ yếu. Tuy chư thánh tôn trong Kim cang giới [trong *Tập Chân Thật (Compendium of Principles)*], được giải thích có những đặc điểm giống như các vị vua và các tùy tùng, nhưng điều này không chứng minh được các hành giả [của Du già mật] phải thuộc về giai cấp sát để lợi.

Một cách tổng quát, các hành giả đương cơ của Đại thừa phải có lòng từ bi mạnh mẽ. Đặc biệt, các hành giả của Vô thượng du già mật, do tâm đại bi thôi thúc mãnh liệt, nguyện cầu cấp tốc chứng đắc quả Phật để thành tựu nghĩa lợi cho tất cả chúng sanh. Cho nên, nếu cho rằng những hành giả này cần phải có tâm sân mãnh liệt, thì đây là một điều hoàn toàn vô ý nghĩa.

## **F2. Giải đáp của tự tông.**

Mật kinh bộ (Anh: Tantra sets) an lập bốn pháp môn tu tập khác nhau, không phải là sự khác biệt giữa các thừa, cũng không phải là do các pháp tu khác biệt của Bốn tôn du già, mà vì các hành giả đương cơ của Mật thừa có bốn loại căn cơ bất đồng, cho nên an lập bốn pháp môn.

Căn cơ khác biệt giữa các hành giả tu tập có hai môn: một là có bốn loại dùng lý do tham dự để tu đạo, hai là có bốn loại cấp bậc cao thấp không đồng trong việc tu tập không tánh và pháp Bốn tôn du già. Đối với môn thứ nhất, chương thứ ba trong phần thứ sáu của *Kết Hạp Kinh (Samputa Tantra)* nói:

## Chương 7. Nhận định về bốn Mật bộ

Bốn đặc tánh khác nhau,  
Cười, nhìn và nắm tay,  
Và ôm nhau hòa hợp,  
Như trùng trong bốn bộ.

*Hevajra Tantra* cũng nói tương tự. Ngài Vô Úy (Abhayākara), trong *Giáo Thọ Huệ Luận (Clusters of Quintessential Instructions)*, giải thích bài kệ vừa nêu trên, nói đây là đạo lộ của Mật kinh (Anh: path tantras), chứ chưa nói đây là giáo của Mật kinh (Anh: tantra texts). Thế nhưng, trong chương thứ nhất của phần thứ bảy của quyển luận trên, ngài cũng giải thích đây là giáo của Mật kinh. Ngài Dũng Kim Cang (Virya vajra), trong *Kết Hợp Thích (Commentary on the Samputa Tantra, Skt: Saṃputaṭīkā)* cũng giải thích bài kệ trên theo ý nghĩa của bốn Mật bộ. Phẩm mười một của *Kim Cang Trang Nghiêm Kinh (Ornament of the Vajra Essence Tantra, Skt: Vajraḥṛdayālamkāra)*, sau khi nói về nhiều loại Mật kinh lấy tham dục làm đạo lộ (Anh: desire tantra) khác nhau trong phương tiện mật (Anh: method tantra), nói:

Nên biết sự khác biệt,  
Giữa các Mật bộ là,  
Nhìn, cười, và nắm tay,  
Và hai thân hòa hợp.

Ở đây nói đến sự sai biệt giữa bốn Mật bộ trên phương diện giáo của Mật kinh (Anh: text). Cho nên các Mật bộ cũng được gọi là Mật bộ nhìn (Sự mật), Mật bộ cười (Hành mật), Mật bộ nắm tay hoặc Mật bộ ôm nhau (Du già mật), và Mật bộ hòa hợp (Vô thượng du già mật).

Như phần trên đã nói, pháp Bốn tôn du già là nhân bất cộng (nhân riêng) để thành tựu sắc thân, và cũng là phương tiện chủ yếu. Những phương tiện như vậy để tăng tiến trí tuệ

thông đạt tánh không là pháp tu chung cho hai thừa (Ba la mật đa thừa và Mật thừa). Điều này, như *Nhập Bồ Tát Hành Luận (Phẩm 9, kệ 1)* nói:

Phật vì trí tuệ nên,  
Nói những phần ở trên.

Pháp tu Bốn tôn du già tăng tiến con đường trí tuệ như sau: phương tiện bất cộng và trí tuệ là một Bốn tôn du già, nghĩa là vị bốn tôn (được lựa chọn) hiện rõ trong hành tướng hòa hợp giữa cha và mẹ. Tuy Vô thượng du già mật có nhiều đặc điểm khác biệt, nhưng [từ đặc điểm hòa hợp nên] được gọi là mật kinh hòa hợp, và trong những Mật bộ này, đa phần nói về các thánh tôn hiện tướng hòa hợp. Từ khía cạnh này, dùng sự tham dự tu đạo để phát huy sự giao hội (Anh: meeting and staying together) của hai tâm giác ngộ<sup>37</sup>, và dùng đây để tăng tiến trí tuệ thông đạt tánh không (Anh: cognition of emptiness).

Vì ba Mật bộ cấp thấp không có phương tiện thù thắng là dùng tham dự hành đạo, cho nên trong bảy chi<sup>38</sup>, chi “tham dự hành đạo” không được dạy trong ba Mật bộ này. Tuy nhiên, các Mật bộ cấp thấp cũng có những đặc tánh như cười, nhìn, nắm tay hoặc ôm nhau, cho nên, một cách tổng quát, ba Mật bộ này cũng vẫn có ý nghĩa dùng tham dự hành đạo. Phần hai mươi lăm của *Giáo Thọ Huệ Luận (Clusters of Quinessential Instructions)* của ngài Vô Úy

---

<sup>37</sup> Hai loại tâm bồ đề trắng và đỏ là tinh chất của người nam và người nữ.

<sup>38</sup> Bảy chi: (1) complete enjoyment (hoan hỷ báo thân), (2) union (theo Đại thừa hiển giáo là bi, trí hợp nhất; theo Mật giáo là lạc, không hợp nhất), (3) great bliss (thường lạc), (4) non-inherent existence (vô sanh), (5) compassion (đại bi), (6) uninterrupted continuity (độ sanh vô tận), và (7) non-cessation (thường trụ bất diệt).

(Abhayākara) nói: “Bốn Mật bộ: Sự mật, Hành mật, Du già mật, và Vô thượng du già mật được hiển thị bằng cười, nhìn, nắm tay hoặc ôm nhau, và hòa hợp. Như vậy, trong Sự mật, v.v..., cũng nêu rõ các thánh tôn nam nữ, biểu hiện của phương tiện và trí tuệ, tùy thuận tâm tham hiện tướng cười, hoặc nhìn, hoặc nắm tay, hoặc hòa hợp.” Phẩm ba của *Hậu Phân Biệt* (một chú giải của *Hevajra Tantra*) nói:

Do sự cười và nhìn,  
Ôm nhau và hòa hợp,  
Mật kinh chia bốn bộ.

Ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti), trong *Hỷ Kim Cang Kinh Thích (Commentary on the Difficult Points of the Hevajra Tantra, Skt: Havajrapañjikā)*, giải thích: “Bốn, nghĩa là Sự mật, Hành mật, Du già mật, và Vô thượng du già mật biểu thị cười, nhìn, ôm nhau, hòa hợp. Như vậy, trong Sự mật, v.v..., có nói về các thánh tôn nam nữ, biểu hiện phương tiện và trí tuệ, tùy thuận tâm tham hiện tướng cười, hiện tướng nhìn, hiện tướng ôm nhau, và hiện tướng hòa hợp.”

Khi ngài nói “các thánh tôn nhìn”, có nghĩa là người nhìn là các thánh tôn. Tương tự cho các trường hợp cười, v.v... Các thánh tôn cười, nhìn, v.v..., để làm gì? Đây có nghĩa là từ phương tiện và trí tuệ, tùy thuận tâm tham, hiện rõ các vị thánh tôn nam nữ luyện ái với nhau bằng những cách đó. Hơn nữa, các thánh tôn như Tỳ Lô Giá Na (Vairocana), Phật Mẫu (Locana), v.v..., thật sự đã hoàn toàn không còn tâm luyện ái, cho nên những điều này chỉ áp dụng cho các hành giả tu tập tự khởi thành những thánh tôn này. Ý nghĩa hiện nay là hành giả của các Mật bộ phải dùng tâm tham, chẳng hạn như cười, nhìn, v.v..., trong việc tu tập. Và lại, nếu những lời dạy trong Sự mật, Hành mật, Du già mật, và Vô thượng du già mật về các thánh tôn nam nữ nhìn nhau, v.v..., không áp

dụng cho các hành giả đang tu tập, thì từ quan điểm này, chúng ta không thể nhận thức được sự khác biệt của họ.

Hơn nữa, không chỉ riêng Vô thượng du già nói về cười, nhìn, v.v..., [như một phương cách để xác định bốn Mật bộ,] mà các Mật bộ cấp thấp, trong nhiều trường hợp, cũng nói về những đề mục này. *Bất Không Quyển Sách Nghi Quỹ (Detailed Rite of Amoghapaśa, Skt: Amoghapaśākalparāja)* - thuộc Hành bộ, nói: “Đức Bạc già phạm đối mặt với Tỳ Câu Chi Phần Nộ Mẫu (Bhrkutī).” Lại nói: “Đức Phật quay về bên mặt nhìn Độ Mẫu (Tara) đang uốn người hàm tiếu, trình hiện ấn vô úy thí. Bên trái là Diệu Nữ (Sundari), thuộc Liên hoa bộ, đang uốn người tùy thuận lý thú của Mật chú, đồng thời, đưa mắt nhìn ngài Bất Không Quyển Sách (Amoghapaśa).” *Đại Nhật Kinh (Vairocanābhisambodhi)* - thuộc Hành mật - nói:

Bên phải có thánh mẫu,  
Tên là Đại Phật Nhãn,  
Mặt cười tươi như hoa,  
Viên quang chiếu một tầm,  
Thân thanh tịnh vô tử,  
Minh phi của Thích Ca.

Lại nói:

Vẽ ngài Quán Tự Tại,  
Như loa, câu đà, nguyệt,  
Ngồi trên bạch liên hoa,  
Đầu đội A Di Đà,  
Dung nhan ngài hàm tiếu,  
Bên phải là Tara,  
Độ Mẫu ban an vui,  
Vi diệu, trừ sợ hãi.



Chương 7. Nhận định về bốn Mật bộ

*Kim Cang Đảnh Kinh (Vajrasekhara Tantra)* - thuộc Du già mật, nói:

Kim cang nữ uốn mình,  
Phát ra những âm thanh,  
Thánh mẫu cạnh Thế tôn,  
Mỉm cười, nhìn chăm chú,  
Và nắm chặt tay ngài.

*Thắng Cát Tường Kinh (Paramadya Tantra)* - thuộc Du già mật, nói:

Một tay Đại Kim Cang,  
Cầm mũi tên giơ thẳng,  
Còn tay kia cong lại,  
Cầm lọng cá Ma kiệt.

Đây chỉ là những sự mô tả [về nhìn, cầm tay, v.v...]. Hành giả tự khởi thành một thánh tôn thích ứng và dùng sự hỷ lạc phát sanh bởi sự nhìn [giữa hành giả và vị thánh tôn], v.v..., để tu đạo.

Các Mật bộ bậc thấp không có những pháp tu tập nêu trên [như cười, nhìn, v.v...] với minh phi thật sự (Anh: actual consort), mà ngay cả Vô thượng du già mật cũng chưa nói về các pháp tu tập như vậy [cho các Mật bộ cấp thấp], cho nên hành giả nên hiểu rằng các vị minh phi, như Phật Nhân (Lochana), v.v., đều là sự quán tưởng.

Dựa trên quan điểm cho rằng các hành giả căn cơ thấp chưa có đủ trình độ dùng sự tham dục lớn (Anh: great desire) để tu đạo, cho nên những hành giả sơ cơ được dạy pháp tu tập này, bắt đầu bằng những sự tham nhỏ. Như sẽ được giải thích rõ là các hành giả tu tập khi đến trình độ pháp Bốn tôn du già đã vững chắc, đã đạt được không tánh

điều tam ma địa (Anh: meditative stabilisation on emptiness), thì lúc đó hành giả có thể duyên với thánh mẫu [của bộ pháp mình đang tu], như Phật Nhãn (Lochana), v.v..., để tu tập [các pháp như nhìn, cười, v.v...].

*Kết Hợp Thích (Commentary on the Samputa Tantra)* của ngài Dũng Kim Cang (Viriyavajra) nói:

Trong kinh nói “nhìn, cười, nắm tay, v.v...”, có nghĩa là do [sự nghe] tiếng cười, hoặc do [sự nhìn] màu sắc, hoặc do cảm xúc của sự nắm tay và ôm nhau, hoặc cảm xúc của sự hòa hợp dẫn sanh sự “điều lạc không có tâm phân biệt (Anh: non-conceptual bliss).” Nói “như trùng trong bốn bộ”, có nghĩa là sự điều lạc không ô nhiễm và tánh không, cũng như loài trùng được sản sanh từ gỗ, rồi quay lại ăn gỗ. Tương tự, *dùng tam ma địa được phát sanh từ sự điều lạc [dựa trên sự tham dục] tu tập không tánh [để phá trừ sự tham dục]*.

Phẩm hai mươi ba trong *Giáo Thọ Huệ Luận (Clusters of Quinessential Instructions)* của ngài Vô Úy (Abhyakara) nói: “Mật bộ cười (Anh: Tantra of laughing) giống như thọ lạc của trời Hóa Lạc.” Điều này chỉ là dùng các vị trời làm ví dụ, chứ không có nghĩa là các vị trời đó là đương cơ của các Mật bộ.

Những hành giả tin hiểu Kim cang thừa, hoặc tu tập một phần của Mật thừa, tuy không nhất định [phải mang thân cõi Dục], nhưng những hành giả đương cơ của Kim cang thừa phải là thân của cõi Dục, và một cách tổng quát, những hành giả đó cần phải tin hiểu phương tiện dùng tâm tham [đối với một minh phi] để tu tập, tìm cầu sự chứng ngộ Bồ đề. Vô thượng du già mật duyên với cả hai loại minh phi thật sự và minh phi do sự quán tưởng để tu đạo, thế nhưng, trong ba Mật bộ cấp thấp chỉ duyên với vị minh phi do sự quán tưởng

để tu đạo. Trong Du già mật, ngay cả pháp tu quán tưởng hai căn hòa hợp cũng bị cấm đoán, cho nên ngoài việc [hòa hợp] đó ra, dùng các sự tham nhỏ, như cười, cầm tay, v.v..., để tu chánh đạo. Sự hỷ lạc phát sanh do các phương tiện nhìn, cười (nhưng không xúc chạm thân thể) được dùng trong Sự mật và Hành mật. Danh nghĩa của bốn Mật bộ được giải thích trong Vô thượng du già mật [như Mật bộ nhìn, Mật bộ cười, Mật bộ nắm tay hoặc ôm nhau, và Mật bộ hòa hợp] về những đặc điểm khác biệt này, và nhân đây nêu rõ sự khác biệt của những hành giả đương cơ và những đạo lộ tu tập.

Kế đến, chúng ta sẽ giải thích thêm về tên gọi của bốn Mật bộ, và y vào tên gọi đã được công nhận để nêu rõ căn cơ của hành giả mỗi bộ. Phương tiện để sử dụng dục trần trong việc tu đạo chính là kiến giải tánh không và Bốn tôn du già. Hành giả muốn thành tựu hai loại tam ma địa (tánh không và Bốn tôn du già), nếu dựa vào nhiều ngoại hạnh<sup>39</sup>, thì đây là hành giả của Sự mật. Nếu như quân bình ngoại hạnh và việc tu định, không cần phải bận rộn nhiều sự việc, thì đây là hành giả của Hành mật. Những hành giả để phần lớn thời gian vào việc thiền quán, và ít liên can đến ngoại hạnh, thì đây là hành giả của Du già mật. Còn những hành giả không cần tùy thuộc vào ngoại hạnh, mà có thể sanh khởi những pháp thiền quán không ai sánh bằng, thì đây là hành giả của Vô thượng du già mật.

Y vào lối giải thích này, hành giả bận rộn với các ngoại hạnh thì gọi là Sự mật; quân bình việc tu tập thiền quán và ngoại hạnh thì gọi là Hành mật; nhấn mạnh đến pháp tu thiền quán gọi là Du già mật; tu tập thiền quán không ai sánh bằng thì gọi là Vô thượng du già mật.

---

<sup>39</sup> Ngoại hạnh: hạnh nghiệp bên ngoài, nhấn mạnh đến pháp tu quán hành tướng bốn tôn hiển hiện trước mặt, rồi tác các hạnh nghiệp đến ngài, như cúng dường, lễ bái, sám hối, hộ ma, v.v...

Tên gọi của bốn Mật bộ được giải thích dựa trên những hành giả đương cơ vừa nhập đạo, nhưng những điều này không chắc chắn là mọi hành giả đều theo đúng sự ước định trên. Ngài Khánh Hỷ Tạng (Ānandagarbha) trong *Chân Thật Quang Minh Luận (Illumination of the Compendium of Principles)* cho rằng hành môn của *Nhiếp Chân Thật Kinh* là dành cho các hành giả sợ hãi pháp tu Bốn tôn du già. Lại nữa, một cách tổng quát, các hành giả, hoặc nhiều hoặc ít, đều ưa thích các ngoại hạnh và sự tu tập thiền quán, và cũng có trường hợp hành giả ưa thích một pháp môn không thích hợp với căn cơ của họ, cho nên, không thể căn cứ trên sự ưa thích [tu tập] mà có thể nhận định được những hành giả đương cơ của bốn Mật bộ. Bởi thế, sự giải thích các hành giả đương cơ bằng cách dựa trên sự tham gia những ngoại hạnh cũng là một điều hợp lý.

Ngài Tripitākamāla trong *Tam Lý Cự Luận (Lamp for the Three Modes)* nói:

Đối với những hành giả do tập khí tu tập đời trước, nếu để họ ở trong núi rừng hoang vắng, hoặc không có những hoạt động như tắm rửa, vẽ mạn đà la, cúng dường, hộ ma, niệm tụng, v.v..., thì tâm họ không thể đắc định (Anh: attain mental equipoise), cho nên phải giảng nói Sự mật [cho họ]. Nếu hành giả có tâm ưa thích pháp chân như, lại do tín lực, suy ngẫm và thực hành những lời dạy [của Phật] mà được diệu trí, thì phải giảng nói cho họ Mật bộ căn bốn (Fundamental tantras), không có quá nhiều những ngoại hạnh.

Ở đây, Mật bộ căn bốn, tức là Hành mật.

Mật bộ được gọi là Sự mật, nếu phần lớn dạy về các ngoại hạnh, mặc dù trong các hạnh đó hàm chứa pháp tu

định. Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) trong *Đại Nhật Kinh Sớ (Word Commentary on the Vairocanabhisambodhi, Skt: Vairocanābhisambodhitantrabhāṣya)* nói: “Sự mật tuy chú trọng đến ngoại hạnh, nhưng cũng không phải không tu tập nội định.” Lại nữa, ngài Kim Cang Tạng (Vajragarbha) trong *Hoan Hỷ Kim Cang Lược Nghĩa Sớ (Commentary on the Condensation of the Hevajra Tantra, Skt: Hevajrapīṇḍārthaṭīkā)* giải thích rằng: “Nếu hành giả yếu kém năng lực thiền định về pháp chân như (Anh: meditation on Suchness), nhưng lại ưa thích ngoại hạnh, thì giảng dạy Sự mật cho họ.”

Mật bộ được gọi là Hành mật nếu giảng dạy đồng đều cả hai phần, ngoại hạnh và tu tập nội định. Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) trong *Đại Nhật Kinh Sớ (Word Commentary on the Vairocanabhisambodhi, Skt: Vairocanābhisambodhitantrabhāṣya)* nói: “Tuy mật bộ này là Hành mật, chú trọng chủ yếu là phương tiện và trí tuệ, nhưng cũng dạy về những ngoại hạnh, cho nên được gọi là Sự mật, hoặc Nhị câu mật (Hành mật, Anh: Both tantra, Performance tantra).” *Kim Cang Trang Nghiêm Kinh (Ornament of the Vajra Essence Tantra)* cũng đề cập đến Mật bộ cả hai, như nói: “Sự mật, Nhị câu mật, và Du già mật.”

Ngài Tripiṭakamāla trong *Tam Lý Cự Luận (Lamp for the Three Modes)* nói: “Có nhiều hành giả chuyên tâm tu tập quán chân như bất nhị, và cho rằng các ngoại hạnh khiến tâm tán loạn, vì muốn lợi ích những hành giả này nên giảng Hành mật. Lấy sự tu thiền định làm chính, và chỉ nói một ít về các ngoại hạnh.” Ở đây, Hành mật có nghĩa là Du già mật.

## Chương 8. Tiến nhập Mật thừa

### D3. Nêu rõ các đạo lộ khác biệt.

#### E1. Thứ đệ tu tập chung của hai loại Đại thừa.

*Kim Cang Thủ Quán Đảnh Kinh (Vajrapani Initiation Tantra, Skt: Vajrapāṇyabhiṣeka)* nói:

“Đà là ni chú đại mạn đà la của chư Đại bồ tát này, vô cùng quảng đại, cực kỳ thù thắng thâm sâu, rất khó thâm nhập, là pháp bí mật nhất trong các pháp bí mật, không được phép hiển bày cho các hữu tình ác, và rất ít khi được ngài đề cập đến. Kim Cang Thủ! Làm sao giải thích cho các hữu tình chưa từng được nghe qua pháp này?”

Ngài Kim Cang Thủ nói: “Vấn Thù Sư Lợi! Các vị Bồ tát đã tu tập Bồ tát hạnh bằng phương tiện Mật chú, đã thành tựu tâm Đại bồ đề, mới có thể tiến nhập Đà la ni chú đại mạn đà la để tiếp thọ quán đảnh đại trí tuệ. Những hành giả chưa thành tựu tâm Đại bồ đề không được phép vào, không cho họ được nhìn thấy mạn đà la, mà cũng không chỉ dạy cho họ thủ ấn và mật chú.”

Điều này nói rằng trước khi thọ quán đảnh, phải tu tập thành tựu tâm Đại bồ đề, cho nên hành giả trước tiên phải tu tập Bồ đề tâm nguyện và Bồ đề tâm hạnh, rồi sau đó mới được phép tiến nhập mạn đà la.

Thứ đệ để tu tập hai tâm bồ đề nguyện và tâm bồ đề hạnh như sau: Trước tiên, dùng thân tâm nhu thuận đến y chỉ một vị tri thức Đại thừa đầy đủ đức tướng. Ngài sẽ chỉ dạy về ý nghĩa thân người khó được, xuyên qua sự tu tập quán sát, hành giả sẽ phát khởi ý nguyện kiên cố tha thiết cầu đạo, và phương tiện thù thắng nhất để thực hiện ý nguyện này là tiến nhập Đại thừa. Ngưỡng cửa để tiến nhập

Đại thừa chính là sự phát Bồ đề tâm. Nếu tự thân [tâm] thật sự có tâm Bồ đề, thì sẽ trở thành một hành giả Đại thừa chân chánh. Còn nếu phát tâm giả dối, thì chỉ là một hành giả Đại thừa giả danh. Bởi vậy, những người đầy đủ trí tuệ phải nên dần dần diệt trừ những chướng ngại của sự phát tâm Bồ đề, để có thể phát sanh tâm Bồ đề đầy đủ đức tướng.

Kế đến, nếu trước tiên không trừ khiến tâm tham luyến hiện đời, thì đó sẽ là một chướng ngại cho sự tu tập Đại thừa, hoặc Tiểu thừa, cho nên phải quán niệm về sự chết. Phải nên quán sát rằng đời này không thể sống lâu, và sau khi chết có thể sẽ bị luân hồi trong những nẻo ác. Nên khéo suy ngẫm tất cả họa hoạn của sanh tử, ngăn chặn tâm mong cầu quả báo thế gian tốt đẹp hơn trong đời sau, khiến cho tâm ý hướng về sự tầm cầu giải thoát.

Kế đến, vì muốn trừ khiến tâm tìm cầu sự giải thoát Niết bàn cho chính mình, phải nên lâu dài tu tập tâm từ bi và tâm Bồ đề [lấy từ bi làm căn bản], dẫn phát tâm Bồ đề chân thật. Kế đến, nên hiểu rõ về công hạnh Bồ tát, và phát tâm cầu học. Nếu như có thể đảm đương những công hạnh Bồ tát thì phải lãnh thọ Bồ tát luật nghi, học tập Bồ tát học xứ. Nếu lại có thể gánh vác tam muội da luật nghi của Kim cang thừa, thì phải nên học tập *Tôn Trưởng Ngũ Thập Luận (Fifty Stanzas of the Guru, Skt: Gurupañcāsikā)* của ngài Mã Minh (Aśavaghośa), tu tập thanh tịnh pháp y chỉ đạo sư để tiến nhập Mật chú.

*Tôn Trưởng Ngũ Thập Luận (Fifty Stanzas of the Guru, Skt: Gurupañcāsikā)* nói:

Đệ tử ý thanh tịnh,  
Nên quy y Tam bảo,  
Pháp tùy thuận đạo sư,  
Truyền thọ để tụng tập,

Kế đến, truyền mật chú,  
Để thành chánh pháp khí.

Ý thanh tịnh, nghĩa là đối với những hành giả đã phát Bồ đề tâm và đã thọ bất cộng quy y, thì mới giảng giải *Tôn Trưởng Ngũ Thập Luận* cho họ. Sau khi được truyền thọ luận này, hành giả đó, xuyên qua sự quán đánh, sẽ trở thành chánh pháp khí (căn khí để tu tập Mật thừa).

*Minh Hiển Song Vận Luận (Clarification of Union, Skt: Yuganadahaprakāśa)* của ngài Rāhulaśrimitra nói:

Thứ đệ tu tập là,  
Chọn ngày lành tháng tốt,  
Đệ tử kính chấp tay,  
Sám hối tất cả tội,  
Thọ trì Tam quy y,  
Khéo phát tâm Bồ đề,  
Lại thọ giới cận sự,  
Và Bồ tát luật nghi,  
Lại thọ thêm tịnh trưởng<sup>40</sup>,  
Đúng theo pháp gần gũi,  
Kim cang a xà lê,  
Sau khi đã hoàn tất,  
Thỉnh thầy truyền quán đánh,  
Vì giáo nghĩa rườm rà,  
Nên không trích lục nhiều.

Đây có nghĩa là trước khi thọ quán đánh, phải nên thọ giới biệt giải thoát, phát Bồ đề tâm và thọ Bồ tát luật nghi giới, sau đó mới thỉnh cầu vị thầy y chỉ truyền thọ pháp quán

---

<sup>40</sup> Tịnh là sám hối những lỗi lầm đã tạo, trưởng là khôi phục sự thanh tịnh của những điều giới đã phạm (Anh: purification and renewal).



đánh. Ở đây nói đến cận sự (ngũ giới) và tịnh trường là căn cứ vào hành giả tại gia mà nói, còn những hành giả xuất gia tiến nhập Mật chú, phải nên thọ giới sa di thanh tịnh, v.v...

Phẩm thứ nhất trong *Nhiếp Hành Luận (Compendium of Practice)* của ngài Thánh Thiên (Aryadeva), sau khi chứng minh rằng hành giả phải nên tu học theo thứ đệ, chứ không thể tu học tất cả cùng một lúc, nói: “Thứ đệ tu học như sau, trước tiên học tập chí nguyện Đại thừa; sau khi thuần thục chí nguyện Đại thừa, thì mới học tập Nhất niệm diệu tam ma địa (Anh: meditative stabilisation of single mindfulness) của Tân thừa.” Nghĩa là trước tiên học Đại thừa (tâm Bồ đề nguyện và tâm Bồ đề hạnh), kế đến học Tân thừa, tức là Mật chú thừa.

Cho nên, sự cần thiết phát khởi tâm Bồ đề nguyện và tâm Bồ đề hạnh, cùng sự tu tập công hạnh sáu ba la mật đa, không phải chỉ là do hành giả đem từ Ba la mật đa thừa qua Mật thừa, mà ngay trong kinh điển Mật thừa cũng đã nhiều lần căn dặn hành giả phải được tu luyện trong sáu pháp ba la mật đa. Con đường tu tập chung của hai thừa xuất hiện rất nhiều trong kinh điển Mật thừa. Những pháp tu chung này đã được giải thích rất tỉ mỉ trong *Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Đại Luận (Lamrim Chenmo)*, cho nên ở đây không phiền trích lục.

Nếu chưa thể dùng lý vô cấu,  
Biện biệt các giáo lý thiện ác,  
Lại không khéo phân biệt Đại, Tiểu,  
Sự khác biệt giữa Hiển và Mật,  
Dù giảng nói giáo lý của Phật,  
Cũng chỉ toàn là do lòng tin.  
Đại thừa, và Mật thừa là cửa,  
Tối thẳng của người đủ thiện căn,  
Cho nên người trí tuệ, khát ngưỡng,  
Phải dùng tịnh lý luyện tuệ nhãn,

Tâm nguyện khao khát cầu thắng giải,  
Không để cho tà kiến lay động.

## **Chương 9. Sự tranh luận về Bốn tôn du già trong Sự mật và Hành mật**

**E2. Thứ đệ tu tập đặc thù của Kim cang thừa.**

**F1. Thứ đệ tu tập của Sự mật và Hành mật.**

**G1. Quán sát hai bộ có hay không có pháp tự khởi và nhập trí tôn.**

**H1. Lập luận của các luận sư khác.**

Phần lớn các lạt ma Tây Tạng trước kia [đều sai lạc khi] cho rằng Sự mật (Action tantra) tuy tu pháp quán tưởng bốn tôn (Anh: deity) hiện tiền, nhưng không tu pháp tự khởi (quán tưởng tự mình là bốn tôn). Họ lại [lầm lẫn khi] cho rằng Hành mật (Performance tantra), ngoại trừ pháp quán tưởng tự mình là một tam muội da tôn<sup>41</sup> và quán tưởng một trí tôn<sup>42</sup> hiện tiền, không có pháp nhập trí tôn<sup>43</sup>. Những lập luận của họ y cứ vào lời dạy trong *Tập Trí Kim Cang Kinh (Wisdom Vajra Compendium)* - thuộc Vô thượng du già, nói:

Những hành giả e sợ pháp tu Bốn tôn du già, bảo trì sự thanh khiết, thiếu sự diệu lạc của một trí [tuệ] tôn, không có sự hãnh diện tự mình là một thánh tôn (Anh: deity), không phải là căn cơ để tu tập phương tiện thù thắng [dùng sự tham dục trong pháp tu], và những hành giả tu tập với tâm lo sợ về sự khổ [sanh, lão, bệnh, tử,

---

<sup>41</sup> Tam muội da tôn (Anh: pledge-being – symbolic of actual deity): là bốn tôn do thệ nguyện (tam muội da); hành giả phải quán tưởng tự thân thành thánh tôn lúc thọ quán đảnh nên gọi là tam muội da tôn.

<sup>42</sup> Trí tôn (trí tuệ tôn, Anh: wisdom-being – the actual deity): thánh tôn thật sự, thường trụ ở trời Sắc cứu cánh.

<sup>43</sup> Nhập trí tôn: là một phương cách thể nhập Trí tôn, đã được triệu thỉnh trước mặt, vào Tam muội da tôn (nghĩa là Trí tôn thể nhập vào thân của hành giả).

v.v...], thì đây là những hành giả thích hợp với Sự mật (Action tantra).

[Nhiều lạt ma Tây Tạng giải thích sai lạc] đoạn văn này cho rằng Sự mật không can hệ đến pháp tu tự khởi và thể nhập với trí tôn [trong khi sự thật là vài bộ Sự mật không đề cập đến những pháp tu này là vì muốn dung nạp những hành giả không thể tu tập các pháp đó]. Hơn nữa, họ còn cho rằng *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* và *Kim Cang Thủ Quán Đánh Kinh (Vajrapani Initiation Tantra)*, tuy dạy pháp tu tự khởi, nhưng không dạy pháp nhập trí tôn.

Ngài Śrīdhara, trong *Câu Sinh Quang Minh Luận (Innate Illumination – Commentary on the Difficult Points of the Yamari Tantra, Skt: Yamāritantrapañjikāsahajāloka)* (Một bộ chú giải của *Trát Nỗ Kinh (Yamani Tantra)* - thuộc Vô thượng du già mật, có cùng quan điểm sai lạc vừa nêu trên), nói:

Trong Sự mật và Hành mật, hành giả không thể tu tập tùy thuận thành quả và phương tiện trong một thời gian lâu dài. Nhưng, những sự kiện này được sanh khởi từ sự quán tưởng, bởi vì hành giả được thành tựu bởi năng lực (gia trì) của bốn tôn trong những hình tượng [nghĩa là, hành giả quán tưởng một bốn tôn trước mặt, và nhận được sự gia trì của ngài]. Trong Du già mật (Yoga tantra) có đặc tánh sau: Trong sự tu tập Bốn tôn du già (tự khởi), hành giả quán sát bốn tôn trong hình tượng, v.v..., và nhận được sự gia trì.

Ngài Thắng Thọ (Jinadatta), trong *Tập Mật Thích (Commentary on the Difficult Points of Guhyasamaja Tantra, Skt: Guhyasamājatantrapañjikā)* - thuộc Vô thượng du già mật, trình bày tương tự [một cách sai lạc] về Sự mật và Hành mật. Lại nữa, *Thắng Lạc Thích (Explanations of the Conden-*

*sation of the Samvara Tantra, Skt: Cakrasamvaratantra-rājasambarasamucchayanāmavṛtti*) - thuộc Vô thượng du già mật, tương truyền do ngài Indrabhuti tạo, cũng giải thích [sai lầm] rằng:

Từ sự tu tập của Sự mật và Hành mật trong Bí mật Kim cang thừa, hành giả chỉ dựa vào nghi quỹ được hứa khả để tu tập minh chú, đạt đến sự thành tựu qua pháp quán hữu tướng – quán tướng tự thân và bốn tôn khác biệt.

Những nhà chú giải trên đã nhận xét sai lầm rằng Sự mật và Hành mật đều không có pháp tu tự khởi.

[*Lập luận đối nghịch:*]

*Hậu Tĩnh Lự Kinh (Concentration Continuation)* - một trong bốn bộ trong Sự mật – nói:

Pháp thiền định mật chú,  
Truyền thừa rất bí mật.

Chú giải của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) nói:

Bí mật, nghĩa là chưa tiết lộ. Điều này có nghĩa là pháp tu thiền định mật chú (chẳng hạn như Bốn tôn du già), tuy là cốt tủy của tất cả các chi thành tựu mật chú, nhưng lại không được giải thích rõ ràng trong các Mật bộ khác. Đây là vì muốn [tùy thuận] những hành giả không thể tu tập siêng năng các chi thiền định, như thâm nhiếp tâm khí, trụ tâm khí, hòa tan tâm khí [vào một vật, một chỗ, hay vào mạch giữa]<sup>44</sup>, v.v... Phần lớn các Sự mật khác cũng không nói rõ. Điều này được giải thích ở phần sau.

---

<sup>44</sup> Tâm khí: theo Tây Tạng, tâm cỡi trên con ngựa khí (dòng khí lực).

Ở đây, ý của ngài Phật Mật (Buddhaghya) muốn nói là những pháp tu thiền định mật chú, chẳng hạn như Bốn tôn du già [mà ngài chưa giải thích rõ] là cốt tủy của các chi tu tập thành tựu, nhưng không được giảng giải rõ ràng trong các Sự mật, là vì muốn tùy thuận những hành giả đang tu tập Sự mật, nhưng chưa đủ trình độ chuyên tâm tu tập pháp Bốn tôn du già bằng những phương tiện chẳng hạn như kiểm soát luồng khí trong thân [mà ngài chưa giải thích rõ]. Ngài cũng nói thêm rằng những pháp thiền định này đã được đề cập [một cách không rõ ràng] trong các Mật bộ khác.

Trong chú giải của *Hậu Tĩnh Lự Kinh (Concentration Continuation)*, ngài Phật Mật (Buddhaghya) nói:

Những sự tu tập thiền định tụng niệm mật chú được giảng rõ trong các bộ nghi quỹ tổng quát của Sự mật, như *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)*, *Diệu Tỷ Vấn Kinh (Questions of Subahu)*, *Nhiếp Quán Sát Kinh (Compendium of Imagination)*, v.v... Những sự tu tập này cũng được trình bày trong các Mật bộ khác, chẳng hạn như *Đại Nhật Kinh*<sup>45</sup> (*Vairocanabhisambodhi: The Empowerment of Emanations*), *Kim Cang Thủ Quán Đảnh Kinh (Vajrapani Initiation Tantra)*, *Trì Minh Tạng (Scriptural Divisions of the Knowledge Bearers, Skt: Vidyādhārapīṭaka [?])*, v.v... Có vài bộ không giảng rõ, nhưng có vài bộ giải thích rất rõ ràng. Chẳng hạn, *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* nói:

---

<sup>45</sup> *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)*, *Diệu Tỷ Vấn Kinh (Tô Bà Ha Đồng Tử Thỉnh Vấn Kinh)* là những kinh căn bản của sự mật; *Tỳ Lô Giá Na Hiện Chứng Bồ Đề Kinh (Vairocanabhisambodhi)*, có luận sư xếp vào Sự mật, có vị xếp vào Hành mật. Các kinh này đã được Huyền Thanh dịch, ấn bản tại Việt Nam, và được phổ biến rộng rãi trên nhiều website Phật giáo.

Khi trì tụng mật chú,  
Ngoài chú và bốn tôn,  
Không khởi tưởng niệm khác,  
Thiền định sẽ vượt bậc.

Lại nữa, ngài Phật Mật (Buddhaguhya) nói:

*Đại Nhật Kinh (Vairocana- bhisambodhi)* - thuộc Hành mật, giải thích rõ ràng khi tu niệm tụng, sự tu tập mật chú được thành tựu do bốn chi niệm tụng (liên hệ đến pháp tu tự khởi như một chi của nó). *Kim Cang Thủ Quán Đảnh Kinh (Vajrapani Initiation Tantra)* - thuộc Hành mật, nói: “Mạn Thù Sư Lợi! Khi một hành giả mật chú thành tựu lòng tự hào của thánh tôn (Anh: the pride of a deity), lúc đó hành giả sẽ an trụ trong hầu hết các thành tựu mật chú.”

*Trì Minh Tạng (Scriptural Divisions of the Knowledge Bearers)* nói: “Hành giả cần phải chuyên tâm quán tưởng thánh tôn trong ảnh tượng:

Quán vòng tai thánh tôn,  
Và chuột báu<sup>46</sup> di động,  
Khi niệm tụng như vậy,  
Quán dáng điệu bước chân.<sup>47</sup>

---

<sup>46</sup> Chuột báu (Anh: ichneumon): là một con vật hình giống con sóc, được gọi là chuột báu bởi vì nó phun ra (Anh: spit) trên bảo. Nó được cầm trong tay của vị thánh tôn như là một biểu tượng (Anh: hand symbol).

<sup>47</sup> Bài kệ tiếng Anh như sau:

Contemplate [the deity] with swaying ear-rings  
And the movement of the small [jewel-] bag ichneumon.  
When striving at repetition in this way  
Imagine in stages the feet and so forth.

*Nhiếp Quán Sát Kinh (Compendium of Imagination)* cũng có nhiều đoạn giảng dạy về pháp vô ngã và Bốn tôn du già, cho nên ở đây không trình bày chi tiết. Trong những Mật bộ đó mô tả sự tu tập sắc thân chư thánh tôn và tụng niệm trước khi tu tập thiền quán âm thanh mật chú (nghĩa là trước khi thiền quán về sự an trụ trong lửa và âm thanh).

Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) cho rằng các pháp tu thiền quán sắc thân thánh tôn, duyên vào chú để tu quán, cùng quán tự tánh, v.v..., được giải thích rõ ràng, hoặc không rõ ràng trong các Sự mật. Ngài lại cho rằng bốn chi niệm tụng được chỉ dẫn rất rõ ràng trong *Hậu Tĩnh Lự Kinh (Concentration Continuation)* - thuộc Sự mật, và trong *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi)* - được công nhận thuộc Hành mật.

Ngài lại cho rằng pháp tu Bốn tôn du già của bốn chi niệm tụng, v.v..., đều tương tự trong Sự mật và Hành mật. Chẳng hạn, *Đại Nhật Kinh* có thể thuộc Sự mật (tùy vào mỗi hành giả). Cho nên, ngài phân biệt Sự mật và Hành mật từ sự khác biệt căn cơ của mỗi hành giả, chứ không phải từ kiến giải khác biệt của hai bộ<sup>48</sup>.

*Tô Tất Địa Hiện Quán (Clear Realization of Susiddhi, Skt: Susiddhiabhisamaya)* của ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) nói:

Đừng nên cho rằng trong Sự mật không dạy giai đoạn tự khởi bốn tôn. Tuy Đức Bạc Già Phạm phần lớn chưa tuyên thuyết, nhưng trong *Kim Cang Thủ Quán Đảnh*

---

<sup>48</sup> Ý kiến riêng của ngài Tsong Khapa, được trình bày ở các trang 121-122, cho rằng *Đại Nhật Kinh (Vairochanabhisambodhi)* rõ ràng thuộc về Hành mật.



*Kinh (Vajrapani Initiation) và Thập Chủng Chân Thật (Ten Directions, Skt: Daśatattva [?]), v.v...*, đều có giảng dạy rõ ràng. Nói tóm, mọi sự thành tựu đều nương tựa vào mật chú thánh tôn và tu chân như quán. Nếu khiếm khuyết hai yếu tố này, những tác pháp như tức tai, v.v..., đều không được thành tựu. Những điều này đã được nêu rõ qua sự giảng dạy của các đạo sư và do sự phân tích nghĩa lý của kinh điển.

Ở đây, ngài Vajrabodhi trưng dẫn *Kim Cang Thủ Quán Đảnh (Vajrapani Initiation)* - thuộc Hành mật, như một chứng cứ cho sự hiện hữu của pháp tu Bốn tôn du già trong Sự mật. Điều này nêu rõ sự giải thích của ngài cũng tương tự như ngài Phật Mật (Buddhaguhya) ở trên, nghĩa là pháp tu Bốn tôn du già của Sự mật và Hành mật đều giống nhau. Dùng lý luận xác đáng, ngài xác nhận rằng sự thành tựu của các pháp tu tức tai, v.v..., tùy thuộc vào pháp tu Bốn tôn du già và không tách du già, cho nên ngay cả Sự mật cũng phải tu tập pháp Bốn tôn du già.

## H2. Giải thích tông chỉ đúng lý.

*Hỏi:* Trong những hệ thống tu tập khác biệt, nên giữ lại hệ thống nào?

*Đáp:* Sự đoán định rằng Hành mật (Performance tantra) không có pháp tu tự khởi thành thánh tôn là sai lầm. Nếu không công nhận *Đại Nhật Kinh* và *Kim Cang Thủ Quán Đảnh* thuộc về Hành mật thì sẽ không có Hành mật, còn nếu như công nhận chúng thuộc về Hành mật, mà trong đó đã xác nhận pháp tu tự khởi, thì sự đoán định rằng Hành mật không có pháp tu tự khởi là một điều sai lầm. Lại nữa, phẩm thứ ba của *Nhiếp Hành Luận (Lamp Compendium of Practice, Charyāmelakapradīpa)* của ngài Thánh Thiên (Aryadeva) nói: “*Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi)* thuộc về Hành

mật, v.v...”, có nghĩa là ngài cho rằng bộ kinh này thuộc về Hành mật.

Hơn nữa, nếu *Kết Hợp Kinh (Samputa)* và *Hỷ Kim Cang Kinh (Hevajra)* - cả hai thuộc về Vô thượng du già mật, có ý cho rằng Sự mật có sự tu tập nam nữ thánh tôn ngắm nhìn nhau (trang 100-104), thì cũng phải công nhận rằng Sự mật có pháp tu tự khởi thành thánh tôn.

*Hỏi:* Pháp tu tập tự khởi thành thánh tôn này là Sự mật sẵn có, hay là từ các Mật bộ khác [chẳng hạn như *Samputa* hoặc *Hevajra*] truyền nhập?

*Đáp:* Đối với sự kiện này, nhiều học giả gần đây [chẳng hạn như Bu-ston] phát biểu sai lầm rằng:

Có người cho rằng Sự mật không có pháp tu tự khởi và nhập trí tôn, nhưng ngài Phật Mật (Buddhaguhya) và Varabodhi lại cho rằng Sự mật có pháp tu tự khởi, nhưng không đề cập đến pháp tu nhập trí tôn.

[*Những giả thiết cho sự xác định này là:*]

(1) Ngài Long Thọ (Nagarjuna) trong *Thiên Thủ Thiên Nhãn Đà La Ni Nghi Quỹ (Means of Achievement of the Retention of the Thousand-armed and Thousand-eyed Avalokiteśvara, Skt: Sahasrabhujāvalokiteśvarasādhana)* - thuộc Sự mật, nói có pháp tu tự khởi, nhập trí tôn, v.v... Hơn nữa, các pháp tu tự khởi, nhập trí tôn, v.v..., được giải thích trong các nghi quỹ y vào Sự mật, chẳng hạn như *Đại Bi Nghi Quỹ (Means of Achievement of Mahakarunika)* của ngài Liên Hoa Sanh (Padma-sambhava), *Thập Nhất Diện Quán Âm Nghi Quỹ (Means of Achievement of the Eleven-faced Avalokiteśvara, Skt: Bhaṭṭārakaryaikādaśamukhāvalokiteśvarasādhana)* của

ngài Lakṣmi, *Đại Bạch Tản Cái Nghi Quỹ (Means of Achievement of Sitatapatraparajita, Skt: Sitātapatrā-parajitāsādhana)* - tương truyền do ngài Candragomin tạo, *Ngũ Phần Nghi Quỹ (Means of Achievement of the Five Guards, Skt: Pañcarakṣāviddhi)* của hai ngài Tịch Tĩnh (Ratnakaraśanti) và Thăng Oán (Jetari) (hai bản khác biệt nhưng cùng tựa đề), *Vô Cấu Phật Đánh Nghi Quỹ (Means of Achievement of Vimaloṣṇiṣa, Skt: Vimaloṣṇiṣadhana)* của ngài Atiśa, cùng các bộ như *Nghi Quỹ Hải (Ocean of Means of Achievement, Skt: Sāghanasāgara)*, *Bách Ngũ Thập Nghi Quỹ (One Hundred and Fifty Means of Achievement)*, *Bách Nghi Quỹ (Hundred Means of Achievement)*, v.v... [Cho nên cần phải phân tích xem có phải hai ngài Phật Mật (Buddhaguhya) và Vajrabodhi đã lầm lẫn khi đem những *Nghi Quỹ Tu Tập (Anh: Means of Achievement)*, căn cứ trên Sự mật, để làm đại biểu cho Sự mật].

(2) Ngài Phật Mật (Buddhaguhya), v.v..., cho rằng *Đại Nhật Kinh Sớ*, v.v..., thuộc về Sự mật, cho nên chúng ta cần phải phân tích xem có phải là lập trường của các ngài dựa trên sự pha trộn (Anh: mixing) của Sự mật và Hành mật.

(3) Hoặc giả, lập trường của các ngài dựa trên sự giải thích của những lạt ma khác cho rằng có thể áp dụng phương thức của Du già mật vào Sự mật và Hành mật, như đã được giảng dạy trong *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles, Skt: Tattvasaṃgraha)* - thuộc Du già mật:

Tâm, ấn, chú, và minh,  
Được nói trong bốn phần,  
Dù tu nghi quỹ nào,  
Tùy ý, đều thành tựu.

(4) Hoặc, các bốn tôn [tương tự với Vô thượng du già mật], như Đại Tỳ Cầu (Pratisara), Quang Minh Thiên Nữ (Marichi), Sơn Lâm Diệp Y (Parnaśabari), cùng các bộ chú của họ, hiện diện trong Sự mật, *Sambhuta* [thường được xem thuộc Sự mật], v.v... , và cũng hiện diện trong các bộ Vô thượng du già mật. Cho nên cần phải phân tích xem có phải là tư tưởng của Vô thượng du già mật được truyền nhập vào Sự mật, hay là Sự mật tự thân có pháp tu tự khởi.

[Đả phá giả thiết (2):]

Không phải là ngài Phật Mật (Buddhaguhya) không tìm được một giải thích rõ ràng về pháp tu tự khởi trong Sự mật, và phải tìm chứng cứ trong *Đại Nhật Kinh* và *Kim Cang Thủ Quán Đảnh* [thuộc Hành mật], v.v... Bởi vì ngài đã khẳng định rằng bốn chi niệm tụng được dạy rõ trong *Kim Cang Kế Kinh* (*Vajroṣṇiṣa Tantra*) là một bộ trong Sự mật.

*Hậu Tĩnh Lự Kinh* (*Concentration Conituation*) – là một bộ nối tiếp hoặc một bộ phụ thuộc của *Kim Cang Kế Kinh* (*Vajroṣṇiṣa Tantra*), nói: “An trụ trong âm thanh, tâm và sự”, và ngài Phật Mật (Buddhaguhya) chú giải:

Điều này có nghĩa là các chi niệm tụng, v.v..., như sự, tâm, âm thanh, v.v..., không được giải thích ở đây là bởi vì chúng đã được giải thích trong phần đầu của bộ *Kim Cang Kế Kinh* (*Vajroṣṇiṣa Tantra*) này. Những đặc tánh được giải thích ở đây là: âm thanh, tức là hình tướng của tự mẫu của chú; tâm, tức là hiện rõ của vàng trắng (nguyệt luân - nơi nương tựa của chú); *sự thứ nhất*, tức là tự tánh thân của Như Lai (tánh không); *sự thứ nhì* là tự mình hiện rõ thành sắc thân của bốn tôn. Hơn nữa, nên biết hành tướng của sinh mạng khí, trụ khí, đầu

nhiếp khí đã được giải thích ở phần trên của *Kim Cang Kế Kinh (Vajroṣṇiṣa Tantra)*, cho nên chúng không được trình bày trong *Hậu Tĩnh Lự Kinh (Concentration Continuation)*.

Điều này muốn nói rằng pháp tu tự khởi thành sắc thân thánh tôn, v.v..., đã được giải thích trong phần đầu của *Kim Cang Kế Kinh (Vajroṣṇiṣa)*, cho nên chúng không được giải thích lại trong *Hậu Tĩnh Lự*. Hơn nữa, không ai không công nhận rằng *Kim Cang Kế Kinh (Vajroṣṇiṣa Tantra)* thuộc về Sự mật.

Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) cho rằng bốn chi niệm tụng được mô tả ở đây cũng giống như trong *Đại Nhật Kinh*. Chú giải *Hậu Tĩnh Lự* của ngài nói:

Chẳng hạn, *Đại Nhật Kinh* nói:

Chữ<sup>49</sup> là bồ đề tâm,  
Thứ hai gọi là thanh<sup>50</sup>,  
Sự là trụ tự tánh<sup>51</sup>,  
Do tự thân tạo tác<sup>52</sup>,  
Gọi là sự thứ hai,  
Đức Phật Lương Túc Tôn,  
Nói mạng tức là khí<sup>53</sup>,  
Nhiếp khí là ức niệm.

Ở đây, thể tướng của sự, v.v..., như đã giải thích ở phần trên [trong *Kim Cang Kế Kinh (Vajroṣṇiṣa Tantra)*].

---

<sup>49</sup> Tự mẫu của chú.

<sup>50</sup> Âm thanh của chú.

<sup>51</sup> Tự thành tự tánh thân của bốn tôn.

<sup>52</sup> Tự thành sắc thân của bốn tôn.

<sup>53</sup> Sinh mạng khí.

Cho nên, nếu cho rằng chữ “sự” trong câu “trụ thanh, tâm, và sự” [một đoạn văn của *Hậu Tĩnh Lự*], không phải chỉ cho pháp tự khởi thành thánh tôn, thì hai câu của *Đại Nhật Kinh*: “sự là trụ tự tánh, do tự thân tạo tác”, cũng không phải chỉ cho pháp tự khởi thành thánh tôn, bởi vì không có sự khác biệt giữa hai chữ “sự” này.

[Đả phá giả thiết (4):]

*Quang Minh Thiên Nữ Biểu Tu Pháp (Imagination of Marichi)* nói rất rõ về pháp tự khởi, và đã sử dụng những thuật ngữ như “giai đoạn tự khởi” và “giai đoạn viên mãn” [là những thuật ngữ chỉ được dùng trong Vô thượng du già mật]. Nếu cho rằng những pháp tu này thuộc về Sự mật, thì đây là điều sai lầm. Nhưng nếu cho rằng chúng chỉ thuộc về Vô thượng du già mật, thì không thể dùng chúng như chứng cứ cho sự hiện hữu của pháp tự khởi trong Sự mật.

*Hậu Tĩnh Lự Kinh (Concentration Continuation)*, cũng như chú giải của ngài Phật Mật (Buddhaguhya), đều công nhận rằng bốn thân Sự mật có pháp tu tự khởi. Điều này cũng có thể được nêu rõ trong *Tôi Hoại Thích (Commentary on the Vajravīdarana Tantra, Skt: Vajravīdāranānāmāṭikā)* qua sự trưng dẫn *Tôi Hoại Quảng Kinh (Extensive Tantra of Vajravīdarana)* nói về pháp tu Sáu bốn tôn (trang 176-177).

[Đả phá giả thiết (3):]

*Nhiếp Chân Thật Kinh Thượng Thích (Illumination of the Compendium of Principles, Skt: Tattvālokavī)* của ngài Khánh Hỷ Tạng (Anadagarbha) giải thích phần đầu của *Nhiếp Chân Thật Kinh* nói:

Những hành giả quan tâm đến nghi quỹ của Sự mật, Hành mật, v.v..., phải nên dùng những nghi quỹ đó để tu tập những pháp như Đại ấn, v.v..., đã được giải thích ở đây. Để giải ý nghĩa này, *Nhiếp Chân Thật Kinh* nói:

Tâm, ấn, chú và minh,  
Được nói trong bốn phần,  
Dù tu nghi quỹ nào,  
Tùy ý, đều thành tựu.

Tâm, ấn, chú và minh (Anh: essence, seal, mantra, and knowledge), theo thứ tự, tức là bốn chương trong *Nhiếp Chân Thật Kinh* nói về đại mạn đà la, đà la ni mạn đà la, pháp mạn đà la và nghiệp mạn đà la<sup>54</sup>. Điều này chứng tỏ các hành giả có thể thành tựu qua sự tu tập nghi quỹ của Du già mật và nghi quỹ của Sự mật và Hành mật, cho nên, một cách rõ ràng, từ quan điểm của *Nhiếp Chân Thật Kinh* các pháp tự khởi và nhập trí tôn, v.v..., đều thích ứng trong Sự mật và Hành mật.

[Đả phá giả thiết (1):]

Lại nữa, *Nghi Quỹ Hải (Ocean of Means of Achievement)*, v.v..., trong lúc khảo sát sự tương tự giữa thánh tôn và mật chú, [ví dụ ngài Machiri (Ma lợi chi thiên, hoặc Quang Minh Thiên), được mô tả trong Sự mật và Hành mật như là một biểu tượng,] đã xem những nghi quỹ và bốn tôn của pháp tự khởi, v.v..., được giải thích trong Sự mật và Hành mật như những nghi quỹ và bốn tôn của Vô thượng du già mật [và, như vậy, chúng không phải là nguồn gốc (Anh: source) chánh đáng cho Sự mật và Hành mật. Rõ ràng là hai ngài Phật Mật và Thắng Bồ Đề đã không y cứ vào những tư liệu này.]

---

<sup>54</sup> Còn gọi là ma ha mạn đà la, tam muội da mạn đà la, pháp mạn đà la, và yết ma mạn đà la.

Hỏi: Như vậy, làm sao hội thông với giáo nghĩa của *Tập Trí Kim Cang (Wisdom Vajra Compendium)*? (trang 115)

Đáp: Như ngài Phật Mật (Buddhaguhya) nói (trang 117), trong Sự mật và Hành mật có nhiều hành giả sợ hãi sự chuyên tâm tu tập pháp bốn tôn du già (Anh: single-pointed cultivation of deity yoga). Những hành giả đó không thích ứng với việc sử dụng tâm tham trong sự tu tập (bởi vì đây là một phương tiện khác thường, hoặc đi ngược lại với quan niệm thế gian), mà chỉ muốn tu tập thành tựu xuyên qua sự quán sát sự khổ sanh, lão, bệnh, v.v..., tương ứng với sự thật của thế gian. *Tập Trí Kim Cang (Wisdom Vajra Compendium)* cho rằng những hành giả đó không thể tu tập pháp tự khởi, hoặc nhập trí tôn, nhưng điều này không phải áp dụng cho tất cả mọi hành giả trong Sự mật, chẳng hạn như trong trường hợp của *Kim Cang Kế Kinh* [đang được trình bày ở đây]. Bởi vì những hành giả [sợ hãi] đó chiếm đa số trong Sự mật và Hành mật, cho nên [đối với họ], pháp tu Bốn tôn du già không được hiển lộ rõ ràng, giả như có nói đến cũng chỉ đề cập sơ lược. Thế nhưng, những căn cơ thích hợp của Sự mật và Hành mật không phải là những người không thích, hoặc không thể chuyên tu tập pháp Bốn tôn du già bằng phương tiện thu nhiếp khí, hoặc thu nhiếp sinh [mạng] khí (ngăn ngừa và rút hết tất cả khí của ngũ căn vào bên trong) và trụ khí (điều khiển khí để hòa tan vào một điểm hay kinh mạch giữa), v.v...

Theo lời giải thích của ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) (trang 120-121), ngay cả những người bình thường tu tập Sự mật và Hành mật cũng đạt được những thành tựu về linh kiếm (phép bay trên không), thành tựu về linh dược (trở thành trẻ mãi không già), v.v..., cùng với nhiều thành quả khác, như tức tai giải nạn (trừ ma, trị bệnh, v.v...). *Kim Cang Thủ Quán Đánh (Vajrapani Initiation Tantra)* cho rằng



những thành quả đạt được là do sự tu tập Bốn tôn du già và không tánh du già (chân như du già):

Khi một hành giả Bồ tát tu tập mật chú, thành tựu thánh thân, tâm ý không còn nghi ngại trong việc sanh khởi lòng tự hào là thánh tôn. Bất cứ trong lúc đi, đứng, ngồi, và trong tất cả mọi thời, tâm không dao động [trong sự sanh khởi và tự hào là thánh tôn]. Đây Tịch Tuệ (Śāntimati), khi ấy, hành giả đó mới thật sự hành Bồ tát đạo, tu tập mật chú, đầy đủ Đại bồ tát giới.

Lại nói rằng hành giả tùy thuận các hành nghiệp của chư thánh tôn, siêng năng tu tập du già, đây gọi là an trụ trong Bồ tát giới luật. Trong lúc an trụ trong cấm giới, tu hành niệm tụng, hộ ma, v.v..., đây gọi là tu hành diệu hạnh. Tu tập pháp du già đồng nhất với chư thánh tôn, thọ trì học xứ, thì gọi là tu tập mật chú đạt được tất địa (Anh: feats of Secret Mantra). Lại nói: “Hơn nữa, chư Đại bồ tát, hành Bồ tát đạo, tu tập mật chú, cần phải an trụ trong vô tướng [tu tập Bốn tôn du già hòa hợp với kiến giải về tánh không].” Phần sau nói rõ như sau:

Đối với Phật chế định,  
Cấm hành và thi la,  
Công hạnh và học xứ,  
Nếu có thể an trụ,  
Hành giả sẽ thành tựu,  
Chánh trí lìa phân biệt,  
Phật quá khứ đã chứng,  
Trong sự vô phân biệt,  
Thành tựu các mật chú,  
Quả vị được chứng đắc,  
Quang minh tánh thanh tịnh,  
Nếu tâm còn phân biệt,  
Ắt sẽ không thành tựu,

Nên đoạn trừ phân biệt,  
Tư duy chú hình sắc.

“Đoạn trừ phân biệt”, nghĩa là vô ngã tuệ phá trừ sự phân biệt chấp ngã, chứ không có nghĩa là diệt tận tất cả sự phân biệt. “Tư duy chú hình sắc”, nghĩa là quán tưởng thánh tôn. Sự kiên định của hành giả đối với pháp Bốn tôn du già được biểu thị bằng sự “trong lúc đi, đứng, hoặc ngồi luôn luôn chuyên nhất.” Khi hành giả, trong bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ trạng thái nào, đạt đến sự tập trung chuyên nhất vào thân bốn tôn, và tâm không còn bị phân tán bởi ngoại cảnh, thì có thể trừ khiển phàm ngã.

Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) và Thắng Bồ Đề (Varabodhi), trong các chú giải nói về Sự mật và Hành mật, tuy chưa nói về nhập trí tôn, nhưng đây là pháp có thể tu tập, cho nên các học giả Ấn độ thường đề cập đến vấn đề này. Nếu pháp tu không thích hợp thì đó là vì các hành giả tu tập các Mật bộ này chấp rằng mình và trí tôn là khác biệt, không tin vào sự có thể hợp nhất [giữa mình và bốn tôn]. Thế nhưng, [sự không tin vừa nêu trên không hợp lý], bởi vì do uy lực của sự tin tưởng rằng thân và ngữ của hành giả không thể xa lìa thân và ngữ của bốn tôn, thì tất cả những hành động [của hành giả] đều trở thành thủ ấn, và tất cả lời nói [của hành giả] đều trở thành mật chú. *Kim Cang Thủ Quán Đảnh Kinh (Vajrapani Initiation Tantra)* nói:

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân đã thấy được mạn đà la, đã phát Bồ đề tâm, đầy đủ phương tiện thiện xảo của tâm từ bi, đầy đủ thiện xảo về văn tự nghĩa lý của mật chú, nên nghĩ như vậy: “*Xa lìa ngữ ngôn không có tâm ý, xa lìa tâm ý không có ngữ ngôn, xa lìa tâm ý không có thân, tâm tức là ngữ ngôn, ngữ ngôn tức là tâm, thân bốn tôn cũng tức là tâm, ngữ ngôn cũng tức là thân bốn tôn.*” Nếu hành giả có thể tin tưởng sự không khác biệt đó, sẽ

đắc được tâm thanh tịnh. Lúc đạt được tâm thanh tịnh, hành giả, trong mọi thời, thấy thân mình là thân bốn tôn, lời nói mình là lời nói bốn tôn, ý mình là ý bốn tôn, v.v... Lúc ấy, hành giả sẽ an trụ trong chánh định.

Nếu trong mọi thời gian,  
Chú sự thường trong định,  
Thì có thể tiến nhập,  
Tánh bình đẳng của thân, ...  
Người trụ tánh bình đẳng,  
Tất cả mọi hành động,  
Và tất cả lời nói,  
Đều là mật chú, ẩn.

Sự kiện này cũng tương tự trong Sự mật, bởi khi hành giả quán tự thân thành thân bốn tôn, và phát khởi lòng tự hào là bốn tôn, nghĩa là khởi tướng chính mình thật sự là một bốn tôn, dù vị đó là Tỳ Lô Giá Na, hoặc bất cứ vị nào.

Do đây biết rằng *quán tự thân là thân bốn tôn, lời nói là mật chú, tâm ý nhập chân như*, không phải là pháp tu riêng biệt của Vô thượng du già mật, mà các Mật bộ bậc thấp cũng tu tập như vậy.

## Chương 10. Cấu trúc tổng quát

### G2. Cấu trúc tổng quát thứ đệ tu tập trong Sự mật và Hành mật.

#### H1. Giải thích bài kệ tổng quát.

*Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)* - thuộc Sự mật, nói:

Người siêng tu mật chú,  
Trong ba thời biết rõ,  
Những nghi quỹ vi tế,  
Của mười chi hành nghiệp.

Điều này muốn nói rằng vì muốn siêng năng tu tập mật chú [Bổn tôn du già, v.v...], cần phải hiểu rõ hành nghi của mật chú có bản chất của Bổn tôn du già và rất vi tế [khó nhận thức được], chỉ có thể biết được qua sự thiền quán mỗi ngày ba thời. Do những sự kiện như vậy mà hành giả thành tựu tất địa [những thành tựu năng lực đặc biệt được mô tả trong chương 17]. Những pháp tu tập này, trong chú giải của ngài Phật Mật (Buddhaguhya), được chia làm mười chủ đề để giải thích:

- (1) trụ xứ tu hành,
- (2) ngã thật tánh,
- (3) chú thật tánh,
- (4) tụng niệm thật tánh,
- (5) trụ trong lửa quán,
- (6) trụ thanh quán,
- (7) thanh hậu giải thoát quán,
- (8) tu chú nghi quỹ,
- (9) hộ ma nghi quỹ, và
- (10) quán đánh nghi quỹ.

(a) Ngã thật tánh, chú thật tánh và tụng niệm thật tánh là bốn chi thiền quán hữu tướng [được đề cập trong pháp tu của các chương 13, 14, 15]. (b) Trụ trong lửa quán, trụ thanh quán và thanh hậu giải thoát quán là thiền quán vô tướng<sup>55</sup>, sẽ được giải thích ở phần dưới [xem chương 16]. Hai nhóm (a) và (b) là chủ thể của các pháp tu. Tu chú nghi quỹ [được mô tả trong các chương 12, 15] là nghi quỹ tiên hành và nghi quỹ kết hành của sự tu tập thiền quán của hai nhóm này. Quán đánh [được đề cập sơ lược trong chương 10] là để giúp cho hành giả trở thành căn khí (căn cơ thích đáng) cho sự tu tập. Pháp hộ ma [đề cập trong chương 16] được thực hiện khi tu tập thành tựu, hoặc khi tu tập các sự nghiệp lợi sinh (chẳng hạn như tức tai, trừ quỷ, v.v...), hoặc tăng ích (cầu tài, cầu trường thọ, cầu trí tuệ, hoặc tăng gia tài sản, thế lực, v.v...), hoặc hàng phục (xua đuổi những quỷ thần ác).

Do những sự tu tập này, hành giả đạt được những năng lực, có thể giúp thành tựu vô biên sự nghiệp [tức tai giải nạn, tăng phước tăng thọ, v.v...], khiến cho hành giả tăng tiến trong sự tu tập bằng phương tiện làm lợi ích cho kẻ khác, trên bước đường viên mãn Đại bồ đề hạnh. Đây là ý nghĩa tổng quát của Sự bộ và Hành bộ, và cũng là nhân tố thành Phật cho hai loại căn cơ này.

### *Bốn bộ tổng quát của Sự mật:*

Trong bốn bộ của Sự mật, *Diệu Tỳ Vấn Kinh (Question of Subahu)* dạy *ba bộ* [xuất thế gian] là Phật bộ, Kim cang bộ và Liên hoa bộ, và *sáu bộ* là ba bộ trên và ba bộ thế gian [là Chư thiên bộ (Pancika), Bảo bộ và Yết ma bộ]. Bộ kinh trên cũng dạy mật chú, sự nghiệp sai biệt và phương tiện thừa sự của

---

<sup>55</sup> Có người xếp “trụ trong lửa quán”, “trụ thanh quán” thuộc thiền quán hữu tướng, “không có niệm tụng”, “thanh hậu giải thoát quán” mới chính là thiền quán vô tướng.

các bộ vừa nêu trên. Kinh trên tóm tắt những sự giảng dạy chi tiết, giải thích rõ ràng những điều chỉ được đề cập sơ lược, và giảng dạy những điều chưa được giảng dạy trong các Mật bộ vừa nêu trên. Kinh trên tuy chưa nói rõ về bốn chi thiền quán hữu tướng và ba loại thiền quán vô tướng (trụ trong lửa, trụ thanh, và thanh hậu giải thoát), nhưng đối với nghi quỹ tu tập mật chú, nghi quỹ tu tập sự nghiệp, v.v..., đều giảng dạy rõ ràng [xem chương 17].

*Bí Mật Tổng Tụ (General Secret Mantra, Skt: Guhya-sāmāya)* chủ yếu nói về những đề tài liên quan đến việc khiến hành giả trở thành căn khí tu tập, cho nên đã chỉ dẫn cách vẽ ba ngàn năm trăm đại mạn đà la của ba bộ (Phật bộ, Liên hoa bộ và Kim cang bộ), và chỉ dẫn những nghi quỹ quán đánh tổng quát, v.v... *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* chưa nói rõ về sáu loại thiền quán, nhưng nói rõ về nghi quỹ tu tập mật chú chung cho ba bộ, nghi quỹ sự nghiệp, pháp tu hộ ma, và các tam muội da giới cần được phòng hộ, v.v..., là những sự kiện thông thường trong ba bộ xuất thế gian. *Hậu Tĩnh Lự Kinh (Concentration Continuation)*, một cách tổng quát, nói rõ về sáu loại thiền quán, đặc biệt nói rõ cách thâm nhiếp sinh mạng khí, trụ khí, v.v..., và cũng giảng rõ về ba loại thiền quán (trụ trong lửa, trụ thanh và thanh hậu giải thoát). Điều này áp dụng chung cho ba bộ xuất thế gian (Phật bộ, Liên hoa bộ, và Kim cang bộ).

*Bốn đề mục chánh:*

Nếu có thể hiểu rõ những sự kiến lập vừa nêu trên, thì sẽ hiểu rõ cách nào nhiếp tập các Mật kinh khác nhau của Sự mật, và Hành mật. Điều này có thể phân thành bốn đề mục.

- (1) Quán đánh để thành thực căn khí tu đạo.
- (2) Hộ trì tam muội da luật nghi.
- (3) Vì muốn sanh khởi năng lực cho nên tu tập thừa sự.

(4) Sau khi đạt được năng lực, tu tập thành tựu mình và người.

Trong Sự mật và Hành mật có nhiều nghi quỹ tu tập, thế nhưng, chỉ có những chú giải của hai ngài Phật Mật (Buddhaguhya) và Thắng Bồ Đề (Varabodhi) là phù hợp với những điều giảng dạy trong hai Mật bộ này, cho nên chúng ta sẽ y vào đó để giải thích về Sự mật và Hành mật.

## Phẩm 2: Sự mật (Kriya tantra)

### Chương 11. Luật nghi

**H2. Giải thích thứ đệ tu tập của Sự mật và Hành mật.**

**I1. Thứ đệ tu tập của Sự mật.**

**J1. Vì muốn trở thành căn khí tu đạo nên thọ quán đánh.**

Vì e rằng nghi quỹ mạn đà la và quán đánh rất chi ly phiền toái cho nên không trích dẫn ở đây. Trong *Căn Bốn Tội Thích (Explanation of the Root Infractions)* đã trình bày nghi quỹ nhập đàn (Anh: enter into a mandala), và những nghi quỹ quán đánh.

[Những hành giả có lòng tin nhưng chưa thể thọ trì Bồ tát giới và Tam muội da giới, tuy được phép nhập đàn nhưng không được quán đánh. Những người đó được phép nhập đàn là vì khi nhìn thấy đàn (Anh: mandala) với lòng tin thì có thể tẩy trừ những tội cấu đã gây tạo từ nhiều đời kiếp, và hơn nữa, phát khởi nhân duyên cho sự quán đánh để trở thành căn khí tu tập Mật thừa sau này. Những người có thể thọ trì Bồ tát giới và Tam muội da giới, trong Sự mật, sẽ được quán đánh bằng nước và miện (Anh: crown), còn trong Hành mật, ngoài nước và miện, còn được quán đánh bằng chày kim cang, chuông và đặt tên (Anh: vajra, bell, and name initiation)<sup>56</sup>].

---

<sup>56</sup> Quán đánh nước, chuông, chày, miện, v.v..., đều thuộc quán đánh thứ nhất (còn gọi là quán đánh bình), trong đó người thọ quán đánh sẽ được rưới nước trên đánh, uống nước quán đánh. Đôi khi, được đặt một vòng hoa, hoặc vương miện trên đầu, v.v..., giống như lễ vương tử được phong làm thái tử.



## **J2. Sau khi trở thành căn khí, thọ trì thanh tịnh luật nghi và tam muội da giới.**

Trong *Căn Bốn Tội Thích (Explanation of the Root Infractions)* đã trình bày cặn kẽ những điều giới được truyền thọ trong lễ quán đảnh [đây là Bồ tát giới, bởi vì Tam muội da giới chỉ dành riêng cho hành giả tu tập Du già mật và Vô thượng du già mật], và những điều tội căn bốn, v.v... Ở đây sẽ nói về các tam muội da giới (Anh: pledges) khác.

Phẩm Chú Tỳ Nại Da (Chapter on Knowledge Mantra Discipline) trong *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* nói:

1. Sẽ giải thích luật nghi,  
Của sự tụng mật chú,  
Hành giả trụ trong đó,  
Sẽ mau được thành tựu.
2. Người tu hành trí tuệ,  
Đối mật chú, chư tôn,  
Các bậc đại tu hành,  
Đều không được phỉ báng.
3. Người trí không ngụy tạo,  
Nghĩ quý và mật chú,  
Đối với những kẻ ác,  
Cũng không nên nhục mạ.
4. Vị khai thị mật đàn<sup>57</sup>,  
Hành vi tuy bạo ác,  
Cũng không nên dùng lời,  
Hoặc dùng tâm hủy báng.
5. Hành giả tuy sân nộ,  
Cũng không dùng mật chú,  
Trói buộc, hoặc tổn hại,  
Trị phạt, hoặc hàng phục.

---

<sup>57</sup> Anh: the guru who reveals the mandala.

6. Không sử dụng mật chú,  
Nếu chưa được cho phép,  
Biết chú, cũng không nói,  
Cho người thiếu kính tin.
7. Dù biết cũng không truyền,  
Mật chú, ấn, nghi quỹ,  
Kinh điển, mạn đà la,  
Cho người chưa nhập đàn.
8. Không ăn, hoặc bước qua,  
Tất cả các loại ấn,  
Hoặc mang hình dáng người,  
Hoặc mang hình vũ khí.
9. Hành giả có trí tuệ,  
Không xem thường thuốc men,  
Không để chạm vật dơ,  
Không lấy chân dẫm đạp
10. Người trí không tranh cãi,  
Với hành giả Đại thừa,  
Nghe Bồ tát thần lực,  
Không khởi tâm bất tín.
11. Không nên dùng chú thuật,  
Tranh với người trì chú,  
Đối kẻ phạm lỗi nhỏ,  
Không sân hận, tổn hại.
12. Hành giả trụ nghi quỹ,  
Không nên ca, múa, diễu,  
Không trang sức, đeo hoa,  
Để phô bày sắc đẹp.
13. Không bước qua người khác,  
Nhảy, giỡn hót, chạy nhanh,  
Phải khiến trừ tất cả,  
Các thân nghiệp thô ác.
14. Người tin pháp chân như,  
Không nói dối, thị phi,  
Không nói ác, đâm thọc,

- Không nói lời vô ích.  
15. Không ở chung ngoại đạo,  
Không tranh cãi với họ,  
Cũng không tụng chú chung,  
Với đồ tể, hạ tiện.  
16. Hành giả lúc tụng niệm,  
Không được phép nói chuyện,  
Với tất cả mọi người,  
Ngoại trừ người hộ chú.  
17. Không dùng dầu xoa thân,  
Cũng không được ăn mè,  
Muốn thành tựu chớ ăn,  
Củ cải, tỏi và muối.  
18. Cũng không ăn các món,  
Gia vị những chất chua,  
Men chua, đậu, men mè,  
Kẹo mè, và đậu đỏ.  
19. Người trì chú đều kỵ,  
Các thức ăn độc hại,  
Cùng các món dư thừa,  
Kṛsara, cháo sữa.  
20. Không được đi xe ngựa,  
Không đạp lên hoa sen,  
Cũng không được dẫm đạp,  
Các thức ăn phế thải.  
21. Người trì chú nên bỏ,  
Tất cả việc trào phúng,  
Không mang giày, che dù,  
Cùng những vật trang sức.  
22. Chớ lấy chân cọ chân,  
Hoặc dùng tay xoa tay,  
Chớ nên đổ phân, tiểu,  
Vào nước, hoặc gần nước.  
23. Không lấy tay bốc ăn,  
Hoặc ăn trong bát đồng,

- Không được ăn từ lá,  
Người trí chớ tham ăn.  
24. Người tu hành trí tuệ,  
Không ngủ chung một giường,  
Vớ những người bản thủ,  
Không nằm ngựa, hoặc xấp.  
25. Không ăn quá nhiều lần,  
Không ăn nhiều, hoặc ít,  
Cũng không nên nhịn ăn,  
Không ăn món khả nghi.  
26. Không thích việc kỳ dị,  
Không nhìn những việc vui,  
Không xúc chạm nữ thân,  
Không khởi tâm tham muốn.  
27. Người tu trì mật chú,  
Ba nghiệp thân khẩu ý,  
Các oai nghi ăn uống,  
Đều phải khéo giữ gìn.  
28. Người tại gia trì chú,  
Không mặc y hoại sắc,  
Cũng không mặc quần áo,  
Cũ kỹ, hoặc hôi hám.  
29. Không xem thường chính mình,  
Cũng không ghét chính mình,  
Chớ nên quá bi quan,  
Không để mình bệnh hoạn.  
30. Trừ đạo sư cho phép,  
Không được bỏ mật chú,  
Cũng không được hủy báng,  
Siêng năng, đừng phóng dật.  
31. Hành giả tụng mật chú,  
Chớ để tâm tán loạn,  
Không khởi tâm nhiễm ô,  
Không tham việc bất tịnh.  
32. Không tu pháp trừ tà,

Chương 11. Luật nghi

Bảo hộ, hoặc ngăn chặn,  
Không dùng các loại chú,  
Tụng nghi quỹ ác độc.  
33. Dùng chú để tu tập,  
Chớ dùng vào việc khác,  
Cũng không được dùng chú,  
Độ sức, hoặc khảo nghiệm.  
Người trí tụng ba thời,  
Nên tụng gọi ba lần.

Lại nói:

Vào những ngày mồng tám,  
Hoặc mười bốn, mười lăm.  
Và nửa tháng thần biến,  
Ân cần tu cúng dường.  
Phải siêng năng tu tập:  
Tụng, hộ ma, cúng dường,  
Các luật nghi đã thọ,  
Cùng tất cả phước nghiệp,

Lại nói:

Hành giả thường tư duy,  
Như minh chú luật nói,  
Nên làm, không nên làm,  
Và học xứ, luật nghi.  
Ngày đêm nên tận trừ,  
Những đam mê tự lạc,  
Nên chuyên tâm nhất ý,  
Vào những việc phải làm.  
Nếu ban ngày phóng dật,  
Ban đêm nên sám hối,  
Đêm phạm, ngày sám hối,  
Nên vui làm việc thiện.

Hành giả khéo an trụ,  
Tụng, hộ ma, thanh tịnh,  
Thắng chú và luật nghi,  
Các minh chú điều phục.

Kṛsara là một loại cháo nấu bằng mè đen, đậu đỏ và gạo.

“Chưa nhập đàn không được truyền mật chú”, như *Tổng Kinh (General Tantra)* nói:

Người chưa khéo thấy đàn,  
Dù truyền thọ mật chú,  
Họ cũng không thành tựu,  
Khi chết bị đọa lạc.  
Vị thầy đã giảng nói,  
Chú ấn và nghi quỹ,  
Tự phạm tam muội da,  
Đọa địa ngục Kêu gào.

Nếu chưa thọ quán đánh với bốn bộ mạn đà la, không thể chỉ do sự cho phép mà tu tập Bốn tôn du già và thọ trì mật chú. Giả như lỡ phạm, phải y như *Tổng Kinh (General Tantra)* đã nói phương pháp tịnh trừ tội chướng:

Như tam muội da nói,  
Giả như lỡ hủy phạm,  
Phải nên khéo trì tụng,  
Tâm chú trăm ngàn lần,  
Hoặc tụng một ngàn lần,  
Tụng với tâm “không si”,  
Hoặc hộ ma tức tai,  
Hoặc tiến nhập mật đàn.

Vị thầy truyền thọ nghi quỹ và mật chú [không đúng phép] phải nên sám hối thanh tịnh như vậy.

Ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti) trong *Bảo Cự Luận* (*Precious Lamp: Commentary on the Difficult Points of the Kṛṣṇayaman Tantra, Skt: Kṛṣṇayamaripanjikaratrāpradīpa*) - thuộc Vô thượng du già mật, sau khi đề cập đến tam muội da, nói:

Mặc dù tôi đã sưu tập các tam muội da (giới) từ Sự mật, các hành giả (yogis) của Vô thượng du già mật cũng phải thọ trì các tam muội da (giới) thích ứng với nơi chốn, thời điểm và tâm niệm. Nếu tự cho rằng mình là hành giả đại du già, không cần sạch sẽ, không cần tiết chế, thì đây là điều vô lý. Ngay trong Sự mật cũng đề cập đến sự thích ứng với tâm niệm (Anh: thought), v.v....:

Dù sạch, hoặc không sạch,  
Hoặc ăn, hoặc chưa ăn,  
Hoặc làm, hoặc chưa làm,  
Niệm bốn tôn, ắt thành.

Tuy có bài kệ như trên về sự cởi mở, thế nhưng, phần lớn các hành giả của Vô thượng du già mật không vi phạm các tam muội da vừa nêu trên.

Nên biết, những tam muội da (giới) nêu trên không những được tuân thủ bởi các hành giả thọ quán đảnh của Sự mật và Hành mật, mà ngay cả những hành giả của Vô thượng du già mật cũng phải tuân thủ. Cho nên, hành giả phải khéo hiểu rõ các tam muội da (giới) và tội căn bốn. Hơn nữa, phải cẩn thận phòng hộ không được vi phạm các tội này. Giả như phạm các tội nhẹ, cũng không nên xem thường, mà phải như phần trên đã nói: “ban ngày phạm, ban đêm sám hối, ban đêm phạm, ban sáng sám hối.” Sám hối tiêu trừ tội chướng khiến cho thanh tịnh.

## Chương 12. Chuẩn bị

### J3. Trước khi an trụ trong tam muội da, nên thừa sự<sup>58</sup> như thế nào.

#### K1. Lý do cần phải thừa sự.

*Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)* nói:

Nói thiền quán mật chú,  
Là bí mật tối thắng,  
Các nhà đại khổ hạnh,  
Không tu, cũng không thành.

Cho nên, nếu không tu tập hai loại thiền quán (có tụng niệm và không có tụng niệm), như sẽ được giải thích ở phần dưới, thì ngay cả những nhà đại khổ hạnh (Anh: sages), tuy nghiêm trì cấm giới, siêng năng tu tập mật chú, khổ hạnh, v.v..., cũng không thành tựu [những pháp tức tai, tăng ích, v.v..].

Phẩm Thành Tựu (Chapter on Feats) trong *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* nói:

Muốn trí tuệ rộng lớn,  
Hoặc muốn được ngũ thông,  
Và thành tựu trì minh,  
Hoặc sống lâu không già,  
Nếu như chưa thừa sự,  
Ắt sẽ không thành tựu.

---

<sup>58</sup> Thừa sự: y theo sự chỉ dẫn từ pháp hay đạo sư mà phụng hành tu tập. Thừa sự mật chú có nghĩa tu tập du già hữu tướng (có niệm tụng và không có niệm tụng), và du già vô tướng (thanh hậu giải thoát).



Điều này tương tự cho Sự mật và Hành mật.

Phẩm Chú Tướng (Chapter on the Character of Mantras) trong *Tô Tất Địa Kinh* (*Susiddhi Tantra*) nói:

Quán tánh, thể lực và  
Sự nghiệp của tự bộ,  
Nên thừa sự mật chú,  
Thuận ý tu tinh tiến.

Nghĩa là hành giả phải được quán đánh trong mạn đà la của [một trong] ba bộ [Phật bộ, Liên hoa bộ, và Kim cang bộ], đầy đủ Bồ tát luật nghi và chú tam muội da (Anh: mantra pledges), lại phải thiện xảo trong thứ đệ tu tập. Hành giả lại còn phải có đầy đủ những điều kiện như trong *Tô Tất Địa Kinh* và *Diệu Tý Vấn Kinh* đã đề cập là nơi chốn, những bạn đồng tu đầy đủ đức tướng, v.v... Trước tiên phải tu tập hai loại thiền quán [có niệm tụng và không có niệm tụng], và các chi phần của chúng.

Đối với sự thành tựu quán đánh, như *Tổng Kinh* (*General Tantra*) nói:

Nếu đắc được quán đánh,  
Trong đàn của Phật bộ,  
Sẽ thành a xà lê,  
Trong đàn của ba bộ.

Nghĩa là nếu hành giả đắc được quán đánh của Phật bộ, tức là đã được quán đánh bởi ba bộ; đắc được quán đánh của Liên hoa bộ, tức là đã được quán đánh bởi hai bộ [Liên hoa và Kim cang]; còn đắc được quán đánh bởi Kim cang bộ, thì chỉ thành a xà lê của một bộ [Kim cang] duy nhất. Hơn nữa, tùy sự tu tập bộ chú nào, cần phải niệm tụng bộ chú đó.

Hành giả cần phải nhận được khẩu truyền thừa [thiền quán và tụng niệm] của bộ chú đang được tu tập.

**K2. Thứ đệ tu tập thừa sự.**

**L1. Thiền quán có niệm tụng (hữu tướng).**

**M1. Phần tiền hành của bốn chi thiền quán hữu tướng.**

**N1. Trước tiên phải làm gì.**

Mỗi ngày khi thức dậy sửa soạn thời khóa đầu tiên, cũng như trước mỗi thời khóa kế tiếp, hành giả tùy theo một trong ba bộ mà mình tu tập, kết tam muội da ấn của bộ đó, và tụng mật chú.



Thủ ấn 1

*Phật bộ tam muội da:* Hai bàn tay ngửa lên, hơi cong hai ngón trỏ (thủ ấn 1). Đặt lên đầu, đọc: *Oṃ tathāgata-udbhavāye svāhā.*

## Chương 12. Chuẩn bị

*Liên hoa bộ tam muội da:* Hai bàn tay tương tựa nhau, tạo thành hình hoa sen đang nở (thủ ấn 2). Đặt nơi quả tim, đọc: *Om padma-udbhavāye svāhā.*



Thủ ấn 2

*Kim cang bộ tam muội da:* Lưng hai bàn tay tương tựa vào nhau, hai ngón cái và hai ngón út đan vào nhau (thủ ấn 3). Đặt vào nơi rún, đọc: *Om vajra-udbhavāye svāhā.*

Theo thứ tự, ấn và chú của Phật bộ là của ngài Tôn Thắng (Uṣṇīṣavijaya), Liên hoa bộ là của ngài Quán Tự Tại (Avalokiteśvara), và Kim cang bộ là của ngài Kim Cang Tồi Hoại (Vajraśarada).

**Lễ mười phương chư Phật và Bồ tát.** Kế đến, quán tưởng mười phương chư Phật Bồ tát, đánh lễ dưới chân các ngài với bài chú sau: *Om sarva-tathāgata kāya-vāk-citta vajra-praṇamena sarva-tathāgata-vajra-pāda vandānām karomi.*



Thủ ấn 3

**Cúng dường tự thân.** Kế đến, cúng dường thân mình cho chư Phật, đọc:

Con từ ngày hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ đề, trong tất cả mọi thời đều rất ráo cúng dường thân này đến tất cả chư Phật, Bồ tát. Ngưỡng mong chư Phật, chư Đại bồ tát từ bi nộ thọ. Xin nguyện ban bố cho con vô thượng tất địa (Anh: Buddhahood, unsurpassed feat).

**Quy y và phát Bồ đề tâm.** Kế đến quy y và phát Bồ đề tâm, đọc:

Cho đến chứng Bồ đề,  
Quy y Phật pháp tăng,  
Vì thành tựu tự tha,  
Con phát tâm Bồ đề.  
Kính mong mười phương Phật,  
Chư Bồ tát lắng nghe,

Con vì Đại bồ đề,  
Nay phát Bồ đề tâm.



Thủ ấn 4

**Hộ trì bằng mật chú và thủ ấn.** Kế đến, dùng ấn và chú của Phần Nộ Vô Chướng Minh Vương<sup>59</sup> (Fierce Unobscured One, Skt: Bhurkumkūṭa) để tự thủ hộ. Kết ấn bằng cách đan ngón giữa và ngón áp út của hai bàn tay vào nhau, hai ngón út duỗi thẳng, đầu hai ngón trở chạm nhau, hai ngón cái ấn vào hai ngón trở (thủ ấn 4). Đọc chú: *Oṃ vajra-krodha mahābālā hana dana paca vidhvamsaya ucchuṣṃa krodha hūṃ phaṭ.*

Trong lúc ăn uống, tiểu tiện, đại tiện đều có thể dùng chú này để thủ hộ tự thân.

---

<sup>59</sup> Còn gọi là Uế Tích Kim Cang (Ucchuṣṃa Vajra)

**Quán tướng thanh tịnh.** Kế đến, quán tướng hai chữ được bao bọc bởi vòng lửa di động, một chữ nơi vàng trắng nơi tím là chữ *ma* (xem phụ lục IV), biểu hiện tự tánh của Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana), một chữ trên đầu là chữ *ha*, biểu hiện tự tánh của Bất Động Phật (Acala). Đọc chú: *Om svabhāva-suddha sarva-dharmāḥ svabhāva sūddho 'ham*.

Nên tin hiểu rằng tất cả mọi hiện tượng (Anh: phenomena) đều thuần nhiên thanh tịnh.



Thủ ấn 5

**Đi ra ngoài.** Kế đến, đi ra khỏi phòng, đánh răng, súc miệng, v.v..., quét dọn rác rến trong chùa (hoặc đạo tràng), v.v...

## **N2. Phương pháp tắm gội trước khi vào Đàn tràng.**

Kế đến, đi ra bờ sông, nơi vắng vẻ và an toàn để tắm rửa.

**Lượm đất.** Đan hai bàn tay vào nhau, hai ngón trở duỗi thẳng, hai ngón cái ấn vào hai ngón trở (thủ ấn 5). Dùng ấn này chạm vào chỗ đất sạch. Đọc chú: *Oṃ nikhanavasude svāhā*.



Thủ ấn 6

Kế đến, kết một ấn tam muội da thích hợp [của một trong ba bộ, hoặc Phật bộ, hoặc Liên hoa bộ, hoặc Kim cang bộ vừa đề cập ở trên (trang 146-148)], sau đó, lượm một ít đất, chia làm ba phần, để vào một nơi sạch sẽ.

**Tự thủ hộ.** Kế đến, tạo sự tự thủ hộ bằng bộ chú của ngài Cam Lộ Minh Vương (Amṛitakundali). Hai ngón cái ấn lên móng tay của hai ngón út, uốn các ngón tay khác hơi cong như hình chày kim cang. Sau đó, đưa hai tay chéo nhau, đặt lên hai vai (thủ ấn 6). Hàm răng trên ấn mạnh vào môi dưới, mắt nhìn thẳng dáng dữ tợn. Đọc chú: *Namo ratna-trayāya, namaḥścaṇḍa-vajra-pāṇāye, mahā-yakṣa-senāpataye, namo*

*vajra-krodhāya, tadyathā oṃ hulu hulu tiṣṭa tiṣṭa bandha bandha hana hana amṛte hūṃ phaṭ.*

**Tẩy trừ ma chướng của thân.** Đọc chú: *Oṃ hana hana amṛte hūṃ phaṭ.*



Thủ ấn 7

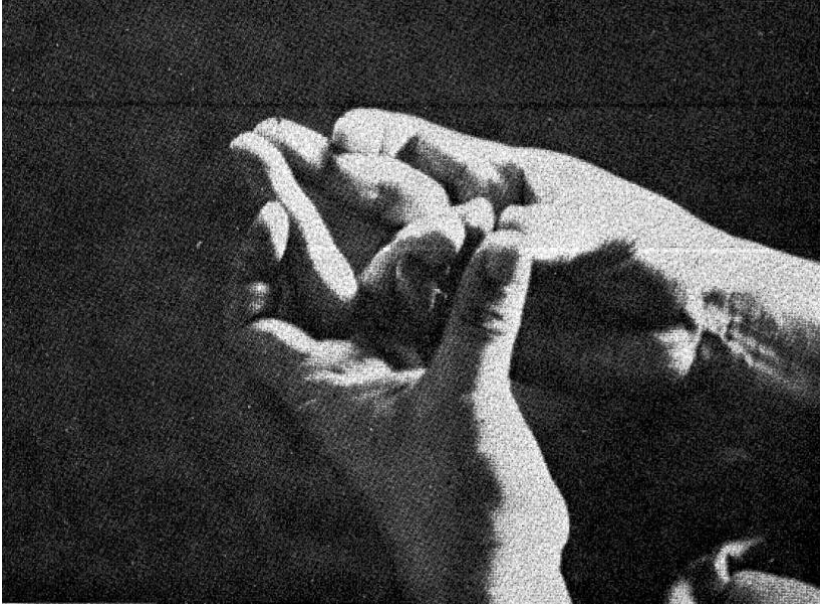
Hai bàn tay nắm thành quả dấm, tựa vào nhau, hai ngón trở duỗi thẳng (thủ ấn 7). Dùng ấn này chạm vào thân, từ đầu đến chân, để xua đuổi ma chướng ra khỏi thân thể.

**Mặc kim cương giáp.** Đọc chú: *Oṃ vajra-agni-pradīpatāye svāhā.*

Ngửa hai bàn tay, đặt hai ngón áp út vào giữa hai ngón út đang móc vào nhau. Hai ngón giữa duỗi thẳng, cong hai ngón trở ấn vào đốt thứ ba của hai ngón giữa. Hai ngón cái chạm nhau, đặt vào khoảng giữa (thủ ấn 8). Kết ấn này, mặc



áo giáp kim cang [để phòng hộ không cho ma chướng từ ngoài xâm nhập].



Thủ ấn 8

Từ ấn trên, kết ấn kim cang giáp. Duỗi thẳng hai ngón trỏ, tạo thành hình chày kim cang (thủ ấn 9). Đọc chú: *Namo ratnatrayāya oṃ khakili hūṃ phaṭ*<sup>60</sup>.

Mặc kim cang giáp [bằng cách tưởng tượng áo giáp kim cang], đưa ấn chạm vào đầu, trên hai bên vai, nơi tim và nơi cổ.

**Tẩy trừ ma chướng.** Đọc chú: *Namo vajrāya hūṃ hana dhuna matha vidhvamsaya udsurāya phaṭ*.

---

<sup>60</sup> Bản khác ghi nhận câu quán đỉnh chân ngôn này là: *Oṃ haḥ khakali hūṃ phaṭ*.



Thủ ấn 9

Bên tay trái, ấn ngón cái lên hai ngón giữa và áp út, hai ngón trỏ và ngón út cong lại như móc câu, ấn vào lóng giữa của hai ngón giữa và áp út. Bên tay phải, uốn ba ngón giữa (ngón trỏ, ngón giữa và ngón áp út) thành hình chày kim cương và chống (nạnh) vào hông (thủ ấn 10). Dùng ấn này chạm xuống đất hoặc chạm vào nước để tẩy trừ ma chướng. Ngài Varabodhi cho rằng ấn này xua đuổi ma chướng, nhưng trước tiên phải chạm đất và nước.

**Gia trì nước.** Kể đến, gia trì chú vào nước. Đọc chú: *Namo ratna-trayāya namaḥ śaṅḍa-vajra-pāṇāye oṃ hana hana vajra vajraṇaha.*

**Rảy nước lên đất.** Đọc chú: *Om kilikīla vajra hūṃ phaṭ.*

## Chương 12. Chuẩn bị

Ngón cái của tay trái ấn vào móng tay của ngón út, ba ngón tay còn lại kết thành hình chày kim cương (thủ ấn 11). Dùng ấn của ngài Kilikila này chạm vào nước và rảy lên trên ba phần đất [vừa lượm ở trên].



Thủ ấn 10

**Gia trì đất (Anh: *mantrafying the earth*).** Kế đến, lượm một phần đất lên, gia trì bằng cách đọc bảy biến chú: *Oṃ vara hara hūṃ*.

Mặc áo tắm, bước xuống nước cho đến chỗ vừa ngập rún, và tẩy tịnh [rửa thân thể phía dưới rún bằng phần đất thứ nhất].

**Tắm (tẩy tịnh, Anh: *ablution*).** Kế đến, rửa tay bằng phần đất thứ hai. Đọc chú: *Oṃ śrūti smṛti dharaṇi hūṃ haḥ*.



Thủ ấn 11

Ngửa bàn tay phải, đặt ngón trỏ vào phía trước ngón cái, đầu ngón cái bấm vào lóng giữa của ngón trỏ (thủ ấn 12). Tẩy tịnh [phía trên hai vai, miệng, mũi, mắt và tai] với ấn của ngài Diệu Âm (Savasvati). *Diệu Tý Vấn Kinh (Questions of Subaha)* nói rằng phương pháp vừa nêu trên là pháp tẩy tịnh, nhưng ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) lại cho rằng chỉ cần bắt ấn và đọc chú cũng là pháp tẩy tịnh.

**Bảo hộ và cột tóc.** Đọc chú: *Oṃ susiddhikari svāhā.*

Cột tóc trên đầu, tạo thành sự bảo hộ.

**Gia trì, xoa đất lên thân.** Lượm phần đất thứ ba, làm phép gia trì. Đọc chú: *Oṃ bhūr jala hūṃ phaṭ*<sup>61</sup>.

---

<sup>61</sup> Bản khác ghi nhận là: *Oṃ bhūr jvara hūṃ.*



Thủ ấn 12

Xoay năm đất về phía phải, đưa về hướng mặt trời, và xoa đất lên toàn thân.

**Quấy nước (Anh: stirring the water).** Đọc chú:

*Namo ratna-trayāya, namaḥścaṇḍa vajrapāṇāye, mahā-yakṣha-senā-pataye, namo vajra-krodhāya daṃṣṭrotkata bhairavāya tadyathā, oṃ amṛta-kunḍali, khakha khahi khahi tiṣṭa tiṣṭa bandha bandha hana hana, garja garja, visphoṭāya visphoṭāya sarva vighnāṃ vināyakāna, mahā-gaṇa-pati jivita antakarāya svāhā.*

Lật ngửa bàn tay phải, uốn cong hai ngón giữa và ngón áp út, và lấy ngón cái đè lên. Hai ngón trỏ và ngón út hơi cong lại (thủ ấn 13). Quấy nước với thủ ấn “quấy nước.”

**Cúng dường Tam bảo.** Đọc chú: *Om rate rate buddhaya svāhā*<sup>62</sup>.

Cúng dường ba bụm nước lên Tam bảo.



Thủ ấn 13

**Rưới nước lên đầu.** Đọc chú: *Om amṛte hūṃ phaṭ*.

Bằng cách lấy hai tay bụm nước, vốc lên đầu ba bụm, và rửa tay với bài chú vừa đọc, hành giả đã làm pháp quán đánh cho chính mình với ba bụm nước.

**Thỉnh bốn tôn đến và tẩy rửa thân thể cho ngài.** Quán tưởng mời vị bốn tôn đến, thỉnh ngài an tọa trên tòa sen

---

<sup>62</sup> Bản khác ghi nhận câu Phật bộ hiển thủy chân ngôn này là: *Om terale buddha svāhā*.

[quán tưởng đang ở trước mặt hành giả]. Tẩy rửa thân thể của ngài và đọc chú: *Oṃ sarva-tathāgata-amṛta svāhā*.

Nếu sự tụng niệm được thực hành trong đạo tràng, lúc còn dưới nước, tụng bài chú trên hai mươi một biển.

***Sự quan trọng của sự tẩy tịnh.*** Phẩm Niệm Tụng (Chapter on Repetition) trong *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* nói:

Chưa phòng hộ, bất tịnh,  
Tuy trì tụng chân ngôn,  
Dù tụng bao nhiêu biển,  
Cũng không kể là tụng.

Điều này nói rằng nếu chưa tẩy tịnh, v.v..., mà trì tụng mật chú, thì số mục trì tụng không thể tính vào số mục mật chú cần phải hành trì, cho nên hành giả phải nên hộ trì sự khiết tịnh.

Nếu như không thể tắm rửa (tẩy tịnh) một cách chi tiết, thì có thể dùng đất và nước để tẩy trừ sự cấu uế. Như *Diệu Tỳ Vấn Kinh (Question of Subahu)* nói:

Năm rửa phía sau, ba rửa trước,  
Ba rửa bên trái, bảy rửa tay,<sup>63</sup>  
Hoặc tùy số lượng nước và đất,  
Tẩy rửa đến khi hết cấu ô.

***Vào đạo tràng và phát nguyện.*** Kế đến, trở về đạo tràng, rửa chân, hướng về phía đông, hoặc phía bắc để tẩy tịnh. Đi vào đạo tràng, quán tưởng chư thánh tôn cho rõ ràng, đánh

---

<sup>63</sup> Hai câu kệ đầu, bản tiếng Anh dịch như sau:

Five masses of earth at the anus, three to the [sexual] sign,  
Three for the left, and seven for two hands.

lễ (trang 147). Sau đó, đọc tam muội da chú: *Oṃ viraji viraji, mahā-vajri, sata sata, sarate sarate, trayi trayi, vidhamani, saṃbhañjani taramati siddha-agreṭaṃ svāhā*<sup>64</sup>.

### **N3. Đắp y, đấng tòa, gia trì vật cúng dường.**

**Tẩy trừ cấu uế.** Rót nước thơm vào bàn tay, và đọc tâm chú gia trì của bốn bộ [ba lần] (trang 163). Rảy nước thơm lên đầu để tẩy trừ ô uế.

**Rảy nước thơm lên tòa và an tọa.** Rảy nước thơm lên tòa làm bằng cỏ kuśa, hoặc bằng những vật liệu khác, trong khi đọc chú của ngài Amṛitakundali (trang 151-152), sau đó, ngồi lên tòa, xếp chân theo tư thế cát tường tọa, hoặc liên hoa tọa, hoặc kim cang tọa.

**Đeo vòng tay, v.v...** Kế đến, đeo vòng vào cổ tay phải, và đeo nhẫn làm bằng cỏ kuśa (Hán: hệ mao thảo) vào ngón áp út của tay phải. Dùng một sợi *ze'u kha* (dây cột tóc làm bằng lụa hoặc vải đỏ) để cột tóc thành búi (trang 156). Đọc chú: *Oṃ susiddhikari svāhā*.

Vòng đeo tay phải được đan bởi một đồng nữ, số dây bện thành vòng đeo phải là số lẻ, và số gút được thắt cũng phải là số lẻ. Trên vòng buộc một hạt chuỗi của bốn bộ [chẳng hạn, nếu là Phật bộ thì buộc một hạt *putranjin roxburghii*]. Đọc chú của bốn bộ, đây là minh chú của những vòng đeo tay, [mật chú của] Phật mẫu của bốn bộ (Anh: the mantra of the lineage mothers):

---

<sup>64</sup> Bản khác ghi nhận Đại luận kim cương chân ngôn là: *Namaḥ stryi-dhvikānām-tathāgatānām oṃ viraji viraji, mahā-cakra-vajri, sata sata, sarate sarate, trayi trayi, vidhamani, saṃbhañjani tramati siddhāgriya trāṃ svāhā*.



## Chương 12. Chuẩn bị

*Phật bộ* (đọc Phật nhãn chú): *Oṃ ruru sphuru jvala tiṣṭa siddha locane sarva-artha sādhani svāhā.*

*Liên hoa bộ* (đọc chú Bạch Y Quán Âm):

Kính lễ Tam bảo. Kính lễ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nếu có người thấy nghe,  
Chạm xúc, và tưởng nghĩ,  
Con xin nguyện trị lành,  
Bệnh của mọi hữu tình.

*Tadyathā kaṭe vikāṭe kaṃkaṭe kaṭa vikāṭe kaṃkaṭe bhagavati vijaye svāhā.*

*Kim cang bộ*: *Oṃ kulandhari bhanda bandha hūṃ phaṭ.*

Có người cho rằng khi vòng đeo tay được ướp (xông) bởi hương (Anh: incense), thì phải đọc bài chú một trăm biến.

Nói về những công đức của những phương tiện vừa nêu trên, Phẩm Minh Chú Tỳ Nại Da (Chapter on the Knowledge Mantra Discipline) trong *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* nói:

Do đây ắt không bị,  
Ác thần làm chướng ngại,  
Đọc tụng khiến thanh tịnh,  
Mau được các thành tựu.

Đối với nhẫn đeo tay bằng cỏ kuśa, *Tô Tất Địa Kinh* nói:

Trì tụng riêng mỗi bộ,  
Tâm chân ngôn ba chữ;

*Jinajik, ārolik, vajradhṛk,*  
Cúng dường và trì tụng,  
Hộ ma, thường nên đeo,  
Hành giả thường đeo nhẫn,  
Khiến cho tay thanh tịnh.

Chú dùng để gia trì vào sợi dây *ze'u kha* là chú dùng để gia trì vào y phục, sẽ được đề cập ở phần dưới (trang 222). Y phục cũng phải dùng chú đó gia trì trước khi mặc vào.

***Cầm chày kim cang.*** Làm một chày kim cang ba chấu (Anh: three-pointed vajra) bằng gỗ lấy từ cây đã bị sét đánh, hoặc từ cây nimba (*azadirachta indica*), hoặc từ gỗ hòm (đã chứa người chết), hoặc gỗ chiên đàn (Anh: sandal wood), hoặc các loại gỗ khác. Rửa thật sạch, lấy bột chiên đàn đổ bôi lên [trong lúc tẩy tịnh]. [Sau khi quán tưởng về sự vô tự tánh của nó], quán tưởng nó là một thánh tôn Tô tất địa dữ tợn. Sau khi cung thỉnh một trí tuệ tôn [đồng với vị thánh tôn Tô tất địa thật] đến, tu pháp cúng dường, v.v... Buổi lễ đầu tiên [sau khi làm xong chày kim cang], tụng chú một ngàn biến, và sau đó, mỗi lần làm lễ , tụng chú bảy biến: *Oṃ dhuna vajra hāh.*

Khẩn nguyện như sau:

Xin nguyện Đức Thế Tôn từ bi thương xót, an trụ trong thân con, để giúp con thành tựu tất cả sự nghiệp [chẳng hạn như ngăn chặn mọi ma chướng].

Lúc tu cúng dường, v.v..., cầm chày kim cang bên tay trái. Mỗi ngày cúng dường chày kim cang, và tụng chú trên bảy lần. *Tô Tất Địa Kinh* nói rằng do cầm chày kim cang, tất cả ma chướng, ác tri thức, và oan gia sẽ sợ hãi lánh xa.

**Tẩy trừ ma chướng (tây tịnh).** Trước tiên, tu pháp quy y và phát tâm Bồ đề (trang 148-149). Tụng chú của bốn bộ (trang 164-165), hoặc chú của Amṛitakundali [*namo ratna-trayāya ...*] (trang 151). Tẩy trừ ma chướng trong hoa, v.v..., bằng cách rảy nước thơm để trong lòng bàn tay trái [sau khi đã gia trì bằng chú của chú của bốn bộ, hoặc bằng tâm chú của bốn bộ, như *jinajik* cho Phật bộ, *ārolīk* cho Liên hoa bộ, và *vajradhṛk* cho Kim cang bộ].

**Tăng uy quang (Anh: generating magnificence).** Kế đến, từ thủ ấn tẩy trừ ma chướng, được giải thích ở trên (thủ ấn 10, trang 155), dùng ba ngón giữa của bàn tay phải nắm lấy đầu ngón giữa của bàn tay trái, tạo thành hình chày kim cang (thủ ấn 14). Dùng thủ ấn tăng uy quang (gia tăng uy lực và quang minh) này đặt lên phía trên của các phẩm vật cúng dường, như hương, hoa, v.v..., và đọc chú của bốn bộ. Quán tưởng rằng nhờ sự gia trì này, các phẩm vật cúng dường sẽ trở thành cúng phẩm vi diệu của cõi trời. Các bài chú của ba bộ là:

*Phật bộ: Oṃ tejaḥ tejaḥ sani siddhi sādḥaya hūṃ phaṭ*<sup>65</sup>.

*Liên hoa bộ: Oṃ divya divya dhīpaya aveśa mahā-śrīye svāhā*<sup>66</sup>.

*Kim cang bộ: Oṃ jvala jvalaya bandhṛ hūṃ phaṭ*<sup>67</sup>.

---

<sup>65</sup> Bản khác ghi nhận câu chú này là: *Oṃ teje teja, sivini siddhe sādḥaya hūṃ phaṭ*.

<sup>66</sup> Bản khác ghi nhận câu chú này là: *Oṃ dīpya dīpya dipaya mahā-śrīye svāhā*.

<sup>67</sup> Bản khác ghi nhận câu chú này là: *Oṃ jvala jvalaya bandhuri svāhā*.

Kế đến, gia trì bằng chú của ngài Amṛitakundali (trang 151), và đọc tâm chú của bốn bộ (trang 163).



Thủ ấn 14

#### **N4. Thủ hộ tự thân và đạo trường.**

##### **01. Thủ hộ tự thân.**

Dùng thủ ấn và mật chú tẩy trừ ma chướng trên thân, như đã nói ở phần trên (trang 151), hoặc những thủ ấn và mật chú khác, để thủ hộ tự thân. Kế đến dùng chú Nhất thiết sự nghiệp<sup>68</sup> của bốn bộ, hoặc chú của Amṛitakundali (Quân trà lợi minh vương, Cam lộ minh vương), gia trì vào nước thơm, sau đó dùng nước này rảy lên thân để tẩy trừ ma chướng. Chú Nhất thiết sự nghiệp của ba bộ là:

*Phật bộ: Om tram bhanda svāhā.*

---

<sup>68</sup> Còn gọi tắt là Biện sự chân ngôn, hoặc Yết ma chú.

*Liên hoa bộ: Oṃ namo mahā-srīyāye saume siddhi siddhi-sādhaya śivi śivaṃ-kari abhaha sarva-artha sādhani svāhā.*

*Kim cang bộ: Oṃ kīlikīla vajra hūṃ phaṭ.*

## 02. Thủ hộ đạo trường.

**Vòng tròn thủ hộ.** Quán tưởng một vòng tròn thủ hộ. Gia trì mật chú vào nước thơm bảy biển: *Oṃ kīlikīla vajri vajri bhur bhanda bhanda hūṃ phaṭ.*

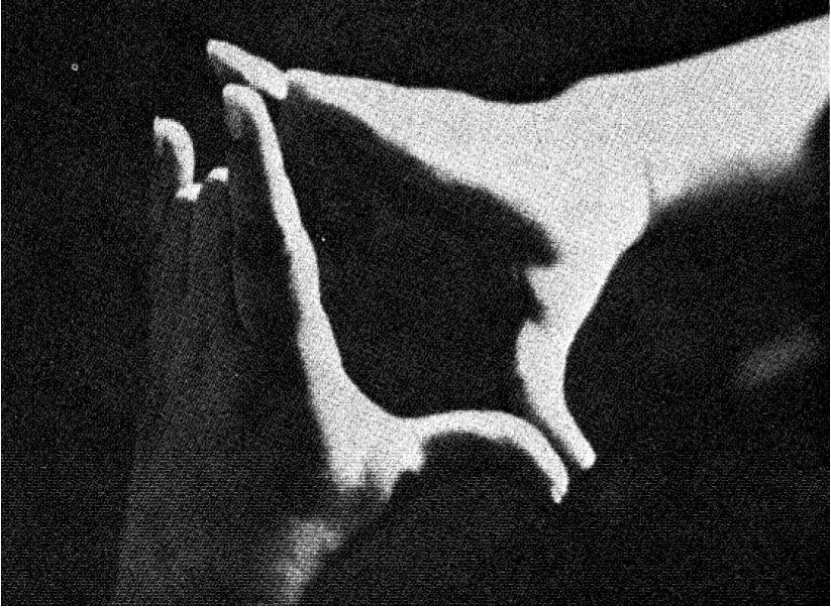
Kế đến, rảy nước thơm khắp nơi trong đạo trường.

**Kết quyết ấn (kết địa giới ấn, Anh: creating the ritual dagger).** Hai ngón giữa và hai ngón áp út cong lại như vòng tròn, dựa vào nhau, hai ngón trỏ và hai ngón út duỗi thẳng. Hai ngón cái tựa nhau, duỗi ra phía sau, tạo thành hình lưỡi gươm ngắn (Anh: dagger, Hán: quyết – cái cọc), và đặt xuống đất (thủ ấn 15). Đọc bài chú vòng tròn thủ hộ ở trên, và găm ấn này vào thân của các ma chướng bằng quyết ấn này (quán tưởng những quyết ấn này như những hộ pháp hung tợn). Quán tưởng các loài ma chướng bị ấn này găm vào thân làm cho tê liệt (bất động).

**Xông.** Xông các ma chướng (ác quỷ thần) bằng khói (của hương bột) đã được gia trì bằng bài chú:

*Oṃ susiddhikara jvalitā, ananta-murtaye jvala jvala bhanda bhanda hana hana hūṃ phaṭ.*

Quán tưởng các quỷ thần trên không bị trói lại [còn các quỷ thần dưới đất thì bị găm cứng như đã nói ở trên. Bài chú này là chung cho ba bộ. Ngoài ra, riêng cho Phật bộ, đọc chú: *Oṃ jvala hūṃ.*



Thử ấn 15

Riêng cho Liên hoa bộ, đọc chú: *Oṃ padmini bhagavati mohaya mohaya, jagad-amohani svāhā.*

Trong *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* và trong *Tô Tất Địa Nghi Quỹ (Clear Realisation of Susiddhi)* của ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) không có chú riêng cho Kim cang bộ.

**Cột trói ma chướng (kết thập phương giới).** Kể đến, dùng nước thơm đã được gia trì bởi tâm chú của bốn bộ (trang 163), rảy nước chung quanh đạo trường. Quán tưởng mười phương tất cả ma chướng đều bị cột trói bởi chú này: *Bhrūṃ oṃ amṛtodbhava udbhava hūṃ phaṭ namo ratna-trayāya namaḥ ścaṇḍa-vajra-pāṇāye mahā-yakṣa-senāpataye. Oṃ*

## Chương 12. Chuẩn bị

*sumbha nisumbha hūṃ gṛhṇa gṛhṇa hūṃ gṛhṇāpaya gṛhṇāpaya ānaya hoḥ bhagavan vidyā-rāja hūṃ phaṭ svāhā*<sup>69</sup>.

Đây là mặt chú của minh vương của bốn bộ.



Thủ ấn 16

**Tạo bức tường thủ hộ (Hán: tường ấn).** Kế đến, từ thủ ấn 15, chuyển sang kết tường ấn (Anh: fence seal), bằng cách duỗi thẳng hai ngón cái (thủ ấn 16). Đọc chú: *Namo ratnatrayāya ścaṇḍa-vajra-pāṇāye mahā-yakṣa-senāpataye, tadyathā oṃ sara sara vajra-prakara hūṃ phaṭ.*

Quán tưởng có một bức tường (hoặc hàng rào) kim cương vây kín chung quanh đạo trường.

---

<sup>69</sup> Chú này còn gọi là Tứ diện phần nộ minh vương, có bốn mặt, nhìn bốn phương, kết giới tất cả các phương, không cho ma chướng xâm nhập.



Thủ ấn 17

***Kết mạng lưới (thượng phương võng ấn).*** Kế đến, hướng thủ ấn 16 xuống đất và xoay vòng tròn (thủ ấn 17). Quán tưởng có một mạng lưới (hoặc lều) kim cương bao trùm trên tường (hoặc hàng rào), giống như nóc lều hoặc nóc nhà. Đọc chú: *Namo ratna-trayāya namaḥ ścaṇḍa-vajra-pāṇāye mahā-yakṣa-senāpataye oṃ visphu-rakṣa-vajrapāṇi hūṃ phaṭ.*

Kế đến, gia trì tường (hoặc hàng rào) và nóc kim cương bằng mật chú và ấn của Amṛitakundali và Kilikila (như đã được giải thích ở trên, trang 151-152 và 154-155, thủ ấn 6 và 11; mật chú của Kilikila, trang 165). *Tô Tất Địa Kinh* cho rằng hai vị minh vương Amṛitakundali và Kilikila luôn luôn có quan hệ đến tường, mạng lưới và cọc (Hán: quyết) - với ý nghĩa là các ngài trụ ở nơi đó để thủ hộ hành giả và đạo trường.





Thủ ấn 18

***Kết giới (lửa viện mật phùng ấn).*** Kế đến, nắm mỗi bàn tay thành hình quả dấm, ngón cái ấn lên móng tay của ba ngón giữa, ngón áp út và ngón út. Ngón trở duỗi thẳng, xoay vòng từ phía giữa (thủ ấn 18). Quán tưởng có lửa lớn bao phủ chung quanh bức tường (hoặc hàng rào), vây kín đạo trường. Đọc chú: *Namaḥ samanta-vajrāṇaṃ oṃ tara tara turu turu maṭa maṭa bandha bandha sarvatra apratihate sasīme samabandha kuru kuru tara tara samanta-vajre samanta-vajre kuru amale kuruṇa (?kāruṇa) maye tutaye tutaye, bara bara (?vara vara) kara kara sumina samanta vidhvaṃsaye jvalāya svāhā.*

## Chương 13. Pháp tự khởi

### M2. Chánh thức tu tập bốn chi thiền quán.

#### N1. Bốn chi thiền quán hữu tướng.

*Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)* nói:

Hành giả tu du già,  
Quán thánh tôn hiện tiền,  
Trước tiên tu cúng dường,  
Vị thánh tôn trước mặt.

Điều này giải thích rằng hành giả trước tiên cúng dường một vị thánh tôn [do sự sanh khởi hoặc quán tưởng đang ở trước mặt], sau đó tu pháp tự khởi thành thánh tôn (Anh: generating oneself as a deity). Chú giải của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) nói:

Cúng dường chỉ là một biểu tượng (Anh: illustration). Hành giả cần phải giữ gìn thân thể thanh khiết, thủ hộ tự thân và đạo trường, cung thỉnh thánh tôn, v.v... Bởi vì nếu không có những điều kiện cần thiết này, không thể nào tu pháp cúng dường thánh tôn. Những sự khiết tịnh, v.v..., trong các Mật bộ đều có giảng dạy rõ ràng.

Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) cho rằng thứ đệ tu tập ở đây là trước tiên phải quán tưởng một vị thánh tôn ở trước mặt, sau đó mới tu pháp tự khởi. Thế nhưng, ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) trong *Tô Tất Địa Nghi Quỹ (Clear Realisation of Susiddhi)* cho rằng trước tiên phải tu pháp tự khởi, sau đó mới cung thỉnh vị thánh tôn và tu pháp cúng dường, v.v... (trang 181).

Tuy lối giải thích của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) có vẻ như tiện lợi cho sự tu tập, nhưng ở đây sẽ giải thích theo quan điểm của ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi).

### **01. Tự khởi thành thánh tôn.**

Hành giả ngồi thẳng lưng, phòng hộ các căn không cho chạy theo trần cảnh, mà hướng tâm vào bên trong. Giữ cổ thẳng như khổng tước (Anh: peacock), hít thở nhẹ nhàng. Mắt hơi hé mở, và nhìn xuống sống mũi. Hai hàm răng khít nhau, lưỡi chạm nhẹ lên nóc họng.

Dùng tâm quán sát tất cả các loại hữu tình, phát khởi tâm đại bi, sẵn sàng gánh vác trọng trách, nguyện ở trong cảnh khổ để cứu độ chúng sanh. Lại vì muốn thật sự lợi ích chúng sanh, nguyện chứng đắc Vô thượng bồ đề, phát khởi Đại bồ đề tâm, tu tập tư lương phước đức. An trụ trong tâm Bồ đề, tu tập tất cả pháp thiện, đều có thể đưa đến sự thành tựu Nhất thiết chủng trí. Do trí lực gia trì các pháp thiện, có thể ở ngay trong sanh tử dẫn phát vô biên sự an lạc. Sau đó tu tập sáu tướng tự khởi thành thánh tôn như sau:

**1) Thánh tôn thắng nghĩa** (còn gọi là Chân như thánh tôn, Skt: Tattva-devata). *Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)* nói:

Giải thoát khỏi các chi,  
Không hai loại phân biệt,  
Tế, bất động, rõ ràng,  
Tuệ quán hiện ở trước.<sup>70</sup>

---

<sup>70</sup> Tức là tụng câu chú tánh không “*Oṃ svabhāva-suddhāḥ sarva-dharmāḥ svabhāva-suddho 'ham*” và quán tưởng chân không. Trong nghi thức Việt Nam gọi là Tĩnh Tam Nghiệp Chân Ngôn (*Ổm ta phạ bà phạ truật đà ta phạ đạt mạ ta phạ bà phạ truật độ hám*).

[Sau khi cúng dường, v.v..., đến vị thánh tôn trước mặt, hành giả cần phải quán tưởng vị thánh tôn thắng nghĩa (Anh: ultimate deity), tức là chân như (Anh: suchness), xa lìa tất cả mọi chấp trước, hoặc mọi nhận thức, nghĩa là [vị thánh tôn thắng nghĩa] tuyệt nhiên không hiện hữu, không thể bị phân biệt, bởi vì nó không thể bị nhận rõ (Anh: apprehended by others), và như vậy nó không có hình tướng, v.v... Nó rất là vi tế, bởi vì nó không có sự hiện hữu thật sự. Trong lúc quán tưởng, tâm của hành giả cần phải được duy trì trong sự hiện diện của một thánh tôn thắng nghĩa. Sự quán tưởng cần phải ở trong trạng thái tĩnh lặng và trong sáng (không bị hôn trầm).]

Cái ngã mà ngoại đạo chấp trước - ngay cả trên phương diện danh tướng cũng không hiện hữu - chỉ là giả danh (tên gọi theo quy ước) của một tổ hợp của năm uẩn. Bài kệ trên có thể được xem là một sự hướng dẫn phương cách để nhận thức về bản thể của cái ngã vừa nêu trên.

Thời điểm để tu tập quán tưởng là sau khi đã cung thỉnh bốn tôn và tu cúng dường, v.v... [Nếu hành giả tu tập theo thứ tự của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) là trước tiên quán tưởng thánh tôn hiện trước mặt]. Tu tập cách nào? Nghĩa là lúc y vào quán tuệ thắng nghĩa để quán sát, thì cái ngã không thể bị phân biệt hoặc nhận thức bởi nhãn thức, v.v...; mà ngã cũng không thể nhận thức được cảnh giới khác. Các chi như đầu, mắt, v.v..., đều bất khả đắc, bởi vì chúng không thật sự hiện hữu. Bằng sự đả phá năng thủ sở thủ là có thật, hiển hiện được nhị không (năng sở đều không). Đây chính là nêu rõ ý nghĩa chân thật của ngã. Đây là phương cách mà chúng ta phải quán xét.

Phương pháp quán tưởng trong câu “*bất động, rõ ràng, tuệ quán hiện ở trước*” sẽ được giải thích bên dưới (trang

234-238). Hơn nữa, sự giải thích của ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) cũng tương tự như ngài Phật Mật (Buddhaguhya).

Trong thắng nghĩa đế, thật ngã xa lìa tất cả hý luận; tương tự, thật thánh tôn cũng xa lìa tất cả hý luận. Cho nên, hành giả sanh khởi lòng tự hào về sự hợp nhất của chính mình và thánh tôn trong sự vô phân biệt giữa hai bên, giống như nước và sữa hòa hợp thành một thể. Với tâm không phân biệt (tâm không), tu tập quán tưởng đến khi tự tâm thấy rõ chắc chắn. Đây tức là thánh tôn thắng nghĩa.

Tu tập không tánh (nhân không, pháp không) cũng quan trọng, giống như trong các Mật bộ khác [trước khi tu pháp Bốn tôn du già, phải đọc mật chú, chẳng hạn như đọc : *Oṃ svabhāva-suddhāḥ sarva-dhamāḥ svabhāva-suddho' ham*, và tu tập ý nghĩa về không] (trang 150).

**2) Thánh tôn âm thanh** (Anh: sound deity, Skt: Sabda-devata). Kế đến, duyên vào hành tướng của âm thanh của mật chú của bốn tôn, đó là thánh tôn âm thanh. *Tô Tất Địa Nghi Quy* (*Clear Realisation of Susiddhi*) của ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) chưa đề cập đến pháp tu này mà chỉ nói về pháp quán tưởng tâm [của thánh tôn] dưới dạng một vầng trăng. Hai ngài Phật Mật (Buddhaguhya) và Thắng Bồ Đề (Varabodhi) giống nhau ở điểm này [trong đây ngài Phật Mật (Buddhaguhya) cũng mô tả thêm là một vầng trăng hiện ra dưới dạng của một thánh tôn thắng nghĩa, và phía trên của thánh tôn là âm thanh của mật chú].

**3) Thánh tôn tự mẫu** (Thánh tôn văn tự, Anh: letter deity, Skt: Aksara-devata). Kế đến, quán tưởng [tâm thức biết rõ về thánh tôn thắng nghĩa (tâm không)] hiện rõ trên không trung dưới hình dạng tự mẫu của bài chú của thánh tôn. Quán tưởng cái tâm tỏ ngộ về bản tánh vô phân biệt của

hành giả và thánh tôn trở thành một vàng trắng, trên đó tự mẫu được xếp theo thứ tự, [âm thanh của tự mẫu hòa hợp với sắc tướng] giống như thủy ngân thuần chất bám vào các hạt vàng ròng. Đây là thánh tôn tự mẫu.

Ngoại trừ một đoạn văn ngắn trong *Tô Tất Địa Nghi Quỹ* (*Clear Realisation of Susiddhi*) của ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) nói về bài chú được dùng ở đây là “bài chú được trì tụng”, nhưng cả hai ngài Phật Mật (Buddhaguhya) và Thắng Bồ Đề đều chưa nói rõ là bài chú nào. Thế nhưng, điều hiển nhiên không phải chỉ là bài chú dài, mà những bài chú ngắn, như *Oṃ bhṛuṃ svāhā*, được giải thích trong *Nghi Quỹ Hải* (*Ocean of Means of Achievement*), hoặc bài chú Phật Đảnh Tôn Thắng của ngài Tôn Thắng (Vijaya) trong Phật bộ, hoặc *Oṃ mārichyai maṃ svāhā* của ngài Quang Minh Thiên (Marichi) trong Phật bộ cũng đủ. Tương tự, có thể dùng bài chú *Oṃ maṇi padme hūṃ* của ngài Quán Tự Tại trong Liên hoa bộ, và bài chú của ngài Kim Cang Tồi Hoại (Vidarana) trong Kim cang bộ, v.v...

**4) Thánh tôn sắc tướng (Anh: form deity, Skt: Rupa-devata).** Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) chỉ nói rằng từ vàng trắng [trong tâm hành giả] phóng ra ánh sáng, thế nhưng, theo như ngài Thắng Bồ Đề giải thích, sắc tướng của vị thánh tôn (đối tượng của sự quán tưởng) xuất hiện trong những đầu tia sáng phóng ra từ vàng trắng và mật chú. Những sắc tướng này đầy đầy khắp hư không, hóa thành những đám mây cúng dường to lớn, cúng dường tất cả chư Phật. Lại từ những đám mây đã được hóa hiện, đổ xuống những trận mưa cam lộ, dập tắt lửa dữ địa ngục, và đồng thời, khiến cho chúng sanh được thỏa mãn tất cả mọi sự mong cầu. Sau đó, ánh sáng cũng như những sắc thân của thánh tôn đều quay trở về trong vàng trắng [là tâm thức của hành giả]. Quán tưởng đó là vị bốn tôn (nghĩa là vàng trắng của tự mẫu biến thành sắc tướng của thánh tôn), và sanh khởi lòng tự hào về

sự không khác biệt giữa hành giả và bốn tôn. Đây là thánh tôn sắc tướng.

Hơn nữa, có thể dùng sự dập tắt sự đau khổ của chúng sanh địa ngục như một mẫu mực cho sự diệt trừ những sự khổ đau khác, và áp dụng sự kiện này cho chúng sanh ở những cõi khác (ngạ quỷ, bàng sanh, người, a tu ta, và cõi trời) - giải tỏa sự khổ đau và ban bố sự lạc bằng những trận mưa cam lộ.

**5) Thánh tôn mật ấn** (Anh: seal deity, Skt: Mudra-devata). Đối với thánh tôn mật ấn, ngài Phật Mật (Buddhaguhya) trong *Hậu Tĩnh Lự Thích (Commentary on the Concentration Continuation)* nói: “Sau đó, kết ấn đánh kể (đánh đầu), ấn bạch hào (giữa chặng mày), v.v..., và các chi phần của chúng (nghĩa là mật chú).” Điều này, tùy sự giải thích của các Mật bộ, kết ấn đánh kể, ấn bạch hào, ấn nhãn mục (mắt), v.v..., đọc tụng mật chú của bộ đó, gia trì đánh kể, bạch hào, v.v..., của vị thánh tôn của bốn bộ (hoặc Phật bộ, hoặc Liên hoa bộ, hoặc Kim cang bộ), và dùng thủ ấn và mật chú chạm vào những chỗ đó. Đây cũng giống như gia trì mắt, v.v..., trong những Mật bộ khác [bằng cách quán tưởng tự mẫu hoặc thánh tôn đang hiện diện ở những nơi đang được gia trì].<sup>71</sup>

Nếu hành giả không dùng các thủ ấn và mật chú riêng biệt cho mỗi chỗ được gia trì, thì có thể dùng thủ ấn và mật chú [chung] của bốn bộ. Ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) nói: “Kể đến, kết bốn tôn tam muội da ấn, gia trì nơi tim, bạch hào, cổ và trên hai vai.” Tức là phần trên nói về việc dùng thủ ấn và mật chú của ba bộ để gia trì (trang 146-147). Nên biết, các pháp Tôn Thắng (Vijaya), Lăng Nghiêm (Sitata-

---

<sup>71</sup> Bằng cách quán tưởng tự mẫu Oṃ màu trắng ở đỉnh đầu, Ā màu đỏ ở cổ họng, và Hūm màu lam ở giữa ngực. Và trên nguyệt luân ở giữa ngực là chủng tử tự của bốn tôn với màu sắc thích hợp.

patraparajita), và Văn Thù (Manjugośa) thuộc về Phật bộ, cần phải dùng thủ ấn và mật chú của Phật bộ để gia trì. Tương tự cho các bốn tôn của Liên hoa bộ và Kim cang bộ.

**6) Thánh tôn danh tướng** (Anh: sign deity, Skt: Nimita-devata). Đối với vị thánh tôn thứ sáu, ngài Phật Mật (Buddhaguhya) trong *Hậu Tĩnh Lự Thích (Commentary on the Concentration Continuation)* nói về “thế tục tam ma địa tướng” (Anh: aspected conventional meditative stabilisation), và “phân biệt tôn” (Anh: conceptual deity). Ở những nơi khác, dùng thuật ngữ “thánh tôn danh tướng.” Nên hiểu rằng đây là vị thánh tôn sanh khởi sau khi tu tập<sup>72</sup>.

**Chứng cứ** (Anh: sources).

Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) mô tả pháp tu sáu thánh tôn (Anh: six deities) trong *Hậu Tĩnh Lự Thích (Commentary on the Concentration Continuation)* như sau:

Ngã tánh đã như vậy,  
Do chân ngôn thức tu.

Chân ngôn thức (Anh: mantra mind) là sáu tướng của mật chú, tức là sáu thánh tôn. Tu [tập] tức là do sáu tướng của

---

<sup>72</sup> Thánh tôn danh tướng: đây là thánh tôn được phát sanh trong lúc tu tập ở giai đoạn cuối của thiền quán hữu tướng. Ở đây gồm những việc: tỉnh trí tôn ngự ở cõi trời Sắc Cứu Cánh đến đạo tràng hòa nhập Tam muội da tôn (là vị thánh tôn quy ước, được tạo qua năm tướng trước), biến thành thánh tôn danh tướng có đầy đủ oai đức, trí tuệ, sự nghiệp, v.v..., của một thánh tôn.

Thế tục tam ma địa tướng và phân biệt tôn, tức là trụ nhất tâm trong thánh tôn danh tướng đã được quán, không đổi đề mục nữa, dùng chữ tam ma địa tướng để nhấn mạnh ý nghĩa là tướng thánh tôn cần phải trụ tâm thiền quán. Tướng này do tâm tạo tác, nên gọi là phân biệt tôn.



mật chú (hoặc thánh tôn) này huân tập nội tâm. Sáu thánh tôn này không được đề cập trong *Hậu Tĩnh Lự*, nhưng được giảng giải rõ ràng trong *Kim Cang Tồi Hoại Kinh (Extensive Vidarana Tantra)*. Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) trong *Kim Cang Tồi Hoại Thích (Commentary on the Vidarana Tantra)* trưng dẫn kinh văn:

Hành giả tắm rửa xong,  
Ngồi lên tòa kim cang,  
Cúng, thỉnh, tu sáu tôn:  
Không tánh, tự mẫu, thanh,  
Sắc, ấn, tướng là sáu.

Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) lại nói: “Hành giả tự khởi thành Kim Cang Thủ bằng sáu loại nhận thức (Anh: six clarifications) từ không tánh của chư Phật, Bồ tát, v.v..., đến tiến nhập tự thân, v.v...” Điều này tương tự như pháp tu Bốn tôn du già bằng năm loại nhận thức trong các Mật bộ khác (Du già mật, Vô thượng du già mật).

Đối với pháp tu (tự khởi) bằng cách tu tập sáu thánh tôn, ngài Phật Mật (Buddhaguhya) trong *Hậu Tĩnh Lự Thích* nói: “Đây là những giai bậc tổng quát để tu tập chân ngôn thức (Anh: mantra mind). Phương pháp tu tập này có thể áp dụng vào những nghi quỹ khác.” Điều này có nghĩa ngài Phật Mật (Buddhaguhya) xác định rằng pháp tu sáu thánh tôn cũng được áp dụng vào những nghi quỹ của pháp tu Bốn tôn du già trong Sự mật.

***Phương pháp thiền quán*** (Anh: modes of meditation).

Có hai pháp thiền quán về sáu thánh tôn (trang 230-231).

(1) Thiền quán (dhyāna): theo thứ tự, tư duy về sáu thánh tôn, và tư duy về thân, sắc, tam muội da, v.v..., của thánh tôn; tâm biến chuyển theo nhiều cảnh sở duyên (đề mục).

(2) Tam ma địa (samadhi): tư duy về thân của thánh tôn, chuyên tâm an trụ vào một cảnh sở duyên (đề mục), chứ không thay đổi nhiều đề mục. Tam ma địa có nghĩa là chuyên tâm vào một đề mục.

*Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)* nói:

Dùng chân ngôn thức tu,  
An trụ tam ma địa,  
Khéo nhiếp khí trụ khí.

Trước tiên, tu chân ngôn thức, sau đó, an trụ tam ma địa là hai phương pháp tu tập thiền quán khác nhau. Câu cuối nói rằng lúc tu tam ma địa, là lúc khéo nhiếp khí prāṇa), trụ khí (āyāma).<sup>73</sup>

Thứ tự tu tập tam ma địa như sau: Thân khéo an trụ, như phần trên đã giải thích (trang 171), tâm không tán động phân biệt, tu tập từ phần thánh tôn thẳng nghĩa cho đến phần thánh tôn sắc tướng (Anh: form deity), sanh khởi lòng tự hào tự thân là thánh thân. Những điều này phải hoàn tất trước khi tu tập tam ma địa. Khí năng xuất hiện và đi xuyên qua mắt, mũi, miệng, lỗ rún, nam căn, nữ căn, hậu môn, và các lỗ chân lông (đầu và thân thể) được gọi là sinh mạng khí. Trụ khí là chỉ cho sự chú niệm, nhưng đây không phải chỉ cho sự chú niệm những điều thiện, mà là sự chú niệm vào sự tan hòa của tâm khí đến những cảnh sở duyên mới (thí dụ

---

<sup>73</sup> Khi nhập Tam ma địa thì các khí của ngũ căn và mạng căn đều được hành khiển, thu nhiếp an trụ vào đề mục, nên gọi là nhiếp khí và trụ khí.

như sắc thân bốn tôn). Cho nên, nhiếp khí, trụ khí có nghĩa là đình chỉ sự ra vào của hơi thở, giống như con rùa co rút sáu chi (đầu, đuôi, và bốn chân), và cũng giống như dùng lưới uống nước bằng cách hút gió lên, thân nhiếp tất cả sự lưu chuyển của tâm khí tán động vào bên trong (bằng cách thân nhiếp các giác quan). Hai mắt hơi hé mở, mặt hơi ngẩng lên, duyên vào đề mục “tự thân là bốn tôn”, và chuyên nhất vào đó. Sự chuyên chú quán tưởng giống như một người đang ngồi trong hang nhìn ra ngoài [với ý nghĩa là hành giả đang an trụ trong thân bốn tôn và đang quán sát chung quanh].

Đoạn văn trong *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi)* được trưng dẫn (trang 125), xác lập ý nghĩa của sinh mạng khí và trụ khí (prāṇāyāna) như đã được nêu trên. Nói cách khác, khí (sinh mạng khí, prāṇa) được mô tả như trên, nhưng ở đây trụ khí (āyāma) có nghĩa là ngừng bật hơi thở ra vào, và chặn đứng sự tán động.

Giữ hơi thở (khí), tùy theo sức chịu đựng của mỗi cá nhân [trong lúc đó, quán sát một khía cạnh của thân của bốn tôn]. Đến lúc không thể tiếp tục [trụ khí] thì thở ra một cách nhẹ nhàng; thư giãn, quán sát tự thân trở thành bốn tôn, và tiếp tục [trụ khí, chặn đứng sự tán động, và quán sát tự thân là bốn tôn]. Phương pháp nghỉ ngơi sau khi tu tập thiền quán mệt nhọc sẽ được giải thích phía dưới (Chương 15).

Ở đây, nếu muốn thân thánh tôn hiện rõ rõ ràng, phải nên sanh khởi tam ma địa, khiến tâm an trụ lâu dài (trong đối tượng). Vì khí làm ngựa cỡi của tâm thức (nghĩa là tâm thức di động trên dòng khí năng), ngài Phật Mật (Buddhaguhya), trong *Hậu Tĩnh Lự Thích (Commentary on the Concentration Continuation)*, đã đề cập đến việc ngăn chặn luồng khí, ý muốn nói là khi luồng khí bị ngăn chặn, thì có thể giữ tâm an trụ vào một đối tượng:

Tâm như vị quốc vương cưỡi trên con ngựa khí, được các quyền thuộc như niêm, định, tác ý, v.v..., vây quanh. Khi ngựa khí bị chặn lại, thì tâm (quốc vương), cùng với quyền thuộc đều bị chặn lại. Các chú giải khác cũng cho rằng khí phải bị chặn đứng. Khi nó bị chặn đứng thì tâm thức [của hành giả], cũng như niêm, tuệ, tác ý, v.v..., đều bị nhiếp trì.

Tuy sự tập trung cũng cần đến sự nhiếp khí và trụ khí, nhưng sự tập trung thường thay đổi đối tượng, cho nên sự phòng hộ của pháp tu này không cần thiết bằng sự phòng hộ tam ma địa chuyên chú quán sát một cảnh sở duyên (đối tượng). Cho nên, *Hậu Tĩnh Lự* nói: “An trụ tam ma địa” (trang 169), đây là nhấn mạnh đến tam ma địa, chứ không phải nhấn mạnh đến tập trung.

Tu tập như vậy trong bao lâu? Theo như *Kim Cang Thủ Quán Dẫn Kinh (Vajrapani Initiation Tantra)* đã được trích lục ở trên (trang 128-131), pháp tu phải được kéo dài cho đến khi trong mọi oai nghi đều có thể dùng sự hiện rõ của thánh tôn và sự hãnh diện là một thánh tôn để siêu vượt sự hãnh diện phàm tục. Bởi vậy, nếu chỉ trụ tâm vào sự hiện rõ của thân thánh tôn thì e không đủ, mà một khi sự hãnh diện tự mình là một thánh tôn trở nên vững chắc, thì tâm cũng phải an trụ trong đề mục này. Cả hai, hiện rõ và hãnh diện, đều cần thiết. Những điểm này sẽ được giải thích chi tiết trong phần giai đoạn tự khởi của Vô thượng du già mật.

Trong Vô thượng du già mật, sau khi tu tập pháp Bốn tôn du già được kiên cố ổn định, mới nói đến pháp du già về khí, ngăn chặn sinh khí, thế nhưng, ở đây lại nói đến việc ngăn chặn sinh khí trong lúc tâm thức tập trung vào thân của thánh tôn. [Trong Vô thượng du già mật, sự nhiếp trì luồng khí, hoặc sự ngăn chặn khí và trụ khí, đặc biệt nhấn mạnh đến sự ngăn chặn sự di động của luồng khí trong hai

mạch phải và trái, được tu tập trong giai đoạn viên mãn, và sau khi đã hiện rõ rõ ràng thân thánh tôn trong giai đoạn tự khởi. Cho nên, ngay trong Vô thượng du già mật, sự ngăn chặn khí và trụ khí, được giải thích trong các Mật bộ cấp thấp như là sự thâm nhiếp tâm thức vào bên trong và tập trung vào đề mục (thời gian lâu mau, tùy theo khả năng tập trung của hành giả), cũng có thể tu tập trong những giai đoạn tu tập sơ khởi của sự tập trung tâm thức vào thân thánh tôn].

Tuy ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) chưa giải thích về hai loại tu tập này, ở đây, chúng ta sẽ dựa theo sự giải thích rõ ràng của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) về ý nghĩa của *Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)*. Đây là điều rất quan trọng.

Nếu như lúc tu tập sáu thánh tôn, đồng thời tu tập du già về khí và nhiếp tâm vào thân các thánh tôn, ắt trước tiên phải cung thỉnh thánh tôn, tu pháp cúng dường, v.v... Đây là điều rất thuận tiện [bởi vì hành giả có thể tập trung tâm thức vào đề mục]. Còn nếu trước đó tu tập pháp tự khởi, sau đó cung thỉnh trí tôn, v.v..., thì rất bất tiện [bởi vì sự tập trung vào đề mục sẽ bị nhiễu loạn]. Cho nên tu tập lần đầu tiên, nên tu tập theo thứ tự của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) [tức trước tiên tu pháp khởi trí tôn, sau đó tu pháp tự khởi].

Nếu như hành giả đã thừa sự (Anh: approximation), sau đó thọ pháp quán đảnh, hoặc tu pháp thanh tẩy [ma chướng cho người khác] bằng bình, hoặc tu pháp thành tựu (Hán: tất địa) cho mình hoặc cho người khác, chẳng hạn như tặng trưởng tài sản, v.v..., thì tu tập pháp nào trước cũng được. Nếu như tu tập pháp tự khởi sau, thì lúc đó cũng phải tu tập cúng dường, tán thán [tự thân sanh khởi thành thánh tôn]. Điều này có thể tùy theo nghi quỹ của Sự bộ và Hành bộ đã được biên soạn bởi các vị lạt ma khác [phải tu pháp cúng

dường và tán thán hai lần, một cho pháp khởi trí tôn hiện tiền, và một cho pháp tự khởi]. Nếu tu pháp tự khởi trước, hành giả được phép tu tập cúng dường và tán thán (cho hai thánh tôn, một cho vị thánh tôn hiện tiền, và một cho chính mình), cùng một lúc, nếu như không muốn làm riêng biệt.

Trong lúc tu pháp tự khởi, các lạt ma khác cho rằng hành giả phải quán tưởng bốn tôn viên mãn (nghĩa là với các tùy tùng, v.v...). Thế nhưng, theo ý của hai ngài [Phật Mật (Buddhaguhya) và Thắng Bồ Đề], lúc thừa sự đầu tiên tu pháp tự khởi, chỉ cần quán tưởng bốn tôn của bốn bộ là đủ. Nếu như đã thừa sự, sau đó tu pháp thành tựu cho mình và người, thì tốt hơn, khi tu pháp tự khởi, nên quán tưởng bốn tôn viên mãn (nghĩa là có các quyến thuộc tháp tùng).

[Liên quan đến pháp tu tự khởi], hành giả được phép tu tập pháp nhập trí tôn (nghĩa là sự tan biến của bốn tôn thật sự vào thân của hành giả đang được quán tưởng như một thánh tôn), thọ pháp quán đánh (bởi vị trí tôn hiện tiền), thọ ấn chứng (hành giả quán tưởng được vị thánh tôn dùng ấn của bốn bộ đặt lên đỉnh đầu sau khi quán đánh), v.v..., như được giải thích bởi các lạt ma khác. Điều này sẽ không mâu thuẫn với những gì mà hai ngài Phật Mật (Buddhaguhya) và Thắng Bồ Đề (Varabodhi) chưa đề cập đến.

## Chương 14. Tỉnh trí tôn hiện tiền

### 02. Tỉnh trí tôn hiện tiền tu cúng dường, v.v...

#### P1. Quán tưởng trụ xứ.

Trước mặt hành giả, hướng về nơi hình tượng, hoặc biểu tượng của bốn tôn, quán tưởng nền đất làm bằng nhiều loại châu báu, phía trên rải cát vàng. Gia trì (nghĩa là làm cho trang nghiêm) với mật chú:

*Oṃ calavī hūṃ svāhā*<sup>74</sup>.

Quán tưởng phía trên là một biển sữa thơm màu trắng, hoàn toàn không bị cấu uế, được trang nghiêm bằng những loại hoa, như hoa sen, hoa ưu bát la, v.v..., vô lượng các loài chim quý bay lượn bên trên. Gia trì với mật chú:

*Oṃ vimala-dhaha hūṃ*<sup>75</sup>.

Khoảng giữa, quán tưởng núi Tu di, bốn phía có những bậc thang được trang nghiêm bởi vàng, bạc, lưu ly, và pha lê. Toàn thể núi được bao phủ bởi những cây cát tường như ý, và có hàng ngàn tràng phan tôn trắng trang nghiêm phất phới. Trên đỉnh núi có một hoa sen lớn được trang nghiêm với nhiều loại trân bảo, lá sen cũng được trang nghiêm bằng đủ loại trân kỳ, nhụy sen bằng vàng ròng, gương sen bằng pha lê, v.v..., có những sợi dây bạc óng ánh bao vòng ở phía trên. Hoa sen to rộng nhiều do tuần, mọc từ trung tâm của núi Tu Di, và từ đó phát sanh trăm ngàn vạn ức màn lưới liên hoa vi diệu.

---

<sup>74</sup> Bản khác ghi nhận câu chú này là: *Oṃ acala vīre svāhā*.

<sup>75</sup> Bản khác ghi nhận câu chú này là: *Oṃ vimala udadhi hūṃ*.



Thủ ấn 19a



Thủ ấn 19b

Hai tay hành giả chắp lại, các ngón tay giao thoa, lấy ngón cái phải ấn lên ngón cái trái (thủ ấn 19). Gia trì [trụ xứ được quán tưởng] bằng cách đọc một trăm biến mật chú:



*Namaḥ sarva-tathāgatānāṃ sarvathā udgate spharaṇa-  
hīnaṃ gaganakhaṃ svāhā.*

Quán tưởng, trong khoảng sát na, có một bảo cái (lọng báu) che trùm khắp trụ xứ.

Tuy ở đây, ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi), trong *Tô Tất Địa Nghi Quĩ* (*Clear Realisation of Susiddi*), chưa đề cập đến việc quán tưởng một cung điện bao la [để làm nơi cư trú cho bốn tôn], nhưng phần dưới nói rằng: “Tỉnh ngài trở lại, cùng với một cung điện vĩ đại,” cho nên hành giả cũng phải nên quán tưởng cung điện. [Quán tưởng một cung điện bao la, và cung điện của vị thánh tôn đem đến, cả hai lồng vào nhau, hòa hợp thành một, giống như một trí tôn hòa nhập thành một với tam muội đa tôn].

Hơn nữa, có thể quán tưởng cung điện ở giữa hoa sen, cùng một lúc với sự quán tưởng đất, cây, biển, v.v..., mà không cần [quán tưởng] hoa sen phát sanh từ những tự mẫu (Anh: syllables). Hoặc có thể quán tưởng cung điện phát sanh từ mẫu tự *bhrūṃ* [quán tưởng mẫu tự này biến thành cung điện]. Tương tự, có thể quán tưởng hoa sen thứ hai như một bảo tọa của vị thánh tôn.

Hai ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) và Phật Mật (Buddhaguhya) không nói về việc quán tưởng cung điện hoặc bảo tọa trong pháp tu tự khởi, thế nhưng, trong những *Nghi quĩ Tu Tập* (*Means of Achievement*) của các vị lạt ma khác có đề cập đến quán tưởng tòa sư tử, v.v..., hoặc quán tưởng chỗ ngồi của các hữu tình [như nai, v.v...] trong tháp của Tôn Thắng Phật Mẫu (Vijaya), v.v...

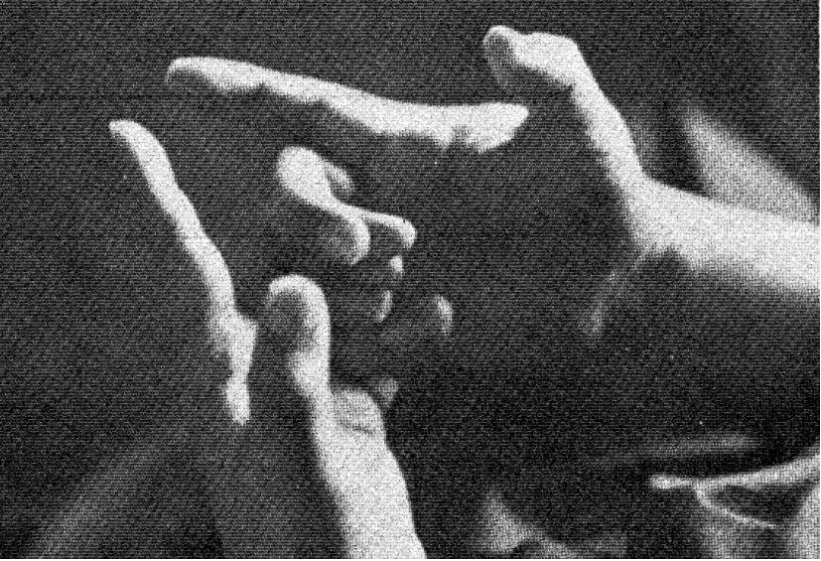
## **P2. Cung tỉnh thánh tôn và mời ngài đặng tọa.**

**Chuẩn bị phẩm vật cúng dường.** Sự cung thỉnh cần phải có phẩm vật cúng dường. Cho nên, trước tiên cần phải chuẩn bị phẩm vật cho thanh tịnh trang nghiêm. Khay (hoặc những vật đựng khác) đựng đồ cúng dường, hoặc làm bằng vàng, bạc, gỗ, đá, hoặc các vật liệu khác, nhưng khay bằng đồng biểu tượng cho sự cát tường trong tất cả mọi nghi quỹ, bất luận là tức tai, tăng ích, hoặc hàng phục. Nếu tu pháp tức tai [trừ bệnh hoạn, ma quỷ, v.v...], và thượng tất địa (trang 241), thì cúng dường bột lúa đại mạch và sữa bò. Nếu tu pháp tăng ích và trung tất địa, thì dùng bột mè và lạc. Nếu tu pháp hàng phục và hạ tất địa, thì dùng nước tiểu bò và gạo với kodvara (một loại mẽ cốc thông dụng), hoặc dùng máu. Một phẩm vật cúng dường cát tường dùng chung cho tất cả nghi quỹ [tức tai, tăng ích và hàng phục] là một hỗn hợp của bột gạo, nhang bột, hoa trắng, cỏ kuśa, và mè được trộn trong nước sạch.

Chưng bày phẩm vật cúng dường và xông bằng hương thơm. Gia trì phẩm vật, tụng mật chú bảy biến - dùng mật chú của mình vương (trang 166-167), hoặc tâm chú của bốn bộ (trang 163), hoặc nhất thiết yết ma chú của mỗi bộ (trang 163), hoặc mật chú cung thỉnh, như sẽ được giải thích bên dưới.

**Cung thỉnh thánh tôn.** Hướng về phía tôn tượng, lễ lạy (trang 147), quỳ xuống. Kết ấn cung thỉnh bằng cách móc treo các ngón tay với nhau, ngửa hai bàn tay lên, hai ngón trở duỗi thẳng, hai ngón cái di động - như mời thỉnh (thủ ấn 20). Đọc kệ:

Vì tin tam muội da,  
Thỉnh Thế Tôn giáng lâm,  
Thọ phẩm vật cúng dường,  
Xin nguyện ngài thương xót.



Thủ ấn 20

Cuối câu mật chú (sẽ được giải thích ở dưới) thêm chữ *ehyahi*. Nâng khay đựng phẩm vật cúng dường lên, để ngang trán nếu tu tập Như lai bộ, để ngang ngực nếu tu tập Liên hoa bộ, và để ngang rún nếu tu tập Kim cang bộ.

Đối với việc tụng mật chú, nếu thỉnh một thánh tôn nam thì tụng mật chú của minh vương (Anh: knowledge kings) (trang 166-167), nếu thỉnh một thánh tôn nữ thì tụng mật chú của minh phi, hoặc đọc bài chú riêng của vị thánh tôn đó, hoặc như *Tô Tất Địa Kinh* nói tốt nhất là cung thỉnh với bài tâm chú của bốn bộ, chẳng hạn đọc *jinajik ehyahi* cho Phật bộ, đọc *ārolik ehyahi* cho Liên hoa bộ, và đọc *vajradhṛk ehyahi* cho Kim cang bộ.

Đối với vấn đề cung thỉnh bao nhiêu vị thánh tôn, *Hậu Tĩnh Lự* nói:

An trụ thành tựu định,

Hướng về thân Như Lai,  
Đầy đủ các mật chú,  
Các minh chú, phần nộ.

Ngài Phật Mật (Buddhaghya) giải thích như sau:

Quán tưởng thân của đức Như Lai hiện tiền, cùng lúc đó (trong khoảng sát na), quán tưởng khoảng không gian rộng lớn, các Mật chú, Minh chú, các sứ giả Phần nộ nam nữ, v.v..., đầy đầy khắp hư không, đi nhiều chung quanh, hành giả đứng giữa, với niềm tự hào của một thánh tôn. Lại nữa, các Minh chú, v.v..., luôn luôn an trụ trước đức Thế Tôn. Cho nên, hành giả trì chú (mantrika) trong khi tu tập Bốn tôn du già cũng phải nên hướng về đức Thế Tôn.

**Mời ngồi (Kết bảo tọa).** Kế đến, thỉnh thánh tôn ngồi lên bảo tọa với thủ ấn và mật chú thích hợp. Thủ ấn Như lai tọa (thủ ấn 21) là hiển bày thủ ấn tam muội da của Liên hoa bộ (như đã được giải thích ở trên - thủ ấn 2, trang 147). Thủ ấn Kim cang tọa (thủ ấn 22) là từ thủ ấn Liên hoa tọa, dùng ba ngón tay (giữa, trỏ và áp út) tạo thành hình chày kim cang. Thủ ấn Dũng sĩ tọa (thủ ấn 23) là từ thủ ấn Liên hoa tọa, nhập hai ngón giữa làm một. Các bài chú theo thứ tự:

*Oṃ kamalāya svāhā.* (Liên hoa tọa)

*Oṃ vajra-asani hūṃ phaṭ.* (Kim cang tọa)

*Oṃ vajraka hūṃ phaṭ.* (Dũng sĩ tọa)

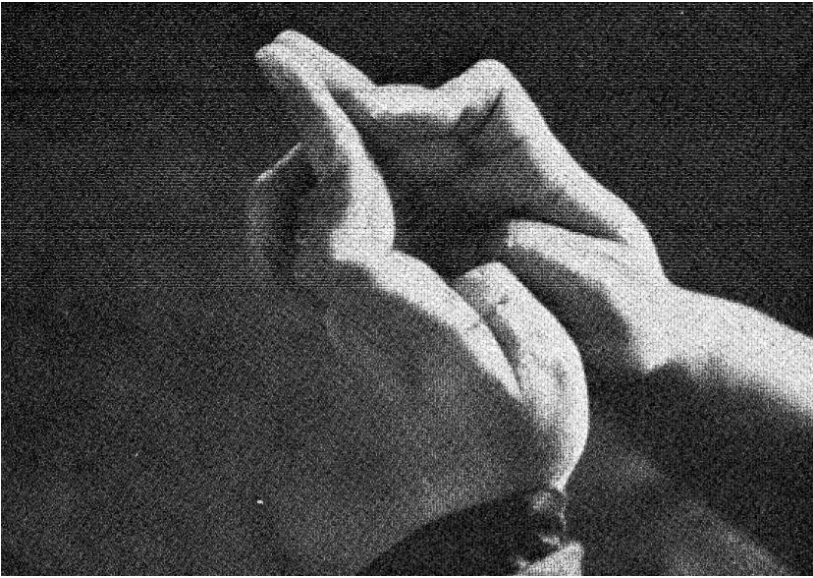
Theo sự giải thích về sự mời ngồi, hoặc dâng bảo tọa và mời thánh tôn ngồi, hoặc dâng bảo tọa trong lúc đọc bài kệ:



Thủ ấn 21



Thủ ấn 22



Thủ ấn 23

Thiện lai, đức Đại bi,  
Con nay được may mắn,  
Xin thọ nhận cúng dường,  
Ban bố mọi nguyện cầu.

hoặc:

Thương con và chúng sanh,  
Con xin được cúng dường,  
Xin ngài hiển thần lực,  
An trụ trong đàn tràng.

### **P3. Hiển bày mật ấn.**

Kế đến, tụng chú:

*Śaṃkara samaye svāhā.*

## Chương 14. Tỉnh trí tôn hiện tiền

Hiển thị thủ ấn kim cương tam muội da: Ngón cái bên tay phải ấn vào móng tay của ngón út, chính ba ngón còn lại thành hình chày kim cương (thủ ấn 24).



Thủ ấn 24

Kế đến, hiển thị thủ ấn và mật chú của bốn bộ [hoặc Phật bộ, hoặc Liên hoa bộ, hoặc Kim cương bộ], như *jñajik*, *ārolik*, hoặc *vajradhrk*. Đối với thủ ấn, Phật bộ: các ngón tay đan vào nhau, nắm lại, hai ngón cái duỗi thẳng (thủ ấn 25); Liên hoa bộ: kết ấn giống như trên, nhưng lấy ngón cái trái đút vào lòng hai bàn tay, ngón cái phải vẫn duỗi thẳng (thủ ấn 26); Kim cương bộ: ngược lại với Liên hoa bộ, ngón cái phải đút vào lòng hai bàn tay, ngón cái trái duỗi thẳng (thủ ấn 27).

Kế đến, kết đại tam muội da ấn của bốn bộ (thủ ấn 1-3) và xoay vòng tròn. Phương pháp này là để thủ hộ hành giả từ những ma chướng [chiêu cảm bởi nghiệp lực hoặc vọng tưởng của hành giả], có thể thừa cơ xâm nhập [sau khi hành giả đã thành tựu triệu thỉnh thánh tôn], v.v... Nếu như không



Thủ ấn 25



Thủ ấn 26



dùng phương pháp này, có thể xua đuổi ma chướng bằng cách dùng minh vương chân ngôn gia trì vào hạt mù tạt trắng (Anh: white mustard seeds), sau đó rải chung quanh đàn tràng.



Thủ ấn 27

#### **P4. Cúng dường và xưng tán.**

Giống như phần trước (trang 163), hành giả làm các pháp tẩy trừ ma chướng, thanh tịnh hóa, tăng trưởng, tăng uy quang đối với các phẩm vật cúng dường. *Tô Tất Địa Kinh* nói thanh tịnh hóa bằng cách tụng tám bộ mật chú cúng dường [được trình bày phía dưới], hoặc cũng cần phải tụng các mật chú của bốn bộ.

**Cúng dường nước Át già (Skt: Argham).** Kế đến, kết ấn cúng dường: móc [phía trong] hai ngón út và ngón áp út, cong hai ngón trỏ, đặt vào đốt thứ ba của hai ngón giữa, hai ngón cái áp sát vào bàn tay (thủ ấn 28). Đọc kệ:

Thiện Thệ, Bạt Già Phạm,  
Thỉnh giáng lâm đạo tràng,  
Duy nguyện thương xót con,  
Xin kính ngưỡng Thế Tôn.

Sau khi tụng chú của bốn tôn, dâng nước Át già cúng dường. Đọc chú cúng dường nước Át già (Argham): *Argham praticcha svāhā*.



Thủ ấn 28

**Cúng dường nước rửa chân.** Kết ấn cúng dường: Năm bàn tay phải lại, đầu ngón trỏ và đầu ngón cái ấn vào nhau (giống

Chương 14. Tỉnh trí tôn hiện tiền



Thủ ấn 29a



Thủ ấn 29b

hình gong kèm), nhặt một đóa hoa từ bồn nước rửa chân, từ từ thả lỏng các ngón tay (thủ ấn 29 a-b).

Đọc bài kệ trên, thay chữ “nước Argham” bằng chữ “rửa chân (padyam)”, và rửa chân vị thánh tôn bằng bài chú: *Oṃ pravara satkaraṃ praciccha svāhā*.



Thủ ấn 30

**Cúng dường nước tắm rửa.** Kế đến, tắm rửa [thật] cho ảnh của bức tượng hiện trong gương. Nếu không có gương, kết ấn tắm rửa thân thể thánh tôn: lật ngửa hai bàn tay, ấn đầu ngón cái vào đầu ngón trỏ (thủ ấn 30). Đọc chú: *Oṃ sarva-devatā acinta-amṛta svāhā*.

Quán tưởng tắm rửa thân thể các thánh tôn bằng những áng mây nước thơm vĩ đại [xuất phát từ những bình tắm quý bằng vàng ròng chứa đầy nước thơm].

**Cúng dường y phục, đồ trang sức và âm nhạc.** Kế đến, quán tưởng dâng lên chư thánh tôn y phục và các món trang sức. Dâng lên âm nhạc và quán tưởng những điệp khúc ca ngợi chư thánh tôn đang được trỗi lên một cách du dương.

**Cúng dường nước hoa (đồ hương, hương xoa).** Kế đến, kết ấn dâng nước hoa: dùng bàn tay trái nâng bàn tay phải đang kết thí quy y ấn (thủ ấn 31). Dâng hiến nước hoa:



Thủ ấn 31

Từ tịnh sanh thanh tịnh,  
Hương vi diệu cõi trời,  
Con nay kính cúng dường,  
Nhận rồi, xin thương xót.

*Āhara āhara sarva-vidyādhari pūjite svāhā.*

Ngoại trừ đèn (Anh: lamp), bài chú này cũng dùng để hiến cúng ba thứ khác (hoa, hương, và thực phẩm).

**Cúng dường hoa.** Kết ấn dâng hoa: các ngón tay móc vào nhau phía bên trong, hai ngón trở đầu nhau, tựa như hình xuyên, hai ngón cái ấn vào hai ngón trở, tựa như hình hoa sen (thủ ấn 32). Dâng hoa bằng bài kệ:



Thủ ấn 32

Từ tịnh sanh thanh tịnh,  
Hoa vi diệu cõi trời,  
Con nay kính cúng dường,  
Nhận rồi, xin thương xót

*Āhara āhara sarva-vidyādhari pūjite svāhā.*

**Cúng dường hương đốt.** Kết ấn dâng hương: ngón út, ngón áp út và ngón giữa của hai bàn tay giao thoa nhau, đầu ngón

Chương 14. Tỉnh trí tôn hiện tiền

phía trước đặt vào đáy móng tay của ngón sau, hai ngón trở duỗi thẳng tạo thành một góc, hai ngón cái áp sát vào ngón trở (thủ ấn 33). Dâng hương với bài kệ:



Thủ ấn 33

Tinh hoa rừng khả ý,  
Hóa thành thiên diệu hương,  
Con nay tin, cúng dường,  
Nhận rồi, xin thương xót.

*Āhara āhara sarva-vidyādhari pūjite svāhā.*

**Cúng dường thực phẩm.** Kết ấn thực phẩm cõi trời: hai bàn tay ngửa lên, đặt sát nhau, hai ngón trở hơi cong (thủ ấn 34). Dâng thực phẩm bằng bài kệ:



Thủ ấn 34

Tinh hoa thuốc khả ý,  
Đây là chân ngôn thật,  
Con nay tin, cúng dường,  
Nhận rồi, xin thương xót.

*Āhara āhara sarva-vidyādhari pūjite svāhā.*

**Cúng dường đèn.** Kết ấn dăng đèn: hai ngón giữa và ngón cái chạm nhau và chỉnh cho thẳng, các ngón khác uốn cong lại thành nắm tay (thủ ấn 35). Dăng đèn bằng bài kệ:

Cát tường trừ tổn hại,  
Thiện diệu trừ hắc ám,  
Con nay tin, cúng dường,  
Nguyện thọ đèn sáng này.

*Ālokāya ālokāya vidhāhare pūjite svāhā.*





Thủ ấn 35

[Chú thích]

Nếu như không có phẩm vật cúng dường riêng cho mỗi thánh tôn của mỗi bộ, thì có thể dùng cúng phẩm của các bộ khác, gia trì bằng mật chú của bốn bộ, rồi dùng đó mà cúng dường.

Nếu như không thể sắm sửa các phẩm vật cúng dường, *Tô Tất Địa Kinh* và *Tô Tất Địa Nghi Quy* (*Clear Realisation of Susiddi*) của ngài Varabodhi cho rằng hành giả có thể dùng thủ ấn và mật chú thích ứng, và dùng sự quán tưởng các phẩm vật để cúng dường. Đối với hoa, v.v..., dùng hình vẽ (Anh: painting), hoặc hình ảnh (Anh: picture) của chúng cũng thích hợp cho việc cúng dường.

Ngay cả trong trường hợp có phẩm vật thật để cúng dường, trong kinh nói rằng vì tâm là hướng đạo cho tất cả,

nên sự kiện dùng tâm cúng dường (quán tưởng) cũng có một sự khác biệt đáng kể [bởi thế hành giả cũng phải dùng tâm quán tưởng trong khi dâng cúng phẩm vật thật.

Bằng cách này, cúng dường tất cả những gì có được. Lúc đó nên tụng chú gia trì trụ xứ một trăm biến (như được giải thích ở trang 184-185).

**Xưng tán.** Kể đến, tán thán Tam bảo và các bộ chủ của ba bộ với những bài kệ trong *Tô Tất Địa Kinh*.

*Quy mạng Tam bảo.*

Kính lễ đức Như Lai,  
Đấng Đại bi bảo hộ,  
Đại sư nhất thiết trí,  
Biển công đức phước điền.  
Kính lễ pháp tịch diệt,  
Thanh tịnh là ái dục,  
Thiện diệu, xa nẻo ác,  
Thuần nhất, chân thẳng nghĩa.  
Kính lễ chư tăng già,  
Giải thoát, dẫn giải thoát,  
Khéo an trụ học xứ,  
Thành tựu thẳng phước điền.

*Quy mạng các bộ chủ của ba bộ.*

Kính lễ Diệu Cát Tường,  
Thọ trì thân đồng tử,  
Đuốc trí tuệ trang nghiêm,  
Trừ hắc ám ba cõi.  
Kính lễ bậc Đại bi,  
Danh xưng Quán Thế Âm,  
Tu tập diệu công đức,

Chư Phật thường xưng tán.  
Kính lễ Kim Cang Trì,  
Đại lực, thân phần nộ,  
Thiện vương, trì minh tạng,  
Hàng phục loài cương cường.

Lại nữa, phải nên niệm tụng các bài tán của bốn tôn. Kể đến, tụng một trăm biến mật chú *Xuất Sanh Tán*:

*Namaḥ sarva-buddha-bodhisattvānaṃ, sarvatrā saṃkuru-mita  
avijñā-rāsini namo stute svāhā.*

**P5. Tu tập sám hối, quy y, tùy hỷ, phát nguyện, chuyển pháp luân, v.v....**

**Sám hối.** Đối với các tội chướng đã tạo trong quá khứ, khởi tâm mãnh liệt sám hối, đầy đủ tâm phòng hộ vững chắc, nguyện sẽ không bao giờ tái phạm.

Tất cả chư Như Lai,  
Bồ tát, A la hán,  
Trong tất cả thế gian,  
Xin chứng giám lòng con,  
Tất cả tội đã tạo,  
Trong tất cả mọi đời,  
Trong biển lớn sanh tử,  
Đời này và đời trước,  
Do tham dục, ngu si,  
Sân nộ, đã bộc phát,  
Vớ chư Phật pháp tạng,  
Đạo sư và cha mẹ,  
Bồ tát, A la hán,  
Cùng các bậc phước điền,  
Và tất cả chúng sanh,  
Có đức, không có đức,

Tất cả nghiệp đã tạo,  
Hoặc bảo kẻ khác tạo,  
Hoặc thấy nghe tùy hỷ,  
Tội phóng dật vi tế,  
Thân ngữ ý gây ra,  
Cùng tất cả tội khác,  
Con hiện đang đối trước,  
Chư Phật, chư Bồ tát,  
Chí thành cung kính lễ,  
Tâm vô cùng hổ thẹn,  
Thời khắc xin chấp tay,  
Sám hối tất cả tội,  
Những tội con đã tạo,  
Như chư Phật đã biết,  
Nay sám hối như vậy,  
Xin nguyện không tái phạm.

**Quy y.** Phải nên dững mãnh chí thành quy y.

Vì diệt khổ chúng sanh,  
Cho đến tận vị lai,  
Cung kính chánh quy y,  
Phật pháp và tăng già.

**Tùy hỷ.**

Trong định, con tùy hỷ,  
Tất cả chánh pháp tài.

**Thỉnh chuyển pháp luân.**

Muốn tâm vô phân biệt,  
Thỉnh Phật chuyển pháp luân,  
Cho đến khi độ hết,  
Nguyện đừng nhập Niết bàn.

***Phát nguyện.***

Như Bồ tát quá khứ,  
Đã phát nguyện rộng lớn,  
Con nay đem tâm lành,  
Phát nguyện giống như vậy.  
Nguyện tất cả hữu tình,  
An lạc, không bệnh hoạn,  
Nguyện làm hết Phật sự,  
Đầy đủ mọi công đức.  
Giàu có, thường bố thí,  
Tuệ, nhẫn, tin pháp lành,  
Trong mọi đời thường nhớ,  
Và thương xót hữu tình.

Nên đọc tụng bài kệ với tâm chuyên chú.

**P6. Tu tập bốn vô lượng tâm.**

Kể đến, quán sát tất cả hữu tình đang thọ khổ, phát tâm bi, nguyện tất cả được lìa xa cảnh khổ; phát tâm từ, nguyện tất cả đều được an lạc; phát tâm hỷ, nguyện tất cả đều được sự an lạc của quả Phật; phát tâm xả, nguyện tất cả đều chứng được Vô thượng đại bát niết bàn.

Kể đến, tụng:

Khiến vô biên hữu tình,  
Diệt trừ tất cả khổ,  
Vượt thoát các nẻo ác,  
Giải thoát khỏi phiền não.  
Trong ba cõi bức bách,  
Tất cả sự khổ não,  
Vì muốn cứu độ họ,

Con phát tâm Bồ đề.  
Tất cả chúng sanh khổ,  
Con nguyện xin cứu độ,  
Người không nương, được nương,  
Người không tựa, được tựa,  
Người không quy, được quy,  
Người khổ khiến an lạc,  
Vì tất cả chúng sanh,  
Diệt trừ mọi phiền não.  
Đời này và đời khác,  
Mọi thiện nghiệp tu tập,  
Nguyện đều được thành tựu.  
Hai tư lương phước trí.  
Nguyện tinh tiến tu tập,  
Sáu pháp ba la mật,  
Để thành tựu lợi ích,  
Cho tất cả hữu tình.  
Trong tất cả mọi đời,  
Tu nhiều hoặc tu ít,  
Đều vì các hữu tình,  
Trừ diệt mọi phiền não,  
Độ thoát nên tinh tiến,  
Đến khi chúng Bồ đề.

Quyết định khiến cho thân tâm tương ứng với lời nguyện  
“phát tâm Bồ đề vì muốn độ thoát tất cả chúng sanh khổ não.”

[Quán tướng thánh tôn hiện tiền như vừa nêu trên, được giải thích bởi hai ngài Phật Mật (Buddhaguhya) và Thắng Bồ Đề (Varabodhi) như là sự cung thỉnh một trí tôn [từ nơi bốn xứ của ngài đến giảng lâm đạo trường], chứ không phải là một sự tân sanh (như trong pháp tu tỵ khởi). Các vị lạt ma khác cho rằng cung thỉnh thánh tôn được xem như một phương pháp cơ bản để tích tập công đức [qua việc cúng dường, v.v...], và sau khi tích tập công đức, hành giả chiêu cảm vị

thánh tôn [được nghinh thỉnh] tiến nhập tự thân, sanh khởi thành một thánh tôn tu tập thiền quán và tụng niệm. Chỉ có một ít lạt ma mô tả [sự tu tập thiền quán và niệm tụng] trong lúc triệu thỉnh thánh tôn. Các ngài cho rằng khi hành giả tu tập Bốn tôn du già cảm thấy mỗi mệ, thì có thể chuyển qua niệm tụng mật chú.

Vì pháp Bốn tôn du già là phương tiện chính để đạt được thành tựu, và hơn nữa, ở đây, tâm là thành phần chủ yếu (như đã được giải thích ở trên), cho nên tâm phải nhận thức rõ ràng mình là một thánh tôn. Tỉnh thoảng hành giả cũng nên quán tưởng có một vị thánh tôn [hình dạng giống mình] đang ở trước mặt, và giữ tâm trong trạng thái này càng lâu càng tốt (lúc ấy, hành giả không còn nhấn mạnh đến sự quán tưởng tự mình là một thánh tôn). Hai pháp [tự khởi và thỉnh trí tôn hiện tiền] được xem là hai chi của bốn chi tụng niệm.]

## Chương 15. Trì tụng mật chú

### N2. Niệm tụng như thế nào.

#### 01. Phương pháp lần chuỗi.

Hành giả tu tập Bốn tôn du già đến khi nào cảm thấy mệt mỏi, hoặc đơn điệu, có thể bắt đầu trì tụng mật chú.

Về chất liệu của hạt chuỗi, đối với Phật bộ, tốt nhất là dùng hạt bồ đề (Anh: seeds of putranjiva roxburghii, Skt: putrajīva), Liên hoa bộ thì dùng hạt sen (Anh: lotus hearts), Kim cang bộ thì dùng hạt rudrākṣa (kim cang, Anh: berries of the elaeocarpusganitrus). *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* nói nếu không tìm được những hạt vừa nêu trên thì có thể dùng mộc hoạn tử (Anh: lung tan?), vỏ sò, pha lê, trân châu, san hô, ma ni, ngà, đất sét, hoặc các loại hạt khác. *Diệu Tỳ Vấn Kinh (Questions of Subahu)* nói chì, đồng, thau cũng có thể dùng để làm hạt.

Về số lượng hạt chuỗi, hành giả nên dùng 1008, 108, 54, hoặc 21 hạt. Sau khi xỏ lỗ hạt chuỗi xong, nên dùng năm sản phẩm của bò [sữa, lạc (Anh: yogurt), bơ, phân và nước tiểu] để tẩy rửa hạt chuỗi. Năm thứ này phải từ loại bò cái màu cam (Anh: orange), được nuôi bằng cỏ sạch và nước sạch.

Về dây chuỗi, phải dùng ba sợi chỉ nhập thành một sợi, và sợi chỉ phải do một đồng nữ bện thành. Sau khi xỏ xong râu chuỗi, hành giả cần phải cúng dường thánh tôn (Anh: offering the gods). Sau đó, để râu chuỗi vào lòng bàn tay, đánh lễ các đạo sư và thánh tôn (Anh: lamas and gods), kể đến, gia trì râu chuỗi bằng cách đọc mật chú của bốn bộ một trăm lễ tám biến.

*Phật bộ: Namo ratna-trayāya, oṃ adbhute vijaya siddhi siddhārthe svāhā.*



## Chương 15. Trì tụng mật chú

*Liên hoa bộ: Namo ratna-trayāya, namo aryāvalokiteśvarāya, bodhi-sattvāya, mahā-satvāya, oṃ amṛtaṃ gale śrīya śrīmalina svāhā.*

*Kim cang bộ: Oṃ kīri kīri rautriṇi svāhā<sup>76</sup>.*

Sau lần gia trì đầu tiên, mỗi khi lần chuỗi, hành giả cần phải chấp tay đánh lễ đạo sư và bốn tôn. Đặt xâu chuỗi vào lòng bàn tay, tụng chú của bốn bộ bảy lần:

*Phật bộ: Oṃ bhagavati siddhi-siddhaya, siddhārthe svāhā<sup>77</sup>.*

*Liên hoa bộ: Oṃ vasu-mati śrīye svāhā<sup>78</sup>.*

*Kim cang bộ: Oṃ vajraya jatanajeye svāhā<sup>79</sup>.*

Kế đến, nâng chuỗi ngang ngực, duỗi thẳng ngón út và ngón giữa của tay trái [hoặc tay phải], dùng ngón áp út và ngón cái để đếm [cho mọi nghi quỹ], hoặc dùng ngón trỏ và ngón cái để đếm [cho nghi quỹ hàng phục]. *Diệu Tý Vấn Kinh (Questions of Subahu)* nói lúc tụng chú, hành giả cần phải cầm chày kim cang [bên tay bên kia] như được giải thích ở trên (trang 162); nhưng nếu không có chày kim cang, thì nắm bàn tay lại thành kim cang quyền (Anh: vajra fist) cũng được.

---

<sup>76</sup> Bản khác ghi nhận câu chú này là: *Oṃ kili kili raudriṇi svāhā.*

<sup>77</sup> Bản khác ghi nhận câu chú này là: *Oṃ namo bhagavate susiddhi sādahaya siddha-artha svāhā.*

<sup>78</sup> Bản khác ghi nhận câu chú này là: *Oṃ vasu-mati śrīye padma-mālini svāhā.*

<sup>79</sup> Bản khác ghi nhận câu chú này là: *Oṃ vajra jitaṃ jaye svāhā.*

## **O2. Niệm tụng duyên vào một cảnh.**

### **P1. Niệm tụng duyên vào tự mẫu.**

#### **Q1. Duyên vào tự mẫu nơi tâm bốn tôn.**

*Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)* nói:

Trụ thanh, tâm và sự,  
Y vào sự bất biến,  
Tụng chú không lộn lạo,  
Nếu mệt, tạm nghỉ ngơi.

Điều này có nghĩa là phải nên trì tụng mật chú. Phương pháp trì tụng là không được lộn lạo, nghĩa là không được bỏ phẩy, hoặc buông lỏng bốn chi<sup>80</sup> mà trì tụng.

Sự (Anh: bases), nghĩa là hai chi: (1) phát khởi lòng tự hào là một thánh tôn (qua 6 tướng thánh tôn), và (2) quán tưởng vị thánh tôn đang hiện trước mặt có hình dạng giống như thánh tôn tự khởi. Chi thứ ba là tâm, là một vầng trăng ở nơi tâm của vị thánh tôn hiện tiền. Chi thứ tư là âm thanh, là một dãy những tự mẫu của mật chú được tụng niệm hiện ra chung quanh vầng trăng. Trụ, có nghĩa là hành giả chuyên chú vào đối tượng không được gián đoạn.

Nếu đã duyên vào sự để tu tập thì phải chuyên tâm nỗ lực, khéo léo tu tập, khiến cho ảnh tượng của thánh tôn càng lúc càng rõ rệt, không để cho việc tu tập bị thoái sụt, cho nên gọi là “y vào sự bất biến”, tức là nơi mà mật chú của tâm [hiện rõ thành vầng trăng], và âm thanh [tự mẫu vây quanh vầng trăng] an trụ (tức là vị thánh tôn trước mặt).

Nói tóm, như phần trên đã nói đến sự thu nhiếp khí và trụ khí (trang 177-180), đồng thời quán sát ba chi trước mặt

---

<sup>80</sup> Bốn chi: (1) tự khởi, (2) quán tưởng thánh tôn hiện tiền, (3) tâm, và (4) âm thanh.

(thánh tôn ở trước mặt, với một vòng trắng nơi tâm, trên đó tự mẫu đứng chung quanh), trong lúc đầy đủ bốn chi niệm tụng [nghĩa là trong đó bảo trì sự hãnh diện về sự đồng nhất giữa hành giả và thánh tôn. Khi thở ra, quán tự thân như một thánh tôn]. Không tụng chú, và kể đó, tiếp tục làm như trên [ngưng hơi thở, quán sát thánh tôn, vòng trắng và tự mẫu đang ở trước mặt và tụng mật chú].

***Nghỉ ngơi sau một thời khóa.*** Nghỉ ngơi là để giải trừ sự tán loạn, và đối tượng của sự nghỉ ngơi là thân dị thực (Anh: Fruit-body) của hành giả (sẽ được giải thích bên dưới). Nói tóm, xả bỏ sự quán tưởng tự thân là thân bốn tôn, và khởi sự quán tưởng thân dị thực (nghĩa là xả bỏ pháp quán trong các giai đoạn, và hiện khởi trở lại dưới hình dạng thánh tôn như huyền ảo, như dưới đây sẽ giải thích).

Đối với thứ tự xả bỏ pháp quán, [khi mật] xả bỏ sự quán tưởng theo thứ tự ngược lại: đầu tiên, xả bỏ âm thanh của tự mẫu đang được tụng niệm qua sự quán sát tự mẫu [đang ở chung quanh vòng trắng trong tim của vị thánh tôn trước mặt]. Xả bỏ tự mẫu bằng cách quán tưởng vòng trắng không có tự mẫu. Xả bỏ vòng trắng bằng cách quán tưởng thân của Như lai [đang ở trước mặt]. Xả bỏ thân ở trước mặt, chỉ quán tưởng tự thân là thánh tôn. Xả bỏ sự quán tưởng này bằng cách quán tưởng tự mẫu [của mật chú đang ở quanh vòng trắng]. Xả bỏ tự mẫu, chỉ quán tưởng âm thanh của tự mẫu. Xả bỏ âm thanh, xoay qua quán tưởng thân của trí tôn. Xả bỏ sự quán tưởng thân trí tôn, xoay qua quán tưởng pháp thân. Kế đến, quán tưởng tự thân (sự tái hiện của hành giả như một thánh tôn) như huyền hóa, như quán năng, v.v... Đây là ý nghĩa của sự tự nghỉ ngơi<sup>81</sup>.

---

<sup>81</sup> Tu tập như thế để hiểu rõ sự hiển thị “sắc (thân bốn tôn) tức thị không, sắc (thân bốn tôn) bất dị không”, thân bốn tôn chỉ là giả có như huyền.

Những thứ tự tu tập vừa nêu trên tương đối dễ hiểu. Ý nghĩa của “xả bỏ thánh thân của tự thân, xoay qua quán tưởng tự mẫu, v.v...” là nói đến sự quán sát thân thánh tôn, và bản thể của ngài xa lìa tất cả hý luận nhị nguyên [tương tự như pháp tu tự khởi, nhưng đi ngược thứ tự].

Ngài Phật Mật (Buddhaghya) cho rằng pháp tự nghỉ ngơi là để dứt trừ sự tán loạn, cho nên [như đã đề cập] khi hý luận tán loạn hiện khởi, phải nên thâm nhiếp sở duyên [đi ngược thứ tự] và cuối cùng an trụ trong không tánh. Kể đến, tuy hành giả từ như huyễn định khởi, nhưng không có nghĩa là hành giả không thể duy trì lòng tự hào là một thánh tôn khi ra khỏi thời khóa tu tập. Các lạt ma khác y vào Sự mật, biên soạn các *Nghi Quy Tu Tập* (Anh: *Means of Achievement*) cho pháp Bốn tôn du già, phần lớn đều nói về sự duy trì lòng tự hào là một thánh tôn trong tất cả mọi oai nghi.

## **Q2. Duyên vào tự mẫu nơi tự tâm.**

*Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)* nói:

Vậy, quán ý thanh tịnh,  
Đủ tự mẫu, bất biến,  
Quán tưởng chú tự mẫu,  
Chuyển thánh tôn qua tự.

“Vậy”, nêu rõ pháp quán tưởng này khác với pháp quán tưởng nêu trên; nghĩa là quán tưởng ý thanh tịnh. Vàng trắng trong tim được gọi là “ý”, bởi vì nó được sanh khởi từ ý [với ý nghĩa vàng trắng là một sự hiện rõ của cái tâm liễu ngộ không tánh]. Vì ý này không bị ô nhiễm bởi tâm tham, v.v..., đầy đủ tất cả phần vô cấu quang minh, cho nên được gọi là thanh tịnh. Nó lại đầy đủ những tự mẫu của mật chú, do vì hành giả khéo tu tập quang minh bất biến, cho nên tự

mẫu cũng bất biến. Ý hiện rõ thành vàng trắng, đầy đủ những tự mẫu, không biến đổi, không tách rời [khỏi vàng trắng], cho nên gọi là đầy đủ bất biến. Quán tưởng vàng trắng là nơi an lập mật chú của hành giả.

Nói tóm, nhiếp khí và trụ khí giống như phần trên đã trình bày (trang 177-180). Một vàng trắng, trên đó tự mẫu của mật chú được bày bố, an trụ trong tâm của thánh tôn trước mặt hành giả. Vị thánh tôn không được xa lắm và ở cao hơn hành giả một chút. Vàng trắng cùng tự mẫu di chuyển từ tâm hành giả [đang quán tưởng là một thánh tôn], nghĩa là lúc thở vào, vàng trắng theo hơi thở vào tâm hành giả. Quán sát vàng trắng, tụng niệm [trong tâm] mật chú cho đến lúc thở ra. Lúc hơi thở đi ra, phóng vàng trắng và tự mẫu [theo hơi thở ra], và quán sát vàng trắng an trụ trong tâm của thánh tôn trước mặt. Và lúc thở vào, vàng trắng theo hơi thở vào tâm hành giả, và tiếp tục lập lại như trước.

## **P2. Niệm tụng duyên vào âm thanh của tự mẫu.**

*Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)* nói:

Do nhiếp khí, trụ khí,  
Thâu nhiếp giữ tâm ý,  
Hợp mật chú minh chú,  
Nên tu ý niệm tụng.  
Tức dùng nghi quỹ này,  
Hoặc tụng niệm nhỏ tiếng,  
Cầu thành tựu minh chú,  
Không nên tụng chú khác.

Khi tụng niệm, tâm ý duyên vào âm thanh của mật chú phải hợp nhất với mật chú. Hơn nữa, phải nên như phần trên đã nói về nhiếp khí và trụ khí (trang 177-180), thâu nhiếp tâm tán loạn.

Sau khi quán sát rõ ràng bốn chi niệm tụng, kể đến, không nên duyên vào hình tướng của mật chú [đang niệm tụng], hoặc duyên vào vàng trắng, mà chỉ duyên vào âm thanh của mật chú mà tụng niệm. Đây không phải là nghe âm thanh của người khác tụng chú, mà là theo những âm thanh xuất phát từ mật chú mà từ từ tụng niệm [tụng trong tâm, hoặc tụng thầm].

Chú giải của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) cho rằng nghi quỹ tụng niệm duyên vào âm thanh của mật chú, thì hoặc tụng niệm trong tâm, hoặc tụng niệm thầm (cực nhỏ tiếng). Thế nhưng, khi nhiếp khí và trụ khí, không thể tụng niệm thầm (vì đang tạm ngừng hít thở). Chú giải của ngài cũng liên kết sự nhiếp khí và trụ khí, cũng như hai phương pháp niệm tụng (niệm tụng thầm và niệm tụng trong tâm) với hai pháp tụng niệm đã nêu trên (tụng niệm trong lúc quán tưởng tự mẫu của mật chú trên vàng trắng (1) đang ở trong tâm của vị thánh tôn trước mặt, và (2) đang ở trong tâm hành giả (cũng được hiểu ngầm là sự tụng niệm trong tâm và tụng niệm thầm).

*Hỏi:* Nếu ba sự quán tưởng đều liên quan đến hai sự niệm tụng (niệm trong tâm và niệm thầm), thì phải tu tập pháp nào trước?

*Đáp:* Trước tiên tụng niệm nhỏ tiếng (tụng thầm), kể đến, khi tâm không còn bị phân tán bởi ngoại cảnh, nhiếp khí, trụ khí, và tụng niệm trong tâm. Phương pháp này gọi là từ thô dần dần tu tập lên. Chú giải của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) nói:

Trước tiên, quán tưởng thánh tôn (trước mặt), vàng trắng và dây mật chú, đây là ba cảnh sở duyên của pháp tu. Cảnh sở duyên thứ nhì (vàng trắng) có hai đối tượng

chánh cho sự quán tưởng, tức là vàng trắng và văn tự mật chú [trong tâm hành giả]. Sự quán tưởng thứ ba chỉ là quán âm thanh, cho nên chỉ có một đối tượng chính cho sự quán tưởng.

Mỗi hành giả đều phải tu tập ba pháp này theo thứ tự [vừa nêu trên].

Ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) chỉ nói về sự niệm tụng mật chú trong lúc quán tưởng vàng trắng có tự mẫu của mật chú vây quanh, trong tự tâm và trong tâm của thánh tôn. Hiện nay chúng ta sẽ y theo sự giải thích chi tiết của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) về ý nghĩa của *Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)*.

Các vị sư Ấn độ khác, dựa vào Sự mật để soạn thuật nghi quỹ tu tập, cũng nói đến luồng ánh sáng phát xuất từ dây tự mẫu [trên vàng trắng] cúng dường chư Phật, nhiều ích hữu tình. [Trong luồng ánh sáng xuất hiện chư thánh tôn, biến hiện những áng mây (vật cúng dường) cúng dường chư Phật, Bồ tát, v.v..., và những áng mây đó trút xuống những trận mưa cam lộ giải trừ sự khổ bức cho tất cả hữu tình].

**Tụng niệm cách nào.** Phẩm thứ năm (Phẩm sáu trong bản Hán dịch) của *Diệu Tý Vấn Kinh (Questions of Subahu)* nói:

Không nên tụng quá chậm, quá nhanh,  
Giọng không quá lớn, không quá nhỏ,  
Không nên nói chuyện, hoặc tán tâm,  
Không để chữ mất, hoặc khiếm khuyết.<sup>82</sup>

Lại nữa,

---

<sup>82</sup> Anh: Lost not vowels, anusvara, or visarga.

Lười biếng, tham ái, tâm bất thiện,  
Tâm tán loạn, chạy theo ngoại cảnh,  
Hãy mau thâm nhiếp tâm, an trụ,  
Tự mẫu tối thắng của mật chú.

*Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)*, như đã dẫn ở trên (trang 119), nói rằng khi đang chánh thức tụng niệm, ngoại trừ duyên vào vị bốn tôn và cảnh sở duyên hiện tiền, không nên để tâm phan duyên vào những đối tượng khác, dù đó là những cảnh giới thù thắng hơn đối tượng hiện tiền.

Lúc tu pháp tức tai hoặc tăng ích, nên tụng niệm thư thả; khi tu pháp hàng phục, có thể tụng lớn tiếng để người khác nghe. Khi lần chuỗi, lúc mới bắt đầu, hoặc mỗi lúc tụng chú đến hạt chuỗi cuối cùng, phải nên đánh lễ [trong tâm] chư bốn tôn. Lúc niệm hết một xâu chuỗi, đưa mắt chiêm ngưỡng ảnh tượng của vị thánh tôn (hoặc hình tượng, hoặc tòa ngồi, v.v...).

Thời gian tụng niệm, buổi sáng nên tu một thời (trang 217), đầu đêm và cuối đêm nên tu nửa thời. Buổi trưa (chánh ngọ) nên tu nửa thời, hoặc một phần ba, hoặc một phần tư, hoặc tụng niệm sơ lược. Pháp hộ ma cho khóa tụng ban ngày có thể làm vào ban đêm, và ngược lại; thế nhưng, nếu có thể làm pháp hộ ma ngay sau khi tụng niệm là tốt nhất.

Về số lượng niệm tụng, *Tô Tất Địa Kinh* nói:

Mười lăm chữ trở xuống,  
Tùy số chữ nhiều ít,  
Nên tụng mười vạn biến,  
Số chữ đến trăm hai,  
Tụng ba trăm ngàn biến,  
Nếu số chữ nhiều hơn,



Nên tụng một vạn biến.

Ngoài vị bốn tôn, không cần phải tụng mật chú cho những thánh tôn quyền thuộc khác. [Trong Du già mật và Vô thượng du già mật, ngoài vị bốn tôn, vẫn cần phải tụng mật chú riêng cho từng vị thánh tôn quyền thuộc].

### **03. Phương pháp niệm tụng khi gặp chướng duyên.**

Trong lúc niệm tụng, nếu hành giả ngủ gật, ngáp, nhảy mũi, ho khạc ra đàm, đánh rắm, hoặc cần phải đi đại tiểu tiện, v.v..., hành giả cần phải đặt chuỗi xuống, đứng dậy đi kinh hành [để giải trừ sự buồn ngủ, v.v...], làm phép tẩy tịnh (trang 155-156), và phải tụng niệm lại từ đầu, bởi vì số lần tụng niệm vừa rồi không tính. Nếu như vì sơ ý mà tụng niệm mật chú khác, thì phải khởi tâm sám hối với vị bốn tôn, sau đó tụng chú của ngài lại từ đầu.

*Tô Tất Địa Kinh* nói rằng sự tụng niệm sẽ không được tính, nếu hành giả gặp phải ma chướng, hoặc bị bệnh, hoặc lười biếng, hoặc lơ đãng, thân tâm mệt mỏi, tu tập không đúng số lượng của mỗi thời khóa, hoặc không phòng hộ, hoặc không được sạch sẽ. Hơn nữa, kinh lại cho rằng, nếu hành giả bị ác mộng [chẳng hạn trong mộng thấy đi vào bóng tối, mặc quần áo rách rưới, bị cắn bởi những con vật có nọc độc, hoặc từ trên núi trượt xuống], thức dậy vào lúc ban đêm, thì sáng hôm sau sự tụng niệm sẽ không tính, nếu hành giả trước đó không tụng niệm chú của bốn tôn (trang 166-167) một trăm biến [để thanh tẩy những điềm xấu]. Kinh lại nói rằng tuy hành giả hoàn tất số lượng tụng niệm, nhưng nếu tụng nơi này một nửa, nơi khác một nửa, thì tất cả số lượng niệm tụng đều không lợi ích.

Phần trên nói về tu tập vượt quá thời hạn. Hiện nay nói về tu tập đúng thời không đúng thời. Buổi sáng bắt đầu từ

lúc mặt trời mới ló dạng phân nửa, cho đến lúc một bóng người (nghĩa là chiều dài của bóng người bằng với chiều cao của người đó); lúc đứng ngọ khoảng tám đến chín thời (một ngày chia làm 64 thời – tám chín thời dài khoảng 192-216 phút). Buổi xế trưa từ lúc một bóng người cho đến lúc mặt trời lặn phân nửa. Đó là những thời khóa ban ngày. Thời khóa ban đêm bắt đầu từ lúc mặt trời lặn phân nửa cho đến lúc phân nửa của nửa đêm đầu, đây là đầu đêm. Cuối đêm là từ khoảng giữa của nửa đêm sau [?], cho đến lúc mặt trời mọc phân nửa.

Điều quan trọng nên biết sự giải thích của ngài Thắng Bồ Đề trong *Tô Tất Địa Nghi Quỹ* (*Clear Realisation of Susiddhi*) là những pháp hàng phục, ẩn thân, v.v..., cũng như những pháp tu trong rừng cây (thi đà lâm), có thể bắt đầu lúc nửa đêm, còn các pháp tức tai, v.v..., thì ngược lại, phải tu tập vào buổi sáng [trước giờ ngọ]. Bởi vì sự tu tập sai giờ giấc không được tính vào số lượng tu tập.

Sau khi hoàn tất một thời tụng niệm, phải nên làm như đã được dạy trong *Tô Tất Địa Nghi Quỹ* (*Clear Realisation of Susiddhi*) của ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi):

Hành giả tụng niệm xong,  
Phải tụng hăm một biến,  
Bộ mẫu và bộ chủ,  
Sẽ thường được bảo hộ.

Ngài Diệu Cát Tường (Manjuśrī) là bộ chủ của Phật bộ, ngài Quán Tự Tại (Avelokitesvara) là bộ chủ của Liên hoa bộ, ngài Kim Cang Thủ (Vajrapani) là bộ chủ của Kim cang bộ. Ba bộ mẫu là ngài Locana (Phật bộ), ngài Pandaravasini (Liên hoa bộ) và ngài Mamiki (Kim cang bộ).

**M3. Phương cách kết thúc bốn chi niệm tụng.**

**Cúng dường công đức.** Sau mỗi thời khóa tụng niệm đầy đủ hoặc nhiều hơn số lượng [ấn định cho mỗi thời khóa tu tập], hành giả kết bình ấn (Anh: vase seal): đặt ngón giữa của bàn tay phải ra phía sau ngón áp út, đặt ngón giữa của bàn tay trái ra phía sau ngón áp út, giao thoa với nhau. Ngón trở tay phải móc vào ngón giữa và ngón áp út của tay trái, và ngón trở tay trái móc vào ngón giữa và ngón áp út của tay phải. Hai ngón út duỗi thẳng, hai ngón cái ấn vào đốt giữa của hai ngón trở (thủ ấn 36).



Thủ ấn 36

*Cúng dường công đức:*

Thiện căn này của con là nhân của sự thành tựu ..., nay xin cúng dường Thế Tôn. Duy nguyện Thế Tôn ban bố cho con sự thành tựu ...

Nhiều người kém hiểu biết cho rằng lúc chưa tụng niệm, dùng ấn này cúng dường sâu chuỗi cho thánh tôn, đến lúc tụng niệm thì lấy sâu chuỗi lại.

**Cầu sự dung thứ (sám hối), v.v...** Kể đến, cầu sự dung thứ cho những lỗi lầm [đã không hành trí đúng như nghi quỹ đã quy định], sau đó cúng dường, tán thán, v.v..., như đã đề cập ở phần trên (trang 193-203).

**Cung tiến thánh tôn.** Từ thủ ấn cung thỉnh (thủ ấn 20), duỗi thẳng hai ngón cái, kết phát khiển ấn (thủ ấn 37). Niệm tụng tâm chú (Anh: essential mantra) riêng biệt, hoặc tâm chú tổng quát, cuối bài chú thêm chữ *gaccha*, cung tiến thánh tôn, và cung điện bao la của ngài ra khỏi đạo trường.



Thủ ấn 37

**Giải giới ấn.** Kế đến, lật ngửa bàn tay trái, đặt bàn tay phải lên trên [vói ngón cái luồn bên dưới bàn tay trái], các ngón tay phải đặt sát lên lòng bàn tay trái (thủ ấn 38). Đây gọi là bất bình đẳng chi ấn (Anh: seal of unequal limbs). Xoay vòng thủ ấn về phía bên trái để giải tỏa những vòng giới đã được kết ở phần trên. Đọc chú: *Oṃ hulu hulu caṇḍali-mataṃ givi svāhā.*



Thủ ấn 38

**Giữa các thời khóa, v.v...** Trong lúc duy trì lòng tự hào là một thánh tôn, làm những hoạt động khác như đọc kinh sách bát nhã, tu tập sáu tùy niệm (niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm thí, niệm giới và niệm thiên), tạo (vẽ) mạn đà la, hoặc tạo tháp (stūpa), v.v...

Các vật dụng dùng để cúng dường phải được rửa sạch mỗi ngày, hoa phải được thay mới mỗi ngày ba lần. Các pháp

y, như thượng y, phải được chú tẩy (Anh: mantrified), giặt, xông hương, hoặc rưới nước thơm mỗi ngày ba lần. Phải luôn luôn đắp thượng y trong khi niệm tụng, hộ ma, cúng dường, v.v..., ngoại trừ lúc ngủ hoặc nghỉ ngơi. Không được cởi hạ y, ngoại trừ lúc ngủ hoặc tắm rửa, và không nên để y bị cáu bẩn. Bài chú để gia trì pháp y:

*Oṃ rakṣa rakṣa mānā sarva-buddha-adhiṣṭhana ātma civara svāhā.*

Lại nữa, phải làm pháp thí thực (cúng torma, Tây Tạng: *gtor ma*, Skt: *bali*), y như những lời dạy trong khi thừa sự phải thí thực cho quỷ thần.

Thắt bảy gút trên một sợi dây màu đỏ được bện bởi một đồng nữ, nhuộm bằng hồng lam hoa (Anh: poppy juice), hoặc uất kim (Anh: camphor), thắt thành bảy gút, đọc chú gia trì một ngàn biến:

*Oṃ āhara āharā bandhāni śukra-dhāraṇī siddhārthe svāhā.*

Ban đêm, cột dây vào thắt lưng sẽ phòng ngừa sự bài tiết bất tịnh (xuất tinh).

Hành giả phải nên tu tập tụng niệm như đã giải thích ở trên. Tắm rửa ngày ba lần – sáng, trưa, chiều với phương pháp đã được giải thích ở phần trên (trang 150-160).

Mỗi nửa tháng, nhịn ăn một ngày. Gia trì một trăm biến chú (phía dưới) vào một hỗn hợp gồm năm sản phẩm của bò [sữa, lạc (Anh: yogurt), bơ, phân và nước tiểu của một con bò màu cam], cùng với cỏ kusa và nước. Ngồi xoay mặt hướng đông, rót hỗn hợp vừa nêu trên vào một khí cụ [dùng để cúng dường], độ ba lượng (Anh: three ounces), quậy lên và uống vào. *Tô Tát Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* nói rằng nếu

## Chương 15. Trì tụng mật chú

uống một lần thì trong vòng nửa tháng, bất luận thực phẩm nào ăn vào, dù không thích hợp, v.v..., đều trở thành thanh tịnh. Bài chú gia trì của ba bộ như sau:

*Phật bộ: Namo bhagavate uṣṇīṣāyāṃ viśuddhe viraja śivi śāntikare svāhā.*

*Liên hoa bộ: Oṃ yaśoje svāhā.*

*Kim cang bộ: Namo ratnatrayāya, namaḥ ścaṇḍa-vajra-pāṇāye mahā-yakṣa-senāpataye oṃ śikhi śikhi nirmale prabhesvare tejo tejo-vati svāhā.*

## **Chương 16. Thiền quán không có sự trì tụng mật chú**

### **M1. Thiền quán trụ trong lửa và trụ âm thanh.**

*Hậu Tĩnh Lự* nói:

Chú trụ lửa thành tựu,  
Trụ thanh đắc du già,  
Thanh hậu đắc giải thoát,  
Đây là ba nguyên lý.

Đây là nói về nguyên lý trụ trong lửa, nguyên lý trụ âm thanh, và nguyên lý sau âm thanh (thanh hậu).

Chú giải của ngài Phật Mật nói: “Sáu pháp tu tập tự khởi thành thánh tôn trở về trước là phần chuẩn bị cho hai pháp thiền quán [trụ trong lửa, và trụ trong âm thanh].” Hơn nữa, ngài cũng nói về sự hiện chứng về sắc của mật chú và minh chú, v.v... Cho nên, muốn sinh khởi hai loại thiền quán này, trước tiên phải tu tập sáu pháp tự khởi đến trình độ thân thánh tôn hiển hiện lâu dài. Hơn nữa, cũng cần phải tu tập trong sự hiển hiện của bốn tôn du già (Anh: visualisation of deity yoga).

### **N1. Thiền quán trụ trong lửa.**

*Hậu Tĩnh Lự* nói:

Người trí khéo phòng hộ,  
Không phân biệt sinh pháp,  
An trụ, vượt các chi,  
Tu thiền không chấp trước.  
Ý chấp trước tư duy,



Vòng mấu tự bất biến,  
Âm thanh kết nối nhau,  
Nhu tiếng linh không dứt.  
Trụ trong lửa tịch tĩnh,  
Ngữ tĩnh, chi đầy đủ,  
Tư duy ngừng khí lực (hơi thở),  
Tánh là trừ thụy miên.

Trong đây, bốn câu đầu (bài kệ thứ nhất) nêu rõ trước tiên suy tư về sự chân thật của ngã. Có ý muốn nói rằng phải tu tập thiền quán. Ai là người có thể tu tập? Đó là hành giả đang tu tập mật chú (Anh: mantrika). Tu tập như thế nào? Không nên chấp trước. Ở đây, có nghĩa là ngăn chặn sự chấp thật các pháp, thế nhưng không ngăn cấm sự chấp trước vào một thân thánh tôn thể tục (bởi vì hành giả đang hiển hiện trong hình tướng của thánh tôn và đang quán tưởng mình là một thánh tôn). Và lại, ở đây cũng quyết trạch rằng, trong thẳng nghĩa đế, các căn như mắt, v.v..., đều không hiện hữu. Hành giả thoát khỏi sự ràng buộc của các căn, an trụ trong sự xa lìa hý luận.

An trụ ở đây có nghĩa là không khởi lên hý luận (vọng tưởng). Nghĩa lý của sự an trụ là không phải nhãn căn, nhãn thức, v.v..., có thể phân biệt, vì chúng không thể chấp thủ, mà là ý thức phân biệt chấp thủ. Từ đó các tâm, tâm sở (tự tâm) được sinh khởi từ sự tương ưng với ý thức. An trụ nghĩa là trong tự tâm không cho sinh khởi các cấu triền, phòng hộ mà an trụ. Người trí, tức là những người có đầy đủ trí tuệ, có thể quán sát chân thật.

Trong lúc tu định, các mật chú của bốn tôn, hoặc là lắng nghe, hoặc là tụng thầm, đây là thánh tôn âm thanh chân thật, cùng với ngã chân thật hòa hợp thành một thể, giống như nước và sữa hòa lẫn vào nhau.

Như vậy, thiền quán du già, đến lúc hiện rõ, tức là hành giả đã an trụ trong thánh tôn âm thanh du già. Mẫu tự của mật chú liên hợp với nhau, bố trí thành vòng thần chú. Tâm ý [của hành giả] tư duy về sự có phải các hình tướng của mẫu tự liên hợp thành vòng? Nghĩa là âm thanh của mật chú liên hợp thành vòng, trong kinh nói chúng giống như tiếng linh liên tục (âm thanh không gián đoạn). Vì muốn ý nghĩa này chắc chắn nên nói là “vòng hình tướng của mẫu tự.” Bất biến, nghĩa là mẫu tự không gián đoạn, không biến động, như tiếng linh bên ngoài phát sinh liên tục. Hành giả tu tập thiền quán, đối với âm thanh đó, không nên chấp là thật.

Kế đến, quán tưởng tự thân là bốn tôn, trong tâm có lửa cháy rực, giống như ánh lửa của ngọn đèn. Lại quán tưởng vòng âm thanh của mật chú an trụ trong ngọn lửa, nhưng không bị ngọn lửa làm tổn hại, cho nên gọi là tịch tĩnh.

Ngữ thanh tịnh, nghĩa là không có hai loại tụng nhỏ tiếng và tụng thầm. Mỗi mẫu tự của mật chú phải đều đầy đủ tất cả chi phần, sự tư duy như vậy sẽ ngăn ngừa điều cử, cho nên gọi là ngưng dứt hơi thở (nhiếp khí và trụ khí). Nếu như không ngăn chặn như vậy, thì chẳng khác gì một con bò (Anh: a cow), bởi vì không có tâm đẳng dẫn. Sự khiến trừ tâm trầm một được nêu rõ trong phần trừ hôn trầm (thụy miên). Đây không có nghĩa là hành tướng của tụng thầm trong tâm, mà dù là nghe người khác tụng chú thì tự tâm cũng biến thành hình tướng của âm thanh của mật chú an trụ trong lửa. Nếu có lúc hiện khởi sự không cảm thấy đói khát, ở trong cũng như ở ngoài, thì quán pháp có thể được thành tựu, lúc ấy hành giả cần phải tu tập hai loại thiền quán [có trì tụng mật chú và không trì tụng mật chú] này.

Trong chú giải của ngài Phật Mật nói về hành tướng bên ngoài, nghĩa là không cảm thấy tổn hại bởi sự đói khát. Tướng bên trong, nghĩa là do sức gia hành của lửa và khí,

hành giả an trụ trong sự an lạc và ấm áp của tam ma địa. Đây là sự tu tập sau khi đã tu tập bốn chi niệm tụng, hoặc có thể tu tập trong những thời gian khác. Chú giải của ngài Phật Mật nói đây là vì muốn phát sanh chú lực và trụ tâm mà tu tập. Trụ trong lửa có thể khiến cho sự tụng niệm phát sanh uy lực, khiến tâm an trụ, cho nên nói rằng do đây mà có thể được thành tựu.

## **N2. Thiền quán trụ trong âm thanh.**

*Hậu Tĩnh Lự* nói:

An trụ quán âm thanh ,  
Chỗ vi tế trong tâm,  
Vàng trắng tịnh vô cấu,  
Trong đó rất tịch tĩnh,  
Ngọn lửa phóng diệu quang,  
Trụ trong sự bất biến,  
An trụ, quán âm thanh,  
Hoặc an trụ bất biến,  
Chỉ nên quán âm thanh.

Quán trong tâm có một vàng trắng vi tế (nhỏ), bởi vì nếu có kích thước lớn, ắt hành giả khó có thể đoạn trừ tâm phân biệt. Phần trên nói trong vàng trắng có ngọn lửa, trong đó có thân thánh tôn và mẫu tự của mật chú an trụ bất biến. Kế đến, xả vàng trắng, chỉ chuyên vào âm thanh của mật chú mà tu tập thiền quán. Lúc thở ra, duyên trở lại thân thánh tôn. Trong đây, duyên vào âm thanh, không duyên thân thánh tôn, vàng trắng, ngọn lửa, cho nên khác với hai loại niệm tụng [trong bốn chi niệm tụng] và trụ trong lửa. Lý do cho sự tu tập như vậy là vì các bộ luận khác cho rằng lúc tu tập thiền quán về âm thanh và khí, nếu như duyên vào sắc, tâm ắt sẽ bị tán loạn. Bất biến, nghĩa là thông đạt bờ đề tâm thẳng nghĩa. An trụ nhất tướng, nghĩa là không có tướng nào khác,

cho nên gọi là bất biến. Vì lý do này, vàng trắng, biểu thị tâm của hành giả, cũng gọi là bất biến. Duyên vào những tự mẫu của mật chú bố trí trên vàng trắng, kể đến, xả mẫu tự, chỉ duyên vào âm thanh để tu tập thiền quán, cho nên khác với sự duyên vào âm thanh của bốn chi thiền quán. Tu tập bốn chi thiền quán, trước tiên, đối với thân tâm của thánh tôn, nghỉ ngơi xong, sau đó mới chỉ duyên vào âm thanh, còn sự tu tập ở đây, trước tiên duyên với mẫu tự của mật chú, nghỉ ngơi xong, sau đó mới duyên vào âm thanh. Trong chú giải của ngài Phật Mật, phân biệt như vậy là y cứ vào cảnh sở duyên mà phân định. Thế nhưng, sự khác biệt chủ yếu là pháp tu trước là trong lúc tụng thầm mà duyên vào âm thanh, còn ở đây, không phải trong lúc tụng niệm mà duyên vào âm thanh, cho nên đôi khi được gọi là tu tập thiền quán mà không có niệm tụng. Trong chú giải của ngài Phật Mật, đối với pháp tu này cũng nói về pháp tu phong du già (du già về khí) ngăn chặn sinh mạng khí (hơi thở).

## **M2. Tu tập thiền quán sau âm thanh.**

### **N1. Thứ đệ phóng xả sự an trụ vào âm thanh.**

Sau âm thanh, nghĩa là sau khi phóng xả sự an trụ duy nhất vào âm thanh của mật chú, đây là thiền quán thẳng nghĩa bất nhị. Do tu tập pháp này cho nên thoát ly được hai chướng, có thể chứng đắc pháp thân tự tánh giải thoát. *Hậu Tĩnh Lự* nói:

Quán tướng hiện thành chi  
Hữu thanh và do ý,  
Ngữ tịnh minh chú vương,  
Xả chư Phật sở tri.

Ở đây nói về pháp quán sau thiền quán âm thanh để chúng được pháp thân giải thoát, cho nên nói rõ thứ tự của đạo lộ tu tập, cùng nói về giới hạn của thời gian tu tập không tánh.

Chú giải của ngài Phật Mật nói: “Các hành giả (Du già sư) tiến nhập mật chú, do các chi phần của mật chú là tụng niệm ra tiếng (hữu thanh), tụng thầm trong tâm (do ý), và âm thanh thanh tịnh - thiền quán không có sự niệm tụng (ngữ tịnh), xả bỏ các pháp theo thứ tự (xả chư Phật sở trì), Kế nói đến sự tu tập pháp giới tự tánh sau âm thanh để có thể đạt được giải thoát.”

Nói “minh chú”, là nêu ra một trường hợp, nhưng đều là chỉ cho mật chú. Hai vị chú vương, là chỉ cho sắc tướng của hai vị thánh tôn nam nữ mà hành giả đang tu tập. Chi, là chỉ cho những gì thuộc về các vị thánh tôn, hoặc là một phần, hoặc là một thời. Xả, tức là dần dần xả bỏ các thứ đệ tu tập. Có bốn giai đoạn: (1) “quán tướng hiện thành chi” là hành giả tự hiện thành qua sự tu tập các chi phần của thánh tôn, nghĩa là tự hiện thành thân thánh tôn; (2) hữu thanh chi, tức là tụng niệm mật chú nhỏ tiếng; (3) do ý, tức là lúc tụng thầm mật chú trong tâm; (4) hai chi [tụng nhỏ tiếng và tụng thầm trong tâm] đều thanh tịnh. Xả bỏ những chi trên, nghĩa là sau khi chi trước ổn định, chuyển vào các chi sau. Như chú giải của ngài Phật Mật nói:

Muốn cầu giải thoát, theo thứ tự, dần dần xả bỏ trình độ thô sơ (cạn), để tiến nhập trình độ vi tế (sâu), nghĩa là theo thứ tự tu tập thiền quán và phong du già duyên vào hình tượng thánh tôn, khiến cho sự tu tập những tam ma địa thô nhất trở nên ổn định. Do duyên vào tam ma địa của sự tụng niệm mật chú nhỏ tiếng, xả bỏ tất cả những sự duyên vào những định thô nhất, xả các tam ma địa thô, tu tập khiến cho ổn định. Đối với các duyên thô, lại do các tam ma địa vi tế của ý và âm thanh, cho nên xả bỏ tất cả [duyên thô]. Kế đến, xả bỏ các tam ma địa này, an trụ trong các tam ma địa phân biệt vi tế của mật chú. Kế đến, lại xả bỏ tam ma địa này, muốn cầu giải

thoát, phải nên khéo léo duyên vào pháp thân tam ma địa.

Bài kệ của *Hậu Tĩnh Lự* (trang 228) được giải thích hai cách: (1) “Một vị Phật biết thứ đệ đắc được giải thoát nếu tu tập không tánh sau khi xả bỏ bốn chi”; (2) “Này Minh chú vương, sau khi xả bỏ bốn chi, ông sẽ trở thành một vị Phật biết rõ ý nghĩa của mật chú.” Nếu bài kệ trên được hiểu theo nghĩa (2), thì sẽ phù hợp với ý nghĩa “đắc được giải thoát sau âm thanh” trong quyển *Lược Tiêu* của ngài Phật Mật.

*Hỏi:* Nếu duyên vào thân thánh tôn cũng phải xả bỏ, tại sao sau âm thanh lại chỉ nói đến việc xả bỏ âm thanh?

*Đáp:* Xả bỏ chi đầu tiên là xả bỏ chỗ nương tựa của âm thanh của mật chú (thân thánh tôn), hiện thành mật chú của thánh tôn tức là hành giả tu tập mật chú. Xả hai chi trung gian tức là xả bỏ sự tác hành của âm thanh của mật chú. Xả bỏ chi sau, nghĩa là xả bỏ tự tánh của âm thanh của mật chú. Cho nên nói rằng xả bỏ những cái đó cũng là xả bỏ âm thanh. Tất cả những sự kiện này, trước khi duyên với chân như, đều không hiện rõ, cho nên nói xả bỏ vào lúc đó.

Ở đây, một cách tổng quát, các tam ma địa được sanh khởi có ba loại, nghĩa là duyên vào thân [của thánh tôn], duyên vào khẩu (mật chú của của thánh tôn), và duyên vào ý (thắng nghĩa của thánh tôn). Trước tiên, các thành phần thô nhất, tức là các tam ma địa hiện rõ rất thô thiển. Phần khẩu (mật chú), so với phần thân thì vi tế hơn. Phần ý là vi tế nhất, bởi vì ở trong thân, phải từ những sự thô thiển, dần dần sanh khởi đến vi tế, quyết định thứ đệ là như vậy.

Trong đây, trước tiên cần phải đạt đến trình độ thân thánh tôn hiện rõ và có thể an trụ lâu dài hòa hợp sanh khởi, cho nên cần phải tu tập thiền quán đầy đủ các tướng thánh

## Chương 16. Thiền quán không có sự trì tụng mật chú

tôn khiến cho minh hiển, bởi vì các tướng được tu tập cần phải tác ý nhiều lần mới có thể hiện rõ, chẳng hạn như tu tập sự ham muốn hoặc sợ hãi (Anh: conditioning to desire or fright). Nếu như chưa an trụ, thì dù có đạt được sự hiện rõ, nhưng đối với cảnh sở duyên vẫn chưa thể trụ như ý muốn, cho nên cần phải chuyên tâm an trụ trong tam ma địa, như phần trên đã nói qua (trang 177-180).

Do các môn tu tập như trên, có thể khiến cho thân điều hòa nhu nhuyễn, như phẩm thứ năm trong *Diệu Tỳ Vấn Kinh* nói:

Quán tướng sống mũi xả phân biệt,  
Đến lúc cảnh không còn dao động,  
Hành giả sẽ an trụ minh liễu,  
Nhất định tâm sẽ được điều nhu.

Những sự nhiễu động cũng là một phần của sự bất động, cần phải xa lìa trầm một, bởi vì nếu chưa sanh khởi sự an trụ rõ ràng nhất, thì không thể diệt trừ trầm một. Trước khi niệm tụng, điều chủ yếu nhất là trước tiên cần phải thành tựu vững chắc tam ma địa duyên vào thánh tôn. *Diệu Tỳ Vấn Kinh* nói:

Nếu như đầy đủ tâm nhất cảnh,  
Trong tâm ắt sanh đại hoan hỷ,  
Vì hỷ nên được thân khinh an,  
Do khinh an, thân được an lạc,  
Thân lạc, tâm định do đắc định,  
Đây là tụng niệm không chướng ngại.

Sự tu tập không gì hơn là pháp tam ma địa, và sau khi tu tập, trước tiên được tâm khinh an, sau đó mới thành tựu xa ma tha đầy đủ hành tướng, còn trước đó chỉ sanh khởi xa ma tha tùy thuận. Những đạo lý này đã được trình bày chi tiết

trong pháp tu chung của ba thừa (*Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Đại Luận*), cho nên sẽ không lặp lại.

Trong bốn Mật bộ (Tantra), thoát tiên, khi thành tựu tướng xa ma tha, phần lớn là do pháp tu thánh tôn du già dẫn đạo, cho nên, nếu chưa thể phân biệt giữa xa ma tha đầy đủ và xa ma tha tùy thuận, thì chưa thể biện biệt chi tiết như các vị luận sư nói về giai đoạn thành tựu xa ma tha đầy đủ, và như vậy, lúc mới dẫn đạo pháp tu thánh tôn du già ắt chưa thể biết được cần phải tu bao lâu.

Như vậy, sau khi duyên thân tam ma địa kiên cố, thì cần phải xả bỏ, kể đến, học tập tam ma địa duyên vào âm thanh của mật chú. Xả bỏ, nghĩa là xả bỏ sự dùng thân tướng thánh tôn để giữ tâm, và dùng cảnh sở duyên khác để giữ tâm, chứ không có nghĩa là sau pháp tu này, thì liền ngăn chặn không cho thân tướng hiển hiện. Bởi vì ba loại [trong lúc niệm tụng, trụ trong lửa và trụ trong âm thanh] phần lớn đề cập đến sự duyên vào thân của thánh tôn.

Duyên vào mật chú có ba giai đoạn. Phần thô nghĩa là duyên vào hình tướng của mẫu tự hoặc âm thanh, trì tụng nhỏ tiếng. Tức là ở trên vàng trắng, bố trí hình tướng của mẫu tự, hoặc hình tướng của âm thanh, học tập cách giữ tâm không cho phân tán, có thể tự nghe rồi trì tụng. Như vậy, khi tụng chú, giữ cho tâm an trụ trong cảnh sở duyên không tán động, niệm tụng du già đến lúc ổn định, xả bỏ sở học này, tiến đến học tập vi tế. Không còn tụng chú ra tiếng, mà chỉ dùng ý thức trì tụng. Giữ tâm đối với hình tướng của mẫu tự hoặc hình tướng của âm thanh của mật chú khiến cho được an định, phải nên khéo léo tu tập như vậy cho đến khi hai thứ này trở nên cực kỳ kiên cố. Sau khi pháp tu kiên cố, lại phải nên xả bỏ, tiến tu hai loại thiền quán trụ âm thanh vi tế nhất, tức là tự tâm đạt đến phần sở thủ của ngã chân thật, hiện thành âm thanh của mật chú, cùng với phần năng thủ



an trụ trên vòng âm thanh của mật chú [trên vàng trắng] không bị lưu tán, học tập sự an trụ rõ ràng mà không xa lìa pháp tu du già này.

Nếu pháp tu được kiên cố, đây gọi là ý nghĩa của trụ thanh đắc được du già. Hai ví dụ này như khi tự tâm chuyên chú an trụ trong cảnh sở duyên, sở thủ phần cũng đồng thời hiện rõ hình tướng mắt, thân, tay, chân, v.v..., của thánh tôn. Như vậy, vòng mẫu tự của mật chú hiển hiện thành hình tướng tiền phần, lúc hình tướng hậu phần hiển hiện thì cũng sẽ hiện rõ ràng, an trụ vững chắc.

## **N2. Chánh quán sau thiền quán âm thanh.**

Kỹ thuật du già về khí<sup>83</sup> được thực hành trong các giai đoạn thiền quán thô (thân tướng thánh tôn, v.v...) và tế (trụ trong lửa, âm thanh, v.v...) trước đây. Do lực tập luyện về phong

---

<sup>83</sup> Phong du già (du già về khí) là kỹ thuật kiểm soát và điều khiển khí lực. Theo Tây tạng, có mười loại khí trong thân, năm khí chánh vận hành tiền ngũ thức, phát sanh sự phân biệt ngũ trần, và năm khí phụ vận hành cơ thể, như hít thở, ăn uống, bài tiết, tiêu hóa, điều khiển tứ chi, lực phủ ngũ tạng, v.v... (sẽ được phân tích kỹ trong kỹ thuật nhiếp khí về mạch trung ương để đạt vô niệm, trong Vô thượng du già bộ). Tâm nương vào khí, nếu biết điều khiển vận hành khí đúng cách thì sẽ kiểm soát sự tán loạn, phóng tâm, hôn trầm, dã dượi. Du già về khí dạy cách rút các luồng khí lực vào đề mục quán tưởng (như thánh tôn, tâm, lửa, âm thanh, v.v...), hay vào các điểm quan yếu trong thân, thường là trung tâm sinh lực của cơ thể (luân xa) như đầu sống mũi (ấn đường), tim, v.v..., giúp đạt nhất tâm tam ma địa dễ dàng hơn. Trạng thái tâm an trụ, sáng tỏ để đạt khi khí không vận hành, tương ứng với hơi thở nín, và cách trụ khí trong đề mục thiền. Trạng thái không hơi thở thường nằm giữa giai đoạn hơi thở vào hay hơi thở ra là mục đích tập của Du già về khí, tuy theo bộ pháp, dùng thời gian hơi thở ngưng đọng này mà tập tăng thượng định chỉ và tam ma địa.

du già và kỹ thuật chú tâm vào đề mục thô đến tế mà định tâm, các tam ma địa càng lúc càng vững chắc. *Diệu Tỳ Vấn Kinh* nói (trang 231) nhờ định tâm mà thân tâm sẽ phát sanh khinh an, hỷ lạc, sáng tỏ, vô niệm. Nhất là qua kỹ thuật kiểm soát khí và thiền quán lửa, âm thanh, v.v..., sự ấm áp và lạc sẽ phát sanh trong thân hành giả đắc tam ma địa với ba đặc tính là lạc, minh (sáng tỏ), vô niệm (vô phân biệt tâm). Tuy nhiên, kết quả này không được xem như giai đoạn viên mãn (thành Phật) trong Vô thượng du già mật, vì hành giả chưa thật sự đạt được đạo lộ diệt mọi vọng tưởng ngã chấp trong tam giới – nguồn gốc của luân hồi sanh tử. Vì thế, hành giả tu Sự mật, sau tam ma địa trú trong âm thanh, nên xả bỏ định này và tu tập tiếp thiền quán giải thoát về không tánh, nhằm mục đích đạt sự hợp nhất giữa định chỉ và quán huệ, nhận chân không tánh.

*Hậu Tĩnh Lự* và *Thích Luận* của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) giải thích ngắn gọn về phần này, vì ngài đã dạy chi tiết trong phần thiền quán “như thị ngã<sup>84</sup> (Anh: suchness of self).” Vì vậy hãy áp dụng các chỉ dạy lúc trước, thực hành ở đây, sau phần thiền quán trụ trong âm thanh.

Như đã giải thích (trang 171-173), ngã và pháp, hoặc thô hoặc tế, đều bị phủ nhận qua kinh điển và lý luận. Hành giả tu pháp, trước tiên phải thông đạt chánh kiến trung đạo, nhận chân chư Pháp bốn vô sanh, vô tự tánh; bởi vì nếu chỉ đắc vô niệm (vô phân biệt tâm), mà không có tri kiến tánh không, sự tu tập sẽ không có ý nghĩa chút nào cho sự giải thoát.

---

<sup>84</sup> Như thị ngã, hay chơn ngã, danh từ trong kinh điển thường dùng là ngã không, pháp không, vô tự tánh của ngã và pháp, chơn như tánh, không tánh, vô sanh pháp, v.v..., là chánh kiến giải thoát rốt ráo, hành giả Phật giáo phải liễu ngộ và thông đạt lý này qua tư duy thiền quán.

Về cách tu tập, khi đã khai ngộ chánh kiến tánh không (kiến tánh), hành giả phải tu tập quân bình cả hai chỉ và quán (thiền định [an trụ] và thiền quán [sáng tỏ]) trong đề mục không tánh, như *Hậu Tĩnh Lự Kinh* đã đề cập (xem kệ, trang 171). Nếu hành giả tu thiền quán phân tích “vô ngã kiến” quá mức, tâm ý quá mạnh, sẽ sanh phẫn khích, điều cử và tán động. Hành giả lúc đó nên tu thiền chỉ, chuyển sang an trú tâm nơi vô ngã kiến (không phân tích nữa), khiến tâm bớt trạo cử, an trụ kiên cố trở lại. Trái lại, khi hành giả định tâm quá mức, lực an chỉ quá mạnh, tâm sẽ không thích phân tích pháp nữa, chỉ muốn bất động, vô niệm, tâm như ngủ trong đề mục vô ngã kiến, lười mỏi không có khả năng tỏa rộng, soi sáng pháp cần phải quán. Đó là do tâm quá an trụ mà dẫn sanh trầm một, hôn muội. Hai yếu tố chỉ (tập trung tâm ý an trụ) và quán (huệ phân tích tỏa suốt đề mục quán chiếu) phải luôn luôn quân bình. *Hậu Tĩnh Lự Thích* của ngài Phật Mật nói:

Phải hiển thị tánh trí tuệ về thật ngã (vô ngã kiến) mà không bị lỏng lẻo bởi hôn trầm, hay bị tán động bởi điều cử. *Hậu Tĩnh Lự Kinh* nói: “An trụ bất động và sáng tỏ.” An trụ bất động là không phóng tâm, ý nói hành giả khi trí tuệ quá mạnh, sanh điều cử, phải dừng sự điều cử ấy, ví đó là tâm bất an thể hiện qua sự chuyển động của tâm có thói quen tư duy phân tích tỏa khắp đề mục. Vì vậy kinh mới đề cập đến định tâm an trụ bất động của đạo lộ định chỉ.

Ngài Phật Mật trích dẫn *Hậu Tĩnh Lự* để chứng minh rằng quán tuệ phân tích thái quá cũng là lỗi, cần phải thực hành định chỉ vào lúc đó để đối trị - lời dạy của ngài có ý nói trí tuệ phân tích pháp có đặc tính phẫn khích tâm sanh điều cử, không phải tự thể trí tuệ là điều cử. *Hậu Tĩnh Lự Thích* của ngài Phật Mật cũng nói:

Còn “sáng tỏ” tức là lìa sự hôn trầm, lỏng lẻo của tâm, đạt được sự trong sáng. Ý nói hành giả chỉ tu an trú trong định chỉ, phải xả bỏ sự hôn trầm lỏng lẻo như chìm đắm trong đề mục của định chỉ, lúc đó phải tu thiền quán phân tích tánh không để đối trị. Ý ở đây là do quá an trụ [trong định chỉ] mà phát sanh trầm một, không phải định chỉ là trầm một.

Điều này chứng tỏ một hành giả khi chuyên tu tập định chỉ phải nên diệt trừ sự hôn trầm, là một yếu tố chướng ngại cho sự quán sát và được biểu hiện bởi sự lỏng lẻo của tâm, bởi tập trung quá mức khi đang quán sát đề mục.

Ngài Liên Hoa Giới (Kamalaśīla) trong phần ba của *Tu Thứ Đệ Luận* (Bhāvanā Krama) cũng hướng dẫn cùng một phương pháp như vậy:

Khi tu nhiều về quán tuệ (tỳ bát xá na), trí tuệ vượt mức, mà sức định chỉ (samatha) quá yếu, giống như ngọn đèn dầu trước gió, tâm sẽ diêu động, không thể thấy rõ như thị ngã kiến, lúc đó nên tu định chỉ [đối trị]. Cũng thế khi định chỉ vượt mức, hành giả chìm đắm trong đề mục không thể thấy rõ như thị ngã kiến, lúc đó nên tu quán (huệ). Nếu lúc nào cũng quân bình giữa định (chỉ) và tuệ (quán), giống như cỗ xe kéo bởi một cặp bò, cả hai phải kéo đồng đều và cùng lúc, hành giả phải tu tập đến lúc thân tâm tự tại, trụ vô tác hành (vô công dụng hành), thì lúc đó không cần phải áp dụng đối trị nữa, gọi là đẳng trì đẳng chí, quân bình cả hai thiền chỉ và thiền quán một cách tự nhiên.

Theo ý của ngài Liên Hoa Giới, hành giả cần phải quân bình giữa thiền chỉ và thiền quán, đặt nặng sự tu tập vào thành

thành phần yếu thế (Anh: not predominant), khiến cho sự tu tập hai bên được cân bằng.

Nếu như thiền chỉ quá mạnh, hay chỉ quán lực không quân bình, thì hành giả không nên cho là mình đặc vô phân biệt thiền (vô niệm thiền), cũng không nên chấp thủ hệ thống Đại thừa của Hòa thượng (Mahāyanā Hwashang)<sup>85</sup> thuộc hệ thống thiền đốn ngộ Trung quốc, vì hệ thống này không có lối xác minh đúng mức độ chánh kiến vô ngã qua lý luận và phủ quyết (đây là điểm sai lầm nổi bật trong hệ thiền đốn ngộ Trung quốc). Hệ thiền này cho rằng tất cả các niệm phân biệt đều là thật có. Vì cho rằng đây là điều mà Trung quán đã bác bỏ), bởi vậy họ đã sai lầm khi cho là tất cả các quán sát phân tích đều là chướng ngại cho trí tuệ thành Phật<sup>86</sup>. *Hậu Tĩnh Lự Kinh* và *Thích Luận* nói rất rõ về điều này. *Thích Luận* của ngài Phật Mật nói:

Như vậy như thị ngã là chứng tánh không có tướng của căn, không có tướng của đặc, không có tướng của sắc, không có cả tướng của pháp, lấy bất động và sáng tỏ tạm gọi làm tướng. Tuy nhiên chính nó cũng minh xác là không được xả bỏ pháp thiền quán (dù pháp này là

---

<sup>85</sup> Đây là hệ thống truyền pháp theo thiền đốn ngộ Trung quốc, do vị Hòa thượng đại diện, nặng về hành trì làm sao cho được vô niệm (vô phân biệt tâm), thì cho là ngộ chân tâm, đặc giải thoát. Hệ thiền vô tâm này bị phủ nhận bởi ngài Liên Hoa Giới, tạo thành một cuộc tranh biện dữ dội giữa hai thiền phái Trung hoa và Ấn độ, qua sự chứng minh của vua Tây tạng Triseng Detsen (trị vì từ 755-799). Hai bên cam kết nếu ai không hợp chánh lý sẽ không được truyền pháp ở Tây tạng. Kết quả tranh biện là phe của Hòa thượng đuối lý nên theo lời hứa đã trở về Trung quốc, và hệ thiền vô niệm này được xem như không đúng chánh pháp giải thoát của Phật giáo nên không được truyền bá ở Tây tạng nữa.

<sup>86</sup> Do đó mà họ nặng về sự hành trì xả bỏ mọi niệm tướng, cho đến lúc vô tâm, vô niệm.

tướng). Vì vậy mà *Hậu Tĩnh Lự* nói rằng: “Giác quán phải luôn trụ trước mắt.” Giác tức là trí tuệ, quán sát là sự vận hành của trí tuệ trên đối tượng là quán, do vậy mà gọi là giác quán.

Giác quán này lấy sự tỏa sáng của trí tuệ làm tướng, luôn trụ trong tánh như thị ngã, nên kinh nói: “Giác quán luôn trụ trước mắt.” Ý đoạn này nói mặc dù tánh của tự thức là vô niệm, nhưng trí tuệ tỏa sáng nương nơi sự quán sát như thị ngã tánh của các pháp hiện tiền mà có.

Do đây mà thành lập đạo lý lúc tu như thị ngã, không được bỏ trí tuệ quán sát (quán tuệ, hay thiền quán về thật tánh, hay tánh không của ngã và pháp).

Tóm lại, nhờ pháp thiền trú trong âm thanh mà định chỉ được thành tựu. Còn sau giai đoạn thiền trú trong âm thanh, là lúc vun bồi tu tập thiền quán giải thoát (trú trong chánh kiến như thị ngã, hay không tánh). Trong tiến trình tu quán tuệ này, nếu trí tuệ quán sát phân tích quá mức, yếu tố định chỉ tu tập trước đó sẽ tản mát, do vậy phải luân phiên tu tập thiền quán sát (không tánh) và định chỉ (vào không tánh), và phải đạt được sự quân bình và hợp nhất của chỉ quán (còn gọi là chỉ quán song vận).

Để đạt vô lượng sự nghiệp tất địa đặc biệt được dạy trong Sự mật và Hành mật, như thành tựu bất tử trì minh tiên sống lâu hằng sa kiếp, v.v..., trước tiên phải hoàn tất bốn chi niệm tụng và ba chi thiền quán trong lửa, âm thanh và giải thoát sau âm thanh. Tuy nhiên, nếu chỉ cầu các tất địa nhỏ, như thành tựu các sự nghiệp tức tai (trừ bệnh, trừ ma, v.v...), hay tăng ích (tăng trưởng trí tuệ, sức khỏe, tài bảo, v.v...), thì không cần thiết phải hoàn tất tất cả bảy chi trên.

## Chương 17. Thành tựu tất địa

### **J4. Sau khi đạt được kham năng, làm thế nào tu tập thành tựu.**

*Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* nói:

Thành tựu các sự nghiệp tối thắng,  
Là do tu tập thắng tụng niệm,  
Những người đang tu tập thừa sự,  
Cũng thành tựu được sự nghiệp nhỏ.

*Diệu Tý Vấn Kinh (Question of Subahu)* nói:

Trước phải như pháp, tụng mười vạn,  
Sau mới tinh tiến tu mật chú,  
Kể đến, mau chóng được tất địa,  
Không còn bị phiền bởi nghi quỹ.

*Hậu Tĩnh Lự Kinh* cũng nói:

Người nào biết hết sự chân thật:  
Minh chú, Vô ngã, và Tụng niệm,  
Cùng nghi quỹ chân thật tối thắng  
Người đó ắt sẽ được thành tựu.

Đều là nói trước tiên tu tập bốn chi niệm tụng du già, sau đó tu pháp thành tựu (Hán: tất địa). Cho nên trước khi tu tập các pháp tức tai, tăng ích, hoặc hàng phục, chẳng hạn như tăng trưởng trí tuệ, thọ mạng, v.v..., hành giả cần phải tu tập thừa sự, rồi sau đó tu tập các pháp vừa nêu trên. Đây là nghi quỹ chung của bốn Mật bộ.

**Các bộ (bộ tộc) mật chú.** Theo thứ tự, các pháp tức tai, tăng ích và hàng phục được thành tựu bởi mật chú của Phật bộ, Liên hoa bộ và Kim cang bộ. Pháp thành tựu thượng phẩm, trung phẩm và hạ phẩm cũng tu tập tương tự. Pháp tức tai bao gồm sự trừ diệt các tai họa như hoạnh tử (chết oan), tật bệnh, ôn dịch, ma quỷ quấy nhiễu, v.v... Pháp tăng ích bao gồm các pháp tăng trưởng tuổi thọ, nhan sắc, tướng mạo, thể lực, công đức, và những điều mong cầu khác. Pháp hàng phục bao gồm các pháp sát hại, xua đuổi, v.v..., những quỷ thần ác hại.

**Thời tiết.** Vào nửa tháng đầu (từ ngày mồng một đến ngày mười lăm) của tháng cuối mùa đông (tháng chạp ÂL), tháng thứ hai của mùa thu (tháng tám ÂL), tháng thứ nhất và tháng thứ hai của mùa xuân (tháng giêng và tháng hai ÂL), và tháng thứ nhất của mùa hè (tháng tư ÂL), nên tu tập thượng phẩm tất địa và pháp tức tai. Tháng chạp không có sự chướng ngại [cho việc tu tập]<sup>87</sup>. Phần lớn các pháp tức tai nên tu tập vào mùa thu, các pháp tăng ích vào mùa đông, các pháp hàng phục vào cuối mùa xuân. Các pháp thành tựu trung hạ phẩm (trung hạ phẩm tất địa) nên tu vào nửa tháng sau (từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi) của năm tháng nêu trên (tháng chạp, tháng tám, tháng giêng, tháng hai và tháng tư ÂL).

**Thời gian.** Thời gian để tu tập các pháp thành tựu thượng trung hạ phẩm, và các pháp tức tai, tăng ích và hàng phục, theo thứ tự, là vào buổi sáng, buổi chiều, và giữa đêm hoặc giữa trưa (giờ ngộ). Lại nữa, pháp tức tai phải nên tu tập từ

---

<sup>87</sup> Tháng chạp không có sự chướng ngại [cho sự tu tập]: (Hán) Lạp nguyệt vô chư nạn sự. (Anh) There are no obstructors with respect to the first [that is, supreme feats within the common] - Không có sự chướng ngại cho pháp thứ nhất [nghĩa là thành tựu thượng tất địa trong những điều kiện thông thường].



## Chương 17. Thành tựu tất địa

ngày đầu tháng đến ngày mười lăm, pháp tăng ích từ ngày mười lăm tháng này đến ngày mười lăm tháng sau, pháp hàng phục từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi.

Thời gian tốt (Anh: auspicious time) để tu tập tất cả các pháp là (1) nửa tháng đầu của tháng giêng, (2) vào lúc nguyệt thực và nhật thực, (3) vào các ngày mồng một, mồng năm, mười ba, và (4) vào lúc vòm sao (Anh: constellation) Quỷ Túc (Tibetan: gar-ma-gyel, *skar ma rgyal*) xuất hiện.

**Nơi chốn.** Các pháp thành tựu bậc thượng trung hạ, theo thứ tự, nên tu tập ở núi rừng, v.v..., ở bờ hồ hoặc bờ biển, v.v..., và ở những nơi tùy thuận mật chú. Không nên tu tập trong những phòng ốc hư hoại.

**Cách ngồi.** Tu pháp tức tai nên ngồi kiết già, tu pháp tăng ích nên ngồi bán già, tu pháp hàng phục nên dùng chân này đè lên chân kia. Ngồi xoay mặt hướng bắc, đông hoặc nam (theo thứ tự của các pháp tu nêu trên).

**Thánh tôn đại biểu.** Mỗi bộ đều có ba phẩm thành tựu và ba pháp tu – tức tai, tăng ích và hàng phục. Các pháp tức tai, tăng ích và hàng phục, theo thứ tự, dùng bộ chủ, bộ mẫu và minh vương để tu tập.

**Phân loại.** Có nhiều cách phân biệt ba phẩm thành tựu (thượng, trung, hạ). Từ phương diện tự tánh, thượng phẩm thành tựu là bậc trì minh [chẳng hạn như có thể dùng thân phàm đi đến cõi tịnh độ], thần thông, hiểu rõ ý nghĩa các bộ luận [ngay sau khi đọc qua một lần], v.v... Trung phẩm thành tựu là thuốc ẩn thân (tàng hình), hợp dược [gia trì một viên thuốc để nó có đủ chất bổ dưỡng, hoặc khi uống vào sẽ trở thành trẻ đẹp], đi nhanh (tựa như khinh công). Hạ phẩm thành tựu là điều khiển người khác, giết chết hoặc xua đuổi những quỷ thần ác.

Từ phương diện bộ (bộ tộc) thần chú, thì như đã giải thích ở phần trên (trang 240). Từ phương diện hiện tượng [biểu hiện bên ngoài chứng tỏ sự thành tựu], có ba phẩm loại là phóng ra ánh sáng, hoặc bốc khói, hoặc phát ra sức nóng.

Từ phương diện sự, có ba loại thành tựu là: (1) thuộc về thân [như thân thể không còn bị tật bệnh, trở nên trẻ trung, v.v...], (2) thuộc về vật khí [như dùng lá cây, kiếm, v.v..., để tu tập thành tựu], và (3) thuộc về tài phú [biến những vật tầm thường thành những vật quý báu]. Từ phương diện người tuyên thuyết chú, có những thành tựu do mật chú tuyên thuyết bởi các bậc thánh, chư thánh tôn, hoặc quỷ thần [như dạ xoa, càn thất bà].

Tuy thánh tôn ban bố cho hành giả thành tựu thượng phẩm, nhưng nếu hành giả không khéo tu tập thừa sự, vẫn có thể chỉ được ban bố sự thành tựu hạ phẩm. Ngược lại, nếu hành giả khéo tu tập thừa sự, thì sẽ có những trường hợp vị thánh tôn bậc thấp vẫn có thể ban bố thành tựu thượng phẩm, [qua sự yêu cầu của vị thánh tôn bậc thấp với một vị thánh tôn bậc cao].

**Đoán mộng.** Trước khi tu tập tất địa, hành giả có thể quán sát sự thành tựu hoặc không thành tựu, bằng cách trong nửa tháng, hoặc trong những ngày tốt của nửa tháng đầu (từ mùng một đến ngày mười lăm), thọ trì trai giới (Anh: fasting), quán sát mộng tượng từ một cho đến ba đêm. Hành giả cần phải tắm rửa sạch sẽ với dầu tắm làm bằng quả chua (Skt: dhātri [emblica officinalis]), và nước thơm; sau đó mặc y phục mới, cúng dường vật thực vào lúc đầu đêm (như đã giải thích ở trên, trang 180, 193), kể đến cung thỉnh thánh tôn.

## Chương 17. Thành tựu tất địa

Dùng các loại hương bạch chiên đàn, v.v..., xông các phẩm vật rồi dâng lên cúng dường. Nên cúng dường nhiều món ngon trộn lặc. Dùng tô làm pháp hộ ma một trăm lẻ tám lần, và tùy theo pháp tu thành tựu mà dùng bạch giao hương (Anh: sarjarasa sticks [vatica robusta]) để làm pháp hộ ma.

Dùng một sợi dây bện bởi một đồng nữ, thắt thành bảy gút, và dùng chú của bốn tôn gia trì bảy biến, sau đó cột dây vào bắp tay trái. Cầu nguyện bốn tôn hiển thị trong giấc mộng những điềm báo cho biết là sự tu tập sẽ được thành tựu hoặc không thành tựu. Sau đó quán tưởng mình là một thánh tôn, và nằm lên giường lót bằng cỏ kuśa đã được rải nhiều hoa.

Nếu như hành giả mộng thấy những điềm lành như gặp được Tam bảo, bốn tôn, Bồ tát, bốn chúng đệ tử, hoặc thấy lên núi, cưỡi voi, băng qua sông, được tiền tài, y phục, v.v..., thì hành giả có thể bắt đầu tu tập.

***Hiệu quả của sự thành tựu.*** Kế đến, trong lúc chánh thức tu tập, hoặc tu pháp hộ ma, hoặc trì tụng mật chú, v.v..., đều phải như pháp đã được giải thích trong những nghi quỹ riêng biệt.

Mỗi ngày ba thời, tu pháp cúng dường, sám hối, tùy hỷ công đức của mình và của tất cả chúng sanh, phát nguyện, đọc kinh sách Bát nhã, tạo mạn đà la, thọ trì tam luật nghi, ba thời thủ hộ, và phải thay y phục mới ngày ba lần. Nếu do vì phóng dật (Anh: become un-conscientious), mà không thể tu tập ba thời, thì nên tụng chú của bốn tôn hai mươi một biến. Ba phẩm thành tựu thượng trung hạ, theo thứ tự, phải nên trì trai giới ba ngày, hai ngày, hoặc một ngày. Những điều này đã được trình bày trong *Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)*.

Trong những lúc tu tập này, cung thỉnh bốn tôn hiện tiền cũng chưa đủ, mà còn phải tu tập sanh khởi thánh tôn (Anh: the deity must newly be generated). Theo ý của hai ngài Thắng Bồ Đề (Varabodhi) và Phật Mật (Buddhaguhya), muốn hoàn thành một mạn đà la [cho pháp tu này], hoặc muốn quán tưởng bình (Anh: to generate a vase) [như là một cung điện bao la của thánh tôn], v.v..., hành giả cần phải tu tập nghi quỹ sanh khởi sáu thánh tôn như đã giải thích ở phần trên, và khi chánh thức tụng niệm, nên chọn những gì thích nghi của hai chi đầu [quán tưởng tự mẫu trong tâm của thánh tôn và trong tâm của chính mình]. Về chất liệu của bình và của pháp sanh khởi, v.v..., chỉ cần dùng những nghi tắc thông thường.

*Tô Tất Địa Kinh (Susiddhi Tantra)* nói rằng nếu trong khi tu tập, hành giả cảm thấy ít bị đói khát, hoặc hết bệnh, hoặc phát sanh trí tuệ thù thắng, hoặc tăng trưởng uy quang (Anh: great and magnificent) rộng lớn kiên cố, hoặc mộng thấy điềm lành, hoặc thấy các cảnh thật, hoặc khi niệm tụng cảm thấy gia tăng hoan hỷ, ít cảm thấy mệt mỏi buồn chán, hoặc nghe mùi hương lạ [không phải từ những vật chung quanh], ưa thích tu tập công đức, kính trọng bốn tôn, thì đây là những dấu hiệu tương ứng của sự tu tập.

*Hậu Tĩnh Lự (Concentration Continuation)* nói: “Nếu khi tu tập, phát sanh lòng bất tín (không tin pháp môn đang tu tập), hoặc trở nên lười biếng, hoặc bị đói khát đầy vò, hoặc dễ bị kích động (Hán: tăng trưởng điều cử), hoặc quá mức lo lắng buồn phiền, khởi tâm nghi ngờ [hiệu lực của sự tu tập], tâm không ưa thích thiền quán hoặc niệm tụng, ưa nói chuyện tầm phào, làm những việc không thích đáng, bị quỷ thần ám ảnh, ngủ thấy ác mộng, v.v..., thì đây là những nguyên nhân để vị bốn tôn rời bỏ hành giả.” Kinh cũng nói rằng hành giả có thể điều phục tâm tham, sân, kiêu mạn, khi dối, v.v..., và tâm tương kính an định trong sự niệm tụng, thì

đây là những yếu tố cho bốn tôn hiện tiền. Đây là những điều cần phải biết rõ trong lúc bắt đầu tu tập thừa sự.

Nếu muốn đạt được các thành tựu nhỏ để lợi ích cho mình và người, chẳng hạn như trị bệnh, v.v..., và hoàn thành các pháp sự như khai quang, quán đánh, v.v..., trước đó hành giả cần phải tu tập hoàn tất pháp tam ma địa về sáu thánh tôn, và đồng thời niệm tụng đầy đủ số lượng ấn định của bốn chi niệm tụng. Hành giả có thể tu các hạ tất địa (thành tựu nhỏ), mà không cần tu tập thiền quán ba pháp chân như (trụ trong lửa, trụ trong âm thanh, và thanh hậu giải thoát<sup>88</sup>). Cho nên, nếu cố chấp vào sự tu tập thiền quán ba pháp chân như, và dùng cả ba cảnh sở duyên của sự tụng niệm [tự mẫu trong tâm của thánh tôn trước mặt, tự mẫu trong tâm của hành giả, và âm thanh], để thành đạt những thành tựu nhỏ này, thì đây là trường hợp không phân biệt được giới hạn của sự tu tập.

Đáng buồn cười những kẻ biết ít,  
Nghĩ quý, trai giới, và tẩy tịnh, ...  
Mà cho rằng biết rõ Sự, Hành,  
Cho nên tôi đã soạn thứ đệ,  
Tu tập bốn bộ trong Sự mật,  
Dùng *Tô Tất Địa, Hậu Tĩnh Lự*,  
Của ngài Phật Mật, Thắng Bồ Đề,  
Làm mục thước giải thích Sự mật.

---

<sup>88</sup> Ba pháp chân thật này, hai pháp đầu còn gọi là thiền quán không niệm tụng, pháp cuối là giai đoạn tu tập thiền quán vô tướng.

## Phẩm 3. Hành mật (Carya tantra)

### Chương 18. Dẫn nhập

#### I2. Các giai đoạn tu tập của Hành mật.

##### J1. Làm thế nào để trở thành căn khí cho sự tu tập.

Muốn trở thành căn khí tu tập, hành giả cần phải thọ quán đảnh trong một mạn đà la, như trong Hành mật đã có đề cập đến, chẳng hạn Đại Bi Tạng (Mahakarunagarbhika). Nghi quỹ về nhập đàn và nhập đàn thọ quán đảnh đã được trình bày trong *Căn Bốn Tội Thích (Explanation of the Root Infractions)*. Vì e phiền toái, cho nên ở đây sẽ không trình bày chi tiết về mạn đà la và các nghi quỹ quán đảnh. Hành giả có thể tìm đọc trong *Đại Nhật Kinh (Vairocana-bhisambodhi Tantra)* và chú giải của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) là *Đại Nhật Kinh Thích*, cũng như trong *Kim Cang Thủ Quán Đảnh Kinh (Vajrapani Initiation Tantra)*, v.v...

##### J2. Làm cách nào để hộ trì thanh tịnh luật nghi giới và tam muội da (giới).

*Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)*<sup>89</sup> nói:

Sẽ nói tam muội da:  
Từ ngày nay trở đi,  
Dù phải mất thân mạng,  
Đều không được xả bỏ,  
Chánh pháp, Bồ đề tâm,  
Cũng không nên sên tiếc,

---

<sup>89</sup> *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* là kinh căn bản của Hành mật, đã được Huyền Thanh dịch, ấn bản tại Việt Nam, và phổ biến rộng rãi trên các website Phật giáo.

Tổn hại các hữu tình,  
Phật vì hành giả nói,  
Giới cấm tam muội da,  
Phải hộ trì giới luật,  
Như giữ thân mạng mình.

Lại nữa, hành giả phải nên an trụ trong học xứ và đoạn trừ mười điều ác [sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc, nói lời ác, nói lời vô nghĩa, tham, sân, tà kiến]. Những tam muội da đã được đề cập trong Sự mật (trang 137-143), phần lớn cộng thông với Hành mật, hành giả cũng phải nên tu học.

Đại thừa luật nghi của Sự mật và Hành mật, như *Văn Thù Căn Bản Kinh* (*Mañjuśrīmūlatantra*) đã đề cập, tức là Bồ tát luật nghi, cho nên những tội căn bản của Hành mật phải y như *Bồ Tát Địa* (*Bodhisattvabhūmi*) của ngài Vô Trước (*Asanga*) và *Thiện Xảo Phương Tiện Kinh* (*Sutra on Skill in Means*) đã giải thích. Hơn nữa, trong *Căn Bản Tội Thích* (*Explanation of the Root Infractions*) đã giải thích tường tận tại sao các hành giả của Sự mật và Hành mật chưa thể thọ trì luật nghi của Ngũ Bộ Như Lai<sup>90</sup>, đã trình bày tường tận các nghi quỹ thọ Bồ tát giới, và cũng đã giải thích chi tiết về các tội căn bản, v.v..., cho nên ở đây sẽ không phiên trích lục.

### **J3. Trong khi an trụ tam muội da, trước tiên phải thừa sự thế nào.**

#### **K1. Phân loại du già của Hành mật.**

*Hữu tướng du già và vô tướng du già.* Đại Nhật Kinh (*Vairocanabhisambodhi Tantra*) nói:

---

<sup>90</sup> Vì hai Mật bộ này không có pháp quán đánh Kim cang thượng sư (A xà lê mật tông, Anh: Vajra master initiation).

Này Bí Mật Chủ [Kim Cang Thủ]! Sắc thân thánh tôn có hai loại, thanh tịnh và không thanh tịnh. Thanh tịnh nghĩa là hiện chứng thể tánh, xa lìa tất cả [sắc] tướng; không thanh tịnh, nghĩa là các sắc hiện rõ hình tướng. Hai loại sắc thân thánh tôn này có thể thành tựu hai mục đích chính yếu: (1) do hữu tướng, thành tựu sanh khởi sắc thân, (2) do vô tướng, cũng có thể thành tựu sắc thân - nghĩa là sanh khởi một pháp thân, và sắc thân.

Phật nói do hữu tướng,  
Được thành tựu hữu tướng,  
Do an trụ vô tướng,  
Cũng thành tựu hữu tướng,  
Cho nên tất cả loại,  
Đều nương vào vô tướng.

Như vậy, ở đây chia làm hai loại hữu tướng và vô tướng du già.

Hữu tướng, nghĩa là quán tướng bốn tôn và tụng niệm mà không tu tập không tánh [mặc dù pháp tu này khế hợp với sự giải ngộ không tánh, nhưng tâm thức của pháp Bốn tôn du già, tự thân nó không giải ngộ không tánh, hoặc không kết hợp với một tâm có khả năng thật sự khai ngộ. Vô tướng du già là chỉ cho pháp quán tướng bốn tôn và tụng niệm liên quan đến sự tu tập không tánh [nghĩa là tâm thức của pháp Bốn tôn du già tự thân nó thật sự giải ngộ không tánh, hoặc nói cách khác, trí tuệ giải ngộ không tánh hiện rõ dưới hình dạng của một thánh tôn], mà không phải là pháp chỉ riêng tu tập không tánh. Nếu pháp vô tướng du già chỉ là pháp tu tập không tánh, thì chúng ta có thể khẳng định rằng hành giả có thể giác ngộ viên mãn bằng cách chỉ tu tập không tánh, bởi vì *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* cho rằng hai sự thành tựu [thế gian và xuất thế gian] có thể được thành tựu bởi pháp vô tướng [như đã nêu trên].



Khi *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* đề cập đến sắc thân thánh tôn không thanh tịnh thì gọi là hữu tướng sắc. Điều này không phải chỉ nói đến những hình sắc thông thường như mắt, mũi, tay chân, v.v..., mà là nói đến những hình sắc đặc thù. Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) dùng thuật ngữ “thánh tôn” khi gọi pháp tu tập không tánh là “thánh tôn thẳng nghĩa”, nhưng ở đây thuật ngữ “thánh tôn” dùng để phân chia sắc thân thánh tôn thành hai loại [một không liên quan trực tiếp và một liên quan trực tiếp đến pháp tu tập không tánh], và nêu rõ tất địa nào được thành tựu. Hơn nữa, ngài Nguyệt Xứng (Chandrakīrti) trong *Minh Cự Luận (Brilliant Lamp)* cũng nói [một cách gián tiếp] về thánh tôn thân của hai giai đoạn [sinh khởi và viên mãn trong Vô thượng du già mật. Cho nên nếu nghĩ rằng vô tướng du già chỉ là sự tu tập không tánh, thì đây là một điều sai lầm].

***Thế gian và xuất thế gian du già.*** Pháp du già ở đây cũng có thể chia thành pháp thế gian du già và pháp xuất thế gian du già (đây cũng chỉ là tên gọi khác của hữu tướng du già và vô tướng du già). *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* nói:

Do nội ngoại gia hành,  
Du già có bốn chi,  
Đây tức là thế gian,  
Có sở duyên tăng thượng,  
Thêm vào câu “thâu nhiếp”,  
Ý tùy thuận bốn tôn,  
Niệm thầm là đệ nhất,  
Giảng cho kẻ hữu duyên,  
“Ý tụng” là xuất thế,  
Xa lìa pháp “thâu nhiếp”, ...  
Hợp nhất với bốn tôn,

Giữ ý không khác biệt,  
Tu tự tánh vô dị,  
Không còn pháp nào khác.

Xuất thế gian, ở đây, không có nghĩa là sự vô lậu trong thân của các bậc thánh, mà là vô ngã (nghĩa là sự thể ngộ không tánh), hoặc pháp du già liên hệ đến nó (trong đây trí tuệ hiện rõ thành sắc tướng).

**Sử dụng thuật ngữ “hữu tướng và vô tướng”, và “giai đoạn tự khởi và giai đoạn viên mãn.”** Ngài Thiện Căn Kim Cang (Subhavajra) trong *Đạo Thứ Đệ Luận (Stages of the Mahayana Path, Skt: Mahāyāna-pathakrama)* nói:

Sự mật, Hành mật và Du già mật tu tập phương tiện hữu tướng và phương tiện vô tướng. Đại du già (Vô thượng du già mật) tu tập giai đoạn tự khởi và giai đoạn viên mãn. Đây là những con đường chánh.

Ngài dùng thuật ngữ “hai giai đoạn” cho Vô thượng du già mật, và dùng thuật ngữ “hữu tướng vô tướng” cho Sự mật và Hành mật. Điều này rất khéo phù hợp với ý nghĩa trong *Đại Nhật Kinh*. Phần dưới sẽ giải thích lý do (trang 263).

## Chương 19. Hữu tướng du già

### **K2. Giải thích ý nghĩa riêng biệt.**

#### **L1. Giải thích hữu tướng du già.**

#### **M1. Bốn chi niệm tụng bên ngoài.**

Trong Hành mật không có nhiều loại tu tập quán tưởng bốn tôn và niệm tụng như trong Sự mật. Hơn nữa, nếu hành giả, trong sự tương tục, biết rõ phương pháp sanh khởi hữu tướng du già và vô tướng du già, thì có thể hiểu rõ các chi nhánh của pháp tu một cách dễ dàng. Cho nên ở đây sẽ không giải thích các pháp thủ hộ tự thân và đạo trường, cúng dường các phước điền [các vị thánh tôn là cơ sở cho việc tích tập phước đức], v.v..., nhưng sẽ giải thích hai loại tu tập và phương pháp niệm tụng.

*Chi thứ nhất: Tự khởi.*

Chi này là tự khởi thành bốn tôn. Trước tiên hành giả cần phải tu tập không tánh, tư duy như sau:

Chư Phật biết rõ thân năm uẩn tùy thuộc vào bốn đại [đất, nước, gió, lửa], trong trống nghĩa đế, giống như hư không, trong thế tục đế (danh ngôn), giống như ảnh tượng. Ngoại trừ những điều thấy nghe, không gì vượt hơn, cho nên hành giả phải nên y vào những điều thấy nghe mà thông đạt rằng tự thân và thân thánh tôn đều không có tự tánh, tất cả đều là duyên khởi, giống như ảnh tượng.

Suy tư như vậy, hành giả phải nên hiểu rõ sự hiện hữu của chính mình và của thánh tôn là không có tự tánh. Kế đến tư duy:

Hai không tánh của sự hiện hữu vô tự tánh của chính mình và của bốn tôn hoàn toàn không khác biệt.

Hành giả phải tu tập tư duy cho đến khi đạt được định giải, và sau đó tu tập sanh khởi chính mình thành bốn tôn. *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* nói rõ như sau:

Nếu chư Bồ tát dùng pháp môn mật chú hành Bồ tát hạnh, phải nên sanh khởi tự thân thành một sắc thân của thánh tôn như sau: không gì có thể vượt quá chư Phật chánh đẳng giác. Như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân [của hành giả] được bao gồm trong bốn đại, tự tánh vốn không, giống như hư không, từ nghiệp nhân sanh khởi, không thể chấp thủ, giống như ảnh tượng. Ngay cả bốn đại cũng nương tựa vào nhau, duyên khởi tương tục. Nếu đã là duyên sanh thì cũng đồng như ảnh tượng, do nhân duyên nương tựa vào nhau, hổ tương sanh khởi, bốn tôn là chính mình, mình chính là bốn tôn. Như vậy, do thân sắc của hành giả sanh khởi thân sắc của bốn tôn.

Trong bốn Mật bộ, trước khi tu tập pháp Bốn tôn du già đều tu tập không tánh như vừa nêu trên. Nếu như chưa đạt được định giải về không tánh [theo kiến giải của Trung quán], mà chỉ biết trì tụng mật chú “*Om svabhāva shuddhāḥ dharmāḥ svabhāva-shuddho 'ham*” (trang 150), và chấp vào ngoan không (Anh: withdraw appearance)<sup>91</sup>, thì đây là sự kiện hoàn toàn vô nghĩa. Hơn nữa, *Lược Thích Luận (Condensation of the Vairocanabhisambodhi)* của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) dẫn chứng một đoạn văn từ Mật bộ cho rằng hành giả cần phải hiểu rõ sự vô tự tánh của các uẩn [bằng

---

<sup>91</sup> Chấp vào ngoan không (Anh: withdraw appearance): câu tiếng Anh giải thích là: còn lại một cái “không” mà không phải là vô tự tánh [leaving a vacuity that is not specified as being an absence of inherent existence].

các lập luận về sự việc các uẩn không phải một, không phải khác [nhiều]], và sau đó tu tập pháp Bốn tôn du già.

Về phương pháp từ không tánh sanh khởi thánh tôn, *Lược Thích Luận (Condensation of the Vairocanabhisambodhi, Skt: Vairochanabhisambodhi Tantrapiṇḍārtha)* của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) nói:

Du già sư tu tập bốn tôn, trong giai đoạn thế tục nêu rõ hai loại tướng, một là [quán tướng] tướng “tự tâm” xa lìa tất cả tướng, biến thành tướng của vàng trắng, v.v..., kể đến, tu tập sanh khởi tự thân thành thánh tôn.

Như vậy, ngài Phật Mật (Buddhaguhya) đã xác định một phương pháp trong đó tâm thức liễu ngộ tánh không hiện khởi thành vàng trắng, v.v..., và một phương pháp thứ hai trong đó thánh tôn được sanh khởi trực tiếp (Hán: đốn khởi) mà không qua những giai đoạn vừa nêu trên. Ngài Phật Mật (Buddhaguhya) cho rằng những điều nêu trên được giảng dạy trong phẩm về thánh tôn thắng nghĩa, nhưng hiện nay trong bản dịch Tây tạng thiếu mất phần này.

Theo phương pháp thứ nhất, trước tiên hành giả cần phải quán tướng tự tâm biến thành vàng trắng tròn đầy, trên đó có chữ *am* (linh tự). Từ chữ *am* phóng ra ánh sáng và tự thân nhiếp ánh sáng trở lại. Tự thân hành giả biến thành đức Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana) một mặt hai tay, đang kết định ấn. Thân Phật màu vàng ròng, có những vòng sáng vây quanh, ngồi trên bảo tòa lót bằng hoa sen trắng và vàng trắng, đầu đội bảo quan, đỉnh đầu có nhục kế, trên thân đắp hai y thượng hạ.

Phương pháp dùng ấn chú gia trì, tùy vào sự thích nghi mà làm chi tiết hoặc đơn giản. Ở đây sẽ không trình bày chi tiết (trang 175-176).

*Chi thứ hai: Sanh khởi thánh tôn hiện tiền.*

Hành giả quán tưởng một đức Như Lai [giống hệt như chính mình] đang ở trước mặt.

*Chi thứ ba: tâm (vầng trăng) và Chi thứ tư: Âm thanh (tự mẫu).*

Quán tưởng trong tâm của thánh tôn trước mặt xuất hiện một vầng trăng nằm ngang (nguyệt luân), trên đó quán tưởng dây mật chú (được niệm tụng). Duyên vào đó niệm tụng thầm (nhỏ) hay tụng trong tâm trong lúc tâm vẫn trú trong thánh tôn.

Phần trên là bốn chi niệm tụng. Đây cũng giống như *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* nói:

Chữ và chữ tương hợp,  
Từ sự chuyển qua sự,  
Khéo phòng hộ tâm ý,  
Tâm tụng trăm ngàn biến.  
Chữ là Bồ đề tâm,  
Thứ hai là âm thanh,  
Sự là quán tự thân,  
Là thân của thánh tôn.  
Nên biết sự thứ hai,  
Là Phật Lương Túc Tôn,  
Hành giả quán tâm Phật,  
Là vầng trăng thanh tịnh.  
Tự mẫu theo thứ tự,  
Bố trí trên vầng trăng,  
Phải thêm câu “thâu phóng”,  
Tu tập khí, trụ khí.  
Khí được gọi là gió,

Trụ khí tức là niệm,  
Nhiếp khí, trụ khí xong,  
Khéo tu tập thừa sự.

Đối với vấn đề hai tự mẫu (chữ), hai bộ chú giải *Đại Nhật Kinh* của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) chưa nói rõ, thế nhưng trong chú giải *Hậu Tĩnh Lự* của ngài, như đã được giải thích ở trên (trang 210-211), thì hai tự mẫu là vàng trắng và dãy tự mẫu trong bốn chi vừa đề cập. Nếu cho rằng hai tự mẫu là vàng trắng và âm thanh mật chú trong pháp tu Bốn tôn du già thì đây là điều vô lý.

Sau khi nhiếp khí và trụ khí, trước tiên tìm cách an trụ vào sự hiện rõ của thân thánh tôn, kế đến, duyên vào tự mẫu tu tập niệm tụng. Phương cách tu tập tương tự như đã giải thích ở trên, trong phần *Sự mật*.

Sau bài kệ vừa nêu trên, *Đại Nhật Kinh (Vairocana-bhisambodhi Tantra)* nói:

Hành giả trong một tháng,  
Khéo phòng hộ niệm tụng,  
Trước khi tu mật chú,  
Từ sự nhập vào sự,  
Tất cả Phật vinh danh,  
Gọi là pháp tiền hành.

Ở đây nói tu tập [niệm tụng] trong một tháng. “Từ sự nhập vào sự”, nghĩa là hành giả tu tập quán tưởng văn tự mật chú trong tâm của thánh tôn, khi cảm thấy mệt mỏi, thì có thể chuyển sang quán sát văn tự mật chú trong tâm của chính mình.

Câu “tâm tụng trăm ngàn biến” trong bài kệ trên (trang 254) chỉ là một ví dụ, hành giả có thể dùng cả hai pháp tụng

niệm thầm (nhỏ tiếng) và tụng niệm trong tâm. *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* nói:

Hành giả nên quán sát,  
Nên dùng ý tụng niệm,  
Hoặc là nên niệm thầm.

Giống như trường hợp Sự mật, đối với hai loại tụng niệm này, hành giả trước tiên nên niệm thầm, và sau khi đã nhiếp khí và trụ khí (ngưng hơi thở) thì tụng niệm trong tâm.

## **M2. Bốn chi niệm tụng bên trong.**

*Chi thứ nhất là sanh khởi [tự thân thành bốn tôn].*

Như đã giảng ở phần trên, từ một trong bốn tự mẫu - a, ā, am, aḥ - từ trong không tánh. *Lược Thích Luận (Condensation of the Vairocanabhisambodhi Tantra)* của ngài Phật Mật (Buddha-guhya) cho rằng đây là sanh khởi tự thân thành thân của đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài cho rằng hành giả phải quán tưởng một vàng trắng thanh tịnh kiên cố (Anh: pure and stable), giống như một tấm kính hai mặt - được dựng ngay thẳng trong tâm đức Thích Ca - quán tưởng cho đến khi hành giả tự thấy thân mình là thân của một thánh tôn.

*Chi thứ hai là quán tưởng đức Tỳ Lô Xá Na Phật.*

Như đã đề cập ở trên - trong một vàng trắng dựng đứng, giống như đang ở trong một hang động. Quán tưởng mật chú ở trên vàng trắng trong tâm đức Tỳ Lô Xá Na và tu tập niệm tụng.

*Chi thứ ba là tâm (vành trắng).*



Quán tướng tự tâm hành giả xuất hiện thành một vầng trăng nằm trong tâm của hành giả.

*Chi thứ tư là âm thanh (tự mẫu).*

Quán tướng dấy mật chú (được niệm tụng) an trú trên vầng trăng trong tự tâm, duyên theo đó niệm tụng thầm (nhỏ) hay tụng trong tâm.

Ở đây nói trì tụng mật chú một trăm ngàn biến. Hơn nữa, ở đây cũng cần hai loại niệm tụng, và cần phải nhiếp khí và trụ khí khi tụng trong tâm.

Sau khi nói: “Gọi là pháp tiền hành”, *Đại Nhật Kinh* lại nói:

Sau đó có thể thêm,  
Cúng các món hương, hoa, ...  
Vì muốn cầu thành Phật,  
Đều hồi hướng Bồ đề,  
Hành giả không lo sợ,  
Trì tụng tháng thứ hai.

Ở đây giải thích rằng hành giả tu tập thừa sự một tháng không có sự cúng dường hương, hoa, v.v..., và tu tập thừa sự một tháng với những sự cúng dường này. *Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* nói:

Ta thường nói chú số,  
Nên tụng ba trăm ngàn,  
Đây là cho những người,  
Tu hành thật thanh tịnh,  
Nói số niệm tụng này,  
Không phải cho kẻ khác.

Hành giả nên quán tưởng như vậy, tùy thuộc vào việc chuyên tâm quán tưởng thánh tôn thân và tu tập du già về khí, thì sẽ thành tựu pháp xa ma tha.

## Chương 20. Vô tướng du già

### L2. Giải thích vô tướng du già.

Nếu hành giả tu tập quán tưởng thánh tôn thân [vàng trắng, tụ mầu, âm thanh, v.v...], sau khi đạt được chánh xa ma tha, nên tu tập không tánh. *Đại Nhật Kinh (Vairocana-Abhisambodhi Tantra)* nói: “Hoặc trong vườn cây, hoặc trong tự viện, hoặc trong hang động, hoặc ở nơi nào mà tâm ý tịch tĩnh, tu tập Bồ đề tâm, cho đến khi [thấy được dấu hiệu của sự] thành tựu.” *Lược Thích Luận (Condensation of the Vairocana-Abhisambodhi Tantra)* của ngài Phật Mật (Buddha-guhya) giải thích “tướng ấn chứng” là một trạng thái thiền định thông đạt tất cả các pháp đều vô tự tánh [bất cứ lúc nào muốn an trụ trong định, tâm liền có thể an trụ kiên cố].

Ở đây nói tu tập không tánh trước khi tu tập bốn chi niệm tụng, tức là nói rõ rằng phải tu tập không tánh trước khi tu tập pháp Bốn tôn du già. Thế nhưng, các giai đoạn của sự chánh thức tu tập là phải tu tập không tánh sau khi tu tập pháp Bốn tôn du già. *Lược Thích Luận (Condensation of the Vairocana-Abhisambodhi Tantra)* của ngài Phật Mật (Buddha-guhya) nói:

Các giai đoạn tu tập niệm tụng bằng cách thành tựu tam ma địa vô tướng của pháp thân bốn tôn như sau. Như phần trên nói, trước tiên tu tập tất cả chi phần của bốn chi niệm tụng, kể đến, phân tích thành những cực vi những màu sắc, hình dạng, v.v... [do sự tưởng tượng] của vị thánh tôn [không khác với hành giả].

*Đại Nhật Kinh (Vairocana-Abhisambodhi Tantra)* nêu rõ phương cách để tu tập không tướng:

Này Bí Mật Chủ! Nếu chư Bồ tát dùng pháp môn mật chú để hành Bồ tát hạnh, muốn tu tập vô tướng tam ma địa, nên tư duy như sau: “Tất cả các tướng [xanh, vàng, v.v...] từ đâu sanh ra? Từ tự thân sanh ra? hoặc từ tự tâm sanh ra? hoặc từ ý sanh ra?” Trong đây, thân từ nghiệp sanh, cho nên quán sát nó như những vật chất thiên nhiên, như cỏ cây đất đá, không có tự thể dụng, như người ngu, hoặc như hình nộm (Anh: mannequin). Giả như có người khởi tâm giận dữ đối với hình nộm, và hủy diệt nó bằng cách dùng lửa đốt, hoặc dùng thuốc độc, hoặc dùng dao, hoặc dùng nước, hoặc dùng kim cương để đốt cháy, chém chặt, thì hình nộm cũng không hề khởi một niệm phiền muộn người đó. Hoặc có người dùng đồ vật cúng dường của cõi trời như thực phẩm, v.v..., hoặc tắm rửa, hoặc thoa hương, vòng hoa, y phục, chiên đàn, long não hương, v.v..., để cúng dường hình nộm, thì hình nộm cũng không khởi lên một niệm ưa thích người đó. Vì sao? Giả như một người vì tâm ngã mạn phát khởi điên đảo, hư vọng phân biệt, đối với những sắc tượng vô tự tánh, hoặc cúng dường, hoặc làm tổn hại, thì người ấy có bốn tánh của một đứa trẻ con. Bí Mật Chủ! Như vậy Bồ tát phải nên tu tập quán niệm tự tánh bốn không.

Như vậy, đoạn văn vừa nêu trên đề cập đến sự xác quyết và quán tưởng về tự tánh không của thân. Đối với vấn đề quán sát tự tâm, kinh trên cũng nói:

Lại nữa, Bí Mật Chủ! Hãy nên quán tưởng tâm vô tự tánh, xa lìa tất cả tướng, tự tánh vốn không. Bí Mật Chủ! Tâm không có ba đời<sup>92</sup>, nên tư duy sự xa lìa ba đời là do tự thể xa lìa tất cả tướng. Lại nữa, Bí Mật Chủ! Những kẻ phàm phu ngu si chấp trước rằng tâm [ý] có hình tướng,

---

<sup>92</sup> Giống như *Kim Cang Kinh* nói “tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai bất khả đắc.”

nên biết đó chỉ là những hư vọng phân biệt. Những gì hư vọng đều được gọi là bất sanh. Bí Mật Chủ! Nếu chư Bồ tát do pháp môn mật chú hành Bồ tát hạnh, tư duy như vậy, thì có thể chứng đắc vô tướng diệu tam ma địa. Bí Mật Chủ! Nếu người nào có thể an trụ trong vô tướng diệu tam ma địa, thì người đó có thể tiến nhập tất cả mật chú mà đức Như Lai đã tuyên thuyết.

Ở đây, nói về tâm vô tự tánh, và nói về sự tăng trưởng chấp trước rằng tâm là thực có. Nếu quán sát thân tâm như lời kinh đã dạy ở trên, thì có thể chứng đắc vô tướng diệu tam ma địa. Sau khi chứng đắc tam ma địa, thì có thể tu tập thành tựu các mật chú.

*Lược Thích Luận (Condensation of the Vairocanabhisambodi Tantra)* của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) nói:

Trong cảnh giới tự thân và thánh thân vô nhị, hiện khởi màu sắc và hình tướng. Kế đến, hoặc dùng sự phân tích quán sát [thánh thân] thành những cực vi, hoặc dùng đạo lý bốn lai bất sanh, hoặc dùng lý luận (phương pháp) thu liễm khí bằng pháp du già thâm nhiếp khiến tâm quay vào bên trong, hoặc không tác ý đối với cảnh sở hiện. Đối với những sự thông đạt như vậy, tất cả chỉ là sự hiểu biết của tâm xa lìa sắc thân của chính mình, và xa lìa sự tụng niệm tất cả những minh chú.

Ở đây nói (1) quán sát bằng cách dùng sự xa lìa nhất dị (đồng nhất, khác biệt), hoặc dùng lý luận sắc bén như kim cương, (2) hoặc như phần trên đã nói (trang 259-260), dùng pháp thâm nhiếp khí để nhiếp tâm an trụ, không tán loạn, (3) hoặc do quán niệm chánh kiến (về không tánh), đối với tất cả lý luận không bị lay động, xa lìa màu sắc, hình tướng của thánh tôn, tu tập vô sở hiện.

Phương pháp vừa nêu trên rất phù hợp với *Tu Thứ Đệ Luận* (*Stages of Meditation*) của ngài Liên Hoa Giới (Kamalaśīla). Phần ba của *Tu Thứ Đệ Luận* nói:

*Bảo Vân Kinh* (*Cloud of Jewels Sutra*) nói: “Nhu vậy, sau khi khéo léo vượt qua các lỗi lầm, vì muốn xa lìa các hý luận, phải tu tập du già về không tánh. Sau khi tu tập không tánh dài lâu, nếu ở bất cứ cảnh giới nào làm tâm tán loạn, vui mừng, thì đối với cảnh giới đó phải quán sát tự tánh của nó, liễu giải không tánh. Lại phải quán sát nội tâm, liễu giải không tánh. Kế đến, quán sát cái tâm liễu giải đó, và cũng biết bốn tánh nó là không. Nương vào những sự liễu giải như vậy mà hành giả có thể ngộ nhập vô tướng du già.” Điều này nói rõ rằng nếu không quán sát như vậy thì không thể ngộ nhập vô tướng du già.

Ngài Liên Hoa Giới nói vì kinh giải thích rằng dùng trí tuệ quán sát mới có thể ngộ nhập vô tướng, tức là nếu xa lìa quán tuệ thì không thể ngộ nhập vô tướng du già.

Kinh trên cũng nói rằng muốn tu tập vô tướng tam ma địa, phải nên quán sát thân tâm không thật có. Điều này cũng nói rõ rằng nếu không dùng trí tuệ quán sát sự chân thật của các pháp thì không thể sanh khởi vô tướng tam ma địa.

Cho nên, cần phải thường thường tu tập chánh kiến, quyết trạch ý nghĩa vô tự tánh của các pháp để đạt được định giải. Nếu như không có chánh kiến, hoặc tuy có chánh kiến, nhưng lúc tu tập lại không tu chánh kiến liễu ngộ không tánh, mà chỉ duy trì tâm vô phân biệt, thì đây không phải là tu tập không tánh. Như phần trên đã đề cập (trang 235-238), hành giả cần phải xen kẽ hai pháp tu xa ma tha (chỉ) và tỳ bát xá na (quán), bởi nếu quá chú trọng đến pháp tu quán thì cũng không thích hợp [cho sự thành tựu].

**Bốn pháp du già.** Như vậy, trong Sự mật và Hành mật có bốn pháp du già quan trọng – Bốn tôn du già, không du già, du già về khí và niệm tụng du già. Trong đây hai loại du già - thắng nghĩa và thế tục – là chánh nhân cho sự thành tựu hai thân – pháp thân và sắc thân. Niệm tụng là một chi dùng để phần phát tâm chí thệ nguyện đối với bốn tôn, được bao gồm trong pháp tu Bốn tôn du già thế tục. Phong du già (du già về khí) là một chi dùng để kiên cố hai loại du già thắng nghĩa và thế tục, cho nên được bao gồm trong hai loại du già này. Hơn nữa, bốn pháp du già cũng được bao hàm trong hai loại du già thắng nghĩa và thế tục này.

Pháp tu tuy như vậy, nhưng ở đây không liên hệ đến giai đoạn viên mãn (chỉ có trong Vô thượng du già mật). Cho nên hành giả phải biết rằng các sự sanh khởi của lạc, minh (sáng tỏ), vô phân biệt định, và ngay cả pháp vô tướng du già (là pháp nương tựa vào những pháp này) cũng không phải là giai đoạn viên mãn. Hành giả cần phải biết rõ ràng những pháp đặc thù của giai đoạn viên mãn trong Vô thượng du già mật, bởi vì nếu hành giả không hiểu rõ đặc tánh của những pháp tu của các Mật bộ cấp thấp, thì cũng sẽ không hiểu rõ những pháp đặc thù của Vô thượng du già mật.

#### **J4. Sau khi khéo thừa sự, làm thế nào để thành tựu.**

*Đại Nhật Kinh (Vairocanabhisambodhi Tantra)* nói rõ về sự thành tựu các bậc trì minh, v.v..., bằng cách y vào các vật khí bên ngoài, như linh kiếm [bay trong không gian], v.v... Sự thành tựu các pháp tức tai, tăng ích bằng cách quán tưởng mạn đà la đất, nước, gió, lửa trong các bộ phận trong thân thể<sup>93</sup>, hoặc tu tập pháp Văn Thù Sư Lợi, v.v..., chiêu cảm

---

<sup>93</sup> Thường thì mạn đà la nước tại luân xa tim, đất tại luân xa bí mật, lửa tại luân xa cổ, gió tại luân xa rốn.

được các vị Bồ tát đó đến xoa đầu, khen ngợi, v.v... Nếu như sau khi niệm tụng, chiêm cảm thụ tướng (điềm lành), thì sẽ được tam ma địa không mất Bồ đề tâm. Kinh cũng nói về sự tu tập thành tựu của nhiều pháp môn.

**Kết luận.** Nếu hành giả, xuyên qua sự xếp đặt ý nghĩa của tất cả Sự mật và Hành mật thành bốn pháp tu (trang 134-135), nhận rõ các Mật bộ hiển hiện như những giáo thọ (lời dạy rõ ràng cho sự tu tập), thì hành giả đó mới được gọi là người hiểu rõ giáo lý của các Mật bộ. Nếu không như vậy, mà chỉ có thể hiểu biết một phần, thì không phải là biết rõ tông yếu của con đường tu tập tổng quát. Cho nên hành giả có trí tuệ đối với Sự mật và Hành mật, phải nên nỗ lực tìm hiểu ý nghĩa của các giáo thọ để tinh tiến tu học.

Ở đây nêu rõ hai giai đoạn,  
Theo lời ngài Phật Mật, vân vân,  
*Đại Nhật Kinh* là kinh điển chánh,  
Là cửa tu tập cho Hành mật.



## Phẩm 4. Du già mật (Yoga tantra)

### Chương 21. Kinh điển căn bản

#### F2. Thứ đệ tu tập của Du già mật.

#### G1. Lời dạy trong Nhiếp Chân Thật Kinh.

*Nhiếp Chân Thật Kinh (Compendium of Principles)*<sup>94</sup> là kinh căn bản của tất cả kinh điển trong Du già mật. Đầu tiên, trong phần giới thiệu, kinh đã nói rõ về đức Tỳ Lô Giá Na, bậc đã viên mãn tự lợi và lợi tha, khiến cho hành giả tu tập phát tâm chứng đắc quả đức như ngài. Sau phần nói về phát tâm, kinh đã nói về những phương tiện tu tập để chứng đắc quả vị của đức Tỳ Lô Giá Na.

*Nhiếp Chân Thật Kinh* cũng nói chi tiết về những phương tiện chung cho sự tu tập thành tựu (tất địa) thế gian và xuất thế gian. Kinh được chia làm bốn hội (phần) là hội Kim Cang Giới (Anh: Vaja Element), hội Thắng Tam Giới (Anh: Conquest over the Three Realms), hội Điều Phục Chúng Sanh (Anh: Taming Transmigrators), và hội Thành Sự (Anh: Achieving Aims). Phần đầu nói về đạo lộ tu tập của Như lai và Như lai bộ, tức là Tỳ Lô Giá Na chủng tánh (Anh: Vairocana lineage). Phần hai nói về Kim cang bộ, tức là Bất Động chủng tánh (Anh: Abśobhya lineage). Phần ba nói về Liên hoa bộ, tức là A Di Đà chủng tánh (Āmitabha lineage). Phần bốn nói về Bảo bộ, thỏa mãn nguyện cầu của chúng

---

<sup>94</sup> *Nhiếp Chân Thật Kinh*, còn gọi là *Kim Cang Đánh Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại thừa Kinh (Vajrasekhara sarva tathāgata tattva saṃgraha Mahāyana sutra)*, gọi tắt là *Kim Cang Đánh Kinh* đã được Huyền Thanh dịch, ấn bản ở Việt Nam, ngoài ra được phổ biến rộng rãi trên nhiều website, như bodetam.org, kinhmatgiao.-files.wordpress.com.

sanh, tức là Bảo Sanh chủng tánh (Anh: Ratnasambhava lineage).

Ngài Phật Mật giải thích lý do tại sao *Nhiếp Chân Thật Kinh*, mặc dù có năm bộ, chỉ đề cập đến bốn bộ: Chủng tánh cuối (Bảo Sanh), nếu từ phương diện tác giả (Anh: agent) thành tựu chúng sanh thì gọi là Bảo bộ, còn nếu từ phương diện tác nghiệp (Anh: activities) thì gọi là Yết ma bộ. Ở đây tác giả và tác nghiệp hợp làm một nên chỉ có bốn bộ.

*Hậu Kinh (The Continuation of the Compendium of Principles, Skt: Tattvasaṃgraha-uttaratantra)*, vì muốn nhiếp độ những hữu tình bậc thượng thượng (Anh: the best of the best sentient beings), ưa thích tu tập tam ma địa và thành tựu xuất thế gian tất địa, nên nói về những sự thù thắng làm nhân tố cho sự thành Phật và Bồ tát. Đồng thời, cũng nói về những đạo lộ liên hệ đến bốn phần của *Nhiếp Chân Thật Kinh (Compendium of Principles)*, với chủ ý giải thích rộng hơn và bổ túc những điều thiếu sót.

*Hậu Hậu Kinh (The Continuation of the Continuation of the Compendium of Principles, Skt: Tattvasaṃgrahau ttarottara tantra)*, vì muốn nhiếp độ những hữu tình không thể tu tập những phương tiện thù thắng để ngộ nhập chân thật, không ưa thích tu tập các tam ma địa của bốn tôn du già, mà chỉ ưa thích những hoạt động bên ngoài, như niệm tụng mật chú, cúng dường, v.v..., đã dạy về những đạo lộ tu tập thành tựu thế gian tất địa liên hệ đến cả bốn phần, với chủ ý giải thích rộng hơn và bổ túc những điều thiếu sót. Mặc dù phần này giảng dạy cho những hành giả sơ hải pháp tu bốn tôn, nhưng vẫn không trái ngược với sự giải thích rằng Du già mật là dành cho những hành giả phần lớn tu tập pháp bốn tôn du già. Bởi vì điều này không trái ngược với sự kiện các hành giả chính yếu [của Du già mật] phần lớn tu tập bốn tôn du già, còn những hành giả thứ yếu (tức là những đối tượng

mà *Hậu Hậu Kinh* muốn nhiếp độ) thì không tu tập [bốn tôn du già].

***Bốn phần (hội) dành cho bốn loại hành giả khác biệt hay dành cho cùng một hành giả.***

*Hỏi:* Nếu vậy, bốn đạo lộ của bốn phần (hội) là dành cho bốn loại hành giả khác biệt nhau, hay là dẫn đạo một loại hành giả tu tập theo thứ tự?

*Đáp:* *Tối Thắng Đại Số (Extensive Explanation of the Shriparamadya Tantra)* nói:

- Hành giả của Như Lai, bốn tánh nhân hiền, là đẳng phần hành (chung cho tất cả căn tánh).
- Phần thứ nhất giáo hoá hành giả tham dục hành (Phật Bộ).
- Phần thứ hai giáo hoá hành giả sân khuể hành (Kim Cang Bộ).
- Phần thứ ba giáo hoá hành giả si hành, hoặc tà kiến hành (Liên Hoa Bộ).
- Phần thứ tư giáo hoá san lạn (bỏn sẻn) hành (Bảo Bộ và Yết Ma bộ)."

Như vậy, theo lối giải thích này, đạo lộ tu tập của bốn bộ là dành cho bốn loại hành giả căn tính khác biệt. Điều này cũng giống như sự giải thích trong Vô thượng du già mật về hành giả trì tụng mật chú của năm bộ Như lai [trong đó nói rằng một hành giả còn tâm tham dục có thể thành tựu dễ dàng hơn bằng cách nương tựa vào Phật A Di Đà, một hành giả còn tâm sân có thể thành tựu dễ dàng hơn bằng cách nương tựa vào Phật A Súc, v.v...].

Thế nhưng, từ phương diện thành tựu, cùng bộ chú giải đó phối hợp bốn bộ - Phật bộ, Kim cang bộ, Liên hoa bộ và

Bảo/Yết ma bộ, theo thứ tự, với bốn thân [tự tánh, dị thực, thọ dụng, và biến hóa], và bốn trí [đại viên kính trí, bình đẳng tính trí, diệu quán sát trí và thành sở tác trí], và cũng phối hợp với Bồ đề tâm, bố thí ba la mật, bát nhã ba la mật và nhẫn nhục ba la mật. Khi phối hợp như vậy, đạo lộ tu tập của bốn bộ tộc [hay nói cách khác là đạo lộ của bốn bộ] đều cần thiết cho đối tượng giác ngộ của mỗi hành giả [bởi vì tất cả hành giả đều phải thành tựu bốn thân, cũng như Bồ đề tâm và các ba la mật. Cho nên hành giả của mỗi bộ đều phải tu tập cả bốn bộ].

### ***Bảy mươi hai tam ma địa<sup>95</sup>.***

Trong ba mật tạng thấp, Du già mật nặng về hoạt động bên trong (thiền quán) hơn bên ngoài. Để hiện đời chứng đắc quả đức của thánh tôn (ở đây là Tỳ Lô Giá Na Phật), sau khi thọ nhận quán đảnh, thọ trì tam muội gia giới, hành giả phải y theo pháp truyền thọ, thể nhập bốn tam ma địa của bốn hội Mạn Đà La (Kim cang giới, Thắng tam thế, Điều phục chúng sanh và Thành sự) ngõ hầu thanh tịnh và viên mãn công đức thánh quả của Bốn tôn mà mình tu tập. Trong mỗi hội lại phân ra ba giai đoạn thiền quán gồm có: [1] *Sơ du già tam ma địa (Ādiyoga samādhi)*: giai đoạn chuẩn bị, thiền quán tổng quát các chi tiết có trong tất cả mạn đà la gồm vòng bảo vệ bên ngoài, bên trong, cung điện thánh tôn và một thánh tôn chánh ở trung ương. [2] *Mạn đà la tối thắng vương tam ma địa (Maṅḍalarājagri samādhi)*: sau khi quen thuộc đắc tam ma địa đầu, thiền quán tiếp tục với mạn đà la chi tiết với tất cả chư tôn trong pháp hội (tức gồm [1] cộng thêm chư tôn quyến thuộc), đây là pháp tu viên mãn quả của thánh tôn. [3] *Yết ma tối thắng vương tam ma địa*

---

<sup>95</sup> Tam Ma địa (Samadhi) còn gọi là tam muội hay đại định là trạng thái thiền quán mà tâm đã an trụ kiên cố, không cần nỗ lực, thể nhập tự nhiên hoàn toàn trong đề mục quán.

(*Karmarājagri samādhī*): sau khi thành tựu tam ma địa [2], hành giả tiếp tục thiền quán về mọi phương tiện, hạnh nghiệp lợi tha của Chư tôn trong mạn đà la gồm [1] cộng thêm các chư tôn quyền thuộc đang hành các sự nghiệp tự lợi, lợi tha như tức tai, tăng ích, kính ái, hàng phục, quán đánh v.v... Tóm lại, có bốn tam ma địa cho bốn hội, trong mỗi hội lại có ba tam ma địa phải tu tập. Tổng quát ta có bốn lần ba (4x3) thành mười hai tam ma địa.

Vì căn cơ sai khác, nên mỗi tam ma địa trong Sơ du già, Mạn đà la tối thắng và Yết ma tối thắng, lại được chia làm: bốn tam ma địa dành cho người muốn tu chi tiết (thượng căn) qua thiền quán cả bốn mạn đà la [Ma ha mạn đà la, Tam muội da Mạn đà la, Pháp mạn đà la, và Yết ma mạn đà la]; một tam ma địa dành cho người chỉ muốn tu vừa phải (trung căn) qua thiền quán một mạn đà la Tứ ấn [Nhiếp bốn mạn đà la trên mà thành]; và người chỉ muốn tu thật đơn giản (hạ căn) qua thiền quán một mạn đà la Nhất ấn [Mạn đà la chỉ gồm có một bốn tôn chánh ở giữa]. Nếu tính chi tiết thì có sáu tam ma địa trong mỗi tam ma địa. Vì vậy tổng quát ta có mười hai lần sáu (12x6) thành bảy mươi hai tam ma địa trong pháp tu Du già mật.

Các tam ma địa của mật bộ đều lấy pháp Bốn tôn du già (quán mạn đà la bốn tôn, niệm tụng) làm pháp tu để thành tựu bốn thân, bốn trí v.v..., viên mãn công đức, trí tuệ, quả vị của một vị Phật. Tất cả lối tu đều hướng về sự giải thoát (tự lợi) và sự nghiệp độ sanh (lợi tha), nên lúc dùng các tướng mạn đà la thiền quán phải đồng thời nhận chân rằng các pháp tướng quán tưởng tự tánh nó là chân không, là tướng giả hợp không thật, vì bi nguyện mà sanh, như huyền hóa, thể vốn vô sanh. Điểm quan yếu của Mật tông Phật giáo khác với các lối tu mật của ngoại đạo là: sắc và không bất nhị, bi (mạn đà la biến hiện) và trí (tánh không) bất nhị, lạc (quả của tam ma địa) và không bất nhị, luôn hợp nhất phương

tiện (các tướng thiền quán) và trí tuệ bát nhã (tánh không). Vì vậy khi quán bốn tôn, cung điện, niệm tụng, v.v..., hành giả phải đồng thời thể nhập sự vô tự tánh của nó.

*Chân Thật Quang Minh Luận (Compendium of Principles Tantra)* cho rằng thân là đại ấn, ý là tam muội da ấn, ngữ là pháp ấn, nghiệp là yết ma ấn. Đây là dùng bốn phẩm bốn bộ phối hợp với bốn ấn [thân, ngữ, ý, nghiệp]. *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói:

Ấn, tức là từ sự sai biệt của thân, v.v..., mà giảng thành bốn ấn [đại ấn, tam muội da ấn, pháp ấn, và nghiệp ấn].

Luận trên cũng nói chi tiết về nguyên nhân thành lập [của bốn ấn]. Như vậy, bốn pháp được phối hợp với thân, v.v..., tức là đối với các vị Phật Tỳ Lô Giá Na, Bất Động, A Di Đà và hai bộ khác mà nói thân ý ngữ nghiệp, chứ không phải là chỉ đến thân ý khẩu của riêng vị Phật nào.

*Chân Thật Quang Minh Luận (Compendium of Principle Tantra)* của ngài Khánh Hỷ Tạng (Ānandagarbha) cũng nói bốn bộ (Phật, Kim cang, Liên hoa, Bảo sanh) đều có bốn mạn đà la (đại mạn đà la hoặc ma ha mạn đà la, tam muội da mạn đà la, pháp mạn đà la, và nghiệp mạn đà la), và phối hợp bốn mạn đà la này với bốn ấn. Đây là y vào bốn pháp (thân, ý, ngữ, nghiệp) của mỗi bộ mà nói. Như *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) cũng nói:

Nên biết, trong bốn bộ, *đại mạn đà la* là vì muốn an lập sắc thân của chư thánh tôn, nhiếp “thân” vô tận tạng biến hóa; *tam muội da mạn đà la* là vì muốn biểu thị phương tiện của những pháp được chứng đắc, cho nên an lập chày, câu (móc), mũi tên, linh (chuông), v.v..., nhiếp “ý” vô tận tạng biến hóa; *pháp mạn đà la* là vì

muốn biểu hiện những phương tiện của những sự chứng đắc, cho nên an lập các thánh tôn an trụ trong thiên định, nhiếp “ngũ” vô tận tạng biến hóa. Như vậy, *nghiệp mạn đà la* an lập các sự cúng dường, v.v..., cho các thánh tôn, tổng nhiếp tất cả “hành nghiệp” của chư Như Lai lợi lạc hữu tình.

*Chân Thật Quang Minh Luận (Compendium of Principle Tantra)* chỉ đề cập đến thành phần chủ yếu, chẳng hạn như trong phần đệ nhất mạn đà la của Kim Cang Giới Phẩm, tuy dùng đại ấn của tự bộ, nhưng không phải hoàn toàn không có các ấn tam muội da, v.v..., hoặc không dạy về bốn ấn ấn định. Các mạn đà la trong các phẩm khác cũng tương tự như vậy. *A Phước Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói:

Theo thứ tự này, dùng bốn sự: thân, v.v..., để nói về không có tâm lìa khỏi thân, không có ngữ ngôn xa lìa thân tâm [mà hiện hữu]. Do đây biết rằng các mạn đà la đều có bốn phần (thân, ý, ngữ, và nghiệp), cho nên trong tất cả mạn đà la của bốn bộ đều có những tiêu biểu như thân, v.v... Theo thứ tự, tức là ở đây nói đến bốn ấn (đại, tam muội da, pháp và nghiệp).

Nếu như có thể biết rõ về sự sai biệt, ắt cũng có thể biết rằng *Tối Thắng Đại Số* có lúc nói rằng bốn phẩm tu đạo đều là duyên thành Phật cho một bồ đặc già la (căn cơ), cũng có lúc nói rằng mỗi phẩm là duyên thành Phật cho mỗi loại bồ đặc già la khác nhau. Hai sự kiện này không có sự mâu thuẫn.

Trong Du già mật phần lớn nói về pháp tự khởi thành thánh tôn, triệu thỉnh nhập trí tôn, dùng bốn ấn ấn định. Đây là phương tiện chứng đắc quả vị của bốn ấn. Dùng bốn sự (thân, ngữ, ý và nghiệp) để tu tập thành bốn đức (thân, ngữ, ý và nghiệp của bốn tôn), đồng thời thanh tịnh hóa sự phạm

tục của thân ngữ ý nghiệp. Như vậy, tuy y vào các bộ nói về nhiều loại thứ đệ tu tập, nhưng vẫn công nhận rằng hành giả của Phật bộ, hoặc Kim cang bộ là thù thắng nhất. Bởi vì nếu hành giả thọ quán đánh trong Kim cang giới mạn đà la thì sẽ làm a xà lê của tất cả các bộ khác, còn nếu thọ quán đánh trong các bộ khác, thì chỉ có thể làm a xà lê cho một số ít các bộ khác. Trong bộ sơ đã dẫn chứng để thành lập sự kiện này.

*Hỏi:* Nếu vậy, phương tiện tu chứng Tỳ Lô Giá Na chỉ có ba loại tam ma địa hay sao?

*Đáp:* Pháp tu đó chưa viên mãn. Trước tiên cần phải tu tập viên mãn tự thể đại du già. Tu tập Bốn tôn du già ở ba mật bộ thấp (Sự mật, Hành mật và Du già mật) đều chưa đề cập đến thứ đệ tùy thuận theo nhiệm ô phẩm (ba cái “hữu” nhiệm ô) là sinh hữu, tử hữu, và trung ấm hữu của một chúng sinh mà tu tập<sup>96</sup>, vì đây là pháp tu riêng biệt của Vô thượng du già mật. Ở Du già mật chỉ có pháp tu thuận theo thanh tịnh phẩm. Đó là đạo lộ tu tập năm tướng hiện chứng Bồ đề, là các giai đoạn thứ tự cuối cùng của Bồ tát thành Phật, dùng Phật mạn mà tu tập. Còn đạo lộ tu tập của các phần trước giai đoạn hiện chứng bồ đề, chỉ có *Chân Thật Quang Minh Luận (Compendium of Principle Tantra)* nói sơ lược về sự phối hợp riêng biệt của bốn đạo (tư lương đạo, gia hành đạo, kiến đạo và tu đạo), còn ba vị đại luận sư khác đều chưa đề cập đến. Hơn nữa, trước phần năm tướng hiện chứng Bồ đề, thì trình bày rất rõ ràng về đạo lộ tu tập thuận theo bậc hữu học. Còn đạo lộ tu tập sau khi thành tựu Tỳ Lô

---

<sup>96</sup> Còn gọi là ba trạng thái trung gian của một hữu tình, đó là sinh hữu (trạng thái sống), tử hữu (trạng thái chết), trung hữu (trạng thái trung ấm sau khi chết). Giai đoạn phát sanh bốn tôn của Vô thượng du già bộ được xây dựng thuận theo sự thanh tịnh ba nhiệm ô của trạng thái trung gian này.



## Chương 21. Kinh điển căn bản

Giá Na, thì tu tập những Phật sự thuận theo giai đoạn sau khi thành Phật.

## Chương 22. Thệ nguyện

### G2. Thứ đệ tu tập.

#### H1. Vì muốn trở thành căn khí tu tập cho nên thọ quán đảnh.

Tiến nhập Kim cang giới mạn đà la, v.v..., để thọ quán đảnh, được truyền thọ tam muội da luật nghi để trở thành căn khí tu đạo, có hai loại: (1) chỉ tiến nhập mạn đà la, và (2) sau khi tiến nhập mạn đà la, thọ quán đảnh. Phần (2) lại chia làm hai là: (a) đối với những hành giả không thọ luật nghi của năm bộ mà chỉ thọ Bồ tát giới luật nghi, thì chỉ truyền thọ cho họ “đệ tử quán đảnh”; (b) đối với những hành giả thọ hai loại luật nghi (Bồ tát và tam muội da), thì có thể truyền thọ cho họ “a xà lê quán đảnh.” Đây là ý của ngài Khánh Hỷ Tạng trong *Kim Cang Sanh Luận (Rite of the Vajra Element Great Maṇḍala: Source of All Vajras)* và trong *Thượng Số (Chú giải phần đầu của Nhiếp Chân Thật Luận)*. Trong *Căn Bốn Tội Thích (Explanation of the Root Infractions)* đã nói chi tiết, cho nên ở đây không lặp lại.

#### H2. Sau khi trở thành căn khí, giữ gìn thanh tịnh luật nghi giới và tam muội da giới.

Sau khi thọ quán đảnh, trước tiên, điều cần thiết nhất, không thể thiếu sót là cần phải khéo léo gìn giữ thanh tịnh các loại luật nghi, tinh tiến tu tập, không được biếng nhác. *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói:

Sau khi thừa sự sư trưởng, đối với các lời dạy về các mạn đà la (đại, tam muội da, pháp và nghiệp), y như pháp thọ quán đảnh. Kế đến, đối với những pháp phải hộ trì, như tam muội da, tỳ nại da, chánh hành, cấm hành, đều phải thiện xảo. Kế đến, vì muốn khéo hộ trì

tam muội da, v.v..., cần phải luôn mạnh mẽ, hăng hái, nên dùng sự tu tập tất cả các pháp tự lợi lợi tha làm tiền đề. Tam muội da giới là những điều cấm ngăn mà những người muốn chứng đắc quả vị đều không thể vi phạm. Tất cả hành trạng thân ngữ ý đều phải tùy thuận ý thích của bốn tôn, tu tập thiện pháp, ngăn chặn ác pháp. Đây là những điều thù thắng mà đức Phật đã chế định.

Phẩm đầu của *Thắng Cát Tường Kinh (Śrīparamāda Tantra)* và những điều *Kim Cang Đánh Kinh (Vajrasekhara Tantra)*, nói về các tam muội da, đã được trình bày cặn kẽ trong *Căn Bốn Tội Thích (Explanation of the Root Infractions)*, cho nên ở đây sẽ không thuật lại.

Nếu như không hộ trì đầy đủ các tam muội da, v.v..., ắt sẽ không thể tu tập thành tựu. *Kim Cang Đánh Kinh (Vajrasekhara Tantra)* nói:

Trải qua vô lượng kiếp,  
Tuy tinh tiến tu hành,  
Thế gian bốn loại người,  
Tu cũng không thành tựu,  
Chưa phát tâm Bồ đề,  
Tâm còn đầy nghi hoặc,  
Không y giáo tu hành,  
Không tin, không thành tựu.

Điều này muốn nói, nếu còn đầy đủ bốn loại lỗi lầm trên (chưa phát Bồ đề tâm, tâm còn nghi hoặc, không y giáo tu hành, và không tin tưởng sư trưởng), tuy tu nhiều kiếp cũng không thành tựu, cho nên cần phải đầy đủ bốn đức, tức là:

(1) y vào lời dạy khéo tu đại bồ đề tâm là ngưỡng cửa tiến nhập Đại thừa;

- (2) phát khởi lòng tin sâu thiết, hoàn toàn không còn nghi ngờ;
- (3) y như lời dạy, gìn giữ những điều chế định của Phật về việc nên làm không nên làm trong các học xứ và các tam muội da;
- (4) đối với bốn tôn, sư trưởng, khởi lòng tin sâu xa vững chắc.

Cho nên tất cả các hành giả tại gia xuất gia đều phải an trụ trong luật nghi mà tu tập. *Kim Cang Đảnh Kinh (Vajrasekhara Tantra)* nói:

Nếu xa lìa giết, trộm,  
Dâm, nói dối, uống rượu,  
An trụ giới tại gia,  
Sẽ thành tựu trì minh.  
Nếu là người xuất gia,  
An trụ ba luật nghi,  
Biệt giải thoát, Bồ tát,  
Trì minh luật đệ nhất.

Nếu người tại gia có thể thọ trì giới biệt giải thoát, cũng nên đầy đủ ba luật nghi mà tu tập.

## Chương 23. Quán sát thánh tôn

**H3. Khi trụ tam muội da, phải thừa sự trước thế nào.**

**I1. Hữu tướng du già.**

**J1. Bốn tòa du già duyên thân thô của thánh tôn.**

**K1. Pháp tu tập bốn tòa du già.**

**L1. Pháp tu tập bốn tòa du già dành cho người chỉ thọ đệ tử quán đánh**

*Thượng Sơ* nói về hai loại tu tập (đệ tử, a xà lê) khác nhau là y vào thứ tự của hai loại thọ đệ tử quán đánh và thọ a xà lê quán đánh.

Những hành giả chỉ thọ đệ tử quán đánh phải tu tập như thế nào? *Thượng Sơ* nói:

Hành giả y vào đệ tử tăng thượng, tự gia hành, v.v..., phải nên biết tự gia trì như sau, nghĩa là tự hộ, tắm rửa tẩy tịnh, lại phải tự hộ, hộ trì đạo trường<sup>97</sup>. Kế đến, thỉnh bốn tôn trụ trước mặt, tu hành lễ bái, sám hối tội chướng, tùy hỷ công đức, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, hồi hướng, phát Bồ đề tâm, và quy y Tam bảo, v.v... Kết Kim cang hợp chưởng ấn (Phụ lục I, thủ ấn 6), Kim cang phược ấn (Phụ lục I, thủ ấn 5), kế đến, giải ấn kim cang hợp chưởng nơi trước quả tim xác quyết sự giáng lâm của trí tôn, Kế đến, tu quán vô ngã, tu quán tướng vàng trắng, v.v..., giống như phần trước. Nên kết đại ấn của bốn tôn, khiến cho khế nhập Trí Bồ tát<sup>98</sup>

---

<sup>97</sup> Đây là nghi thức tiền hành chung cho các mật bộ, đã được dạy trong Chương 12, trước khi vào giai đoạn chánh hành của bộ pháp như quán tướng bốn tôn, tự khởi, thể nhập trí tôn, v.v..., kế tu các công đức quy y, sám hối, cúng dường ...

<sup>98</sup> Còn gọi Trí tát đỏa, Trí tuệ tôn, Trí tôn là thân thật của bốn tôn, được triệu thỉnh giáng lâm đạo tràng để hoà nhập với Tam muội

(Anh: Wisdom-being). Sau khi tu tập đại ấn, kể đến tụng: “*Jaḥ hūm vaṃ hoḥ.*” Tâm ý khéo quán tưởng, triệu thỉnh tất cả Như Lai tiến nhập tự thân hành giả. Làm viên mãn tự thân được giáng nhập trên bằng tam muội da ấn, kể dùng pháp ấn, nghiệp ấn, đại ấn của bốn tôn cùng tất cả Như Lai ấn định, kể lại dùng tam muội da ấn của bốn tôn gia trì tự thân, thọ quán đánh của bốn bộ. Sau khi quán đánh, khéo cúng dường bốn nội cúng [hý (*vajralāsyā*), man (*vajramāla*), ca (*vajragīte*), vũ (*vajraṅṛtye*)], kính lễ tất cả Như Lai, khéo tu tập thân đại ấn (thiền quán thánh tôn thân), tụng chân ngôn của chư tôn: “*vajrasatta, v.v...*” Tu tập bốn tòa<sup>99</sup> trong một năm.

Đây có nghĩa là trước tiên phải tắm rửa tẩy tịnh, tu tập pháp phần nộ du già và hộ luân (Anh: protective circle), như chương 12 đã chỉ dạy. Lễ bái đối với các hữu tình căn bản của phước điền (chư tôn), tu tập quy y, v.v... Kết ấn, từ Kim cang hợp chưởng nơi tâm, tuần tự cho đến giải Kim cang hiệp chưởng xác quyết sự giáng lâm của trí tôn như trên. Kể dùng năm nghi quỹ tự khởi thành bốn tôn, còn gọi là năm tướng hiện chứng bồ đề, đây là pháp tự khởi của Du già mật bộ, pháp này tùy thuận theo thanh tịnh phẩm của Bồ tát bát địa để tiến tu thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Pháp tự khởi này được tu tập qua năm nghi thức:

[1] Nghi thức Tâm: hành giả kết kim cang phược ấn tụng chú “*Oṃ citta pravedhaṃ karomi*” (*Oṃ, con ấn chứng tâm*), quán tánh không của các pháp biến thành tự tâm có dạng như vàng trắng tròn (nguyệt luân) nằm trong tâm hành giả, trên vàng trắng có mười sáu nguyên âm phạn tự (xem Phụ

---

da tôn thành một thể bất nhị, còn gọi là Thệ tôn, Tam muội da tát đoả (bốn tôn do quán tưởng), qua các ấn chú “*Jaḥ hūm vaṃ hoḥ.*”

<sup>99</sup> Bốn tòa: tức bốn thời một ngày (sáng trưa chiều tối), ngồi tu theo đúng nghi quỹ của bốn pháp.

lục IV). Vàng trắng chiếu khắp mười phương lợi lạc chúng sanh, xong quay về tự tâm trong suốt, sáng tỏ, vô nhiễm. Đây là hiện chứng Bồ đề qua quán tự tâm. Hành giả nhận quán đánh đội mào (vương miện), thành tựu Đại viên cảnh trí của Phật A Súc (Aṣobhya).

[2] Nghi thức Chân đế: Hành giả tụng chú “*Oṃ bodhi cittam utpādayāmi.*” (*Oṃ, Con phát Vô thượng Bồ đề tâm*), quán từ trên vàng trắng thanh tịnh vô cấu của [1] xuất hiện một mặt trời (nhật luân) nằm phía trên vàng trắng, trên nhật luân có 32 phụ âm phạn tự (tượng trưng cho sự tận trừ các phiền não chướng, thực chứng vô ngã tánh), ánh sáng phát ra mười phương diệt hết phiền não nghiệp chướng của chúng sanh, xong quay về nhật luân trong tâm. Đây là hiện chứng Bồ đề qua sự phát Bồ đề tâm. Hành giả thành tựu Bình đẳng tánh trí của Phật Bảo Sanh (Ratnasambhava).

[3] Nghi thức nhập Kim cang tam ma địa: Kết “dẫn đạo vô thượng Bồ đề ấn” (trí quyền ấn) tụng chú “*Oṃ tiṣṭa vajra*” (*Oṃ, chày kim cang kiên cố*), nhất tâm quán một chày kim cang ngũ cổ (năm chấu) màu trắng trụ đứng ở giữa nhật nguyệt luân trong tự tâm. Hành giả đạt Vô sanh pháp trí (Kim cang tâm). Đây là nghi thức hiện chứng Bồ đề qua Kim cang đại định.

[4] Nghi thức Kim cang tánh: Hành giả tụng “*Oṃ vajra atma koḥam*” (*Oṃ, con có tánh kim cang*), quán chày Kim cang ngũ cổ trong tự tâm phóng ra các tia sáng chiếu khắp mười phương cõi Phật, thu nhiếp kim cang thân ngữ ý đức nghiệp giác ngộ của chư Phật, xong quay về nhập vào chày kim cang trong tự tâm, Hành giả nhận được toàn bộ sự gia trì phú chúc của chư Phật. Đây là nghi thức hiện chứng Bồ đề qua Kim cang tánh, Hành giả thành tựu Thành sở tác trí của Phật Bất Không Thành Tựu (Amoghasiddhi), được chư Phật ban cho quán đánh đặt tên.

[5] Nghi thức Đại ấn (còn gọi là Kim cang trì): tụng chú “*Oṃ yatha sarvatathāgatās tathā ‘haṃ*” (Oṃ, con cũng giống như tất cả Như Lai), quán tất cả Như lai ở mười phương hiện thành thân của Bốn tôn hòa tan vào chày Kim cang trên nhật nguyệt luân trong [4]. Hành giả được gia trì tự thân biến thành sắc thân Đại ấn của tất cả Như lai trong dạng sắc thân Bốn tôn có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, và các quả đức, ngồi trên bảo tọa giữa điện trời trên đỉnh núi Tu di nằm trên bốn đại tuần tự chồng lên nhau<sup>100</sup>.

Qua năm nghi thức này hành giả tự khởi thành Bốn tôn thân. Kế triệu thỉnh Trí tát đỏa giáng lâm đạo tràng, thể nhập vào Bốn tôn tự khởi trên (thí dụ Kim Cang Tát Đỏa) như sau:

Tụng “*Vajradhātu*”, hành giả kết Trí quyền ấn, quán tướng tự thân là Phật Tỳ Lô Giá Na (Vairocana). Kế tụng “*Vajrasattva*”, từ tâm hành giả phát sanh Kim cang tát đỏa (Vajrasattva) ngồi trên bảo tòa sư tử, xuất hiện trước mặt giống hệt sắc thân tự khởi Kim cang tát đỏa trong nghi thức đại ấn, đây là bốn tôn trước mặt (trí tát đỏa). Hành giả tụng tâm chú Kim cang tát đỏa “*Oṃ vajra sattva aḥ [?]*” và kết đại ấn của ngài (Phụ lục I, thủ ấn 1), quán tướng tự thân là Kim cang tát đỏa. Từ chủng tử Hūṃ trong tâm hành giả phát sanh Minh vương Hūṃ Kara (Hàng tam thể minh vương?), tụng minh chú của ngài và kết “khai môn ấn”, trí quán tướng mở bốn cửa mạn đà la. Dùng Kim cang tát đỏa tâm chú và ấn tập

---

<sup>100</sup> Quán từ chữ Kham biến thành không đại, trên có chữ Ham biến thành phong đại, trên có chữ Ram biến thành hỏa đại, trên có chữ Vam biến thành thủy đại, trên có chữ Lam biến thành địa đại, trên có chữ Sum biến thành núi Tu di, trên đỉnh núi Tu di có chữ A biến thành đất Kim cang địa, trên có chữ Bhrūṃ biến thành cung điện trời lộng lẫy trang nghiêm. Hành giả qua nghi thức [5] biến thành Bốn tôn trụ trên không, hạ xuống bảo tòa nằm giữa điện trời này.



hội các Kim cang, triệu thỉnh chư Phật mười phương, quán tưởng các ngài xuất hiện trong dạng Kim cang tát đỏa, dùng *Bát Bách Danh Tán*<sup>101</sup> tán thán, xong dùng bốn thủ môn chú ấn “*Jaḥ Hūṃ Vaṃ Hoḥ*” câu triệu, v.v... Quán tưởng chư tôn thể nhập vào thân hành giả (trong dạng sắc thân tự khởi trên) thành một thể bất phân. Trong thân bốn tôn này, hành trì bốn ấn (tam muội da, pháp, nghiệp, và đại) đề ấn định<sup>102</sup> (gia trì) như sau:

*Tam muội da ấn*: Tụng “*Vajrasattva*”, kết Kim cang phược ấn (Phụ lục I, thủ ấn 5), kể đến gia trì mắt, tụng “*Vajradṛṣṭi*”, qua mắt trí đó tưởng tự thân thấy Phật Tỳ Lô Giá Na đang hiện trước mặt, tụng “*Om Vajradhātṷīśvari*” và kết tam muội da ấn của Tỳ Lô Giá Na, kể đến tụng “*Jaḥ hūṃ vaṃ hoḥ.*” Trí tát đỏa Tỳ Lô Giá Na được thỉnh thể nhập vào hành giả thành một thể bất nhị. Tụng “*Vajrasattva*”, quán tưởng một nhật luân phía sau Phật Tỳ Lô Giá Na, kể đến tụng “*Vajrasattva samayatvaṃ ahaṃ*”, phát sanh lòng tự hào hành giả và Kim cang tát đỏa là một thể. Kể đến, quán trí tuệ vô phân biệt của Tỳ Lô Giá Na, tự nó trong dạng một chày kim cang ngũ cổ trắng dựng đứng giữa nguyệt luân trong tâm, tập trung nhất tâm vào đó, đồng thời lập lại ba thần chú trên với các quán tưởng tương ứng, cùng lúc tư duy song hành qua lý luận các uẩn của hành giả, v.v..., đều là không (tánh).

*Pháp ấn*: Quán trong cổ Bốn tôn có chữ Hriḥ biến thành hoa sen đỏ tám cánh, cánh hướng về lưỡi biến thành lưỡi, nằm bên trên là một chày Kim cang ngũ cổ màu trắng, gia trì nó với thần chú “*Om vajra jīhva*” (*Om, lưỡi kim cang*), an trú các chữ thần chú của bốn pháp, thí dụ như “*Vajra jñāna*” (Trí

---

<sup>101</sup> *Bách Bát Danh Tán* vì quá dài không tiện trích dẫn xin tham khảo trong *Kim Cang Đánh Kinh* do Huyền Thanh dịch.

<sup>102</sup> Gia trì bằng bốn ấn này khiến vô lượng chư Như lai (thân khẩu ý nghiệp) giảng nhập tự thân.

kim cang), v.v..., vây chung quanh chày kim cang này. An trú định tâm trong nghĩa như thị, rồi hơi co lưỡi có chày kim cang quán tưởng lên vòm miệng, quán từ chày kim cang phát sanh một chày kim cang khác nhỏ xíu như hạt mè an trú trên đầu mũi<sup>103</sup>, định tâm vào chày này.

*Nghiệp ấn:* Đặt kim cang quyền phải trên kim cang quyền trái sau khi đi nhiều vòng quanh hoa sen, kết đại ấn thân bốn tôn, quán tưởng một chày thập tự kim cang ở tâm bốn tôn, xem đó như là Thành sở tác trí. Tụng thần chú tương ứng, sau đó xả ấn, khảy móng tay, tưởng như đang hành các sự nghiệp giác ngộ. Chú tâm quán sát, quán tưởng liên tục sự nghiệp về thân, như nhảy múa cúng dường, v.v..., về ngữ, như ca hát cúng dường, v.v..., cũng như cúng dâng thực phẩm, nước uống v.v....

*Đại ấn:* trong lúc quán tưởng chày kim cang ngũ cổ ở tim bốn tôn, hai tay kết kim cang quyền, xong kết đại ấn (như Trí quyền ấn, v.v...), đồng thời duy trì bốn tôn du già trong hiện thân và sự bất nhị thâm sâu, cho đến khi đạt kiên cố vững chắc.

Dùng bốn ấn ấn khả gia trì theo thứ tự trên là theo quan niệm của ngài Khánh Hỷ Tạng (Ānandagarbha), tức là bắt đầu từ tam muội da ấn và cuối cùng là đại ấn. Còn theo quan niệm của ngài Phật Mật (Buddhaguhya) thì sẽ khởi từ đại ấn, tam muội da ấn, pháp ấn, và cuối là nghiệp ấn. Cả hai lối hành trì đều có dòng phái và lý luận bảo vệ, vì e phiền phức nên không bàn đến. Hành giả tùy theo sự chỉ dạy của đạo sư có thể xử dụng một trong hai lối trên.

---

<sup>103</sup> Đầu mũi theo ngài Phật Mật không phải là chóp mũi mà là trên đầu sống mũi, điểm giữa hai mày (ấn đường).

Ấn khả bằng bốn ấn xong lại dùng tam muội da ấn của tự bộ gia trì, dùng pháp quán đánh của tự bộ thọ quán đánh, cúng dường tự thân (trong sắc thân bốn tôn đã được thể nhập) bằng bốn nội cúng (hý, man, ca, vũ), quán tưởng thân đại ấn (sắc thân thánh tôn), và tu trì niệm thần chú thánh tôn. Luôn quán tưởng ba tánh: xem tự thân, tất cả hữu tình, và tất cả chư tôn của mạn đà la đều bình đẳng vô ngã, không có tự tánh. Xem tất cả hiện tượng giới (ngoại cảnh) là nhất vị vô tự tánh mà trì tụng thần chú thánh tôn. Tu bốn thời (sáng trưa chiều và giữa đêm) mỗi ngày, trong suốt một năm hay trong một thời gian quy định, dùng mọi vọng tưởng khác, chuyên duyên vào nghi thức trì tụng quán tưởng đến khi nhận thức trực tiếp tướng rõ ràng phát sanh. Đó là thước đo (ấn chứng) bắt đầu phát sanh trong dòng tâm thức hành giả. Đây là pháp tu một tôn du già (mạn đà la nhất ấn) qua thí dụ Kim cang tát đỏa.

*Thượng Sớ* nói hành giả chỉ thọ nhận pháp đệ tử quán đánh, nên tu tập tăng thượng qua pháp tu một tôn du già. Nếu thọ nhận pháp A xà lê quán đánh, nên tu tập tăng thượng qua pháp tu một đại du già<sup>104</sup>. Cho nên hai bản *Tu Pháp* (Anh: the longer and shorter of *Means of Achievement Called Source of Vajrasattva*) nói về một tôn du già, rõ ràng là y vào đệ tử quán đánh tu tập tăng thượng. *Sớ* tuy chưa nói pháp tu cung điện và chư tôn ở phần trước và phần giữa, thế nhưng hai bản *Tu Pháp* đã đề cập đến, cho nên các hành giả thọ đệ tử quán đánh cũng phải nên tu tập. Hai bản *Tu Pháp* nói về pháp tu Kim cang tát đỏa, đều có “ném hoa chọn bốn tôn”, cho nên phải y theo lời dạy trong *Sớ* mà tu pháp bốn tôn chọn được. Nếu muốn theo thứ tự trong đó mà tu tập

---

<sup>104</sup> Đại du già của Du già mật là pháp bốn tôn du già với đầy đủ cung điện, chư tôn ở giữa, vòng trong, vòng ngoài của mạn đà la, khác với đại du già của Vô thượng du già mật của Cổ mật phái (nyingma) tương đương với *tantra cha* của Hoàng mạo phái.

bốn tòa du già, phải nên y vào lời dạy của *Thượng Sơ* làm căn bản. Trong hai bản Quảng và Lược của *Xuất Sanh Tát Đỏa Tu Pháp (Means of Achievement Called Source of Vajrasattva)*, có thể tùy ý y theo một pháp để tu tập, ý nghĩa tương đối dễ hiểu. Ở đây e lời văn rườm rà nên không trình bày chi tiết.

## **L2. Pháp tu tập bốn tòa du già cho hành giả thọ A xà lê quán đánh.**

Hành giả đắc được a xà lê quán đánh có hai:

(1) Nếu muốn vì đệ tử quán đánh, thì như *Kim Cang Sanh Luận (Rite of the Vajra Element Great Maṇḍala: Source of All Vajras)* đã nói: “Tự viên mãn ba đại du già tam ma địa (sơ, mạn đà la tối thắng vương, yết ma tối thắng vương), tinh tiến tu tập đầy đủ chi tiết là quảng thừa sự; nhiếp tối thắng mạn đà la sanh pháp, v.v..., là trung thừa sự; tu tập đại du già, tụng chân ngôn của các thánh tôn đủ mười vạn biến là lược thừa sự. Tùy tu pháp nào cũng được.”

(2) Nếu muốn tu tập pháp bốn tôn, thì như *Thượng Sơ* đã nói: “Như vậy, đã nói về đệ tử du già và tùy du già, nay sẽ nói nghi quỹ cho các vị a xà lê tu tập mạn đà la và tu tập bốn tôn đại du già.” Ở đây nói rằng lúc tu tập bốn tôn cũng cần phải tu tập đại du già.

*Kim Cang Tát Đỏa Tu Pháp (Means of Achievement Called Source of Vajrasattva)* cũng nói: “Các hành giả thọ a xà lê quán đánh, tu đại du già, hành trì tất cả nghi quỹ.” Ở đây nói rằng nếu được quán đánh viên mãn, cần phải tu tập đầy đủ các bốn tôn. Nếu chưa được quán đánh viên mãn, chưa thể tu tập đầy đủ các bốn tôn. Điều này không có nghĩa là tu tập sơ lược đại du già là đủ, mà cần phải tu tập cả ba tam ma địa.

*Thượng Sư* nói: “Sẽ nói phương tiện sai biệt. Pháp tu tam ma địa là phương tiện chánh.” Pháp tu tam ma địa được chia là ba phần: sơ du già, v.v..., nhấn đến trong mạn đà la dành cho những hành giả ưa pháp tu sơ lược, cũng nói đến sự tu tập ba tam ma địa. Vì muốn có thể thành phương tiện chánh của pháp Tỳ Lô Giá Na, cho nên nói đến ba tam ma địa. Nếu không thể tu tập ba tam ma địa bậc thượng (quảng), hoặc bậc trung, thì cũng cần phải tu tập ba tam ma địa bậc hạ (lược) và đại du già. Trong pháp đại du già không có ba loại quảng, trung và lược khác biệt. Về thời lượng tu tập, *Kim Cang Sanh Luận (Rite of the Vajra Element Great Maṇḍala: Source of All Vajras)* nói tu tập một năm, hoặc sáu tháng, hoặc một tháng, bởi vì bổ đặc già la có ba hạng thượng trung hạ khác biệt, cho nên thời gian tu tập không nhất định. Nếu như hành giả đã thọ quán đảnh, thì cần chú tôn cho phép mới được tu tập.

Tu hiện quán pháp đến bao lâu? *Thượng Sư* nói: “Tu tập như vậy, cho đến khi thấy được Kim cang giới đại mạn đà la. Mỗi ngày cần phải siêng năng tu tập.” Nghĩa là tu tập bốn tòa: buổi sáng, chánh ngọ, buổi chiều và nửa đêm. Y vào thứ tự của nghi quỹ, ngăn ngừa sự tán loạn. Thứ tự tu tập, không nên chỉ nói xuôi, mà cần phải y vào kinh văn, hiểu rõ ý nghĩa tổng quát, dùng quán sát tuệ để quán sát mà tu tập. Khiến trừ ma chướng, kiên cố thọ trì tam muội da và luật nghi, tiếp tục tu tập tịnh trừ bằng cách kính lễ, cúng dường, tụng niệm, v.v... Khi tu quán bốn tôn, phải rõ ràng như hiện trước mắt. Đây là ấn chứng phát sanh du già trong tâm thức. Ở đây chỉ nêu rõ số lượng lúc mới sinh khởi du già, chứ không nói rằng sau đó không cần tiếp tục tu tập. Pháp tu của a xà lê và đệ tử đều như vậy. Đây cũng chưa nói rõ về việc tu tập tâm chuyên chú vào cảnh sở duyên. Ý muốn nói là tu tập lúc duyên vào vi tế kim cang (Anh: a tiny vajra). Điều này sẽ được đề cập đến trong phần nói về sự thắng lợi. Pháp tự viên mãn đại du già, trong *Kim Cang Sanh Luận (Rite of the*

*Vajra Element Great Maṇḍala: Source of All Vajras*) đã nói rất rõ ràng, cho nên ở đây sẽ không trích lục chi tiết.

Ngài Phật Mật không phân chia thứ tự tu tập dựa trên (1) sự phân biệt về đã được hoặc chưa được quán đánh viên mãn, hoặc (2) vì người khác quán đánh và tự tu bốn tôn; thế nhưng, ngài lại dạy về hai loại tu cho những bổ đặc già la đã được quán đánh trong Kim cang giới đại mạn đà la, thọ đầy đủ tam muội da và luật nghi: một là người có thể nguyện tu pháp Như lai, và hai là người có thể nguyện tu bộ Như lai (gồm Như lai và quyến thuộc chư tôn trong bộ). Những hành giả đó dù tu một pháp nào trong hai, cũng chỉ là một bốn tôn hiện trước mặt, trụ trên bảo tòa trong cung điện, tùy thuận theo từng phần tu tập chư tôn trong đại mạn đà la. Còn những hành giả không thể tu tập pháp trên, thì tùy thuận tu tập chư tôn trong tứ ấn mạn đà la hay một bốn tôn trong nhất ấn mạn đà la, thọ trì luật nghi, hiến dâng, cúng dường bên trong và bên ngoài, cùng xưng tán, v.v..., mỗi ngày tu bốn tòa. Phương pháp này tương đối dễ dàng tu học hơn là nghi quỹ của ngài Khánh Hỷ Tạng.

## **K2. Pháp tu cho người không thể tu tập tứ tòa bốn tôn du già.**

Hành giả nếu không thể dùng pháp năm tướng hiện chứng Bồ đề khởi Như lai, v.v..., để tu bốn tôn, thì chỉ cần tụng niệm bốn tôn tâm chú, và quán chúng là bốn tôn (xem chúng là bốn tôn mà không cần quán tướng bốn tôn hiện rõ) tức là tu tập tự mình là bốn tôn, ở trước tự thân cũng cần tu bốn tôn hiện trước mặt (chỉ cần nghĩ bốn tôn hiện trước mặt, không cần tướng bốn tôn rõ ràng) theo vậy mà tu tập. Sau đó cúng dường, xưng tán, v.v..., viên mãn niệm tụng. Như *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói: “Những hành giả không thể theo lời dạy mà tu bốn tôn tam muội da tát đỏa du già, thì chỉ cần niệm tụng bằng cách

trên, gia trì tự thân thành vị bốn tôn đang được trì tụng, thọ quán đảnh, tu tam ma địa và cúng dường. Bốn tôn trước mặt cũng tu tập như vậy.” Ở đây, dùng bốn tôn tâm chú để sanh khởi bốn tôn là dành cho những hành giả không thể quán tưởng, mà chỉ muốn từ sự trì tụng mà được thành tựu tất địa. Còn những hành giả có thể quán tưởng thì không nên làm như vậy. Luận trên dẫn chứng kinh giáo nói rõ rằng: “Pháp thứ nhì này, chuyên dùng tâm chú để tu tập tam muội đa tát đỏa là dành cho những hành giả chỉ muốn y vào sự niệm tụng mà được thành tựu, không phải dành cho những hành giả có thể thành tựu bằng sự tu tập các pháp đại ấn, v.v...” Nếu vậy thì phải làm thế nào? *Hậu Hậu Kinh* nói tổng quát: “Người ác kiến vô tham, mật pháp này phi lý, v.v...” Kế đến nói:

Tối thiểu dùng tâm chú biến tự thân thành Phật thân, Phật thân phía trước cũng chỉ do tụng ngữ ngôn mật chú, và niệm tụng *Kim Cang Cú* (Anh: *vajra words*) một trăm lẻ tám lần mà thành.

Đây là nghi quỹ niệm tụng bốn tôn du già, tạm gọi là phương pháp tu tập, thế nhưng vẫn rất là thù thắng. Cho nên dùng Du già mật trong việc quán đảnh và khai quang, v.v..., tối thiểu cần phải y theo đây tu tập mà viên mãn sự niệm tụng tương ưng [của các đạo lộ].

## Chương 24. Quán sát biểu tượng vi tế<sup>105</sup>

### J2. Duyên biểu tượng vi tế của bốn tòa du già.

#### K1. Việc cần phải làm khi tu tập tướng vi tế.

Phẩm đầu của *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles Tantra)* nói:

Thật khéo léo an tọa,  
Tùy một tướng mà tu,  
Sau khi đã kiên cố,  
Trí quán tam ma địa.

*Chân Thật Quang Minh Luận (Illumination of the Principles)* nói: “Sau khi thành tựu tam ma địa vi tế, kể đến, khéo an trụ trong thân của thánh tôn đang được tu tập, v.v... Tất cả đều kiên cố như đang thấy trước mặt. Đây là do hoạch được tâm kham năng thù thắng qua pháp định của biểu tượng vi tế mà tất cả các pháp đang tu tập đều có thể tăng trưởng.” *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* cũng nói:

Các vị du già sư muốn được thành tựu từ các pháp tu tam ma địa (trong Bảy mươi hai tam ma địa), cần phải trước tiên tu tập pháp này.

---

<sup>105</sup> Biểu tượng vi tế: biểu tượng vật tượng trưng cho bốn tôn, thường gọi là tam muội da vật, đó là khí cụ chánh cầm trên tay bốn tôn (thường là khí cụ cầm ở giữa ngực), tượng trưng ý và bản nguyện của bốn tôn. Vi tế tức rất nhỏ như hạt mè. Hành giả thường an trú biểu tượng vi tế này ở đầu mũi hay giữa các luân xa để tập định chí, nhờ đó quán mạn đà la sẽ dễ dàng thành tựu hơn.



Nói tổng quát, đây là tu tập xa ma tha (định chỉ) thù thắng. Cho nên những điều gì cần phải làm trong pháp xa ma tha đều là những điều cần phải làm ở đây.

## **K2. Do duyên tướng vi tế khiến tâm kiên cố.**

Ngài Phật Mật cho phép trước tiên tu bốn tôn du già, sau đó tu tướng vi tế. *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói: “Như vậy, hai pháp Quảng (tu chi tiết), Lược (tu đơn giản) đều nói trước tiên tu tập bốn tôn tam muội da tát đỏa gia trì tự thể, quán danh, tam ma địa, cúng dường; vì muốn khiến cho tự tâm được tự tại (bị điều phục như ý của mình), nên tu tập vi tế Kim cang tam ma địa (Anh: cultivate the meditative stabilization of a subtle vajra)<sup>106</sup>.”

Phẩm đầu của *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)* nói về thứ tự tu tập như sau:

Đầu lưỡi sát nóc họng,  
Chuyên chú vào đầu mũi,  
Đặc lạc của vi tế  
Tâm sẽ được đảnh chí.

Hai câu đầu nói về kỹ thuật về thân tâm để được an trụ, hai câu sau nói rõ sau khi an trụ sẽ phát sinh định tâm. Điều này cũng giống như *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói: “Tướng nghĩ bốn tôn du già mà tu tập.” Nói về thân, như *Kiều Tát La Trang Nghiêm Luận (Ornament of Kosala)* của ngài Thích Ca Hữu (Shākyamitra) nói: “Sau khi hoàn tất mọi sự, ở nơi hẻo lánh, không có sự ồn náo. Ngồi kiết già, giữ thân ngay thẳng, co chót lưỡi chạm

---

<sup>106</sup> Đây là biểu tượng vi tế, lấy chày kim cang ngũ cổ nhỏ như hạt mè làm đề mục, đặt nơi đầu mũi hay luân xa để tu tam ma địa.

vào nóc họng sau chân răng, hai môi vừa chạm<sup>107</sup>.” Uy nghi của các tam ma địa khác cũng phải đầy đủ. Kế đến tu tập sở duyên kim cang sắc vi tế (Anh: color of the subtle vajra), v.v..., như đã được quyết định, tâm an trụ nơi đầu mũi, và nhiếp tâm vào đó.

*A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* dạy quán biểu tượng vi tế là một chày kim cang ngũ cổ như sau :

Nhỏ như đầu cọng tóc,  
Lớn cỡ một hột mè,  
Giống màu sắc bốn tôn,  
Trên có năm chi phần.

Ngài Khánh Hỷ Tạng cho rằng trước tiên từ nơi rốn sanh khởi biểu tượng vi tế, tụng “*Sūkṣma vajra*”, kế đến quán tưởng biểu tượng bay lên, từ lỗ mũi xuất phát, an trụ nơi đầu mũi. Ngài Thích Ca Hữu (Shākyamitra) cho rằng biểu tượng vi tế từ nơi tim dẫn sinh. *A Phược Đạt Nhạ Luận Thích (Commentarial Explanation of Introduction to the Meaning of the Tantra)* của ngài Padmavajra, nói từ nơi tim sanh khởi, nương theo hơi thở, ý tụng thầm tâm chú, biểu tượng được dẫn đến đầu mũi. Ngài Phật Mật cho rằng lúc duyên vào kim cang vi tế (Anh: subtle vajra) để tu quán, nên ngừng hơi thở ra vào, giữ (trụ) hơi thở nơi lỗ mũi, tùy thuận tâm an trụ sẽ sanh khởi một xúc giác thù thắng.

---

<sup>107</sup> Đây là thế ngồi 7 điểm của Tỳ Lô Già Na: Chân ngồi kiết già hay bán già, mắt hé mở hướng về chóp mũi, giữ thân và xương sống thẳng, vai ngang bằng, đầu bằng hơi cuối một ít, mũi thẳng hàng với rốn, hai hàm răng khép tự nhiên, đầu lưỡi co lên vòm miệng phía sau chân răng, hơi thở nhẹ nhàng yên lặng.

Về phương pháp trụ tâm, ngài Thích Ca Hữu (Shākyamitra) trích dẫn *Trung Quán Tâm Luận (Heart of the Middle)* của ngài Thanh Biện (Bhāvaviveka) dạy:

Tâm ý như voi điên,  
Cột trụ, và quán sát,  
Chánh niệm dứt phan duyên,  
Móc tuệ được trụ tại.

Tuệ, tức là chánh tri, nghĩa là dùng ví dụ về sự điều phục voi để nêu rõ hai pháp chánh niệm và chánh tri (thiền ngữ thường dùng hai chữ tầm tứ hay giác sát) có thể khiến cho tâm được điều nhu. Trụ tâm vào chỗ nương tựa là vi tế kim cang, giống như cây cột kiên cố để buộc voi vào. Tâm ý chưa điều nhu thì cũng giống như voi chưa bị điều phục. Y chỉ vào chánh niệm, đối với cảnh sở duyên, khiến cho tâm không tán động, giống như sợi dây buộc. Nếu tâm không an trụ trong cảnh sở duyên, thì liền dùng chánh tri để nhận rõ, xa lìa lỗi lầm mà an trụ. Giống như nài voi thấy voi nghiêng ngã, không theo mệnh lệnh, bèn dùng lưỡi móc để điều phục. Cho nên trì tâm có hai điểm quan trọng: (1) có thể an trụ trong cảnh sở duyên, không cho tán loạn, (2) nếu bị tán loạn, có thể biết rõ liên tục, có thể an trụ trở lại.

(1) Thoạt tiên, y vào pháp tu giữ gìn chánh niệm, khiến tâm không tán loạn. Cho nên cần phải khiến cho cảnh sở duyên được rõ ràng, nghĩa là chánh niệm kiên cố, ghi nhớ nơi an trụ khiến cho tâm không tán loạn. Nếu không có ý niệm sáng tỏ kiên cố, ắt sẽ không thể đoạn trừ hôn trầm, cho nên *Kiều Tát La Trang Nghiêm Luận (Ornament of Kosala)* nói: “Do tuệ sáng suốt không mê muội an trụ trong chánh niệm.”

(2) Thứ hai, y vào pháp tu tập chánh tri, cho nên không trụ trong niệm quá gấp rút, hoặc quá hưỡn dãi. Trong lúc an

trụ kiên cố (không xả cảnh sở duyên), cần phải thường quán sát xem tâm đã an trụ hoặc chưa an trụ. Điều này có nghĩa là nếu quá thô thúc, tâm sẽ trở nên điệu cử, còn nếu quá buông thả, tâm sẽ trở nên trầm một. Cho nên cần phải biết lia bỏ hai lỗi lầm, an trụ trong trạng thái trung dung mà tu tập.

Nếu như đã khéo kiên cố trong vi tế kim cang, ắt sẽ từ đầu mũi hoặc từ các thân phần phát sanh cảm xúc an lạc. Do sự diệu xúc này mà có thể khiến trừ thân thô trọng<sup>108</sup>, và khởi phát tâm khinh an. Nếu xa lìa sự thô trọng, thân trở nên điều nhu, liền có thể tinh tiến tu tập. Do thân khinh an dẫn phát tâm khinh an. Kinh nói: “Do thân khinh an nên thọ an lạc, do sự an lạc, tâm chuyên chú vào một đề mục.” Đây là điều mà *Kiều Tát La Trang Nghiêm Luận (Ornament of Kosala)* đã nói rõ, y vào sở duyên vi tế, dẫn sinh pháp xa ma tha tâm nhất cảnh tính. *Du Già Sư Địa Luận* của ngài Vô Trước (Asaṅga) nói “do tâm khinh an dẫn phát thân khinh an, từ đó dẫn sinh chánh xa ma tha,” cũng không trái ngược với những điều vừa trình bày ở trên. Bởi vì ở đây, tâm khinh an cũng gọi là *xa ma tha tâm nhất cảnh tính*. Ngài Thích Ca Hữu dẫn chứng kinh điển cho rằng tâm khinh an xác minh cho xa ma tha tâm nhất cảnh tính, chứ không phải tâm khinh an phát sanh trước xa ma tha, như luận của ngài Vô trước đã nói. Đây là pháp phải tu. Lại nữa, cần phải mỗi ngày tu tập bốn tòa gia hành, trong khoảng hai tháng thì sẽ được tướng trạng [khinh an].

### **K3. Sau khi được kiên cố, tu tập thu phóng, v.v...**

Trong phẩm đầu của *Nhiếp Chân Thật Kinh* dạy:

Nếu vi tế kim cang,

---

<sup>108</sup> Thân thô trọng khiến cho hành giả không thể tu hành thiện sự.

Hiện tướng an lạc xúc,  
Tướng đó cần phổ biến (biến khắp),  
Tâm cũng theo đó biến,  
Tâm nếu đã tùy biến,  
Sẽ biến khắp ba cõi.

*Thượng Sư* nói: “Do tu tập lực kim cang vi tế, tự thân có thể biến khắp. Nếu muốn tăng trưởng, khiến cho biến khắp làng xóm, cho đến khi biến khắp ba cõi.” Về pháp tu khai phóng, *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói tụng “*Sphara vajra*”, giống như gió thổi vi trần, phân tán các vi tế kim cang đến khắp mọi nơi. Sau khi thiền quán lâu dài, nên tụng “*Samhāra vajra*.” Tùy theo hơi thở vào, quán thu các kim cang vi tế lại đầu mũi thành một chày kim cương, đặt quán tâm vào đó, như phẩm đầu nói:

Kế đến thâm nhiếp tâm,  
Khiến trụ nơi đầu mũi.

*Kiều Tát La Trang Nghiêm Luận (Ornament of Kosala)* nói: “Kế đến, từ đầu mũi đi vào lỗ mũi bên phải, an trụ kiên cố nơi tim.” Tụng “*Om drdha tiṣṭa*”, trước tiên cầu duyên tướng xa ma tha vi tế. Sau khi thành trụ, kế đến duyên các tướng thâm phóng luyện tập định lực, đây là nhân thù thắng để điều tâm. Cho nên định lực không giống như chỉ riêng an trụ tâm cố định một chỗ như các thiền chỉ khác.

Trong *Thượng Sư* nói sau pháp tu thâm phóng, tu tập một tháng. Cộng tu ba tháng, thì tam ma địa vi tế sẽ được viên mãn. *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)* và *Nhiếp Chân Thật Luận Thích* đều nói đến vi tế du già. Nếu như có thể hiểu rõ vấn đề này, ắt sẽ dễ dàng hiểu rõ những lời dạy “trước tiên tu các phần trụ tâm (xa ma tha), kế đến mới khéo léo tu tập tam ma địa” trong các bộ *Tập Mật (Guhyasamāja Tantra)*, *Hiện Quán*, v.v..., của phái Long Thọ.

## Chương 25. Vô tướng du già

### I2. Vô tướng du già.

#### J1. Lời dạy vô tướng du già trong *Nhiếp Chân Thật Luận*.

*Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)* nói:

- (1) Do ngộ nhập chữ A,  
Sẽ nhập tất cả chữ,  
Miệng mình nhập miệng khác,  
Sẽ thành tựu tất địa.
- (2) Có định xuyên trí tuệ,  
Gọi là tam ma địa,  
Phải do đây tu ấn,  
Tu xong mau thành tựu.
- (3) Có tuệ<sup>109</sup>, âm tùy theo,  
Khéo xuất chánh định ngữ<sup>110</sup>,  
Tu mật mau chứng đắc,  
Bí mật tô tất địa.
- (4) Mật chú, và minh chú, ...  
Tất cả không khác biệt,  
Do tu tập tuệ này,  
Mau chứng được tất địa.

Bài kệ đầu tuy không đề cập đến tâm chú, nhưng *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói bốn bài kệ trên, theo thứ tự, là y vào tâm chú, thủ ấn, mật chú, và minh chú mà tu tập thông đạt trí tuệ chân thật.

Chữ A<sup>111</sup> là vô sanh, gọi là cửa của tất cả các chữ khác. Do nghĩa và ngữ của chữ A mà ngộ nhập bốn tánh vô sanh,

---

<sup>109</sup> Có tuệ, gọi là tam ma địa ngữ.

<sup>110</sup> Do rời không theo ngữ ngôn.

cho nên đối với tất cả chữ trong mật chú, đều lấy lý của pháp vô ngã mà tu tập, đây tức là tịch diệt vô sở kiến.

Ý nghĩa của khẩu (miệng), môn (cửa) và ngộ nhập giống nhau, nghĩa là tự mình ngộ nhập và người khác ngộ nhập. Do nhập vào nghĩa của chữ A, tự mình vô sở kiến; phần trên, bốn tôn hiện trước mặt tức là người khác, cho nên cũng nhập vào vô sở kiến.

Nếu giải thích chữ “khẩu” là chữ “môn”, nghĩa là tự mình sinh khởi thành bốn tôn và pháp tu bốn tôn trước mặt giải thích ở trên là giải thoát môn, cho nên gọi là tự tha môn. Ý nghĩa nhập vào hai môn đó giống như phần trên đã giải thích (tự tha vô sở kiến). Đoạn văn này đang nói về trí tuệ quán sát theo thứ tự, tự khởi thành bốn tôn cùng bốn tôn trước mặt ở phần trên cùng các chữ (tự mẫu) của chú, đều là phân biệt tuệ, không thật sự hiện hữu.

Trong bài kệ thứ hai, định xuyên trí tuệ (Anh: penetrating wisdom), nghĩa là duyên vào thẳng nghĩa. Gọi là tam ma địa, nghĩa là ngăn chặn sự chọn lựa phân biệt, an trụ trong chánh định. Bài kệ thứ ba có chữ “tam ma địa.” Bài kệ thứ tư cũng nói tương tự. *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói: “Các vị đại luận sư cho rằng ba bài kệ sau cùng chánh thức nói về pháp tu tam ma địa.” Văn tuy nói riêng biệt hai pháp tu chỉ (bài kệ đầu) và quán (ba bài kệ kế), thế nhưng lúc chánh tu, cần phải tu tập chỉ quán quân bình.

Theo bài kệ thứ ba thì trí tuệ của sự tu tập mật chú là duyên theo âm thanh mà cùng lúc đắc được định tâm mà

---

<sup>111</sup> Đây là chữ A viết theo linh ngữ. Các nguyên âm khác là biến thể của chữ A, các phụ âm đều đọc kèm theo âm A, nên ngộ nhập chữ A tức sẽ ngộ nhập được tất cả các chữ (tức ngộ nhập vô sanh).

không rời vô phân biệt tâm (ly ngữ ngôn tướng). Minh chú cũng tương tự như mật chú, các tướng khác biệt của từng âm chữ trong đó phải dùng sự quán sát vô tự tánh để khiến cho không có sự khác biệt. Đi đến quyết xác tự khởi thân và bốn tôn ở trước mặt, cùng với mật chú, minh chú được trì tụng đều vô tự tánh.

Đối với ý nghĩa vừa đề cập, bốn bộ tu tập đều giống nhau. Thế nhưng trí tuệ tâm, chú, ấn, v.v..., có sự khác biệt là căn cứ sự niệm tụng của bốn bộ (Phật bộ, v.v...) mà phân. Phần dưới sẽ đề cập đến.

## **J2. Lời dạy vô tướng du già trong các luận số mật tông.**

### **K1. Pháp tu vô tướng du già trong Phật bộ.**

Tự tu thành Phật thân, như Tỳ Lô Giá Na, v.v..., phần trên đã có pháp tu như vậy, quán tướng trong tâm của bốn tôn trước mặt có mẫu tự của mật chú. Kế đến, đối với thân tự khởi và bốn tôn ở phần trên quyết xác nhân pháp vô ngã, hoạch được vô tánh định giải, kế đó chuyên tu tam ma địa, sắc, v.v..., đều là vô tướng. Như *Kim Cang Đánh Kinh (Vajrasekhara Tantra)* nói:

Người trì tụng Phật bộ,  
Trụ Phật tánh cát tường,  
Trong tam thiên thế giới,  
Nên quán tướng Phật thân.  
Nơi tâm vị Phật đó,  
Quán tướng mẫu tự chú,  
Quán tự thân vô ngã,  
Là nhập pháp không tánh.  
Kế, đối với thân Phật,  
Quán tướng là vô ngã,  
Quán Phật sắc là gì,  
Toàn không có tự tánh.



Phật không bị luân hồi,  
Không uẩn cũng không giới,  
Không thể chấp thủ Phật,  
Cũng không phải không Phật.  
Sáu loại ba la mật,  
Dùng trí tuệ giữ gìn,  
Nhờ trí vô sở trụ,  
Chúng không tánh, giác ngộ.  
Do pháp du già này,  
Người trì tụng Phật bộ,  
Liên vượt tầng kỳ kiếp,  
Chúng đắc Cực hỷ địa.

## **K2. Pháp tu vô tướng du già trong Kim cang bộ.**

Quán tướng tự thân là Kim cang tát đỏa (vajrasattva), phía trước cũng quán tướng hình chày kim cang đầy khắp hư không. Nơi “rốn” của chày kim cang, an lập tự mẫu mật chú. Kế đến, do dần dần phân tích từng phần sắc, v.v..., của chày kim cang mà đắc được định giải về vô sanh, cần phải chuyên tâm tu tập. Như *Kim Cang Đảnh Kinh (Vajrasekhara Tantra)* nói: “

Người tụng Kim cang bộ,  
Tự khởi thân kim cang (tát đỏa),  
Ở cõi tam thiên này,  
Quán chày kim cang khắp.  
Nơi rốn chày kim cang,  
Quán mẫu tự minh chú,  
Chày này là vô tánh,  
Bồ đề tâm diệu quả.  
Vì sao tên kim cang,  
Như thị không đối khác,  
Tại sao tên như thị,  
Như thị thật tướng không.

Sắc, và tất cả pháp,  
Thiền quán đều không tướng,  
Phân sắc thành vi trần,  
Vi trần cũng không có (tự tánh).  
Nói sắc tức là không,  
Cũng gọi là kim cang,  
Do pháp du già này,  
Mau chứng Cực hỷ địa.

### **K3. Pháp tu vô tướng du già trong Bảo bộ.**

Quán tướng tự thân là kim cang bảo (Vajraratna), ở khoảng không trước mặt, quán tướng các mẫu tự mật chú, kể đến đối với năng thủ sở thủ đã được quyết trạch, hoạch được định giải về ý nghĩa của vô thực bình đẳng tánh, chuyên chú trụ tâm theo tánh đó. Như *Kim Cang Đánh Kinh (Vajrasākhara Tantra)* nói:

Người trì tụng Bảo bộ,  
Tự khởi kim cang bảo,  
Ở cõi tam thiên này,  
Đều quán là không tướng.  
Hành giả đối hư không,  
Tướng mẫu tự mình chú,  
Tên chư pháp không tánh,  
Và không tánh chân như.  
Biến kể sắc trong ngoài,  
Tạm thời đều vô sanh,  
Nếu sắc không hiện hữu,  
Thì sao gọi là mắt.  
Vì không có sắc, mắt,  
Các thức cũng không sanh,  
Như vậy tất cả sự,  
Đều rời năng sở thủ.  
Do pháp du già này,

Được Cực hỷ tối thắng.

#### **K4. Pháp tu vô tướng du già trong Liên hoa bộ.**

Quán tướng tự thân là Thế gian Tự tại (Lokesvara), trước mặt quán tướng có hoa sen đầy khắp hư không, trên hoa sen an lập mẫu tự mật chú. Khi đạt được định giải đối với ý nghĩa tất cả pháp vô tự tánh, thì trụ tâm vào đó. *Kim Cang Đánh Kinh (Vajrasekhara Tantra)* nói:

Người tụng Liên hoa bộ,  
Tự khởi Liên hoa thủ (Padmasattva),  
Quán cõi tam thiên giới,  
Như dạng hình liên hoa.  
Trên những đại liên hoa,  
Quán mẫu tự minh chú,  
Người trí đối liên hoa,  
Tư duy các pháp tánh.  
Như sen không dính nước,  
Cũng không nhiễm ế ô,  
Như vậy, các pháp tịnh,  
Pháp giới vốn vô sanh.  
Như lai tạng là gì,  
Tức là pháp tánh không,  
Các pháp tánh như sắc, ...  
Tên là chân như tánh.  
Do pháp du già này,  
Pháp du già khó hành,  
Hiện đời thành Chánh giác,  
Nhất định thành liên hoa (bồ tát tánh).

Do vì thường tu tập những pháp như vậy, mà giả gọi là niệm tụng, không phải là tụng tự mẫu mật chú thật. *A Phục Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)*, sau phần nói về niệm tụng có sở duyên, đã nói như sau:

Vì các vị du già sư có trí tuệ về pháp vô ngã, nay tôi sẽ nói pháp du già thẳng nghĩa tuệ, mà *Nhiếp Chân Thật Luận* và *Kim Cang Đánh Kinh (Vajrasekhara Tantra)* đã nói về các sự niệm tụng sai biệt khác.

Kể đến, Ngài giảng nói giống như những gì đã được trích dẫn trong *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)* và chú giải của nó.

### **J3. Tóm lược về pháp tu Vô tướng du già.**

Như những lời dạy trong *Kim Cang Đánh Kinh (Vajrasekhara Tantra)*, phần chánh là lấy tỳ bát xá na (nội quán) làm chủ, dùng trí tuệ quán sát phân tích để tu tập. Những lời dạy trong *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)* là chia làm hai phần là chỉ (không quán sát) và quán (quán sát). *Kiều Tát La Trang Nghiêm (Ornament of Kosala)* nói:

Xa ma tha, đối với tam ma địa lấy giác sát (tầm tứ) làm hành tướng, nghĩa là chuyên chú vào một cảnh sở duyên. Tỳ bát xá na tức là tuệ, là hành tướng là pháp tâm sở trạch pháp, nghĩa là đối với định tâm, quyết trạch đâu là hữu lậu, đâu là vô lậu, đâu là thanh tịnh.

Đây là nói về hành tướng của chỉ quán. Sự giản trạch về lậu, vô lậu, v.v..., gọi là tỳ bát xá na, nghĩa là nội quán duyên hết tất cả tướng của pháp (tận sở hữu tánh), rồi xuyên qua đó nội quán pháp tánh không (như sở hữu tánh).

Nếu chuyên tu tập chỉ quán phẩm trụ tâm (nặng về định hay xa ma tha), sẽ dễ bị trầm một. Còn nếu chuyên tu tập quán phẩm tư trạch (nặng về tỳ bát xá na), sẽ bị điệu cử. Cho nên đối với hai phẩm chỉ quán, phải nên bình đẳng tu tập. Nếu như bị điệu cử, nên tác ý vô thường, v.v..., có thể yếm lý

bớt cảnh sở duyên. Nếu bị trầm một, nên tưởng ánh sáng nơi tim để sách tấn cảnh sở duyên, để trừ khiến hôn trầm. Do sự tu tập như vậy, nếu vô công dụng bình đẳng tùy chuyển, thì gọi là đắc song vận.

Như *Kiều Tát La Trang Nghiêm (Ornament of Kosala)* nói:

Nếu xa ma tha tăng thượng, tâm sẽ trầm một tán loạn. Nếu tỳ bát xá na tăng thượng, tâm sẽ điệu cử tán loạn. Cho nên phải theo thứ tự, dùng tác ý ánh sáng, và dùng tác ý vô thường để khiến trừ hai loại tán loạn. Đối với ý nghĩa tư duy, song vận chuyển trụ. Dùng dây chánh niệm cột chặt con ngựa quán, ngăn chặn tâm thất niệm khiến sanh trầm một điệu cử, hướng niệm vào con đường trung đạo, tức là song vận chuyển. tu tập đến lúc vào song vận một cách tự nhiên không cần chút nỗ lực, tức là ý nghĩa của vô công dụng chuyển.

Ý của ngài Phật Mật là cho phép quán không tánh và an trụ ngăn chặn dòng khí lực bằng cách đình trú hơi thở rút vào hết trong đờ mục để tránh sanh vọng tưởng. *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói:

Lúc quán sát ngã, thánh tôn, hoặc tự mẫu được trì tụng đều thấy là vô sanh, thẳng giải các pháp đều là không tánh. Nhờ hai pháp nhiếp trụ các khí, và vọng tưởng nơi tâm sở y, đều hướng nội nhiếp, và với tâm xa lìa sắc, v.v..., tác ý về ngã, thánh tôn và những tự mẫu được tụng niệm đều đồng như hư không.

Đến lúc thở ra, cảm giác thấy luồng gió vi tế đã được lãnh nạp vào trong mũi đi ra, hệ niệm bốn tôn trước mặt. Sau đó hít vào nhiếp trụ khí (ngừng thở) ngăn chặn vọng tưởng và quán tánh không vô tướng.

Như vậy, nếu không dùng chánh kiến quyết trạch vô ngã, mà chỉ khiến cho nội tâm hoàn toàn không chấp trước, an trụ vô phân biệt, hoặc do tu pháp nhiếp hơi thở, dẫn sanh tam ma địa có lạc sáng tỏ và vô phân biệt tâm, rồi cho rằng đây là pháp tu du già quán pháp như thị. Đây còn chẳng phải là quy tắc tu tập của ba mật bộ thấp, huống chi là vô thượng du già. Hơn nữa, tuy dùng chánh kiến quyết trạch vô ngã, nhưng lúc chánh thức tu tập, nếu không hệ niệm chánh kiến đó để tu tập những nghĩa lý đã được chánh kiến vô ngã thẳng giải, mà chỉ khiến tâm trụ trong vô phân biệt, thì đây cũng không phải là tu tập ý nghĩa chân thật. Bởi thế, những người mong cầu giải thoát, trước tiên phải nên tìm cầu vô ngã kiến, sau khi đạt được, thì sẽ rõ biết những pháp tu, không còn sai lạc nữa.

Rải rác trong *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)* và *Thắng Cát Tường Đại Sở (Shrīparamādyā)*, ngài Khánh Hỷ Tạng đã nói đạo lý về sự quyết trạch không kiến, và sự quan trọng của nó. Trong *Kim Cang Sanh Luận (Means of Achievement Called Source of Vajrasattva)*, sau phần tu bốn tôn, cũng đã nói sơ lược về pháp tu tập nhân của ba loại bình đẳng tánh quán. Nhưng vẫn không giống như ngài Phật Mật giải thích *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)*, cùng giải thích đạo lý về tu tập không tánh một cách tổng quát. Lại cũng không giống như ngài Thích Ca Hữu giải thích riêng biệt về hành tướng của chỉ quán, lỗi lầm của sự tăng giảm, đạo lý về song vận. Thế nhưng, phần trên nói về đạo lý của sự tu tập không tánh, là ý thú chung của ba vị đại luận sư thiện xảo. Cho nên, trong Du già mật, do tu tập bốn tòa vi tế biểu tượng, bốn tôn du già, dẫn sanh pháp hữu tướng tam ma địa, kể đến sanh khởi ý nghĩa của pháp vô tướng tam ma địa, đều phải nên hiểu rõ giống như phần trên.

Trong đây nói trước tiên tu tập thừa sự (tức tu du già hữu tướng, vô tướng) là phương tiện dần dần đến gần sở đắc. Như *Tập Mật Hộ Kinh (The Continuation of the Guhyasamāja)* nói:

Do cộng và thắng khác,  
Nên có hai thừa sự.

Nói tu tập hai loại phương tiện thành tựu đều gọi là thừa sự. Ở đây cũng giống như vậy. Cho nên bốn bộ đều nói trước tiên tu tập thừa sự, là để nêu rõ thứ đệ tiến lên bậc thượng đạo.

Phải nên khéo léo phân biệt bốn tôn du già và không du già, nơi tự thân phải hiểu và phân biệt rõ giới hạn. Nếu không như vậy, chỉ chấp vào nghi quỹ pháp tu niệm tụng, cùng lúc đó trì tụng mật chú mà cho là tu tập thừa sự, thì thành quả thu thập, cũng chỉ là hành trì những nghi quỹ khai quang, quán đánh, v.v..., mà cầu được giải thoát. Chưa từng thấy những hành giả như vậy mà đắc được yếu nghĩa của bất cứ một mật bộ nào.

Ba Mật bộ cấp thấp và các vị đại luận sư, quy tắc giải thích về pháp tu không, chỉ quán đều tương đồng với *Tu Thứ Đệ Luận - Tam Biên (Stages of Meditation – Part Three)* của ngài Liên Hoa Giới, *Bát Nhã Giáo Thọ Luận (Quintessential Introductions on the Perfection of Wisdom)* của ngài Tịch Tĩnh (Ratnākaraśānti), *Du Già Sư Địa Luận (Treatises on the Grounds)* của ngài Vô Trước, và các bộ luận của ngài Di Lặc. Trong *Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Đại Luận (Lamrim Chenmo)* đã trình bày tường tận.

- lý do về thứ tự tu tập pháp quán sau pháp chỉ.

- thể nào trước khi đạt được khinh an [tâm và thân], hành giả đạt được tỳ bát xá na tùy thuận, và sau khi đạt được khinh an, hành giả đạt được tỳ bát xá na chân thật.
- thể nào pháp chỉ và pháp quán liên quan đến pháp quán vô ngã
- thời điểm đạt được chỉ quán song vận, v.v...

Cho nên ở đây sẽ không trình bày chi tiết.

Lúc tu tập thừa sự, nhân để được tất địa, như *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* nói:

Trong các ấn, minh chú, mật chú, tuy các nghi quỹ ngoại cúng, cũng là các nhân từng phần cho sự thành tựu. Nhưng bốn tánh của tất cả các pháp, tất địa thành tựu sẽ mau chóng hơn nơi các hành giả chánh cần niệm tụng và tinh tiến tu hành. Cho nên các hành giả siêng cần, đối với pháp này phải nên tinh tiến tu tập.

Điều này muốn nói là siêng cần tu bốn tôn, viên mãn niệm tụng là việc quan trọng nhất. Nhưng pháp tu đối trị chướng ngại cho sự thành tựu, không gì quá hơn tu tập không tánh, cho nên pháp tu không tánh này đặc biệt quan trọng. Như luận trên nói:

Nếu đối với bốn tôn đẳng chánh giác, v.v..., tùy niệm nơi họ tự thể vô tướng. Như vậy, do vì tất cả ngã pháp đều vô sở đắc, ắt không có hoặc nghiệp chướng ngại tất địa.

Lại nói:

Nếu có lúc, các vị du già sư đã khéo tu tập thừa sự mật chú, nhưng vẫn chưa có thể đắc được tất địa mong muốn, phải nên trước và sau khi tu tập đại ấn, v.v..., lúc



hành pháp và niệm tụng, phải tăng thượng duyên quán pháp thân của bốn tôn.

Cho nên trước khi tu bốn tôn thân đại ấn, cũng như sau khi tu tập thiền quán và niệm tụng, nếu tu tập không tánh thì sẽ mau đạt được tất địa.

## Chương 26. Thành tựu tất địa

### H4. Sau khi khéo thừa sự, tu tập tất địa như thế nào.

#### 11. Tu tập đạt tất địa do thiên quán.

Nếu như phần trên đã nói, sau khi tu tập thừa sự tổng quát, riêng đối với kim cương vi tế tam ma địa đã đạt được sự tự tại, phải nên tu tập thiên quán để thành tựu các diệu tất địa thế gian xuất thế gian. Ở đây lại có hai loại:

(1) Do lúc mới nhập đàn, hành giả giáng nhập trí tôn, đối với thế gian tất địa như bảo tạng, v.v..., tu tập sơ lược liền được thành tựu.

(2) Các tất địa khác ắt cần phải tu tập đến lúc hoạch được những tướng trạng đã được mô tả mới có thể thành tựu.

Trong đây, ngài Phật Mật, chỉ trong lúc tu bốn ấn mới nói đến việc trí tôn giáng nhập tự thân mà tu tập. Lúc tu tất cả tất địa thế gian xuất thế gian khác, chỉ nói đến tự trụ trong lòng tự hào là tam muội đa tát đỏa, trí tuệ tát đỏa an trụ trước mặt, không cần nhập tự thân, tu cúng dường v.v.... Ngài cũng đã kích tông chỉ của những vị luận sư khác cho rằng trước tiên tự tu tam muội đa tát đỏa, triệu nhập trí tôn tát đỏa, kể đến tu tất địa. Thế nhưng, trước khi tu tập tất cả tất địa, phải tu bốn tôn du già, đây là điều các bậc tôn túc đều chấp nhận.

#### ***Bảo tạng.***

Nếu vì lợi ích mà trừ khiến sự nghèo khó của mình và người, v.v..., mà tu tập pháp bảo tạng tất địa, thì như Sơ phẩm của *Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles)* nói:

Quán dạng kim cương hình,

Trong bình ở tự tâm,  
Tu xong ắt sẽ thấy,  
Các bảo tạng trong đất.

Nghĩa là quán tưởng một bình bảo tạng trong tâm mình, trong đó có một vàng trắng, trên vàng trắng có chày kim cang năm chấu (màu và ánh sáng tùy theo bộ). Niệm tụng “*Vajranidhi*<sup>112</sup>”, tu tập cho đến khi thấy tướng. Tướng, nghĩa là tướng chày kim cang có thể thấy được, xúc chạm được, sau khi thấy được tướng trạng, tu niệm tụng suốt một đêm, sau đó đi đến chỗ bảo tạng đã được quán tưởng, làm pháp cúng dường bốn tôn, v.v..., cùng pháp thí thực cho quỷ thần. Dùng kim cang tỏa (*Vajrasphota*) chú ấn bao bọc và bảo hộ bảo tạng và vùng chung quanh. Kế đến tu niệm tụng liền có thể thấy bảo tạng, đào lên mà lấy.

Tương tự, [*Nhiếp Chân Thật Luận (Compendium of Principles Tantra)* nói] nếu ở nơi hư không, tu tập chày kim cang, tự tu yết ma kim cang (chày Kim cang thập tự), sau khi tu niệm tụng, thì tùy theo hai kim cang rớt xuống nơi nào thì nơi đó có bảo tạng. Nếu ở nơi lưới tu tập chày kim cang mà tu niệm tụng, thì có thể nói chính xác nơi nào có bảo tạng.

### ***Không chìm trong nước.***

Nếu muốn tu tất địa “không chìm trong nước”, có thể ở nơi bên cạnh dòng suối, v.v..., hoặc tùy nơi nào thích hợp, dùng một bình sành lớn chứa đầy nước sạch, để ở một nơi có thể thấy được, trong tâm tụng “*Vajravāla*<sup>113</sup>”, tu đến khi

---

<sup>112</sup> Ngài Khánh Hỷ Tạng bổ xung tùy theo bộ mà tụng: *Vajranidhi* (Kim cang bộ), *Ratnanidhi* (Bảo bộ), *Padmanidhi* (Liên hoa bộ), *Karmanidhi* (Yết ma bộ). Ngài Phật Mật thay *Padmanidhi* bằng *Karmanidhi*.

<sup>113</sup> Thần chú thay đổi tùy theo bộ.

các hạt trong nước biến thành hình dáng kim cang, hơn nữa, dính vào với nhau, kết thành một hình tướng kim cang. Bốn tòa tu tập, cho đến lúc thấy được tướng kim cang có thể xúc chạm được, v.v... Kế đến, đạt đến trình độ cứng chắc như kim cang, có thể được xúc chạm bởi tay chân, v.v... Lúc đó, tùy theo họa (vẽ) mạn đà la luân của bất cứ một bộ nào, sau khi tu tập nghi quỹ tiền hành, trải qua một đêm an trụ tam ma địa. Kế đến, nếu muốn đi đứng được trên mặt nước, chỉ cần hiện khởi và an trụ trong tam ma địa này, ắt có thể đi đứng được trên mặt nước, v.v...

### ***Đi trong hư không.***

Nếu duyên vào các vi trần trong không trung, tu thành yết ma kim cang, biến thành một cái thang kim cang, hẳn đến có thể xúc chạm bằng tay chân, nên tu tập như phần trên, ắt có thể đi trên hư không lên được đỉnh núi Tu Di, v.v...

### ***Trì minh tiên.***

Nếu tu trì minh tất địa (thành trì minh tiên), nên rộng tu các nghi quỹ cúng dường, v.v... Sau khi tu vi tế kim cang, tụng một trong bốn loại tâm chú: *Vajradhara, Ratnadhara, Padmadhara, Karmadhara*. Tùy theo các phẩm bộ khác biệt, quán tưởng tự thân là thân hình viên mãn của trì minh tiên an trụ trên vàng trắng, tu tập cho đến khi đạt được hình tướng có thể thấy hoặc xúc chạm. Kế đến, cúng dường bốn tôn, an trụ trong tam ma địa một đêm. Trí tuệ bốn tôn sẽ tùy đó mà giáng lâm, ban bố tất địa của sự tu tập trì minh. Như vậy, nhiều cộng tất địa đều có thể tu hành.

### ***Biến đổi thân hình.***

Nếu muốn tu tập đạt được tối thắng tất địa thế gian, tự tu một trong năm Như lai thân (Tỳ lô giá na, A súc ...), niệm tụng “*Vajradhātu*”, quán tưởng có một thân Phật vi tế biến khắp hư không giới. Lúc thở ra, quán tưởng tất cả Phật thân một cách rõ ràng sáng rực, đến lúc hít vào, tưởng như tô (bơ, Anh: butter) hòa vào trong cát, đều nhập vào tự tâm mà nhiếp trì. Như vậy, không làm một sự việc nào khác mà chỉ chuyên tinh tu tập, điều phục sự thô trọng của ba nghiệp, tu tập cho đến khi thấy được tướng. Sau khi thấy được tướng chư Phật khắp hư không, tu tập như phần trước nói, về họa (Hán: hội) đàn (mạn đà la), ắt sẽ thành tựu trì minh bồ tát giống như hình tướng Phật (trì Phật hình).

Hơn nữa, trong Phật bộ, nếu an trụ trong lòng tự hào là bốn tôn, như Kim cang tát đỏa, v.v..., cùng tự thân không có sự khác biệt, mỗi ngày tu tập, xa lìa nghiệp chướng ngại của thân khẩu ý, khi thở ra, tưởng hình tướng bốn tôn biến hiện đầy cả hư không. Đặc biệt, đối với các căn và cảnh trong tâm (tướng), quán tưởng tất cả những đối tượng đó đều là hình tượng của bốn tôn. Đang lúc tư duy như vậy, quán niệm như sau:

Tất cả những đối tượng này đều từ sự phân biệt mà sanh khởi, những sự phân biệt đó, nếu dùng giáo lý quán sát, trong thắng nghĩa đế, tất cả đều không có [thật].

Kể đến, lúc thân nhiếp hơi thở và ý thức, nên tu tự khởi thành bốn tôn. Tu tập như vậy, nếu đắc được tướng trạng như phần trên đã nói, nên hội đàn cúng dường, an trụ trong định một đêm, siêng cần tụng niệm. Bốn tôn giảng lâm truyền trao đại ấn thân hình tất địa của ngài. Tu hai thời này, gọi là tu đình chỉ hơi thở vọng tưởng mà tu tập.

Nếu đối với hai pháp này, do tu tập lực yếu ớt, chưa được tất địa như đã đề cập, thế nhưng theo Phật Mật những tất địa khác như thần thông, thọ mạng, sức lực, v.v..., có thể thành tựu mà không phải gắng công nhọc sức.

Pháp tu tất địa như vậy trong Du già mật, là pháp giáo hóa cho những hành giả thượng căn, lúc bắt đầu tu tập các tất địa tối thắng thế gian. Thế nhưng, trong Sự mật và Hành mật, nếu thành tựu trì minh tất địa như đã nói ở phần trên, đó tức là tối đại thân tất địa.

## **I2. Tu tập đạt tất địa do niệm tụng thần chú.**

Hành giả muốn đắc tất địa do niệm tụng, trước tiên tự khởi là bốn tôn. Trong bốn tháng, mỗi ngày tu bốn tòa trì tụng tâm chú Phật bộ, hoặc các bộ khác, một trăm lẻ tám biến, viên mãn thừa sự (tức du già hữu tướng và vô tướng).

### ***Biến đổi thân hình.***

Kể đến, nếu muốn tu đạt tất địa, trước tiên, ở trước tranh tượng bốn tôn, tu tập bốn tôn du già, cũng trải qua bốn tháng, mỗi ngày bốn tòa niệm tụng. Cuối cùng tụng niệm suốt đêm, đến khi trời sáng, ắt sẽ đắc được tất địa của bốn tôn.

### ***Tam muội da ấn.***

Nếu như muốn đắc được tam muội da ấn tất địa, trước tiên phải nên tu tập thừa sự như phần trên. Kể đến, ở trước tranh tượng bốn tôn, trong bốn tòa tu tập, đều kết kim cang mẫu (satva vajri)<sup>114</sup> tam muội da ấn của Phật bộ, không giải

---

<sup>114</sup> Trong *Kim Cang Đánh Kinh* (đã được phiên dịch) không thấy Kim cang mẫu, chỉ thấy Kim cang ba mật bồ tát với thần chú là *Om*

ấn đó, khéo trì tụng, tổng cộng tụng chân ngôn đủ mười vạn biến, sau đó kết ấn tụng suốt một đêm. Lúc đó, nếu cảm thấy mệt mỏi, có thể tạm thời giải ấn để nghỉ ngơi, sau đó, kết ấn rồi tụng tiếp.

Như vậy, chuyên tâm nhất ý, nếu kết ấn trên đỉnh đầu, thấy ấn xí nhiên (bốc lửa sáng rực), lúc đó kết ấn ắt sẽ di động. Nếu đã di động, kết ấn hơi cử động thân mình thì có thể bay lên không không bị chướng ngại.

Nếu như kết ấn nơi giữa chân mày để niệm tụng, thấy ấn di động, lúc đó chỉ cần kết ấn đó, sẽ có thể hóa bất cứ thân nào mà mình muốn. Nếu như kết ấn nơi tim để niệm tụng, thấy ấn di động, lúc đó chỉ kết ấn, ắt có thể tàng hình.

Nếu như ấn phát ra âm thanh, khi kết bất cứ tam muội da ấn riêng biệt nào của chư tôn nào trong Phật bộ, và niệm tâm chú của ấn đó, liền có thể làm tất cả hành nghiệp mà trong kinh đề cập đến.

### ***Bảo hộ.***

Lại nữa, trong bốn tháng, trước tiên khéo tu tập thừa sự, kế đến ở trước tượng bốn tôn, trong một tháng, mỗi ngày tu bốn tòa. Sau đó trì tụng suốt một đêm, thì đối với các vật áo giáp, côn, trượng, dây nhợ, bột hạt cải, hạt cải, cọc kim cang, chày kim cang, cung tiễn, bảo kiếm, phân chuột, v.v..., tùy cầm một vật, hoặc dùng các loại chân ngôn, hoặc dùng chân ngôn của bốn tôn gia trì, hoặc buộc trong thân (người nào), hoặc cầm nơi tay (người nào), phạm các người nam, người nữ, hoặc nhi đồng bị ma làm mê hoặc; hoặc sợ bị người, phi nhân, hoặc các loài ma làm tổn não; hoặc đã bị họ làm tổn

---

*satva vajri hūṃ*. Đây là một trong bốn chư tôn vây quanh đức Tỳ Lô Giá Na ở giữa mạn đà la.

não, đều có thể phòng hộ, giải thoát khỏi các sự tổn não hoặc sự sợ hãi. Hơn nữa, các xóm làng, thành ấp sợ hãi oán địch, thủy lửa thiên tai, bệnh dịch phát sanh, nếu thủ hộ như phần trên, ắt có thể thoát ly những sự sợ hãi đó.

### ***Cầu thiên thần chỉ dẫn.***

Nếu muốn biết rõ sự việc là thiện hoặc bất thiện từ các thần, thiên xuống chỉ dẫn, nên cầu họ giáng nhập vào một người hay vật, sau đó dùng chiên đàn tím hoặc trắng, hòa với nước sệt giống như bùn, tụng chú một biến và chạm vào người hay vật đó. Hoặc kết ấn kim cang, ấn câu v.v..., hoặc chạm xúc vào hình tượng để họ giáng lâm vào đó, sau khi giáng lâm, sẽ tuyên thuyết cách nào có thể chặn đứng những ma sự, v.v...

### ***Tìm vật bị mất.***

Hoặc dùng bình bằng đồng, hoặc bình sành, gia trì giống như phần trên, cũng có thể giáng lâm. Nếu cầu để biết xem đồ vật bị thất lạc nơi nào, hoặc ai là kẻ trộm, đều có thể chỉ dẫn, hiển thị.

### ***Hiện thân.***

Lại như phần trước đã nói về ba loại thứ đệ<sup>115</sup>, cuối cùng trong bó lông chim khổng tước, để một chày gỗ, buộc lên trên đánh tóc hành giả. Dùng kim cang mẫu (Satvavajri) tam muội da ấn ấn vào, trì tụng cho đến khi tất cả ấn<sup>116</sup> nhập vào. Sau khi hiện tướng, vừa xoay vừa lắc bó lông chim, thì tự

---

<sup>115</sup> Đây là trước tiên thừa sự bốn tháng, kể đến, một tháng bốn tòa thừa sự, và trì tụng suốt một đêm.

<sup>116</sup> Theo ngài Lati Rinpoche, “tất cả ấn” ám chỉ các thánh tôn nữ như Minh phi, Không hành nữ, Kim cang nữ, v.v...



mình có thể biến hiện thành tất cả hình sắc, hiển thị tất cả sự nghiệp lợi lạc thế gian, hiển thị mười phương chư Phật và chư quyến thuộc, và tự thân cũng có thể hiện thành thân Phật.

***Điều khiển tâm người khác.***

Lại nữa, trước tiên tu tập thừa sự bốn tháng, kế đến, ở trước tượng bốn tôn kết tam muội da ấn của kim cương mẫu, trong một tháng, mỗi ngày bốn lần trì tụng một trăm lễ tám biển. Kế đến, vẽ đàn tràng, kết tam muội da ấn, trì tụng suốt một đêm. Nếu thấy ấn xí nhiên (phát lửa sáng rực), sau đó tùy tâm muốn điều khiển hữu tình nào, quán tưởng nhập vào tâm của họ hòa tan trong đó mà tụng trì, thì sẽ điều khiển được họ. Đây là bốn sự nghiệp (tác pháp) thủ hộ, triệu thỉnh, điều khiển ....

***Tu các tam ma địa từ bi, v.v...***

*A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* còn dạy cách niệm tụng thành tựu các tam ma địa từ [bi], v.v...

Trong *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* cũng trình bày bốn cách như cách ngồi, cách tụng niệm âm thanh, cách tác ý quán tưởng, và cách nhìn, cũng như các tam muội da riêng biệt, cách tích tập tư lương, cách chọn chuỗi, cách lần chuỗi, v.v..., đã được đưa vào các nghi quỹ viên mãn, đây đều là sưu tập từ các kinh mật tông khác.

### **I3. Tu tập đắc tất địa do hộ ma<sup>117</sup>.**

Trước tiên, ở trước các hỏa lò dùng trừ diệt các ác (tức tai), tăng trưởng chủng tánh (tăng ích), v.v..., tu tập các tôn du già, mỗi ngày tu tập hộ ma, cho đến khi đạt được hiện tướng của sự diệt tội cho mình và người, sau đó tu tập các sự nghiệp.

Như vậy, trước hết phải nên thanh tịnh tam muội da và luật nghi, là cội gốc của các thành tựu. Kế đến, nên siêng cần tu tập bốn tòa du già hữu tướng vô tướng. Sau khi hoạch được kham năng, tiến tu thành tựu các tất địa cộng và bất cộng để tiến nhanh vào các đạo lộ. Ba Mật bộ cấp thấp, nên biết đạo lý này: không phải chỉ dùng phong tức, niệm tụng, chân không, bốn tôn du già, v.v..., tổng hợp lại tu để tiến đến viên mãn các đạo lộ, mà phải tăng thượng qua thành tựu tất địa. Vì những pháp này không có đầy đủ những điểm trọng yếu trong giai đoạn phát sanh (bốn tôn) và viên mãn (như trong Vô thượng du già mật), nên rất cần phải đạt được tất địa thù thắng mới tiến thú vào các đạo lộ nhanh và dễ.

Muốn cho các hành giả biết rõ những tông yếu đó, trong *A Phược Đạt Nhạ Luận (Introduction to the Meaning of the Tantra)* của ngài Phật Mật và *Thích Luận* của ngài Thiện Căn Kim Cang (Padmavajra), y chỉ sơ phẩm của *Thiện Tập Kinh* dạy về đạo lý của sự tu tập tất địa, được sưu tập rải rác trong các mật kinh.

Tối thắng giáo trong Du già mật,  
*Nhiếp ChânThật Kinh*, hương nhũ hải,  
Ba sư diệu luận là côn gậy,

---

<sup>117</sup> Hộ ma (homa): danh từ Mật tông chỉ cho các pháp dùng các loại hỏa lò, củi lửa, thần chú, v.v..., để đốt các vật cúng dường thích hợp. Còn gọi là hỏa cúng dường.

Đập ra vị cam lộ đệ nhất.  
Được tịnh quán đánh, trụ luật nghi,  
Do tu bốn tòa tụng niệm pháp,  
Khéo khiến bốn tôn thân ngữ ý,  
Hợp nhất với ba nghiệp của mình.  
Tu ba du già điều trị tâm,  
Vào ba loại môn tu tất địa,  
Bốn tôn ban bố thượng thành tựu,  
Đây là thù diệu dị hành đạo.  
Cho nên chỉ biết pháp kết ấn,  
Và các thứ đệ tụng nghi quỹ,  
Mà cho đã biết nghĩa Du già,  
Phải cần biết thêm điều thiết yếu<sup>118</sup>.

---

<sup>118</sup> Câu cuối của bài kệ dạy: “Phải biết điều thiết yếu là sự tu tập tất địa cần thêm vào nghi quỹ niệm tụng để có thể viên mãn đạo lộ.”

## Phụ lục I: Tám thủ ấn của Du Già Mật



1 Great seal of Vajrasattva



2 Pledge seal of Vajrasattva

1. Kim cang đại ấn, 2. Kim cang tam ma da ấn.

Phụ lục I: Tám thủ ấn của Du già mật



3 Doctrine seal of Vajrasattva for yoga without signs



4 Action seal of Vajrasattva

3. Kim cang pháp ấn, 4. Kim cang nghiệp ấn.



5 Vajra-binding



6 Vajra-palms

5. Kim cang phược ấn, 6. Kim cang hợp chưởng ấn.

Phụ lục I: Tám thủ ấn của Du già mật



7 Vajra



8 Iron hook

7. Kim cang ấn, 8. Kim cang câu triệu ấn.

## **Phụ lục II: Các bộ mật tạng thấp** (Trích Tantric Grounds and Paths)

Thích Pháp Quang dịch

SỰ BỘ: Bya-rgyud. KRIYÀ TANTRA (ACTION TANTRA).

Đức Phật đã tuyên thuyết nhiều kinh về Sự bộ như Kinh Tô tất địa (Susiddhi), Tô bà ha đồng tử thỉnh vấn kinh (Subàhupariprccha), Samànyavidhdhinam guhya tantra (General secret tantra) (Tổng Trì bí mật kinh), Concentration continuum Tantra (Dhyànottara: Hậu Tĩnh lực) là bốn bộ kinh gốc cho Sự bộ. Trong Tổng Trì bí mật kinh, Đức Phật dạy 380 loại Mạn đà la của Sự bộ. Trong Tô Tất địa kinh, Ngài dạy cách quán tưởng về phần nộ tôn Tô Tất địa (Susiddhi). Trong Kinh Tô bà ha Đồng tử thỉnh vấn, Ngài dạy cách nhập thất tu trì Sự bộ và hành các pháp Tăng ích, Tức tai, Kính ái, Hàng phục (phần nộ); và trong Concentration Continuum Tantra (Hậu Tĩnh lực), Ngài dạy 4 chi Thiền quán của Sự bộ, thêm vào các kinh gốc còn nhiều kinh phụ và chú giải.

Trong quyển Mật Tông Thứ Đệ Đại Luận, Ngài Tông Cáp Ba (Tsongkhapa) chia Pháp tu Sự bộ thành 4 giai đoạn: Quán đánh, Phát thệ nguyện, Nhập thất, và Đạt tất địa (thành tựu).

Mặc dù cách hành trì (nghi quỹ) pháp Sự bộ rất dài, ngài Tsongkhapa đúc kết, phân chúng thành 4 giai đoạn làm chúng trở nên dễ hiểu, vì Ngài Tsongkhapa trình bày rất rõ và thực tế, tôi sẽ đặt nền móng chú giải của tôi chánh yếu trên đề cương của Ngài.

Sự bộ được giải thích qua 6 phần: (I) Nhận quán đánh, phương pháp làm tâm thuần thực với bộ pháp. (II) Phát các thệ nguyện. (III) Nhập thất, phương cách tu trì đạt đạo. (IV) Phương pháp để đạt tất địa khi ta đã trải qua 4 chi thiền quán. (V) Phương pháp tiến từ cơ bản, lên đạo lộ chánh một cách độc lập dựa trên Sự bộ.

(I) Nhận quán đánh, phương pháp để Tâm thành thuần thực đối với bộ pháp:



## Phụ lục II: Các bộ mật tạng thấp

Muốn hành Sự bộ, ta cần phải nhận quán đánh, lối quán đánh này đơn giản rất nhiều so với Vô thượng Mật bộ (Anuttara tantra), và chỉ gồm có quán đánh bằng nước (quán đánh bình) và quán đánh đội mào. Trong cách quán đánh này, vị Kim cang sư ban sự gia trì (phú chúc phép) vào tâm và thân của đệ tử bằng cách dùng nước Pháp (đã được làm phép) chứa trong bình và đội mũ lên đầu đệ tử để gây chủng tử (hạt giống) của những giai đoạn của pháp này nhằm thuần thực trên đường tu Sự bộ.

### (II) Phát thệ nguyện:

Vì không có quán đánh của đạo sư trong Mật bộ này, nên không có cơ sở để ban Mật nguyện, tuy nhiên, Bồ Tát nguyện được cho thọ, đôi khi cũng có thêm một vài thệ nguyện (lời hứa), thay đổi tùy theo quán đánh thuộc gia đình nào của Chư tôn (trong 5 gia đình Như Lai: Phật, Liên hoa, Kim cang bảo, Yết ma).

### III./ Nhập thất, phương cách tu trì đạt đạo:

Nhập thất là cách để đến gần Bốn tôn (Tib: Yidam, Skrt: Deva) hơn, ta quán tưởng Bốn tôn hiện diện trước mặt ta (bên ngoài) và đem tâm ta đến gần Ngài và quán tưởng tự thân ta trở thành giống như Bốn tôn. Sự đạt thành rốt ráo qua sự nhập thất tu trì là chính ta trở thành Bốn tôn. Bốn tôn là một hữu tình đã giác ngộ trong Mật tạng, có 4 loại Chư tôn: Chư tôn của Sự bộ như Muni trisamaya Guhya, Avalokitesvara (Quán thế âm), Tara trắng (Đa la Bồ Tát), Tara xanh (Lục độ mẫu), Amitayus (Vô lượng thọ Phật), Chư tôn của Hành bộ (Performance Tantra - Caryà-tantra) như 117 Chư tôn trong Mạn đà la của Đại Nhật Muni (Muni Vairocana), Chư tôn của Du già mật (Yoga tantra) như "Sarvavirti và 62 Chư tôn"; Chư tôn của Vô thượng Du Già Mật bộ (Anuttara Yoga tantra) như 62 Chư tôn trong thân Mạn đà la của Phần nộ Kim cang (Heruka), 37 Chư tôn trong thân Mạn đà la của Vajra Yogini (Kim cang Du già nữ), 32 Chư tôn trong Mạn đà la của Guhyasamaja (Tam nghiệp bí mật tam muội kinh). Để nhận được sự quán đánh của Bốn tôn trong Sự bộ, ta cần phải tập 4 Pháp thiền quán, đó là:

- A. Bốn chi thiền quán Hữu tướng có niệm tụng.
- B. Thiền quán trú trong lửa (Quán lửa).
- C. Thiền quán trú trong âm thanh (Quán nghe âm thanh chú).
- D. Thiền quán trú trong Tự tánh không sau khi xuất thiền quán trú trong âm thanh (Quán chân không tự tánh).

Trong đó B & C gọi là Thiền quán hữu tướng không có niệm tụng, D gọi là Thiền quán vô tướng.

A. Bốn chi thiền quán hữu tướng có niệm tụng: gồm 4 giai đoạn thứ tự: (1) Thiền quán tự khởi thành Bốn tôn qua 6 tướng Bốn tôn. (2) Thiền quán bốn tôn trước mặt. (3) Thiền quán về căn bản tâm. (4) Thiền quán về âm thanh.

### (1) Thiền quán tự khởi thành Bốn tôn qua 6 tướng Bốn tôn:

Trong Sự Mật căn bản chánh là cách thiền quán tự phát sanh mình thành Bốn tôn. Trong kinh Tô Bà Ha Đồng tử thỉnh vấn và Hậu tỉnh lự, Đức Phật dạy muốn quán tự thân thành Bốn tôn phải quán tuần tự về 6 tướng Bốn tôn: - Thắng nghĩa Bốn tôn (tattva devata), Âm thanh Bốn tôn (Sabda devata), Tự mẫu Bốn tôn (Aksara devata), Sắc tướng Bốn tôn (Rupà devata), Mật ấn Bốn tôn (Mudra devata), Danh tướng Bốn tôn (Nimita devata).

Cũng như trong Vô thượng Mật bộ, ta quán đem tâm thân Phật vào pháp hành trước khi tập quán về tự khởi thành Bốn tôn, tương tự trong Sự bộ, ta sẽ quán 6 tướng Bốn tôn trước khi tập các pháp quán tự khởi thành Bốn tôn, 6 tướng Bốn tôn này được giải thích qua thí dụ tự khởi thành Quán Thế Âm Bồ Tát.

1a. Thắng Nghĩa Bốn tôn<sup>119</sup> : sau khi quy y và phát Bồ đề tâm v.v... ta bắt đầu Quán rằng ta không hiện hữu thật sự, và Ngài Quán Thế Âm cũng vậy, ta Quán: "Ta không phải là thân ta, là tâm ta, nhưng ngoài thân và tâm ta thì không có cái ta, vậy ta vốn

---

<sup>119</sup> Quán được tập sau câu chú tánh không: *Oṃ svabhāva śuddha sarva-dharma svabhāva śuddho 'ham.*

## Phụ lục II: Các bộ mật tạng thấp

không có thật thể (giả hợp). Bằng cách quán và lý luận như thế, ta cố vượt qua cái ngã tướng thông thường và chỉ thấy không, sau đó ta sẽ áp dụng cùng một lý luận cho Bồ Tát Quán Thế Âm và kết luận rằng Ngài cũng không thật hiện hữu. Bởi vì tất cả “không tự tánh” nên “không có thật cái ta” và “không có thật Quán Âm” chẳng khác nhau. Vì vậy ở mức độ tuyệt đối, ta và Ngài vốn bình đẳng và vô phân biệt.

Nếu có 2 ly trên bàn, tánh hư không trong 2 ly giống nhau. Nếu ly bể, chúng ta không thể phân biệt hư không của ly này hay ly kia. Theo quan điểm tuyệt đối, ta và Quán Thế Âm giống như hư không trong 2 cái ly. Khi ta bắt đầu quán không, ta cảm thấy chân tánh (tự tánh) ta và Quán Thế Âm có khác. Nhưng khi ta thành công, ta ngộ ra chân tánh của ta và Quán Thế Âm giống hệt (Do ta vượt qua tướng giả định của ta và Quán Thế Âm giống như cái ly bị bể), cả hai không thực thể. Ta quán về sự chẳng khác giữa cái “không ta” và không “Quán Thế Âm”, và nghĩ: “Ta và Quán Thế Âm bây giờ giống nhau, giống như nước đổ vào nước.”

Quán tướng về cái tướng không thật thể này, ta nhận ra nó là Pháp thân (Chân không tự tánh) và tự hào phát sanh mình thành Pháp thân được phát triển, lúc đó vạn pháp hiển hiện đều là không, cái không này là sự vô phân biệt giữa chân tánh ta và Quán Thế Âm, ta lấy nó làm cơ sở để hướng (đồng nhất) về cái ta.

Khi ta thiền về tướng không của Bốn tôn (tự tánh Bốn tôn, thẳng nghĩa Bốn tôn), không chính nó trở thành cơ sở để cho là ta. Quán sát không, ta sẽ phát triển cái ý nghĩ “ta” đồng nhất với “không.”

Nên hiểu rằng không phải có một thân vật chất mới phát sanh sự chấp ngã (có ta); Chư Thiên Vô Sắc giới, không có sắc thân, nhưng vẫn có cảm giác có cái ta (chấp ngã).

Hơn nữa, gán “ta” vào một cái tâm thân hiện có, sẽ làm ta phát triển cái mê hoặc tự chấp thủ (thân tâm) và lưu chuyển trong luân hồi. Đem “không” gán vào ta, khiến ta giải thoát khỏi luân hồi. Các hành giả Mật tông phải học quán và phát triển tư tưởng đồng nhất với không này. Dùng không như một căn bản để gán vào ta. Nếu

có thể, ta phải làm tâm thấy cái không thật sự (chân không), cái không có tự tánh của thân và tâm, và do quán sát chân không này, ta sẽ phát triển được tư tưởng “cái ta” (ngã) và chân không đồng nhất thể (đồng nhất với không). Nếu ta chẳng hiểu không, ta có thể tưởng tượng hư không và quán sát nó, nghĩ nó là ta. Tuy nhiên, pháp thiền của ta vốn là một liều thuốc đối trị thật sự cái ngã chấp. Nên ta cần nhận ra sự không tự tánh và gán ta vào cái đó. Pháp này gọi là Chân không Bốn tôn (Bốn tôn tuyệt đối, tự tánh Bốn tôn, thẳng nghĩa Bốn tôn.)

1b. Âm thanh Bốn tôn (Sabda devata: Quán Bốn tôn là âm thanh): Sau khi quán về tướng không của Bốn tôn một lúc, ta tưởng tượng rằng từ chân không này, xuất hiện âm thanh của thần chú Quán Thế Âm, Om Mani Padme Hùm, giống như âm thanh của tiếng sấm từ xa, làm rung động cả bầu trời. Ta không quán các nét chữ chú, mà chỉ nghe âm thanh của thần chú qua tâm của ta thôi. Âm thanh chẳng phát xuất từ chỗ đặc biệt, mà tỏa khắp không gian. Phải nhận thức âm thanh của thần chú như là tâm ta hiển xuất qua dạng của âm thanh, ta gán “cái ta” (ngã) vào nó (âm thanh chú). Cái ngã được gán vào âm thanh của chú này gọi là Bốn tôn là âm thanh. Theo hệ thống Madhyamika-Prasangika (Trung quán), một đối tượng được gán cho, và cái cơ sở gán vào đối nghịch nhau, có nghĩa là cơ sở gán cái ta không cần thiết phải là “ta.” Cũng như hiện nay, 5 uẩn cấu nhiễm của ta là cơ sở để cho là ta, nhưng không phải là ta vậy. Cho nên âm thanh của thần chú là cơ sở để gán cho Bốn tôn, nhưng không phải là Bốn tôn.

1c. Tự mẫu Bốn tôn: Quán Bốn tôn là chữ (chú tự): sau khi để tâm quán âm thanh thần chú một lúc, ta tưởng tượng rằng tâm ta biến thành một mạn đà la mặt trăng tròn sáng. Âm thanh của thần chú tập hợp trên mặt trăng có dạng cụ thể của chữ “Om Mani Padme Hum” ( Một trong các loại Linh ngữ Phật giáo như Lentsa, siddham, hay Tây Tạng), đứng thuận chiều kim đồng hồ trên chu vi của mạn đà la mặt trăng. Ta nghĩ rằng những chữ này và mạn đà la mặt trăng, tánh nó là tâm của ta và trên cơ sở này phát triển cái ta, gán nó vào các chữ của thần chú này. Pháp này gọi là “Bốn tôn là chữ chú” (Aksara-devatà = Văn tự Bốn tôn, Tự mẫu Bốn tôn).

1d. Sắc tướng Bốn tôn: Quán toàn thân tướng Bốn tôn (Rupa-devatà). Sau khi quán Bốn tôn bằng chú tự một lúc, ta tưởng tượng rằng, các chú tự trên mạn đà la mặt trăng phóng ánh sáng khắp 10 phương, ở đầu mỗi tia sáng là Quán Thế Âm Bồ Tát, ánh sáng phóng đến đánh môn của các chúng sanh gia trì và thanh tịnh hóa các ác nghiệp do thân khẩu ý của họ gây ra, 6 cõi luân hồi đều được thanh tịnh. Và tất cả chúng sanh biến thành Avalokitesvara (Quán Thế Âm), xong rồi vùng được tẩy tịnh và các chúng sanh tan thành ánh sáng và hòa vào các chữ thần chú ở mạn đà la mặt trăng, kể đó biến thành thân Ngài Quán Thế Âm, chúng ta có thể quán Quán Thế Âm 1 mặt 2 tay, 1 mặt 4 tay, 11 mặt 1000 tay. Quán sát thân tướng của Quán Thế Âm, chúng ta phát triển cái tư tưởng “ta”, cái ta được gán vào thân tướng của Quán Thế Âm này, tức Bốn tôn là sắc thân, sắc tướng.

1e. Mật ấn Bốn tôn: Bốn tôn là ấn ( Mudra devatà): Sau khi đã quán chúng ta như là Quán Thế Âm, chúng ta cần phải gia trì 5 chỗ chánh của thân Quán Thế Âm với các ấn đặc biệt. Ta chấp 2 tay như đánh lễ, nhưng để các đầu ngón hơi tách ra, như cánh hoa sen bắt đầu nở và gấp ngón tay cái vào bên trong tượng trưng cho Ngọc quý dấu trong hoa sen, đây là Tam muội da ấn (Samaya mudra) của gia đình Liên hoa, tay kết ấn khế này ta chạm ngực điểm giữa 2 chân mày, yết hầu, vai bên phải, vai bên trái cùng một lúc đọc thần chú Oṃ padma udbhavāye svāhā. Khi chúng ta chạm ngực, ta quán Phật A Súc (Akṣobhya); khi ta chạm điểm giữa 2 chân mày, ta quán Phật Đại Nhật (Vairocana); khi ta chạm yết hầu, ta quán Phật A Di Đà (Amitabha); khi ta chạm vai phải, ta quán Phật Bảo Sanh (Ratnasambhava); khi ta chạm vai trái, Phật Bất Không Thành Tựu (Amoghasiddhi). Mặc dù Chư Phật được đánh dấu trên thân ta, nhưng đây không phải là mạn đà la bằng thân bởi vì cái nhân chất liệu của 5 Tôn là tâm ta, khác hơn thân phần của ta. Đây tức quán Chư Tôn là mật ấn, ta phát triển lòng tin vững chắc rằng 5 Tôn là tánh của bốn tâm ta và thiền về đó.

1f. Danh tướng Bốn tôn (Bốn tôn là các đặc tướng tốt (Nimita-devatà)): Các đặc tướng ám chỉ những dấu đặc thù hay đặc tính trong thân của Ngài Quán Âm. Để quán tưởng về Bốn tôn bằng các

đặc tướng, ta hãy xem xét thân của Ngài Quán Thế Âm từ đầu cho đến chân, để gia tăng rõ ràng sự quán tưởng. Điều này gia tăng cả về sự rõ ràng của tướng mạo và lòng tự hào hoá mình thành thân Quán Thế Âm. Cái “ta” được gán vào thân của Quán Thế Âm, sau khi hành thiền phân tích các dấu vết thù thắng của Ngài được gọi là đặc tướng Bốn tôn, danh tướng Bốn tôn.

Mục đích của quán Bốn tôn là không (Thắng nghĩa Bốn tôn) để thành tựu tâm của Bốn tôn.

Mục đích của quán Âm thanh Bốn tôn và Tự mẫu Bốn tôn để thành tựu khẩu Bốn tôn.

Mục đích của quán Mật ấn Bốn tôn, Sắc tướng Bốn tôn để thành tựu thân của Bốn tôn.

Hành pháp quán 6 Bốn tôn theo thứ tự này, giúp ta vượt qua các tướng và quan niệm thế tục và phát triển rõ ràng lòng tự hào thánh hóa mình thành Bốn tôn trở thành mạnh mẽ. Nếu ta không thực hành tuần tự như thế, mà thử tự quán ta thành Bốn tôn, ta sẽ thấy hầu như không thể vượt qua trạng thái thân tướng thế tục và quan niệm thông thường của ta.

Để quán ta thành Bốn tôn khác trong Mật giáo Sự bộ (không phải là Quán Thế Âm), ta cũng phải quán tuần tự 6 tôn cùng một cách thức, nhưng với vài bổ khuyết nhỏ nhỏ. Thí dụ như nếu ta muốn quán mình thành Văn Thù (Mamjuśri), khi ta quán Âm thanh Bốn tôn (Chư tôn là âm), ta tưởng rằng toàn hư không đầy cả âm thanh thần chú của Văn Thù là Om A Ra Pa Ca Na Dhih, thay vì Om Mani Padme Hum; và khi ta quán sắc tướng Bốn tôn (Tướng Bốn tôn), ta tự quán mình thành Văn Thù với thân màu vàng cam, 1 mặt 2 tay, cầm kiếm và kinh Bát Nhã; và cách quán Bốn tôn bằng mật ấn cũng khác, thay vì đưng 5 chỗ trên thân với Tam muội da ấn của gia đình Liên hoa, ta quán ở đánh môn ta chữ Om (linh tự), ở cổ hầu ta chữ Àh, và ở ngực ta chữ Hùm, và nhận thức rằng 3 chữ ấy là tánh của Vairocana, Amitabha và Akṣobhya. Sau đó ta thỉnh chư vị nhập vào ta, đồng thời tụng chú Jah Hùm

Vam Hoh và bắt các ấn thích ứng đã giải thích trong quyển “pháp tu Kim cang du già nữ (vajra yogini)” (Guide to Dakini land).

2. Thiền quán bốn tôn trước mặt: sau pháp tự khởi ta cần phải quán Bốn tôn hiện trước mắt ta (tạo ra). Nếu ta hành pháp Quán Thế Âm, thì ta quán Quán Thế Âm và quyển thuộc của Ngài trước mặt ta. Đây là các Huyền thân tượng trưng cho Ngài được gọi là Tam muội da Tát đỏa hay Giới thệ tôn (Samaya sattva). Ta thỉnh các Chư Tôn thật sự tức Trí tuệ tôn (Trí tát đỏa = prajñā sattva) hòa nhập vào Tam muội da tát đỏa và sau đó tu kính lễ, cúng dường, sám hối và cầu xin tất địa, cúng dường tormas (bánh). Nếu ta có thời giờ, ta có thể quán 1 vòng chuỗi chú tự ở tâm vị Bốn tôn đang hiện thân ở trước ta và tưng chú của Ngài. Những pháp hành như vậy gọi là Thiền quán bốn tôn trước mặt.

3. Thiền quán về Căn Bản Tâm: Để thành tựu Căn bản tâm, sau khi quán tưởng 6 Tướng Bốn tôn, ta quán tâm ta thành dạng một đĩa mặt trăng nhỏ xíu màu trắng nằm ngang ở tâm ta, mặt trăng này được gọi là căn bản tâm, bởi vì nó là một dạng của bốn tâm ta. Với lòng tin thành, cho rằng trăng là tâm ta, ta cố thấy nó càng rõ càng tốt, xong rồi ta tập trung tất cả nội khí hướng vào trong nó và hòa tan nội khí vào mặt trăng. Có 9 cửa, mà khí đi vào và ra thân: 2 lỗ mũi, miệng, đỉnh đầu, điểm giữa 2 mắt, 2 con mắt, 2 lỗ tai, rốn, cơ quan sinh dục, đường đại tiện. Cộng vào 9 cửa này, khí cũng có thể vào thân qua các lỗ chân lông, nên ta phải thường tắm rửa vì nếu không, lỗ chân lông sẽ bị bít và sức khoẻ ta có thể bị ảnh hưởng xấu.

Giống như con rùa rút mình vào vỏ và giữ bất động ngay cả khi bị quấy phá; vì thế, ta phải tưởng rằng qua 9 cửa và các lỗ chân lông, nội khí rút vào trong thân và hòa tan trong đĩa mặt trăng ở ngực ta; ta tập trung nhất tâm vào đó một thời gian ngắn trong khi nín hơi; dùng một phần tâm để nhớ rằng khí của ta đang hòa tan vào mặt trăng và dùng một phần tâm khác để quán về các tướng tốt, vẻ đẹp của Bốn tôn để tăng cường cả sự rõ ràng về tướng và lòng tự hào thánh hóa. Khi ta đạt được một hình ảnh quán tưởng tương đối rõ về thân Bốn tôn, ta nhất tâm tập trung

vào đó, đó mới thật sự là phương pháp tự quán thân thành Bốn tôn.

Bởi vì các tư tưởng khái niệm thô quán sát được ngoại vật nhờ các khí phóng ra ngoài. Bằng cách tập hợp các khí vào tâm, ta giảm bớt sự phóng tâm (vọng niệm bay nhảy) và tự nhiên phát triển được sự tập trung vững chắc (định tâm). Khi không có sự xen vào của các tướng thông thường và các khái niệm bên ngoài (vọng tưởng), ta sẽ cảm thấy dễ dàng nhiều hơn khi tập trung vào thân của Bốn tôn, thấy được Bốn tôn rõ ràng và phát triển được lòng tự hào thánh hóa vững chắc.

Tổng quát, người Hành pháp lấy sự đặc định làm quan trọng, và đối với hành giả của Sự bộ, sự thành tựu này cực kỳ trọng yếu. Sự quán tưởng về hơi thở đề cập ở trên giống như lối bảo bình khí công được diễn tả trong Vô thượng Mật bộ, nhưng mục đích của nó khác nhau. Mục đích chánh của bảo bình khí công là đem khí vào ống năng lực giữ; còn mục đích chánh của pháp Thiền quán căn bản tâm là giúp nhập định dễ dàng hơn.

4. Thiền quán về Âm thanh: Thiền quán về âm thanh là tụng thần chú, thời gian tập tụng chú là sau khi quán căn bản tâm, khi sự tập trung của ta bắt đầu yếu đi và ta cảm thấy phải buông xả. Nếu ta đã tự quán ta là Quán Thế Âm, ta quán rằng ở giữa một đĩa mặt trăng ở tâm ta là một chữ Hrih đứng (Linh Ngữ) chủng tử của Quán Thế Âm, với thần chú Om Mani Padme Hùm (Linh Ngữ) đứng thuận chiều kim đồng hồ chung quanh nó, chữ được viết bằng ánh sáng trắng và là trí tánh của Quán Thế Âm, các kinh Mật tông thường nhấn mạnh sự quan trọng việc xem thần chú và Bốn tôn không phân biệt, vì thân khẩu ý của một vị Phật cùng một thể tánh, nên tâm của Phật có thể thị hiện thành âm hay chú tự được viết ra.

Có hai loại tụng chú: tụng thô và tụng vi tế. Tụng chú lớn tiếng hoặc theo hơi thở là tụng thô. Để tập tụng vi tế, ta tưởng tượng rằng các chú tự được quán ở tim đang phát âm Om Mani Padme Hùm và lắng nghe âm thanh đó.



5. Lợi ích chánh khi hành trì tụng thô và tụng vi tế:

- 1.) Nhận được sự gia trì của Bốn tôn.
- 2.) Gần gũi Bốn tôn hơn.
- 3.) Đạt tất địa của Bốn tôn.
- 4.) Thành toàn các sự nghiệp tức tai, tăng ích, kính ái, hàng phục, phần nô.
- 5.) Thanh tịnh ác nghiệp và tích tụ phước báo.

Sự nghiệp tức tai gồm có trừ các chướng, đuổi các duyên xấu, tịnh trừ sự phá phách của ma quỷ. Sự nghiệp tăng ích gồm có tăng tuổi thọ, công đức, thành tựu thiện đức như văn tư tu. Sự nghiệp kính ái gồm có hàng phục quỷ ma bằng phương pháp hòa bình; và sự nghiệp phần nô gồm có hàng phục ma quỷ bằng phương pháp phần nô khi cần thiết. Bất cứ khi nào ta tác pháp phần nô, điều trọng yếu nên ghi tâm là vì từ bi mà hành pháp. Ta có thể thành toàn các nguyện nhờ vào tụng chú một cách thanh tịnh. Đối với những người đã tín thành nương dựa Bốn tôn của họ trong tiền kiếp, và người đã nhập thất tu trì v.v..., việc tụng chú làm thuần thực hạt giống đã được gieo trồng trong các kiếp ấy, và vì thế đối với họ kết quả có thể xảy ra mau chóng. Những người chưa từng tu trì Bốn tôn mình trong tiền kiếp hay người đã có những ác ý đối với Bốn tôn trong quá khứ, cần phải đọc chú một thời gian dài trước khi họ thành tựu các sự nghiệp tức tai, tăng ích, kính ái, hàng phục (phần nô).

Một yếu tố quan trọng khác để xác định thời gian ta đạt được kết quả qua sự tụng chú là sức tín thành (tín lực) và định lực (tín và định lực). Nếu lòng tin ta yếu và ta không thể điều phục các vọng tưởng, ta có thể không đạt được kết quả nào dù sau nhiều năm trì tụng. Dù sao ta không nên từ đó kết luận rằng thần chú không có hiệu năng, mà nên tinh tấn quyết tâm gia tăng tín tâm và cố vượt qua sự phóng tâm. Tổng quát, sự tụng thần chú lợi ích rất lớn, vì âm thanh thần chú vốn đã được chư Phật gia trì phúc chúc. Nhưng muốn tựu thành tất địa được diễn tả trong kinh, ta cần thanh tịnh tụng trì với lòng tin kiên cố và Thiền quán mạnh mẽ.

Nói chung, Thiền quán Sự bộ có thể được chia thành 2 loại Thiền quán qua đọc tụng và Thiền quán không cần đọc tụng. Tập quán về 6 tướng Bốn tôn là căn bản chánh, Bốn tôn trước mặt và căn bản tâm là cơ sở của pháp tụng thần chú. Còn căn bản âm thanh vốn tự nó là tụng chú. Vì lý do đó, 4 bước trong phần thiền quán thứ nhất trên gọi là Thiền quán hữu tướng có niệm tụng, và 3 phần sau đây gọi là thiền quán không có niệm tụng.

a. Thiền Quán Trú Trong Lửa

Để tu tập Thiền quán trú trong lửa, ta bắt đầu bằng cách quán không và hòa tâm ta vào đó. Kế đó, ta tưởng tượng rằng sự hợp nhất giữa tâm ta và không, hiện ra qua dạng một ngọn lửa nhỏ bùng cháy đều đặn trên đĩa mặt trăng ở trên ngực ta. Trong lúc tập trung nhất tâm vào ngọn lửa và nhớ ngọn lửa đó là tánh của tâm ta hòa với không. Ta tưởng tượng rằng từ trong ngọn lửa phát ra âm của thần chú Om Mani Padme Hùm, ta không tụng chú ra miệng hay thầm trong tâm, mà chỉ cảm thấy rằng ta đang lắng nghe âm thanh của thần chú từ lửa phát ra. Dùng ngọn lửa và âm thanh của thần chú làm đối tượng của thiền định, và ta tập trung vào chúng một cách nhất tâm, không được phóng dật, hôn trầm hay phần khởi.

Mục đích tập trung vào lửa và thần chú là để đạt được định lạ hơn, và thành tựu trí vô phân biệt (vô niệm) không rời khỏi chân không.

Trong Sự bộ, sau khi ta đã đạt được Thiền quán kiên cố (định) trên đĩa mặt trăng và thân tướng Bốn tôn của phép căn bản tâm; thì ta đổi đối tượng tập trung sang ngọn lửa và thần chú của phần thiền quán an trú trong lửa. Bởi vì chúng vi tế hơn đối tượng của phép căn bản tâm, giúp ta dễ đạt “định” hơn, nếu ta dùng chúng làm đối tượng thiền quán.

Mục đích khác của thiền quán an trú trong lửa, là khiến nguồn nhiệt đặc biệt phía bên trong được phát triển và gia tăng, nhờ đó đạt được sự hỷ lạc vô phân biệt. Qua sự hành trì pháp thiền quán này liên tục, ta sẽ nhận được vào ấn chứng, ta phát

## Phụ lục II: Các bộ mật tạng thấp

triển được sự nhu thuận (dễ uốn nắn) đặc biệt về thân và tâm. Ta không còn cảm giác đói và khát dù không ăn một thời gian lâu. Khi ta ăn uống, việc tiêu tiện cũng rất ít. Hơn nữa, nhiệt và hỷ lạc bên trong ta sẽ tăng gia. Những chướng duyên (xung động) bên trong hay bên ngoài không có năng lực phá hại ta. Ta nên tiếp tục tập quán an trú trong lửa cho đến khi nào ta đạt được những ấn chứng này.

### b. Thiền quán an trú trong Âm thanh:

Khi ta đã đạt định kiên cố về lửa, ta có thể thực hành thiền quán an trú trong âm thanh. Ta quán tưởng về ngọn lửa và thần chú giống hệt như trước. Nhưng khi tâm định đã chắc, ta chấm dứt tưởng của ngọn lửa và tập trung chuyên nhất vào âm thanh của thần chú. Ta quán đến khi nhờ lực của sự quen thuộc, ta cảm thấy rằng ta nghe thần chú trực tiếp qua thần thức ta; giống như trong giấc mộng, thần thức ta nghe âm thanh. Khi một vài hành giả đạt được giai đoạn này, họ nghe 6 chữ thần chú Om Mani Padme Hùm cùng một lúc.

Để đạt định, hành giả Sự bộ tập quán từng pháp từ Bốn tôn là tướng không (thắng nghĩa), đến an trú trong âm. Sự hành trì căn bản của tâm, Thiền quán trú trong lửa và trú trong âm, tất cả đều là phương pháp chánh yếu để tăng trưởng định tâm. Thiền quán trú trong âm có năng lực đặc biệt sinh ra sự kham nhẫn (dễ uốn nắn, nhu nhuyễn) về tinh thần và thể xác, và trực tiếp đưa đến “định” (định an chỉ). Sự Thiền quán này có 3 đức tánh tốt: tánh của nó là hỷ lạc, đối tượng của nó là xuất hiện rõ ràng, nó thoát khỏi sự vọng tưởng; 2 đức tánh cuối được nêu ra, vì tâm càng ít vọng tưởng, ta càng nhận thức đối tượng (đề mục) rõ ràng hơn.

Trong *Đèn Soi Nẻo Giác*, ngài Atisa dạy rằng để đạt “định”, ta chỉ nên trụ vào một đề mục. Nhưng theo hệ thống của Sự bộ, ta thay đổi đề mục 7 lần, không có điều mâu thuẫn ở đây. Vì lời khuyên của ngài Atisa dành cho người chưa được thiền quán vững chắc. Để đạt Định kiên cố, từ lúc ban đầu, cần thiết trụ ở một đề mục; vì nếu ta liên tục đổi đề mục, sự tập trung (định tâm) của ta sẽ không bao giờ tăng trưởng. Hơn nữa, khi định ta trở thành

cực kỳ kiên cố, ta nên đổi đề mục và tiếp tục luyện “định” bằng cách dùng một đề mục vi tế hơn. Vì vậy, một hành giả Sự bộ, thiền quán chánh yếu về phép căn bản tâm, cho tới khi nào đạt được tướng này; sau đó mới đổi sang đề mục vi tế hơn (an trú trong lửa); và khi đạt được các tướng chứng tỏ thành công (ấn chứng) trong pháp định này, liền đổi sang thiền quán an trú trong âm.

Để được quen thuộc với tất cả giai đoạn của Sự bộ, thỉnh thoảng ta có thể quán một cách ngắn gọn về mọi phép thiền quán từ “Bổn tôn là tướng không” đến “an trú trong âm.” Nhưng nếu ta chỉ chân thành thích đạt “định”, ta phải thiền quán chánh yếu về phép căn bản tâm đến khi ta đạt được tập trung vững chắc về nó.

B./ Thiền quán về Tự tánh không sau khi đã xuất thiền quán trú trong âm (Quán Không): Để hành trì pháp này, ta thiền quán một cách ngắn gọn từ quán Bổn tôn là tướng không cho đến Thiền quán trú trong âm. Khi ta tiến từ căn bản tâm qua thiền quán trú trong lửa và sang trú trong âm; đề mục quán càng lúc càng vi tế hơn. Sau khi Thiền quán trú trong âm một lúc, sau đó ta ngừng tướng âm thanh, nhớ rằng chơn không vốn không thực thể (rời xa các tướng), và quán về điều này với một cái tâm đầy hỷ lạc.

Dù rằng ta hiểu không sai lạc (đúng) về không, nếu ta thất bại không trừ được các tướng vọng niệm khi thiền định, ta sẽ không bao giờ ngộ trực tiếp chơn không, và vì thế pháp thiền của ta sẽ không có năng lực để diệt trừ vô minh hay chướng duyên giúp ta giác ngộ. Nhiệm vụ chính của pháp thiền quán thứ tư là vượt qua các tướng đối đãi và an tâm ta hoàn toàn vào không. Để thành tựu điều này, hành giả tập pháp Thiền phân tích (Quán sát) và Thiền an trú (Định chỉ) vào không. Đầu tiên, ta sẽ phải luân chuyển giữa 2 loại thiền này. Nhưng khi ta đạt được sức nhẫn (sự nhu thuận, nhu nhuyễn, sự dễ uốn nắn) do trí tuệ sinh ra, ta vừa có khả năng phân tích không, trong khi vẫn an trú nhất tâm (định) trong không. Với trí tuệ đặc biệt này, được gọi là cái thấy cao tột về quán sát không tánh; hành giả có thể tiếp tục ấn chứng sự hỷ lạc, không còn vọng niệm, nhưng vẫn không lìa tánh không này.

## Phụ lục II: Các bộ mật tạng thấp

Pháp thiền quán thứ 4, khiến chúng ta đạt được Pháp thân Phật, danh từ Tụ tánh không trong phần Thiền quán này, ám chỉ sự Đại giải thoát, hay Niết bàn vô trụ, là Pháp thân Phật, tánh của Phật tâm. 3 lối thiền định trước từ Bốn tôn là tướng không (Thắng Nghĩa Bốn tôn), tới thiền quán trú trong âm, chính yếu khiến cho ta đạt được sắc thân Phật. Theo hệ thống của Sự bộ (Kriya tantra), 4 pháp thiền quán này là nhân chủng cần cho 2 Phật thân.

4 pháp thiền quán được gồm trong 3 Du già (yoga): Du già của Đại ấn của Thân, Du già Khẩu của thần chú, Du già Ý của Pháp thân. Du già thứ nhất bao gồm thiền quán về 6 tướng Bốn tôn trong thiền quán tự khởi, cũng như trong quán Bốn tôn trước mặt, căn bản tâm và về âm thanh, và chánh yếu là thành tựu Phật thân. Du già thứ hai gồm thiền quán an trú trong lửa, và an trú trong âm, và chánh yếu là thành tựu về khẩu của Phật. Du già thứ ba là thiền quán về tự tánh không sau khi vừa xuất thiền quán trú trong âm và chánh yếu là thành tựu tâm (ý) của Phật. Tất cả sự hành trì của Sự bộ đều bao gồm trong 3 Du già này.

Du già về Thân và Khẩu đôi lúc được gọi là Du già Hữu tướng (Hữu tướng quán). Và Du già về Ý được gọi là Du già Vô tướng (Vô tướng quán). Chữ tướng ở đây ám chỉ các đối tượng quy ước. Những Pháp Du già từ Bốn tôn là tướng không tới thiền quán an trú trong âm, tập trung chánh vào các đối tượng (đề mục) quy ước (đặt ra không phải tự nhiên). Trong khi thiền quán về tự tánh không sau khi vừa xuất thiền quán trú trong âm, chỉ tập trung vào không (tự nhiên).

Tất cả con đường của Sự bộ đều là Du già Hữu tướng hay Du già Vô tướng.

### IV. Phương pháp để thành tựu các tất địa thông thường hoặc thù thắng khi ta đã ấn chứng được 4 pháp thiền quán.

Nhờ đạt được các ấn chứng thâm sâu của 4 pháp thiền quán, ta có thể viên thành các tất địa thông thường hay thù thắng. Tất địa thông thường gồm các tác pháp: tức tai, tăng ích, kính ái, hàng phục (phần nộ); và được thành tựu nhờ cách hành trì hai pháp Du

già về Quán tự thân thành Bốn tôn của pháp căn bản tâm và tụng trì thần chú (thô hay vi tế) của pháp căn bản âm. Nhờ định kiên cố an trú trong lửa và trong âm, ta sẽ viên mãn 8 đại thành tựu:

- 1). Thành tựu Đơn dược.
- 2). Thành tựu Thuốc khai nhãn.
- 3). Thành tựu Thấy xuyên qua đất.
- 4). Thành tựu về Linh kiếm.
- 5). Thành tựu về Phép bay.
- 6). Thành tựu về pháp Tàng hình.
- 7). Thành tựu về pháp Sống lâu.
- 8). Thành tựu về pháp Trẻ mãi.

Khi ta thành tựu về Đơn dược, ta có khả năng gia trì các viên thuốc nhờ định lực và tụng chú, thuốc này có thể trị bệnh, tăng thọ và đem may mắn cho những ai dùng.

Khi ta thành tựu Thuốc khai nhãn, ta có thể gia trì các Dược liệu nhờ định lực và tụng chú, khiến ai sử dụng cho mắt có thể thấy rất xa và xuyên qua núi.

Thành tựu thấy xuyên qua đất khiến ta phát giác được những bảo tàng.

Thành tựu về linh kiếm khiến ta khuất phục được kẻ thù và phá giặc (chiến tranh) không gây đổ máu, chỉ cần cầm dơ lên trời lưỡi Đạo kiếm.

Thành tựu phép bay, khiến ta bay được trên không.

Thành tựu phép tàng hình, khiến ta trở thành vô hình, bằng cách dùng một chất liệu đặc biệt.

Thành tựu sống lâu khiến ta sống nhiều tiểu kiếp, nhờ định lực.

Thành tựu trẻ trung, khiến ta trẻ mãi, khoẻ mạnh, thoát khỏi khổ về già, bệnh.

## Phụ lục II: Các bộ mật tạng thấp

Tất địa thông thường và thù thắng được viên mãn qua sự hoàn tất, cả Du già Hữu tướng và Du già Vô tướng, sự thành tựu tối thượng là đạt Phật tánh.

### V. Phương pháp tiến từ căn bản lên đạo lộ một cách độc lập, căn cứ vào Sự bộ.

Ta bước vào con đường tích tụ (Tư lương đạo) của Sự bộ, khi ta phát nguyện vọng đạt giác ngộ vì các chúng sanh nương vào con đường Sự bộ và đủ ấn chứng được Du già Hữu tướng, khi ta đạt được thành tựu về thiền quán Tự tánh không sau khi vừa xuất thiền quán trú trong âm, ta tiến lên trên đường Dự bị (Gia hạnh đạo). Nhờ tiếp tục quán về thiền quán tự tánh không trên, khi ta đạt được hỷ lạc, vô vọng niệm nhưng không lìa khỏi không, ta tiến vào con đường thấy đạo (Kiến đạo). Khi ta đạt được địa thứ nhất và rời hết các mê hoặc tạo bởi Trí (Sở tri chướng), khi sự thành tựu về không tánh, đạt được năng lực diệt mất các mê hoặc căn bản vô minh bản chất (vô minh hoặc), ta tiến vào con đường thiền quán (Tu đạo). Ở trên đường thiền quán, ta tiếp tục quán cả về Du già Hữu tướng, tức là tu tập đối tượng pháp và Du già Vô tướng tức là tu tập tâm pháp. Nhờ vậy, thứ nhất bỏ được mê hoặc bản chất và sau đó trừ được các chướng cản trở sự toàn giác. Khi ta đã bỏ những chướng vi tế nhất (vi tế hoặc), ta đạt được Sắc và Pháp thân Phật, và cùng một lúc lên được con đường Vô Học đạo (Cứu cánh đạo).

### Phụ lục III: Mười tám kế ấn

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

Theo Thầy thọ Quán Đỉnh, đã được ấn khả xong, chẳng bao lâu sẽ thành tựu. Đệ tử đủ tướng này mới có thể truyền thụ. Đây tức là bấu Như Ý hay thành tựu các sự nghiệp. Như Kinh nói nơi chốn: Sườn núi, bên dòng sông, **A Lan Nhã** (Aranya) thanh tịnh, khe, động... tùy theo ý thích. Nơi ấy phải xa lìa các ách nạn đáng sợ. Hành Nhân sắm sửa vật cúng dường tùy theo khả năng.

1) Hành Nhân quay mặt hướng về bốn phương lễ bái Bốn Tôn, tiếp theo lễ chư Phật ở phương khác. Cúi năm vóc sát đất kính lễ như kinh giáo, quỳ thẳng lưng hai đầu gối sát đất, chắp tay giữa trống rỗng, thành tâm bày tỏ tất cả tội của ba nghiệp: **“Con từ đời quá khứ, trôi lăn trong sinh tử. Nay đối trước Đại Thánh Tôn xin hết lòng sám hối. Như chư Phật đời trước đã sám, nay con cũng sám như vậy. Nguyên nương nhờ vào lực gia trì mà tất cả chúng sinh đều thanh tịnh.”**

Do Đại Nguyên này cho nên tự, tha không có dơ bẩn (Vô cấu).



Mật Ngôn là: **“Ấn\_ Tát phộc bà phộc, thâu đà tát phộc, đạt ma tát-phộc bà phộc, thâu độ hàm.”**

唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵

OM SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA UHAM

2) Tiếp, đối trước Bốn Tôn, ngồi kiết già hoặc ngồi bán già, khởi Tâm Đại Bi: **“Con tu Pháp này vì tất cả chúng sinh, nguyện mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.”**





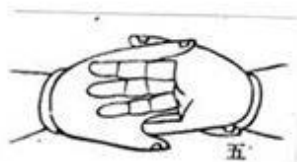
Chân Ngôn là: “**Ấn\_ Bả ná mô nạp-bà phộc dã, sa-phộc hạ**”

ॐ ५ ३ ३ ३ ५ ५ ३

OM PADMA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Do kết Ấn này và tụng Chân Ngôn tức liền cảnh giác Bạc cầm hoa sen, tất cả Bồ Tát thuộc hàng Quán Tự Tại. Thánh Chúng của Liên Hoa Bộ thấy đều vui vẻ gia trì hộ niệm. Ánh hào quang của tất cả Bồ Tát chiếu chạm vào thân Hành Giả thì bao nhiêu tội nghiệp đều được tiêu diệt, tất cả Bồ Tát thường làm bạn lành.

4) Tiếp kết KIM CƯƠNG BỘ TAM MUỘI GIA ẤN. Lật nghiêng bàn tay trái, hướng bàn tay ra ngoài. Đặt lưng bàn tay phải sát lưng bàn tay trái. Đem 2 ngón cái, 2 ngón út trở móc nhau như hình cái chày Kim Cương. Đặt Ấn ở trái tim, tụng Kim Cương Thủ Bồ Tát. tụng Chân Ngôn 7 biến rồi bung Ấn ở bên trái đỉnh đầu.



Chân Ngôn là: “**Ấn\_ Phộc nhật-lô nạp-bà phộc, sa-phộc hạ**”

ॐ ५ ३ ३ ३ ५ ५ ३

OM VAJRA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Do kết ấn này và tụng Chân Ngôn tức liền cảnh giác tất cả Thánh Chúng thuộc Kim Cương Bộ gia trì ủng hộ. Bao nhiêu tội chướng của Hành Giả thấy đều tiêu diệt, tất cả bệnh tật khổ đau chẳng vướng vào thân nên được thể kiên cố của Kim Cương.

5) Tiếp kết HỘ THÂN TAM MUỘI GIA ẤN. Hai tay cài chéo nhau bên trong, bên phải đè bên trái. Dựng thẳng 2 ngón giữa, co 2 ngón trở như hình móc câu dùng để dính vào lưng ngón giữa, lấy 2 ngón cái đè 2 ngón vô danh liền thành. Ấn lên 5 nơi trên thân thể là: vầng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung Ấn trên đỉnh đầu. Mỗi nơi đều tụng Chân Ngôn một biến.



Chân Ngôn là: “**Ấn\_ Phộc nhật-la ngân-nễ, bát-la niệm bà-đá dĩa, sa-phộ chạ**”

ॐ वज्रअग्निप्रदीप्या स्वहा

OM VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA SVĀHĀ

Do kết Ấn này và tụng Chân Ngôn gia trì tức liền thành trang bị KIM CƯƠNG GIÁP. Hết thầy Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka) với các Thiên Ma, loài gây chướng ngại đều bỏ chạy tứ tán vì nhìn thấy Hành Giả tỏa hào quang và thân ấy có uy đức tự tại. Nếu Hành Giả cư ngụ ở núi rừng và nơi hiểm nạn đều không có sợ hãi. Tất cả ách nạn về nước, lửa, cọp, sói, sư tử, dao, gậy, gông cùm, xiềng xích... thầy đều tiêu diệt. Người nhìn thấy vui vẻ. Sau khi chết chẳng bị đọa vào néo ác mà được sinh về quốc thổ tịnh diệu của chư Phật.

6) Tiếp kết ĐỊA GIỚI CHÂN NGÔN ẤN. Đưa ngón vô danh phải vào bên trong ngón út và ngón vô danh trái. Đưa ngón giữa phải vào bên trong ngón giữa và ngón trỏ trái. Tay trái cũng như vậy. Các ngón còn lại đều dính đầu ngón. Liền tụng Ấn thành hình cái chày Kim Cương rục lửa mạnh (Hỏa Diễm Kim Cương Xử). Đem ngón cái vạch lên mặt đất, mỗi vạch mỗi tụng Chân Ngôn cho đến 3 lần thì ngưng. Tùy theo tâm biểu thị lớn nhỏ liền thành địa giới kiên cố.



Chân Ngôn là: “**Ấn\_ Chỉ li, chỉ li, phộc nhật-la, phộc nhật-li, bộ luật, mẫn đà, mẫn đà, hồng, phát tra**”

ॐ क्रिं क्रिं वज्र वज्र सु वृ वृ ह्रं ह्रं

OM KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪR BANDHA BANDHA HŪM PHAT

Do kết Ấn này và tụng Chân Ngôn gia trì Địa Giới cho nên bên dưới đến Thủy Tể như Toà Kim Cương, Thiên Ma với các loài gây chướng chằng thể gây não hại được, chỉ dùng chút ít công lực mà mau được thành tựu.

7) Tiếp kết PHƯƠNG NGUNG KIM CƯƠNG TƯỜNG CHÂN NGÔN ẤN. Dựa theo Địa Giới Ấn lúc trước, mở 2 ngón cái dựng đứng bên cạnh như hình bức tường. Tường Ấn như hình cái chày Kim Cương, chuyển bên phải quanh thân 3 lần biểu thị cho sự lớn nhỏ của tâm liền thành cái thành kiên cố của Kim Cương. Chư Phật Bồ Tát còn chằng làm trái ngược hướng chi các loài khó điều phục khác. Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka) với loài trùng độc, loài có móng nhọn nanh bén chằng thể lại gần.



Chân Ngôn là: “Ấn\_ tát la tát la, phộc nhật-la, bát-la ca la, hồng phát tra”

ॐ सार सार वाज्र प्राकरा हुं फट

OM SARA SARA VAJRA PRAKARA HŪM PHAT

8) Hành Giả tiếp nên tụng trong Đàn trên hoa sen lớn 8 cánh có một tòa sư tử. Trên tòa có cái lầu gác bằng 7 báu, rủ treo các anh lạc, vải lụa, phướng lọng. Tầng hàng cây báu rủ treo thiên y tuyệt đẹp, mây hương tỏa khắp, mưa tuôn đủ loại hoa, các thứ âm nhạc tấu vang, bình báu, úr già, thức ăn uống thượng diệu của chư Thiên, đèn bằng ngọc Ma Ni. Tác quán xong liền tụng Kế rằng:

*Dùng lực công đức Ta*

*Lực Như Lai gia trì*

*Cùng với lực Pháp Giới*

*Cúng dường khắp rồi trụ*

9) Nói Kệ này xong, tiếp kết ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG PHỔ THÔNG CÚNG DƯƠNG ẤN. Chắp 2 tay lại, đem 2 ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài, 2 ngón trỏ cùng dựa nhau co gấp lại như hình bấu. Kết



Ấn thành xong, tụng Chân Ngôn 4 biến.

Phổ Thông Cúng Dương Chân Ngôn là :

**“Ấn\_Nga nga năng, tam bà phạ phộc nhật-la, hộc”**

唵 行行 吽 吽 吽 吽 吽 吽

OM GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH

Do tụng Chân Ngôn này gia trì cho nên bao nhiêu vật cúng dường tượng tượng đều không khác với các vật cúng dường chân thật. Tất cả chúng Hiền Thánh đều được thọ dụng.

10) Tiếp nên kết BẢO XA LẠC ẤN. Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi ngửa lòng bàn tay. Để ngón trỏ nằm ngang tựa nhau, đặt 2 ngón cái đều vịn dưới gốc ngón trỏ. Tượng Xa Lạc bảy báu có ngôi Kim Cương trên chiếc xe báu nương theo hư không đi đến Thế Giới Cực Lạc của Bốn Tôn. Tụng Chân Ngôn 3 biến.



Chân Ngôn là: **“Ấn\_Đổ lỗ, đổ lỗ, hồng”**

唵 嚩 嚩 嚩 嚩 嚩

OM TURU TURU HUM



Chân Ngôn là: “**Ấn\_ Nhĩ năng nhĩ ca\_ Ấn, a lô lực ca\_ Ấn, phộc nhật-la đặc-lặc ca\_ A nghiệt xa, a nghiệt xa, sa-phộc hạ**”

ॐ 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵  
OM JINA JIK OM AROLIK OM VAJRA DHRK AKARSA AKARSA SVĀHĀ.

Do Chân Ngôn Ấn này gia trì cho nên Bốn Tôn chẳng vượt qua bốn thế liền phó tập (đi đến dự hội) nơi đạo trường.

13) Tiếp nên tịch trừ các loài gây chướng, kết **LIÊN HOA BỘ MINH VƯƠNG MÃ ĐÀU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT CHÂN NGÔN ẤN**. Chắp hai tay lại, co 2 ngón trỏ, 2 ngón vô danh vào lòng bàn tay sao cho lưng ngón dựa nhau, dựng thẳng 2 ngón cái. Đưa Ấn chuyển bên trái 3 vòng, tâm tưởng tịch trừ các loài gây chướng. Tất cả Ma nhìn thấy Ấn này đều bỏ chạy tứ tán. Đưa Ấn này chuyển bên phải 3 vòng liền thành Hỏa Giới kiên cố.

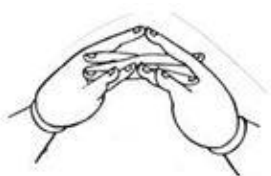


Chân Ngôn là: “**Ấn\_ A mật-ly đô nạp-bá phộc, hồng phát tra, sa-phộc hạ**”

ॐ 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵

OM AMRTA UDBHAVA HŪM PHAT SVĀHĀ

14) Tiếp kết **THƯỢNG PHƯƠNG KIM CƯƠNG VĨNG ẤN**. Dựa theo Tường Ấn lúc trước, đem 2 ngón cái vịn lỏng dưới 2 ngón trỏ, tụng Chân Ngôn 3 biến. Đưa Ấn lên trên đỉnh đầu chuyển bên phải 3 vòng liền ngừng.



Chân Ngôn là: “**Ấn\_ Vĩ sa-phổ la nại-lạc khất xoa, phộc nhật-la bán nhạ la, hồng phát tra**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM VISPHURAD RAKṢA VAJRA PAMJALA HŪM PHAT

Do kết Vông Ấn Chân Ngôn gia trì liền thành cái lưới kiên cố bất hoại của Kim Cương.

15) Tiếp kết HỎA VIÊN MẬT PHÙNG ẤN. Đem tay trái đè lên lưng tay phải, dựng 2 ngón cái. Tụng Chân Ngôn 3 biến, nhiều bên phải thân 3 vòng. Tường bên ngoài Kim Cương Tường có lửa vây quanh.



Chân Ngôn là: “**Ấn\_ A tam mang nghi-nễ, hồng phát tra**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM ASAMĀMGNI HŪM PHAT

16) Tiếp hiển Ứ GIÀ HƯƠNG THỦY CHÂN NGÔN ẤN. Hai tay nâng vật khí tượng rửa chân Thánh Chúng. Tụng Chân Ngôn 3 biến.





Chân Ngôn là: “**Năng mạc tam mẫn đa một đà năm. Nga nga năng, sa mãng sa mãng, sa-phộc hạ**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GAGANA SAMA ASAMA SVĀHĀ

Do hiến nước thơm Ứ Già cho nên 3 nghiệp của Hành Giả được thanh tịnh và tẩy rửa được bụi nhơ phiền não.

17) Tiếp kết **LIÊN HOA TÒA ẤN**. Chắp 2 tay lại giữa rông, duỗi mở 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ rồi hơi co lại như hình hoa sen hơi hé nở. Ngay bên trong lầu gác báu tường các Thánh Chúng và Bốn Tôn ngồi ở bốn vị có quyền thuộc vây quanh, mỗi mỗi rõ ràng. Tụng Chân Ngôn 3 biến.



Chân Ngôn là: “**Án\_ Ca ma la, sa-phộc hạ**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM KAMALA SVĀHĀ

Do kết Liên Hoa Tò Ấn, tụng Chân Ngôn cho nên Hành Giả sẽ được mãn túc 10 Địa và sẽ được Tò Kim Cương.

18) Tiếp kết **PHỔ THÔNG CÚNG DƯỜNG ẤN**. Chắp 2 tay lại, bên phải đè bên trái và giao các ngón tay liền thành. Tụng Chân Ngôn 3 biến, tưởng vô lượng vô biên mây biển hương xoa, mây biển hoa

man, mây biển hương đốt, mây biển thức ăn uống, đèn sáng... đều thành việc cúng dường rộng lớn thanh tịnh.



Phổ Cúng Dường Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Tát phộc tha khiếm, ôn ná nguyệt đễ, sa-phả la, tứ hàm, nga nga năng kiếm, sa-phộc hạ**”

𑖦𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓𑅔𑅕𑅖𑅗𑅘𑅙𑅚𑅛𑅜𑅝𑅞𑅟𑅠𑅡𑅢𑅣𑅤𑅥𑅦𑅧𑅨𑅩𑅪𑅫𑅬

Hai cúng dường đầu là biệt Cúng  
Chỉ riêng phụng hiến cúng Bốn Tôn  
Một cúng dường sau là tổng cúng  
Dùng hiến Bốn Tôn với Thánh Chúng  
**Tổng sáu (6) Biệt mười tám nghi tắc**  
Tên gọi là Mười Tám Kế Ẩn  
Thứ tự sinh khởi như thế nào?  
Muốn vào môn Tổng Trì Bí Mật  
Trước nên **Điều Tịnh** trang nghiêm thân  
Thân đã điều tịnh trang nghiêm rồi  
Cũng nên gia trì **Tịnh Giới Địa**  
Địa Giới đã gia trì tu sửa  
Cần phải trang nghiêm chốn **Đạo Trường**  
Đạo Trường cũng được trang nghiêm xong  
Nên **Thỉnh Bốn Tôn Đại Thánh Tôn**  
Đã được Phụng Thỉnh Thánh Tôn xong  
Dùng mảnh tinh tiến **Kết Hộ Pháp**  
Kết Hộ trong ngoài không chướng ngại  
Sau cùng cần phải tác **Cúng Dường**  
Chẳng rời **Tòa** ấy thành Tất Địa

\*) Ghi chú của người dịch :

Trong bản Kinh này chỉ ghi rõ 17 Kế Ẩn vì bước thứ tám **Trang Nghiêm Đạo Trường** chỉ dùng Pháp Quán Tượng và tụng bài Kệ 4 câu chứ không dùng Chân Ngôn Ẩn.

Nay chúng tôi dựa vào quyển **Từ Điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam Q.2** của Giáo Sư Lê Mạnh Thát thì bước thứ tám này chính là Kết **NHU LAI QUYỀN ẨN**. Bước này có mục đích làm cho Thế Giới này trở thành Thế Giới Cực Lạc.



## Mật Tông Tu Đạo Thứ Đệ Đại Luận

Hành Giả kết Ấn Như Lai Quyền với 4 ngón tay trái nắm thành Quyền, ngón trỏ dựng thẳng. Bàn tay phải nắm thành Kim Cương Quyền đè lên móng của ngón trỏ trái và đọc Chân Ngôn:

**“Ấn, bộ khiếm”**

唵 嚩 嚩 囉

OM BHUH KHAM

\_Hết\_

Hoàn chỉnh Phạm Chú và Thủ Ấn vào ngày 05/09/2006

## Phụ Lục IV: Cách đọc Phạn văn đã Latin hóa và các Linh ngữ của Mật Tông Phật Giáo

Mật Tông được truyền bá và tu tập ở vùng Bắc Ấn, Tây tạng, Mông cổ, ngôn ngữ văn tự các quốc gia này, được nhiều hành giả dùng để quán tưởng, trì tụng, nhiều người đã trở thành những Đại thành tựu giả, các bậc thầy (Đạo sư) chứng đắc, do lực thiền quán, tụng niệm, sự gia trì phú chúc của Bồ tát, của chính họ mà ngữ ngôn các vùng đó trở thành linh thánh thường dùng cho đệ tử sử dụng làm linh phù, thần chú giúp người tu dễ tương thông với chư tổ, đạo sư, thánh tôn v.v... nhận được sự gia trì từ họ, giúp sự tu tập dễ thành tựu. Trong các Linh ngữ của Phật Giáo Mật Tông, hiện nay có 3 Linh ngữ được dùng nhiều nhất trong việc thiền quán, trì niệm, vẽ pháp mạn đà la là :

**Tiếng Ranjana (Lentsa):** Rañjanā ( Lan Nhã) là tiếng Phạn rất cổ được dùng nhiều ở Bắc Ấn và Nepal, nhất là trong kinh điển Đại thừa, nhất là trong Kim cang thừa thường dùng thay thế cho chư tôn trong mạn đà la cát của Mật tông Phật giáo.

**Nguyên Âm:**

]

अ a   अः aḥ   आ ā   ऋ ṛ   ऌ ṛ   उ u   ऊ ū   ए e   ऐ ai

ओ o   औ au   ँ am

**Phụ Âm:**

क ka	ख kha	ग ga	घ gha	ङ ña
च ca	छ cha	ज ja	झ jha	ञ ña
ट ढa	ठ tha	ड da	ढ dha	ण na
त ta	थ tha	द da	ध dha	न na
प pa	फ pha	ब ba	भ bha	म ma
य ya	र ra	ल la	व va	
श śa	ष ṣa	स sa	ह ha	
		क्ष kṣa	त्र tra	ज्ञ ña

Số:

०	१	२	३	४	५	६	७	८	९
o	1	2	3	4	5	6	7	8	9

**Tiếng Siddham (Tất đàn):** loại linh ngữ được dùng để viết các Thần chú Phật giáo, nhất là trong Đại chánh Tân Tu Đại Tạng kinh.

**Nguyên Âm:**

अ a	आ ā
इ i	ई ī
उ u	ऊ ū
ए e	ऐ ai
ओ o	औ au

𑖀 aṃ    𑖁 aḥ

𑖂 ṛ    𑖃 ṝ  
𑖄 ḷ    𑖅 ḹ

Dạng khác của nguyên âm

𑖆 ā    𑖇 i    𑖈 ī    𑖉 u    𑖊 ū    𑖋 o    𑖌 au    𑖍 aṃ

**Phụ Âm:**

**Giong Cổ**

𑖎 ka    𑖏 kha    𑖐 ga    𑖑 gha    𑖒 ña

**Giong Hầu**

𑖓 ca    𑖔 cha    𑖕 ja    𑖖 jha    𑖗 ña

**Giong Lưỡi**

𑖘 ṭa    𑖙 ṭha    𑖚 ḍa    𑖛 ḍha    𑖜 ṇa

**Giong Răng**

𑖝 ta    𑖞 tha    𑖟 da    𑖠 dha    𑖡 na

**Giong Môi**

𑖢 pa    𑖣 pha    𑖤 ba    𑖥 bha    𑖦 ma

**Bán Nguyên Âm**

𑖧 ya    𑖨 ra    𑖩 la    𑖪 va

**Giong Xi**

𑖫 śa    𑖬 ṣa    𑖭 sa

Giọng thờ mạnh क ha

Các Phụ Âm Nối Nhau

क kṣa

क्ष llam

Dạng khác của Phụ âm

क क्ष ङ च छ ज ङ ङ थ ध ण ण थ थ ध न म ष ष व  
ch j ñ ṭ ṭ ḍ ḍ ṇ ṇ ṭ ṭ ḍ ṇ n m ś ś v

□

Cách Phát Âm Tiếng Phạn

Cách đọc các Nguyên âm:

a đọc như a thường, ā đọc a dài ra gấp đôi như chữ far (anh văn), tương tự cho i, u, ī, ū

ṛ đọc như ri, ḷ đọc như lri, ṝ và ḹ đọc dài ra.

e đọc là ê, ai đọc là ai, o đọc là ô, au đọc là au.

ṃ or ṇ (anusvara): nằm sau nguyên âm TD aṃ, uṃ đọc với miệng mở và có giọng trong mũi như bon ( tiếng Pháp).

ḥ (visarga) đọc hất hơi mạnh ra, TD: aḥ đọc như aha, iḥ đọc như ih.

Cách đọc các Phụ âm:

Giọng hầu (Gutturals): Phát âm từ cổ họng.

Giọng đốc họng (co lưỡi) (Palatals): Phát âm cuốn lưỡi lên đốc họng ( khẩu cái).



## Phụ lục IV. Cách đọc Phạn văn và Linh ngữ của Mật tông

Giọng Lưỡi (Celebrals): Phát âm cong lưỡi lên vòm miệng.

Giọng Răng (Dentals): Phát âm lưỡi chạm vào răng.

Giọng Xi (Sibilants): Phát âm có tiếng gió.

Giọng thở mạnh (Aspirate): Phát âm bằng cách hắt hơi mạnh ra.

Các phụ âm đọc giống tiếng Việt trừ các chữ sau:

ñ đọc như sing (Anh Ngữ), ngon (Việt), c như chồng, **ch** đọc như

chh trong Stauch-heart (Anh), ñ đọc như nhà, **J** như Joy, **Jh** như

hedgehog (Anh), ñ như rna như mañi, **ph** đọc như up-hill (không

giống chữ f), **bh** đọc như ph (Việt) như rub-hard, **s** (dental) đọc

như x (Việt), **ṣ** (lingual) đọc như Sh (shine) (Anh), **ś** (palatal) đọc

như trong tiếng Đức sprechen phát ra âm sh trên đốc giọng (khẩu

cái). Các chữ **ṭ, ṭh, ḍ, ḍh, và t, th** (như t-h trong ligh-heart), **d, dh** (như

d-h trong red-hot): cách đọc giống nhau chỉ phân biệt là giọng lưỡi

(co) và giọng răng.

**Tiếng Tibetan (Tây Tạng):** Đây cũng là 1 loại Linh Ngữ giống như hai loại cổ Phạn trên, đó là do sự tu tập và truyền thông tập luyện mật tông lâu đời mà thành linh thiêng.

### Nguyên Âm và Phụ Âm:

Mật Tông Tu Đạo Thứ Đệ Đại Luận

Vowel diacritics

अ	आ	इ	ई	उ	ऊ	ऋ	ॠ
a	ā	i	ī	u	ū	ṛ	ṝ
ए	ऐ	ओ	औ	अं	अः		
!	!	e	ē	o	ō	am	aḥ

Consonants

क	ख	ग	घ	ङ	च	छ	ज	झ	ञ
ka	kha	ga	gha	ṅa	ca	cha	ja	jha	ña
त	थ	द	ध	न	त	थ	द	ध	न
ṭa	ṭha	ḍa	ḍha	ṇa	ta	tha	da	dha	na
प	फ	ब	भ	म	य	र	ल	व	
pa	pha	ba	bha	ma	ya	ra	la	va	
ष	श	स	ह	क्ष					
ṣa	ṣa	sa	ha	kṣa					

Só:

०	१	२	३	ॣ	।	॥	८	९	॰
ལའཀོར་	ཅིག་	ཉི་	སུམ་	ཤི་	ང་	ཏུག་	དུན་	གཡེ་	གུ་
laykor	chig	nyi	sum	shi	nga	trug	dün	gyay	gu
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

### Các Loại Linh Ngữ Khác:

Tiếng Devanagari mà người Ấn Độ hiện đang sử dụng (còn gọi là tiếng hindi) cũng là một loại Linh ngữ nhưng chỉ dùng cho những Thần chú Bà La môn, được xem như tiên đạo của Ấn giáo như thấy an trí trong các Luân Xa luyện hoá hầu của Kundalini Yoga, cũng vậy Tiên đạo của Trung hoa dùng Hán tự làm Linh ngữ mà vẽ các linh phù; Thái, Miến, Lào, Cam Bốt, những nơi có nền tảng và truyền thống tu tập tín ngưỡng lâu đời v.v.. đều có những linh phù viết và vẽ bằng chính ngôn ngữ của quốc gia họ. Mật tông Phật giáo không dùng các loại chữ này để biểu thị Văn tự Chư Tôn trong mật giáo, phải nên phân biệt rõ.

## Thư mục tham khảo

### [Tiếng Anh]

Hopkins, Jeffrey, 1987. *Tantra in Tibet (The Great Exposition of Secret Mantra – Volume I)*. Delhi: Motilal Banarsidass.

Hopkins, Jeffrey, 1987. *The Yoga of Tibet (The Great Exposition of Secret Mantra – 2 and 3)*. Delhi: Motilal Banarsidass.

Hopkins, Jeffrey, 2005. *Yoga Tantra (Paths to Magical Feats)*. Ithaca, New York: Snow Lion Publications.

Kelsang, Gyatso, 1994. *Tantric Grounds and Paths*. London: Tharpa Publications.

Kelsang, Gyatso, 2011. *Modern Buddhist, Vol. 2: Tantra*. London: Tharpa Publications.

### [Tiếng Hán]

Pháp Tôn Pháp Sư (法尊法師), 1935. *Mật Tông Đạo Thứ Đệ Quảng Luận (密宗道次第廣論)*. Tài liệu trên internet.